VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

văn chương truyện thật ngắn
nguyễn vy khanh
di sản và đổi mới
nguyễn thanh sơn
thơ viết cho tháng tư 2000
khoa hữu
buồn muộn cùng thế kỷ
đỗ quyên
câu chuyện chén dĩa
phan triều hải

truyện
tâm thanh ● ngô nguyên dũng ● trần thị Ng.H.
nguyễn hữu nhật ● hồ đình nghiêm ● hoàng chính
song thao ● nguyễn thị thảo an ● nguyễn bình phương

thơ
cao xuân tứ ● nguyễn mạnh trinh
trịnh gia mỹ ● hoàng xuân sơn
hà nguyên du ● đặng hiền ● hoài ziang duy

173
THÁNG 9 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Website:www.saigonline.com/vanhoc/ hay vanhoc.omely.org
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

Số 173 - Tháng 9, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN VY KHANH	3	văn chương truyện thật ngắn
CAO XUÂN TỨ	11	*thanh hóa*
NGUYỄN THANH SƠN	12	di sản và đổi mới
KHOA HỮU	18	*thơ viết cho tháng 4.2000*
TÂM THANH	21	còn đóa hoa quỳ
TRẦN THỊ NG.H.	27	lexomil
NGUYỄN MẠNH TRINH	36	*tháng 6 và những tháng 6*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	39	triết lý của tóc
TRỊNH GIA MỸ	49	*niềm vui, nỗi nhớ*
SONG THAO	50	trên đường thiên lý
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	61	đường âm hồn
ĐỖ QUYÊN	69	*buồn muộn cùng thế kỷ*
HOÀNG CHÍNH	75	vời vợi non cao
HOÀNG XUÂN SƠN	82	*đừng có sợ, ngậm ngùi...*
NGUYỄN HỮU NHẬT	84	nhà in
HÀ NGUYÊN DU	98	*mạch dẫn cho tim*
NGUYỄN THỊ THẢO AN	100	tên thị nữ xứ đàng trong
ĐẶNG HIỀN	114	*đa tình chi*
PHAN TRIỀU HẢI	115	câu chuyện chén dĩa
NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	121	trí nhớ suy tàn (tiếp theo)
HOÀI ZIANG DUY	134	*đi*
VĂN HỌC	136	ý kiến bạn đọc
VĂN HỌC	142	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	148	hộp thư

Copyright by Authors & Van Hoc,2000

Tác giả và Văn Học giữ bản quyền

Thư Tòa soạn
Văn Học

Sau khi tăng cỡ chữ in *Văn Học* lên một point, đem tờ báo từ nhà in về, thú thực chúng tôi hơi bỡ ngỡ. Cỡ chữ lớn đã làm thay đổi "khuôn mặt" của tờ báo nhiều hơn chúng tôi tưởng. Trang báo có cái gì loạc choạc, rã rời, bài vở bị giảm đến gần một phần tư số lượng thông thường. Đã thế, số báo vừa qua có nhiều bài dài, cộng thêm trích đoạn truyện *Trí Nhớ Suy Tàn* phải đăng liên tiếp từng kỳ, cho nên bản mục lục trang đầu trở nên ngắn ngủn.

Phản ứng của bạn văn và bạn đọc từ các nơi đều không thuận lợi. Sự thay đổi tuy có làm vừa lòng một số quí vị độc giả cao tuổi, nhưng rõ ràng đã làm cho cả hình thức lẫn nội dung của *Văn Học* bị ảnh hưởng bất lợi. Vì thế, từ số này, chúng tôi lại trở về với cỡ chữ 10 (thay vì 11 points như số 172).

Chủ đề của số báo này là một Tuyển tập thi văn, để làm một món quà tinh thần nhẹ nhàng cho những ngày nghỉ hè còn lại của bạn đọc. Và cũng như các tuyển tập thi văn trước đây của *Văn Học*, số báo qui tụ những tác phẩm ưng ý của văn hữu bốn phương, từ nhiều nguồn khác nhau: từ quê hương Việt Nam có Khoa Hữu, Trần thị Ng.H., Nguyễn Thanh Sơn, Phan Triều Hải, Nguyễn Bình Phương. Nguyễn Hữu Nhật, Tâm Thanh từ Na Uy Bắc Âu. Cao Xuân Tứ từ Hòa Lan. Ngô Nguyên Dũng ở Đức. Canada có Nguyễn Vy Khanh, Song Thao, Hồ Đình Nghiêm, Đỗ Quyên, Hoàng Chính, Hoàng Xuân Sơn. Số còn lại ở Hoa Kỳ. Với chín truyện ngắn, chín bài thơ, hai bài tiểu luận văn học và một trích đoạn truyện dài, *Văn Học* tin rằng Tuyển tập có đầy đủ sự phong phú, đa dạng của đề tài và bút pháp; cũng như đạt được một trình độ nghệ thuật nào đó làm vừa lòng bạn đọc Văn Học.

Văn Học

Văn chương truyện-thật-ngắn

Nguyễn Vy Khanh

Khoa học kỹ thuật tiến bộ đã khiến con người ở cái buổi giao thời của thế kỷ và thiên niên kỷ mới như phải đương đầu với nhiều cái mới, ngắn, gần, "đoản" trong cuộc sống hơn là những thường hằng, vĩnh cửu. Riêng giới sinh hoạt văn học Việt Nam từ mấy năm nay bắt đầu có khuynh hướng bi quan "lão hóa" và thu hẹp, nhưng đối với nhiều người, hình như văn chương lúc này vẫn hãy còn chỗ đứng, vẫn sống động, ở trong cũng như ngoài nước. Có khi với những chủ đề thật cũ - từ khi có xã hội con người, như tính người, chuyện người ứng xử với người, những bức tranh vân cẩu, v.v., trong những tác phẩm mới xuất bản thật gần đây, nhẹ bước như *Lò Cừ* của Lâm Chương, *Truyện Ngắn* của Miêng, hay náo động truyền thông như *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn... Có khi với những phương tiện "chiến lược" về hình thức như truyện-thật-ngắn!

Truyện-thật-ngắn gây hiện tượng từ hơn thập niên qua, nhưng cũng không thật sự mới! Truyện cổ tích, truyện tiếu lâm, ngụ ngôn, trăm truyện liêu trai của Bồ Tùng Linh cũng như những bài hài-cú, những truyện 15 hàng như *Novellino* hay truyện *Ise* thời Yamato của Nhật, v.v. đã mang hình thức truyện-thật-ngắn. Ở Âu-châu vào thế kỷ XV có những truyện ngắn dài hai hoặc ba trang. Hơn 150 năm trước, nhà văn Đan-mạch Hans C. Anderson nổi tiếng về truyện thần tiên và trẻ em, cả nhà văn Nga A. Tchekov (1860-1904) cũng có nhiều truyện ngắn ngắn 2 hoặc 3 trang. Ở Việt Nam, Nam Cao cũng đã từng viết những truyện khá ngắn, 4 và 5 trang. Nhưng xét kỹ thì hình như tất cả không có cái hình thức của truyện-thật-ngắn của hôm nay. Từ ngữ "truyện-thật-ngắn" là để dịch những từ *brevissimo, short short story* hay *very short fiction /*

story và "cực đoản thiên tiểu thuyết / tiểu tiểu thuyết". Tuần-báo *Nghệ-Thuật* ở miền Nam Việt Nam từ giữa thập niên 1960 đã đăng những "truyện-ngắn-ngắn" như *Cầu Thang* và *Chơi Cờ Ca-Rô* (1) của Thạch Chương. Trong nước gần đây, báo *Văn-Nghệ* gọi chúng là những "truyện ngắn mini" và Hội Nhà Văn Việt Nam khi xuất bản các truyện dự thi lại gọi là "truyện-rất-ngắn" (2). Nhà văn Nguyễn Văn Sâm đưa ra từ "truyện cụt" trong bài "Truyện Ngắn Là Gì?" viết năm 1992 đã đưa ra nhận xét "loại này chưa được xếp vào thể loại văn chương thật sự, ít nhất là trong những sách giáo khoa hay các tuyển tập có giá trị vì không đủ yếu tố đem đến thú vị cho người đọc" (3). Tạp chí *Văn Học* (CA) năm 1997 (4) có đăng 3 "truyện thật ngắn" của Kinh Dương Vương và 3 truyện của Hoài Mỹ nhưng lại ghi là "truyện ngắn ngắn". Đúng ba năm sau, trong số tháng Tư năm 2000 (5) tạp chí này lại đăng 10 "truyện rất ngắn". Ba từ mà tạp chí văn học này dùng có thể có một sự phân biệt nào chăng? Riêng từ "đoản văn" thường được dùng để chỉ những bài tùy-bút hay tạp-ghi ngắn, một thể loại "ký" "ngắn" ! Trên cùng tuần báo *Nghệ-Thuật* vừa nói cũng có mục "đoản văn của nhiều người viết", một loại sổ tay văn học !

Thường truyện-thật-ngắn dài 3, 5 trang nhưng cũng có khuynh hướng triệt để một trang hay nửa trang. Truyện thật ngắn có lúc trở thành thời thượng, với những cuộc thi như cuộc thi truyện thật ngắn dưới 1000 "âm tiết" do tạp chí *Thế-Giới Mới* ở trong nước tổ chức năm 1994 hoặc giải truyện thật ngắn phát giải ngày 26-10-1997 do tuần báo *Vietnam Weekly News* ở Dallas (Texas) tổ chức (6). Thậm chí có tạp chí như *Kiến Thức Ngày Nay* trong nước mở mục "truyện dưới 100 từ" ! Văn xuôi mà lại như muốn vô lại khuôn ... thơ luật!

Ngoài hình thức, cái khác của truyện-thật-ngắn thời đương đại là chúng có một nội dung "đặc sắc" của hôm nay. Truyện xưa thường đưa ra một thái độ sống phổ quát, một bài học chung chung, thì truyện-thật-ngắn tự do hơn, tùy tác giả, thường đưa ra một kinh nghiệm hoặc một thái độ sống riêng tư, bất chợt. Những truyện cổ tích, ngụ ngôn,... thuộc thế giới thần tiên, siêu nhiên, trong khi nhiều truyện-thật-ngắn gần với cuộc sống thường nhật, thực tế, những mẩu đời, những dở dang, những chuyện tình, những suy nghĩ về một biến cố, sự việc, vv. Nếu truyện cổ, truyện kể thường được xem là những chuyện dễ dàng, dễ tin, thì truyện-thật-ngắn văn chương hơn, đòi hỏi kỹ thuật, bút pháp, "bác học" hơn. Tuy nhiên sự phân biệt này cũng có trục trặc.

Nếu truyện ngắn có biên giới thực-mộng rõ rệt với truyện Cổ tích, thì không khí nhiều truyện-thật-ngắn chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích, như một trở-về. Với đơn sơ, huyễn hoặc! Sự cô đọng, "vô ngôn" để đa ngôn, thẩm thấu lâu. Nhiều truyện-thật-ngắn của Borges, Cortazar, Marquez ở trong loại này. Một tổng hợp mới của truyện xưa và truyện ngắn, của chuyện thần tiên và chuyện dời thường. Mười doạn gọi là "mười truyện trong bản nhỏ" của truyện *Những Ngọn Gió Hua-Tát* (7) của Nguyễn Huy Thiệp, *Đường Tăng* của Trương Quốc Dũng (8), v.v. thuộc hệ truyện-thật-ngắn này. Họ đã sử dụng thể loại truyện xưa hay thần tiên, phải chăng để phản ứng lại thời đại? Hay chỉ là những biểu tỏ những hoài cổ hoặc sự vô vọng, mù tối trước tương lai? *Đường Tăng* của Trương Quốc Dũng trong khoảng 700 chữ, dù bị "xuyên tạc" có dụng ý chính trị, đã thành công vẽ lên cho người đọc thấy cái biên giới của Người và Phật và hạnh phúc làm người. Nếu so sánh với *Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp* (9) của Hồ Hữu Tường cũng một ý về nội dung, chúng ta sẽ thấy rõ sự khác biệt giữa truyện-thật-ngắn và truyện ngắn.

Thời ở trong nước, Phạm Thị Hoài đã viết một số truyện thật ngắn in trong tập *Mê Lộ* (10): *Kẻ Giết Ý Nghĩ* chỉ là dăm ba tư duy thụ động, trong hơn hai trang. *Người Suy Tư* tiếp theo vẫn là những ý tưởng hướng nội trong phút giây. Cũng như *Người Tốt Bụng*, cái tựa đã nói hết một nội dung chưa đến hai trang khổ nhỏ. Nhưng Võ Phiến là người đã xuất bản tập truyện thật ngắn toàn tập đầu tiên: cuốn *Truyện Thật Ngắn* (11). Ngoài một vài truyện như *Thằng Bé, Cô Áo Đen, Bố Khỉ, Em Đây* là có kỹ thuật truyện-thật-ngắn hiện đại, các truyện khác trong tập này như *Buổi Sáng Giữa Đồng, Ông Năm Chéo, Thực Chất, Làm Một Cái Gì, Tôi Nhiều Đứa*, v.v. đều không khác những truyện ngắn "dài" hơn của ông từ những thập niên 60, 70. Lại có truyện gần với thể đoản văn hơn, như *Em Đây*, một loại tùy bút, vốn là sở trường của ông. Có thể nói phần lớn các truyện thật ngắn của ông là những tư duy chợt đến của một người đã sống nhiều trong đời, trong văn chương, với những quan sát, dí dỏm, những cái ngắn ở các nhân vật.

Nếu Trương Quốc Dũng nổi tiếng với *Đường Tăng* thì Phan Thị Vàng Anh có *Hoa Muộn*, cả hai đồng thắng giải nhất cuộc thi truyện thật ngắn dưới 1000 chữ nói trên của tạp chí *Thế Giới Mới*. Trong hai tập truyện *Khi Người Ta Trẻ* (12) và *Hội Chợ* (13), Phan Thị Vàng Anh có những truyện thật ngắn như *Khách Đêm* kể chuyện thăm viếng vội vàng vào một đêm mưa gió, viếng người chết với những lời hứa của

một xã hội. *Hoa Muộn* có những vội vàng, bất khả cảm thông cũng như nhiều nghi vấn: Tết, hoa mai nở muộn giữa một khu vườn đầy lá rụng không ai nhặt từ mùa Thu. Động tác hiếm hoi hay nhân vật lười biếng? Nhưng truyện-thật-ngắn đặc sắc của tác giả đang lên (lúc bấy giờ) này là truyện *Đất Đỏ*. Trong truyện này, tác giả đã soi rọi những mảnh đời và tâm tình dồn nén, bi dát của một số người ở vùng đất cao-su khó khăn. Cái bi dát và phi lý luôn chực đến!

Ở ngoài nước, tập *Dưa Cà Mắm Muối* (14) của Hà Thúc Sinh gồm 12 truyện rõ ngắn trong gần 110 trang nhỏ, trong đó truyện *Cư Sỹ* đặc sắc hơn cả, gói ghém trong hơn ba trang - tác giả đã viết về diễn tiến lão hóa, cảm giác cũng như tư duy, của cụ Đạo, một quản thủ thư viện bất đắc dĩ ở xứ người. Hai truyện *Lịch* và *Phượng* của Kinh Dương Vương trong số *Văn Học* (4) dã dẫn, mỗi truyện dài nửa trang, có thể tác giả nghĩ đã đạt cái đích ở chữ cuối truyện! Riêng những "truyện thật ngắn" trên tạp chí *Văn Học* gần đây (5) có những truyện thật ngắn bất ngờ như *Giận* của Thu Thuyền: nhanh như một hậu quả phải-đến, dù nguyên do có thể đã khởi từ một thời khắc trước đó không lâu.

Như vậy truyện-thật-ngắn có những đặc tính chính xác về nồng độ và cường độ. Ngắn, gọn, tốc đo nhanh, không có chữ thừa, nhanh chóng đi tới đích! Nếu truyện-thật-ngắn mất đi bề dài lãng mạn và tư duy thì ngược lại, người đọc chờ đợi thể loại này những đặc tính bề sâu. Trong truyện-thật-ngắn, tác giả dẫn đo từng chữ. Văn bản dãi lọc, cẩn trọng, chính xác, bóc trần như phải đương đầu với chính văn chương. Truyện-thật-ngắn là văn chương vì là một lựa lọc kỹ lưỡng những yếu tố tình tiết diễn tả, kỹ thuật, giọng văn. Mạch lạc hơn, kết không xa khởi đầu là mấy, có khi không cả kết. Truyện-thật-ngắn thành công hay không là ở những chỗ trống, chỗ nổi, những chỗ hở, những di tắt thiết yếu. Hình như truyện-thật-ngắn thời đương-đại đã bỏ quên cắt nghĩa, nguyên do, tâm lý. Nhân vật thì như người trốn tránh, những kẻ qua đường không quá khứ, không dây-mơ-rễ-má, những bóng đáng thật mờ nhạt, những bóng ma trục trặc với thế giới bên kia. Nhân vật nhiều khi không rõ nét, thường vô danh. Có truyện chỉ có bí danh và đại danh từ thay vì tên tuổi rõ rệt. Tên những vai chính hết quan trọng. Nhà văn như sợ mô tả, thời gian và không gian có nhắc đến cũng thoáng nhanh. Đối thoại, chân dung, miêu tả, v.v. thường vắng mặt. Phải chăng chỉ còn lại biến cố nguyên thủy, cái nhìn, cái chủ quan hay khách quan thuần túy?

Lại có những truyện-thật-ngắn như những trực diện, đối đầu. Truyện

Bé của Kinh Dương Vương (4) từ những cắt nghĩa bao dung của người mẹ và sự hiểu dời qua kinh nghiệm sống của đứa bé, tác giả đã nêu lên một triết lý làm người! Truyện *Đường Tăng* thật có "sứ điệp" chính trị nào không, hay chỉ là những ý tưởng nhân bản? Con người sống cho ra con người, đó cũng là một triết lý chính trị! *Em Đây* của Võ Phiến, trước sự hờ hững của con người, của thời đại, đã nghi vấn về sự trường tồn của những cái lâu dài như văn chương. *Bến Lú* của Đồng Thảo là tấn thảm kịch làm người của một số người một bến sông, mà lại như một bức tranh tối thu hẹp của hơn một thế hệ.

Ngắn gọn, có những truyện-thật-ngắn đến gần thi ca nhất là thơ văn xuôi hơn là truyện, ở cách dùng văn, vần, ngắt câu, xuống hàng, hoặc ít hành động. Nhiều truyện thật ngắn cho người đọc cảm tưởng chúng có một thi pháp nào đó. Truyện *Đường Tăng* triết lý và gần thi ca, như có hồn và âm điệu riêng, trong một nghịch lý là nhân vật *Đường Tăng* của tác giả trẻ này người hơn là của Tây Du nhiều huyền hoặc thêu dệt. Trương Quốc Dũng tự "lão hóa" trong khi Phan Thị Vàng Anh đã tinh nghịch với chữ nghĩa nhẹ nhàng!

Truyện-thật-ngắn đặt nền trên hiện tại, nhắm sự thông hiểu, nối kết những lãnh vực tạm bợ với các thực tại tuyệt vời. Cái hồi hộp, dặc sắc được giản đơn, bất ngờ hóa. Tóm, những câu ngắn, những tựa đề phân tâm, chiến thuật cắt đứt và dồi chổ, nhắm tránh những cái đương nhiên và khước từ những mẫu mực có sẵn. Truyện-thật-ngắn có khi không hẳn phải xoay quanh một nhân vật, sự việc, và cũng không hẳn phải có chuyện để kể. Trên tạp chí *Văn Học* đã kể (5), *Một Ngày Và Buổi Sáng Hôm Sau* của Phùng Nguyễn xoay chung quanh cái tưởng là cái cớ nào đó, với những chi tiết thật ra cũng chỉ là những tiếp nối của dòng đời; còn truyện *Vành Khăn* của Y Chi thì đúng là một thoáng mơ!

Có thể ví truyện-thật-ngắn với những bức tranh thủy mặc, bằng mực tàu, hoặc tranh nước, chất liệu di với nước di động, ánh sáng dưa pha trộn đến, tràn ngập, với những bất ngờ dưa đến những kết cục như kết quả của vô thức. Sáng tác cái mới từ những yếu tố của vô định (nước, màu, ...) với ý thức, dù sao kỹ thuật tranh nước có những đòi hỏi riêng. Cái mà người họa sĩ đạt được cũng tương tự như cái mà người viết truyện-thật-ngắn đạt đến. Người họa sĩ trong truyện-thật-ngắn *Oval Portrait* (15) của Edgar Poe đạt tới đỉnh nghệ thuật, khi ông nhập thần, đạt "đạo", khi đã "nhìn thấy" màu sắc và sự sống động của cuộc sống,

ông đã quên hẳn ngoại cảnh và người mẫu "dáng phải là" những yếu tố tạo thành tác phẩm của ông - người mẫu, cũng là người vợ yêu dấu của ông, đã chết tự bao giờ! Họa sĩ Võ Đình có lần đã dùng hội họa để nhìn văn chương: ông chứng minh một tác giả có thể có cái "nhìn và thấy" như một họa sĩ, cái "nhìn và thấy" có thể làm động tâm cảm người đọc (16). Trong ngôn ngữ latinh, động từ "nhìn" (*voir, ver, vedere*) đã bao gồm ý nghĩa trí thức của tác động "thấy"! Chúng tôi lạm ví với tranh nước vì truyện-thật-ngắn cũng có những yếu tố tạm bợ, tình cờ, ngắn ngủi, dang-thành. Truyện thật ngắn dễ cho người đọc cái nhìn toàn diện, như cái thú nhìn-và-thấy của hội họa, một hạnh phúc chợt đến, dễ đến. So truyện-thật-ngắn với truyện-vừa hay dài, thì cũng như so sánh tranh mực Tàu, tranh nước với tranh sơn dầu - đường nét và chất vẽ, một bên nhanh vẽ nhanh khô, một bên đòi hỏi kết cục và phải bố trí lâu dài! Dù gì thì truyện hay hội họa đều đòi hỏi một nghiêm nhặt trên nền trắng và cũng khởi từ một cái khung.

Truyện-thật-ngắn có thể có những hiểm nguy như giản lược và nhại văn. Hành động thống nhất, thu gọn, ngắn gọn, như một bi kịch nhỏ thoáng qua, một bài báo không lý luận, một bản tin trên báo chợ. Viết thật ngắn, rõ là làm một cái gì khác, khác với truyện, với tiểu thuyết. Ngắn gọn, rập mẫu nhưng tiết kiệm phương tiện. Những đối thoại và diễn tả ngắn gọn như muốn bỏ rơi sự có thể gọi là hoang phí lãng mạn, mặt khác bỏ rơi những hiểm nguy của sự ngắn gọn, một ý niệm tương đối, liên hệ đến số lượng nhưng cũng cả về phẩm chất, kỹ thuật. Một kỹ thuật bỏ hàng ngang mà đi nhanh, tiến theo bề dọc hay chiều sâu. Kỹ thuật quên, cố tình quên những cắt nghĩa, biện luận. Rồi những sự kiện, diễn tiến sẽ đến và không hẳn phải hợp luận lý dương nhiên, bình thường! Phải chăng dây cũng là những "chất điện tín" và "văn thông tấn" mà Trần Đăng Khoa nói đến trong *Chân Dung Và Đối Thoại* (1998) khi ông bàn về truyện của Nguyễn Khải? *Nơi Ẩn Náu* của Hoàng Chính (5) cũng có cái "văn thông tấn" này dù đã lồng trong một không khí thật văn chương !

Truyện-thật-ngắn hình thức ngắn gọn nhưng thành công không chỉ ở ngắn gọn, mà còn phải có nội dung, một bút pháp, ngay cả nếu không có những thứ này thì cũng phải một dư vị tinh thần, một cái gì đó để lại. *Đất Đỏ* của Phan Thị Vàng Anh hay *Bến Lú* của Đồng Thảo đều làm dao động người đọc và để lại ít nhiều dư âm. Các truyện-thật-ngắn của Phạm thị Hoài và Phan Thị Vàng Anh cũng như nhiều người viết khác

không phải tất cả đều hay. Đã vậy, truyện-thật-ngắn khó đứng một mình được mà phải được chọn đặt vào một tập-truyện.

Truyện-thật-ngắn nói cho cùng là một diễn văn rời rạc, chỉ đặt nặng ở một số ít yếu tố, khoảnh khắc, phúng thích nhẹ nhàng thay vì biểu hiện một cách toàn thể, lâu dài và đứng đắn. Đặt bên cạnh những thể loại tiểu thuyết, thi ca, thì truyện-thật-ngắn như một bài thơ tứ tuyệt ngũ ngôn. Truyện-thật-ngắn như một ẩn dụ của một tra hỏi không ngừng, tra hỏi đến khi hết cần tra hỏi, hoặc khi không còn văn chương !

Cái làm cho truyện-thật-ngắn là một tác phẩm nghệ thuật vừa ở nội dung vừa ở hình thức; ở bút pháp, ngôn ngữ sử dụng về phía tác giả và khả năng thẩm mỹ, khả-xúc, thẩm thức về phía người đọc; nếu không, truyện-thật-ngắn chỉ là một bản tin ngắn. Tác giả cũng như người đọc phải vận dụng tưởng tượng, phải dùng ý hướng để lãnh hội, thẩm định, thưởng thức. Tức là, gói cái vô hạn, cái không biên giới trong cái hữu hạn của truyện-thật-ngắn!

Trong hai thập niên qua, xã hội Việt Nam trong cũng như ngoài nước đã bị đủ mọi dao động; giá trị văn hóa, xã hội và văn chương bị đảo lộn dữ dội. Có thể xem thể loại truyện-thật-ngắn như một ý chí muốn gián đoạn với quá khứ, với mọi ý thức hệ? Một thử nghiệm mới cho tâm thức chung, một tâm thức đam mê trong cuộc chơi lớn liên tục? So với thể loại truyện ngắn, các truyện-thật-ngắn sau hơn 10 năm hiện diện đã không có được nhiều "tuyệt tác", người đọc hãy còn chờ đợi nhưng đã có cảm tưởng chuyến tàu đang đi qua... ! Trong nước hiện tượng đếm chữ tính tiền tác quyền ảnh hưởng không ít đến sự phát triển của thể loại truyện (ép buộc) thật ngắn; trong khi ở hải ngoại, có những cây viết có thể xem là đặc sắc khi viết truyện ngắn nhưng khi thử nghiệm qua thể truyện thật ngắn thì tỏ ra ... bất cập!

Truyện-thật-ngắn là một thể loại văn chương đòi hỏi tác giả có ý thức sáng tạo: chân trời mới, kỹ thuật mới, một thẩm mỹ học mới, dĩ nhiên với ý thức. Truyện-thật-ngắn có tương lai trong văn học Việt Nam đương đại không? Có thể nói nếu phong trào "tiểu thuyết mới" (nouveau roman) đã "xáo trộn" thể tiểu thuyết thế nào thì truyện-thật-ngắn cũng có thể làm lung lay thể loại truyện ngắn thế đó! "Tiểu thuyết mới" đã là một kiếm tìm văn chương trong thể loại thì truyện-thật-ngắn là một thử nghiệm cho một lối thoát tinh thần bị bủa vây bởi kỹ thuật và những đoản vận của cuộc đời (17). "Tiểu thuyết mới" như tiên đoán một thời

đại bất khả cảm thông, đầy bất trắc, trong khi truyện thật ngắn thu gọn hy vọng còn sót lại và đưa ra một diễn văn máy móc, vội vàng.

Truyện-thật-ngắn đã là một hiện tượng, một nỗ lực tách rời tinh thần hệ thống và độc đoán của văn chương và cuộc sống. Một cố gắng làm đổ vỡ những yếu tố tưởng tượng và tiểu thuyết của văn bản! Truyện-thật-ngắn có đó như để đặt nghi vấn, như để nối kết những thơ mộng vụn vặt, những gián đoạn, ở một thời đại khủng hoảng các giá trị, kiến thức, của những sở đắc tưởng vĩnh cửu thật ra đang lung lay. Truyện-thật-ngắn thời nay như nối kết thực tại với những khoảnh khắc cực lực, đồng thời đi tìm những ý nghĩa và giá trị tiềm ẩn. Ngắn gọn như một tổng hợp bất khả thi, hình ảnh của một kiếm tìm không thể đến gần. Có thể xem truyện-thật-ngắn là phản diện hay cứu tinh cho văn học? Phải chăng truyện-thật-ngắn là một trong những bể nổi của tâm trạng con người ở cuối một thiên niên kỷ - con người bí lối, bi quan, đi tìm chính mình. Không mạnh và phổ biến như những phong trào văn học khác, lời tiên đoán của nhà văn Nguyễn Văn Sâm nói trên đã thành sự thật? Phải chăng rồi ra truyện thật ngắn cũng chỉ là một "hiện tượng" văn chương của con người hôm nay? Nếu cuộc đời cũng như văn chương là một kiếm tìm theo chiều dài thời gian thì tác phẩm là một hành trình lâu dài, trong đó truyện-thật-ngắn là một bước nhỏ, thường ngập ngừng, nhưng cũng có thể dứt khoát!

Chú :

(1) *Nghệ-Thuật* số 1 (1-10-1965); 2 (8-10-1965).

(2) *40 Truyện Rất Ngắn*. Thành phố Hồ Chí Minh : Hội Nhà Văn Việt Nam, 1994.

(3) *Văn Học* (CA) 79 (11-1992), tr. 6.

(4) *Văn Học* 132 (4-1997), tr. 89-92, 103-107.

(5) "Mười truyện thật ngắn". *Văn Học* 168 (4-2000), tr. 50-62.

(6) Truyện trúng giải nhất là truyện Bến Lú của Đồng Thảo.

(7) Nguyễn Huy Thiệp. *Như Những Ngọn Gió* (Hà Nội : Văn Học, 1995) tr. 432-472.

(8) Giải nhất đồng hạng giải *Thế Giới Mới* năm 1994, in trong *40 Truyện Rất Ngắn*, sđd.

(9) Tuần báo *Mới*, 28 (16-5-1953), in lại trong *Nợ Tinh Thần* (Sài-Gòn : Tân Sinh, 1965), tr. 82-90.

Thanh Hóa
CAO XUÂN TỨ

mùa hè mắc nợ bầu trời một đường chim.
bầu trời trả nợ mùa hè một cọng rơm.
tròn cánh diều no gió. về: vũng lá
trưa giăng chỗ ta ngồi. dây: lúa mơ

gì trong đường nhăn của núi. bao năm co dãn
dòng sông Mã. soi con suối: hốc hác của cây trong
nham nhở của rừng. biển: cận kề như hơi thở,
mặn đường môi, mặn chỗ ta nằm.

Thăng hoa, Thanh hóa: nôi vua, đất chúa. xứ
đàn bà cày ruộng buổi trưa. đàn ông gác chân
ngậm điếu (cày). vắng trẻ con (ăn mày mãi xa). trưa:
cố nhân hôm qua về từ bao giờ: thông

gia cùng họ (hai bàn thờ). manh chiếu hoa
ngại ngái mùa mưa cũ, mát chỗ ta nằm. mơ!
Trường sơn. Lam kinh. Mường. Gia miêu.
Lão qua. chuyến tàu ma. một sân ga.

7.2000

(10) TpHCM: NXB Tổng hợp Phú Khánh, 1989. 166 tr., 20 truyện.
(11) Wesminster (CA): Văn Nghệ, 1991. 123 tr., 12 truyện.
(12) TpHCM: Hội Nhà Văn, 1993. 112 tr., 18 truyện.
(13) TpHCM: Trẻ, 1995. 118 tr. 17 truyện.
(14) Los Angeles: Văn Mới, 1996.
(15) Truyện hơn 2 trang, trong tập *The Complete Tales and Poems* bản Vintage, NY, 1975, tr. 290-293.
(16) "Võ Phiến : Nhìn Và Thấy". *Văn Học* (CA) số 150-151 (10&11/1998), tr. 21-32.
(17) Michel Butor. "Le roman comme recherche" p. 9 in *Essais sur le roman* (Paris: Minuit, 1960.

Di sản và Đổi mới Văn chương Việt nam

Nguyễn Thanh Sơn

Tôi đọc ở đâu đó trong một số tạp chí gần đây (xin độc giả tha lỗi cho trí nhớ nôm na của tôi) rằng một nhà văn nọ, khi ngần ngại trao bản thảo cuốn sách của mình cho một nhà xuất bản lớn và nói "tôi chỉ là một nhà văn tỉnh lẻ" đã nhận được câu trả lời của ông chủ nhà xuất bản tinh đời "văn chương vĩ đại đều sinh ra ở tỉnh lẻ ".

Nhà văn Nhật bản nổi tiếng thế giới, người đoạt giải Nobel văn chương năm 1994, Kenzaburo Oe, khi trả lời phỏng vấn tại trường đại học Berkeley cũng nói: "Rất nhiều nhà văn Nhật bản, tuy không nói ra, nhưng vẫn giữ quan điểm cho rằng Nhật bản là trung tâm của thế giới, hay ít ra, trung tâm của Châu Á. Tôi thì khác, tôi luôn luôn cho rằng con người chẳng thể viết được gì nếu anh đứng ở trung tâm. Tôi bao giờ cũng là một nhà văn ở ngoài lề".

Một trong những tác phẩm của ông có tên là *Những ghi chép ở Hiroshima*. Ít ai biết được khi viết tác phẩm ấy, Kenzaburo Oe đang ở trong một cơn khủng hoảng tinh thần ghê gớm, khi phát hiện ra đứa con trai mới sinh của ông mắc bệnh hiểm nghèo về não, chứng bệnh, ít nhất, không cho phép con ông trở thành một con người phát triển trí não một cách bình thường. Chính tại Hiroshima, ông đã gặp bác sĩ Fumio Shigeto, người thầy thuốc có mặt tại thành phố khi Hiroshima bị đội bom nguyên tử, người đã dạy cho ông một bài học về làm người. Ông bác sĩ kể "Chúng tôi không thể làm gì cho những người sống sót. Thậm chí đến tận bây giờ, chúng ta còn không biết một tý gì về căn nguyên

các căn bệnh của những người còn sống sót... nhưng chúng tôi cố làm những gì chúng tôi có thể. Mỗi ngày có hàng ngàn người chết. Nhưng giữa những đống xác chết đó, tôi vẫn tiếp tục. Bởi vì, Kenzaburo, khi mà họ đang cần sự giúp đỡ của tôi, tôi còn có thể làm được gì nếu không phải là điều đó. Bây giờ con trai anh cần anh. Anh phải nhận ra rằng trên cả trái đất này chẳng có ai ngoài con trai anh cần anh cả". Và chính khi đó, Kenzaburo đã đi một chặng đường dài từ chủ nghĩa hiện sinh của Jean Paul Sartre mà ông vốn là môn đệ đến một triết lý hiện sinh của chính ông, giản dị hơn rất nhiều: Trở thành một con người cứng cỏi và thẳng thắn! Can đảm trở thành một người cha để nuôi dạy đứa con tật nguyền của mình. Chủ nghĩa hiện sinh, như là một thứ lý thuyết mà ông đã thực hành ở các tác phẩm ban đầu đã không cho ông niềm dũng cảm để đương đầu với số phận của người con trai, và như ông nói "nếu nó không khuyến khích được tôi, nó không khuyến khích được ai cả. Nó chẳng là cái gì !". Và thế là ông bắt đầu viết cuốn sách cho riêng ông, cho riêng con trai mình. Cuốn *Một chuyện riêng tư* trở thành một trong những tác phẩm hay nhất của ông. Chủ nghĩa nhân văn hiện đại-như sau này ông tuyên bố-là "không quá hi vọng và không quá tuyệt vọng vào con người". Và ông đã tìm ra phong cách của mình: "phong cách cơ bản trong cách viết của tôi, là bắt đầu từ những câu chuyện cá nhân của tôi rồi nối nó với những vấn đề của xã hội, của đất nước và toàn thế giới".

Người ta hay nói đến tính cực đoan của người Nhật bản trong triết lý sống và triết lý chết. Nhà văn Takeyama Michio trong *Cây đàn Miến điện*, kể lại câu chuyện một người lính Nhật sau thế chiến hai đã chối bỏ việc quay lại nước Nhật mà ở lại Miến điện làm một vị tỳ kheo, kiếm tìm và chôn cất di cốt của đồng đội anh ta chết trong chiến tranh. Một công việc như vậy nếu ở nước ta, hẳn sẽ được các nhà văn xưng tụng, nâng lên những tầm tư tưởng vĩ đại, nhưng đối với người lính nọ, đó chỉ là một công việc phải làm, một thái độ sống mà anh ta đã lựa chọn vì không thể sống khác. Toàn bộ ý nghĩa của cuộc đời anh ta chỉ còn nằm trong cái việc vô ích là lo cho cái chết, lo cho nấm mồ của những người đã bị chính Tổ quốc mình lãng quên.

Phạm Thị Hoài, trong một lần trò chuyện, có nói chị dã mệt mỏi với vai trò là người kể chuyện cho độc giả. Tới một lúc nào đó, ai rồi cũng sẽ mơ ước viết một cuốn sách cho riêng mình, và chỉ cho riêng mình. Sẽ không phải băn khoăn mình sẽ lựa chọn dại từ nhân xưng như

thế nào cho cuốn sách, không phải bối rối viết sao cho vừa lòng những độc giả vô hình đang dò xét từng dòng được viết ra, không phải luôn luôn chạy theo cái mới nếu lòng mình chẳng hề thích thế và văn mình chẳng chiều mình đến thế. Giá mỗi người chỉ mong mỏi viết cho mình mà không hăng hái viết cho người khác đến như thế, hẳn chúng ta đã có biết bao tác phẩm có giá trị. Và những tác giả sẽ không cần phải quá coi trọng xem mình là nhà văn thời thượng hay nhà văn tỉnh lẻ, cũng như những câu chuyện cá nhân sẽ không cần lựa chọn một nền văn chương cộng hoà hay văn chương làng xã để gia nhập. Chẳng có nền cộng hoà nào đại diện cho văn chương của tôi, là một tiểu tự sự, văn chương của tôi chỉ đại diện cho một mình tôi, chỉ mang trong mình giọng nói của riêng tôi.

"Mẹ tôi là nông dân, còn tôi sinh ra ở nông thôn..."- khi viết những dòng này, hẳn Nguyễn Huy Thiệp không hổ thẹn cũng không tự hào, đó chẳng qua chỉ là sự thật, một sự thật không có gì để kiêu hãnh, cũng như không có gì đáng xấu hổ. Một sự thật bình dị! Mọi việc chỉ bắt đầu hỏng bét khi người ta gán ghép hay thêm bớt cho cái sự thật ấy. Cũng như vậy, làm một nhà văn Việt Nam chỉ đơn giản là một nhà văn Việt Nam viết bằng tiếng Việt, chẳng có gì đáng tự hào và cũng chẳng có gì đáng xấu hổ. Ngạn ngữ Việt nam có câu "con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo". Một nhà văn chỉ nên xấu hổ khi anh ta chưa viết được một cuốn sách cho mình, chứ không phải xấu hổ vì một di sản văn hoá mà, đáng tiếc, anh ta không được lựa chọn khi thừa hưởng.

Mà di sản văn hoá chúng ta được thừa hưởng, hỡi ôi, lại chủ yếu là một nền văn hoá vô hình, một thứ Cửu trùng đài hình như đã có, hình như đã bị đốt trụi, hình như chắc chắn hơn là một thứ bánh vẽ mà cõi vô thức của dân tộc tự sản xuất để có thể tồn tại với những nền văn hoá vĩ đại láng giềng. Vì thế mới thưa thớt thế những giá trị văn hoá có thể nắm bằng tay day bằng mắt, mới nghèo nàn thế những áng văn chương bất hủ, mới nhọc nhằn thế khi đi tìm những huyền thoại thuần Việt.

Đơn giản vì những giá trị như vậy chưa hề tồn tại, hay ít ra, chưa hề tồn tại theo nghĩa của một hệ thống. Nhưng chúng ta rất bình tâm tin mà lại không tin rằng nó tồn tại. Nghĩa là rất bình tĩnh rung đùi với bạn bè quốc tế về một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc, còn những khi đóng cửa bảo nhau, hay những lúc ngồi một mình, thì nỗi nghi ngờ về chân giá trị của nền văn hoá "phì nhiêu" đó cứ thúc vào lòng. Và gần

như tất cả đều ấp úng khi bị người ta hỏi thẳng bản sắc dân tộc đó thực sự là gì.

Hậu quả của nền văn hoá bánh vẽ đó là chứng ngấy. Phát ngấy như khi chín trong số mười cô gái Huế ta gặp đều khoe ra bức ảnh diện áo dài màu tím đi trên cầu Trường Tiền, khi tất thảy các bài thơ về Hà nội đều xộc hương hoa sữa và khi người ta cứ xấn xổ tống vào tai ta truyền thuyết chàng Công nàng Cốc từ lúc bước vào cho đến khi rời khỏi Thái Nguyên. Phát ngấy hơn cả khi người ta cho rằng chỉ những thứ đó mới là truyền thống dân tộc.

Vì vậy, chúng ta có thể khoan dung với những phản ứng tức giận cấp thời của những người muốn phát hiện cái mới bằng cách, ít nhất, nhìn những sự vật cũ bằng một con mắt mới. Đối với những con mắt mới, chuyện nàng Tô Thị có thể chỉ là một câu chuyện loạn luân, cái bọc của mẹ Âu cơ chỉ chứng tỏ một cuộc sinh nở quái thai, hay Trí khôn của ta đây chỉ là một bằng chứng cho tính khôn ngoan vặt và ưa lừa gạt của người Việt... Nhưng như vậy có đủ hay không ?

Cái mà văn học Việt nam rõ ràng đang còn thiếu là *Những người thích đùa* của Azit Nexin hay *Người Trung quốc xấu xí* của Bá Dương. Chê bai những thói hư tật xấu của dân tộc mình không khó, vì bao giờ ta cũng ngầm hiểu ta nằm ngoài cái khối dân tộc ấy. Biết cách châm biếm những thói hư tật xấu của dân tộc mình, ngoài thái độ dũng cảm còn đòi hỏi một tài năng. Nhưng dũng cảm và tài năng hơn nếu anh có thể cười nhạo những thói hư tật xấu của chính bản thân mình.

Văn học Việt nam có mang tính làng xã hay không? Có! Có mang tính thuộc địa, hậu thuộc địa không? Có! Làm gì khi, như trong một câu chuyện cười, cái thằng cha Lịch sử nào đó lại tống lên vai ta một di sản văn hoá làng xã mục nát đến như vậy? Giải quyết kiểu "tống cho một mồi lửa" như Lỗ Tấn trong *Thổi tắt cây trường minh đăng* cũng là một cách, nhưng có thật lửa tao nên được cái mới hay không, liệu sau khi đã tống xác của hiệp thợ ngoã vào một ngôi mộ chung nào đó (đằng nào rồi họ sẽ chẳng còn biết đi về đâu), trên cái nền trần trụi của ngôi đình làng, người ta có thể xây dựng một Khải hoàn môn cho một nền cộng hoà của cái mới hay không?

Câu trả lời sẽ lại là, có, nếu như người ta có thể "lạnh lùng" tuốt

gươm chém phăng cái tôi của mình để "đoạn tuyệt" với quá khứ. Đã có không ít lần chúng ta muốn khai tử quá khứ như vậy. Nhưng thực ra, chính một nền văn chương làng xã khiến nhà văn Việt Nam hay thích lo tới những chuyện thế sự, cung đình. Những ông đồ gàn hiện đại thích hoàn cầu hóa, hay trị quốc bình thiên hạ chứ mấy khi lo tới việc tu thân tề gia, càng không mấy khi nghĩ đến cái việc tịnh ngôn, vốn là việc đầu tiên phải làm. Tịnh ngôn khiến người ta bớt nóng giận hơn với cái cũ, và có thời giờ nhìn mọi việc với một thái độ khoan hoà hơn.

Bởi vì, để trở thành một công dân thế giới, chứ không phải một đứa con mồ côi của một nền văn hoá tiểu nông, thuộc địa, con người Việt Nam còn cần một thứ khác.

Cái thứ khác đó, trước hết, ở mong muốn đổi mới nhằm vào chính bản thân mình, chứ không phải nhằm vào người khác. Đổi mới thì tốt đấy, nhưng hồi kèn "dậy dậy dậy mở mắt trông năm châu" không nhất thiết phải thúc vào tai người ta mỗi buổi sáng như vậy. R. Gamzatov nói "Lời nói là cơn mưa. Mưa lần đầu thật tuyệt vời. Mưa lần thứ hai cũng rất tuyệt. Mưa lần thứ ba còn chịu được. Mưa lần thứ tư là tai hoạ". Hô hào đổi mới không khó lắm. Viết về những năm chủ nghĩa Quốc xã còn mới manh nha, Remarque đã từng cay đắng thốt lên "Thì ra đường lối mỵ dân nào cũng bắt đầu với câu: Phải thay đổi tất cả". Tự bản thân mình đổi mới là khó. Sáng tạo ra cái mới khó hơn nhiều. Nhưng không có gì thúc đẩy sáng tạo nên những cái mới bằng bản thân những cái mới. Bởi vậy, không gì quí giá hơn trong việc xây dựng một nền văn học mới bằng việc cho ra đời những tác phẩm thực sự mới- chứ không phải những lời nói suông.

Cái thứ khác đó, là mong muốn tìm hiểu cái cũ. Di sản văn hoá của chúng ta nghèo nàn, nhưng nếu không có những Trần Văn Khê chăm chút cho cây đàn tranh, không có Nguyễn Huy Hồng cả đời lặn lội cho múa rối nước, không có những hoạ sĩ như Phan Cẩm Thượng và các đồng nghiệp tự bỏ tiền túi và hơn mười năm của cuộc đời sưu tập các mộc bản của các lá bùa, phướn... thì rồi đến cái di sản đó chúng ta cũng không còn nữa.

Cái thứ khác đó, còn nằm trong thái độ bao dung. Bao dung độ lượng cả với những cái cũ. Có những người cả cuộc đời gắn với những chuyến đi để tìm cái mới, và họ cảm thấy "quê hương họ là những cuộc

hành trình. Phản bội quê hương là dừng lại quá lâu một chỗ". Có những người "chỉ luẩn quẩn loanh quanh/bên xó nhà góc bếp/bắt con sâu con rệp/dập con muỗi con ruồi/giận con gà hay bươi/buồn con lợn chạy chậm". Mỗi người trong số họ tự tìm thấy niềm vui và niềm an ủi trong cái cách mà họ hưởng thụ cuộc sống của họ, và nếu có tài năng, chia sẻ niềm vui và niềm hạnh phúc của mình thông qua tác phẩm. Mỗi một cuộc hành trình, dù với ra bên ngoài hay tìm về với phần bên trong của con người, đều có phong vị riêng của nó. Chẳng thế mà người ta bảo "bước đầu của nhận thức là dập phá tất cả, bước cuối của nhận thức là chấp nhận tất cả" đấy ư?

Có những phản ứng phẫn nộ bồng bột nên được thông cảm, tỷ như ý định thành lập một nền cộng hòa văn chương của các nhà phê bình trên tạp chí *Việt* số tháng Bảy năm 2000 vừa qua. Có lẽ, họ muốn có một "liệu pháp sốc" (shock therapy) cho văn học Việt nam, nhưng như thực tế đã chứng tỏ, ở một số thể trạng yếu đuối, liệu pháp sốc không giúp đỡ được bao nhiêu trong việc nâng đỡ cho một nền dân chủ non trẻ, mà chỉ làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn để rồi góp phần manh nha cho một nền độc tài chuyên chế.

Trong lời tựa viết cho cuốn *Tuổi trẻ băn khoăn* của Hermann Hesse, Thomas Mann viết: "Ở cuối tác phẩm (thời gian là năm 1914), Demian nói với bạn cậu là Sinclair " Thế giới mới đang bắt đầu và đối với những kẻ nào còn khư khư bám vào cái cũ thì thế giới mới ấy sẽ là một điều khủng khiếp. Cậu sẽ làm gì ?" Câu trả lời đúng sẽ là "Nâng đỡ cái mới mà không hi sinh cái cũ. Những tên nô bộc tuyệt nhất của cái mới - Hesse chẳng hạn - có thể là người hiểu biết và yêu cái cũ và mang nó vào trong cái mới". Hiểu được những hạn chế của cái cũ là điều đáng quí, nhưng ý định đoạn tuyệt với quá khứ và truyền thống là một ý tưởng viển vông. Những lỗ hổng của nền văn hoá dân tộc không nên được tiếp nhận bằng một nỗi phẫn nộ bồng bột, mà phải bằng một tấm lòng khoan hậu để có thể lấp đi những chỗ trống đó bằng sức lực của chính ngòi bút mình.

Tháng 8/2000
Nguyễn Thanh Sơn

Thơ viết cho tháng Tư 2000
KHOA HỮU

Gửi Huế
tặng Nguyễn Xuân Hoàng

Huế ơi, với sắc phong truyền
với trăng cung cấm với thềm rồng mây
mấy trăm năm vẫn một ngày
núi kia còn ngự sông này còn hương.

Tóc thề ngang đất quân vương
bài thơ chiếc nón dọc đường cổ thi
hỏi bia đá chép những gì
buồn chia Thiên Mụ nhớ ghi nội thành.

Mấy trăm năm cuộc viễn hành
còn nghe trống trận trên thành quách xưa
kiếm cung thuở mở cõi bờ
giáp bào mấy ngọn cỏ, thưa cũng đành.

Ta về, ta với trời xanh
lòng ta đã vấn mấy vành khăn sô
tự chiêm bao đến bây giờ
Huế ơi, máu thấm những tờ sử xanh.

Qua bắc Mỹ Thuận lần cuối cùng

Gió đi, cỏ vỡ thảm sương
bến bờ lau dậy sóng trường giang lên
ta chìm sâu xuống lãng quên
chìm sâu trong đáy mắt nghiêng độ nào
buồn vì ngọn khói lao đao
buồn ta tung cánh chạm vào bao la
người đi tóc buộc mây xa
thuyền đi dọc vết thương ta dã dài
hẹn về nhớ động lên vai
đợi về từng bước chân ngoài vô biên

Mai sau sông nước thản nhiên
mất ta, còn bóng gã điên đứng chờ.

Hai lần đêm đến Đà Nẵng.

Băng mình trong ảo giác, đêm
rừng vây thần bí núi nghiêm bóng dài
dế ma dơi quỷ cánh mài
dá chông chênh hiểm cây cài vực sâu.

Đêm nghe tóc rối trên đầu
như khuôn mặt lạ như mầu mắt đen
yêu ta, rừng cởi y xiêm
núi rung ghềnh vực thác ghen giọng tình

Thuyền say sóng cắm lênh đênh
Sông say nước cuốn mông mênh mạý bờ
Dế than lời gió trẻ thơ
Dơi tung cánh động dưới mồ bay lên

30.4.2000 về nghĩa trang Biên Hòa

Chứng giùm ta lũ cỏ may
Còn ta, ta lại về đây thăm người
Chừng nghe như gió nghẹn lời
chừng như nắng cháy một thời lửa binh
đồi cao, lên mãi bất bình
nỗi đau ngang dọc chút tình dọc ngang
lá nào thay áo đoạn tang
hoa nào đặt xuống giải oan đất này
hỏi người mặt giận môi ngây
hỏi cơn đá chạy cát bay hận thù
bạn bè ta đã về ư
về bên ta dẫu mịt mù âm dương

nằm đây giấc ngủ lạ thường
nén thời gian thấm vết thương chưa lành

Trên cù lao đỏ

tặng P.M.Huy- VN

Ta mơ hồ tựa vai đêm
cây chen bóng tối sông nghiêng bờ đầy
vui gì, ta ngọn lửa say
môi câm điếu thuốc khói gầy chiêm bao
đò đi những bước chân nào
gió xua hắt hủi sóng trào mênh mông

một cù lao tách đôi dòng
lòng ta chiếc ghế chờ không kẻ ngồi

VN tháng 4.2000

Còn đóa hoa quỳ

Tâm Thanh

Tôi xin được việc làm và dọn về Oslo đúng lúc nhà cửa lên giá gấp đôi, gấp ba, nên đành tạm thuê lại một căn chung cư hai phòng ở một khu nhà lá, Phố Cũ, nơi sản xuất ra đội banh nổi tiếng Vaalerenga, và môi trường của các tay chính trị tài tử khuynh tả. Điều này, dọn về một thời gian tôi mới biết, nhờ cô láng giềng. Biết tôi là tị nạn cộng sản, cô ta trấn an:

"Không sao đâu, anh bạn, các ông bà khuynh tả được cái là chịu bênh vực người ngoại kiều lắm."

Chính cô ta cũng là một người từ cựu Liên bang Xô-viết, cựu đảng viên cộng sản, biết hết những gì trong chăn và ghê sợ bầy rận cộng sản tới nổi gai ốc. Tôi quen với cô là do một lầm lẫn nhỏ: tôi giặt đồ không trúng phiên, đụng phải một cô gái người tròn trịa, mà tính gai góc, không chịu xài hai cái máy giặt trống, mà cứ đòi lại cái tôi đang trót xài. Lời qua tiếng lại một lát, rồi cô cũng nhượng bộ, nhìn đồng hồ tay.

"Anh giặt xong, phải kêu tôi đó. Phòng 405." Cô nói rồi bỏ giỏ đồ dơ ở đó, đi lên.

Tôi giặt và phơi xong, hơi tức chữ ởphảiõ trong lời dặn của cô, tính không kêu cho bõ ghét, nhưng nghĩ mình có lỗi một chút, nên đi lên lầu tư gõ cửa số 405 có tên Amelia. Cô ta có thái độ khác hẳn hồi nãy, vui vẻ:

"Cám ơn."

Tôi toan quay gót thì nghe cô nói:

"Tôi cần dùng cái máy giặt lớn vì hôm nay tôi giặt mền." Cô thanh minh thái độ cứng cỏi hồi nãy.

"Vậy hả. Tôi xin lỗi."

"Lần sau phiên tôi anh cứ việc giặt nếu cần. Không phải ngày nào

tôi cũng giặt mền." Cô ta cười, má lúm đồng tiền, nếu gái Việt Nam thì được coi là có duyên. Tôi định hỏi cô người gì, lại thôi.

"Cô ở đây lâu chưa?"

"Hai năm."

"Khu này ở được không?"

"Cũng tạm được. Tất nhiên đây không phải Oslo Vest." *

Tôi xuống phòng mình ở lầu dưới, rồi đi phố chơi. Khi đi dọc bức tường nhà, tôi thấy một cái cửa tò vò thấp sát mặt đường đi, tôi đoán đó là cái cửa sổ của phòng giặt, tôi ngồi xuống dòm vào: đúng, Amelia đang bỏ mền vào máy giặt và vặn mấy cái nút. Tôi định đứng lên bỏ đi thì cô gái quay lại, vẫy tay, tôi vẫy lại. Trong lúc đó, tôi bỗng để ý thấy từ một kẽ nứt chân tường đâm ra một cái chồi cây. Tôi ngứa tay, định nhổ, lại thôi.

Mấy hôm sau, đi làm về, tôi thấy cái mầm cây đã lớn lên chừng một gang tay, và ra hình dáng một cây hoa quỳ, lá xanh non nhuốt. Trước đây tôi ở ngoại ô, gần một cánh đồng hoa quỳ, mùa hè, hoa vàng rực rỡ. Tôi chưa bao giờ đi bộ vào thăm cánh đồng đó, nhưng mỗi mùa đều vào tiệm bông hoa hoặc nhà vườn mua một cây quỳ đã ra hoa trồng sẵn trong chậu, về trưng trong phòng khách. Bây giờ thấy một cây quỳ mọc lên từ kẽ nứt một chân tường dá khô khốc, và nó lại mởn mơ như cây quỳ trồng trong đất màu, tôi ngạc nhiên, gần như vui mừng. Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi nhìn quanh, thấy suốt con đường này không có một cái cây, bụi cỏ nào, toàn là xi-măng. Cây quỳ trở thành một khoảng xanh mát tí hon trong lòng tôi. Tôi ngồi xuống ngắm một lát.

Có tiếng gõ vào mặt kính, tôi cúi xuống dòm thấy Amelia đang vẫy tay chào vui vẻ. Tôi chào lại. Cô ta mặc quần đùi, áo thung, mặt nám hồng như một đứa trẻ vừa đi giang nắng về. Tôi nhớ hôm nay là phiên tôi giặt đồ. Coi bộ cái vụ phiên phiếc không chặt chẽ lắm, miễn người tới phiên thì ưu tiên hơn. Tôi lên nhà quơ bậy mấy cái quần áo, xuống phòng giặt. Amelia còn ở đó, thấy tôi, cô gấp cuốn sách đang đọc. Tôi rút thuốc lá, mời Amelia, châm lửa cho cô rồi tự đốt thuốc cho mình.

"Hồi nãy anh tìm cái gì ngoài đường vậy? Mất tiền cắc à?" Amelia thả khói thuốc thơm, hỏi.

"Tôi không tìm gì cả, chỉ nhìn một cái cây mà tôi đoán là cây hoa quỳ."

"Cây quỳ thiệt hả? Tôi cũng có thấy nó. À, thì ra là cây hoa quỳ..."

"Cô cũng thích loại hoa này?"

"Không hẳn là thích cái hoa, thiếu gì hoa đẹp hơn, nhưng thấy một cái cây mọc lên từ kẽ đá, coi ngồ ngộ."

Tôi bắt đầu thấy cô ta cũng... ngồ ngộ.

Chúng tôi nói chuyện bâng quơ, rồi về việc người ta sắp chỉnh trang khu này.

"Khi họ khởi công dỡ nhà thì không biết tôi sẽ đi đâu." Cô ta nói.

"Tôi cũng vậy. Nhưng mình là dân ABC, lo gì."

"ABC là gì?"

"Tiếng lóng của người Sài Gòn tôi để chỉ dân thuê nhà."

Từ đó cô ta gọi tôi bằng ABC.

Tôi nghe tiếng mấy người thợ nói oang oang ngoài đường, quay ra cửa tò vò.

"Có lẽ họ đặt giây cáp điện hay điện thoại gì đó, ABC à." Cô gái nói.

Tôi bỗng lo cho cây quỳ, lỡ người ta vô ý quật vào nó.

Trời tháng sáu nắng kéo sâu vào đêm. Cây quỳ đã cao bằng hai gang tay và mởn mơ như một cô gái dậy thì. Nó đứng nhô lên khỏi chân tường và cao bằng tầm cái cửa tò vò phòng giặt. Một cái nụ tròn trịa nằm c ấp trong dài lá xanh non, như một đứa bé sơ sinh nằm yên lành trong nôi. Càng cảm thấy sức mãnh liệt của sự sống, tôi càng lo lắng viển vông cho cây quỳ trơ vơ trước ông đi qua bà đi lại. Tôi lại gặp cô gái dưới phòng giặt. Tôi lại mời cô thuốc lá. Cô chỉ cây quỳ:

"ABC ơi! Cây hoa quỳ, nó lớn mau quá."

"Xứ cô có hoa quỳ không?"

"Ôi! Nhiều lắm, trùng trùng điệp điệp. Vàng mượt cả một vùng trời."

Nhìn đôi mắt nâu với hàng lông mày rậm và hàng mi cong dài khác thường, tôi thấy cô khá đẹp, điều mà hình như lúc mới gặp tôi không thấy. Tôi tiếp lời cô:

"Ở đây, chỉ có mình nó."

"Vâng. Vì thế tôi rất sợ cô nàng chết" (Cô dùng chữ "she").

"Nếu không bị nhổ, bị ngắt, chắc nó có thể sống tới ngày trổ bông dược. Và ở đây..." Tôi nói với cô để trấn an mình, nhưng tôi khựng lại vì tiếng động cơ xe mô-tô ầm ỹ ngoài đường, kèm theo tiếng nhạc inh ỏi.

Hình như hai ba cái xe mô-tô, chứ không phải một. Chúng tôi yên lặng để chờ cho tiếng động cơ xa dần. Nhưng rồi cô gái lại nghiêng đầu nghe ngóng, khiến tôi chú ý theo dõi và cũng nhận ra một tiếng động khác, không phải tiếng bùng bùng của mô-tô, mà tiếng rít chói tai của

kim loại va chạm nhau, nhưng nhỏ thôi. Cô gái tỏ vẻ lo lắng. Tôi hỏi:

"Tiếng gì vậy, Amelia?"

Cô gái lắc đầu, đưa tay lên môi suỵt và ra hiệu cho tôi nhìn ra ngoài qua khung cửa tò vò. Tôi nghe tiếng rèng rẹc và sau đó nhìn thấy một thanh sắt lướt qua, tôi nín thở chờ đợi cái que sắt cứa đứt cây quỳ, và tôi đoán cô gái cũng có cảm giác lo ngại như tôi. Nhưng may mắn, cái que tới cây quỳ thì tránh, và bóng đôi chân của một, rồi hai đứa trẻ mặc quần đùi bước qua.

"Để coi she có sống sót không." Cô gái nói.

"Vâng, để coi. Dễ gì, hằng ngày bao nhiêu đứa trẻ ngứa tay, ngứa chân, bao nhiêu người lớn vô tình đi qua, thích phá phách..."

Cô gái nhìn tôi dăm đăm:

"Anh có bao giờ cầm một con dao phóng vào một thân cây chơi?"

"Có." Tôi cười bẽn lẽn, và nhớ lại hôm mới tới lần đầu xuýt ngứa tay nhổ cái chồi.

"Đó là một thói quen của nhiều người. Ngắt một bông hoa, chọi đá vào cửa kính, rạch xe hơi, bắn súng... là những tập quán của loài người thời săn bắn còn sót lại trong con người văn minh."

Cô ra kéo dài chữ văn minh...

Tôi bắt đầu thích con đường trước nhà, con đường hẹp lát đá thẻ như vảy rồng, mà buổi tối khi vắng xe, tôi thường nhảy ra giữa, để lắng nghe trong trí tưởng tượng tiếng lóc cóc của vó ngựa từ xa xưa vang về, con đường một bên nắng ấm, một bên rợp bóng dẫy nhà cổ.

Buổi sáng tình cờ tôi và cô gái ra khỏi nhà cùng một lúc. Chúng tôi cùng nhìn thấy bông hoa quỳ vừa hé nở, cùng dừng lại một lát và nhìn nhau mỉm cười. Amelia nói với tôi:

"Chiều nay, anh lên tôi chơi, ABC nhé?"

Tôi gật đầu liền:

"Sẵn sàng!"

Trong sở, ông mập làm chung kêu tôi đi ăn trưa, nói:

"Mày tính làm việc tới chết hả? Hôm nay Sankt Hans đấy."

Tôi đoán ra lý do cô gái mời lên nhà. Buổi chiều bông hoa quỳ đã nở trọn, to dị thường. Tôi đứng ngắm hoa, một người đi đường cũng dừng lại ngắm. Tôi lên nhà thay cái áo rồi lên lầu tư. Tôi vừa bước vào phòng khách, cô gái đã ôm hôn má tôi và khoe:

"Anh thấy chưa, bông quỳ mãn khai rồi?"

"Đúng vào ngày Sankt Hans."*

"Vì thế mình phải ăn mừng."

Amelia khui champagne.

"Sankt Hans tốt đẹp!" Chúng tôi cùng chúc mừng nhau.

"Lẽ ra tôi phải khui champagne từ lâu để cám ơn vì tình láng giềng tốt đẹp." Tôi hớp một ngụm rượu và nói.

"Skaal cho một ý thích chung nho nhỏ."* Amelia nói.

Tôi biết cô ấm chỉ cây hoa quỳ, nên rủ cô:

"Thay vì ngắm mặt trời giữa đêm, mình xuống hầm ngắm hoa quỳ, cô nhé?"

"Hay lắm!"

Thân cây hoa cao quá, mà cửa tò vò hẹp, chúng tôi phải nghiêng đầu ngước lên mới thấy bông hoa rực rỡ với những cánh vàng tỏa ra như một mặt trời nhỏ, hiền hòa, dịu dàng trên nền trời xanh trong. Trong lúc nghiêng mình nhìn hoa, có lúc má Amelia chạm vào má tôi và tôi thấy tóc cô thơm.

"Có người không ưa bông hoa này vì cho rằng nó không có... lập trường." Tôi nói.

"Ngược lại, tôi yêu nó vì nó một lòng một dạ, lòng lúc nào cũng hướng về mặt trời." Cô đáp.

Một con chó mình dài ngoằn lũn cũn đi tới, đánh hơi gốc hoa, sợi dây da giựt nhẹ, rồi tới cái váy hoa xanh của chủ nó đi qua.

Chúng tôi trở lên phòng Amelia nói chuyện tới khuya, về quê hương của cô và của tôi, chuyện vượt biên, chuyện xã hội cộng sản, xã hội Tây phương, thực phẩm, về kỳ nghỉ hè sắp tới của tôi bắt đầu từ ngày mai. Dưới dường, thỉnh thoảng có những tiếng ồn ào của bầu không khí ngày dài nhất. Có người đòi đốt đống lửa, có người can vì không được phép. Amelia hát cho tôi nghe chừng một chục bài.

"Thôi, chúc anh đi nghỉ hè vui!" Amelia hôn má tôi và chúc thêm ngủ ngon.

Trở về phòng và ngay trong giấc ngủ tôi nhớ câu nói của cô gái:

"Mỗi khi nhìn cái gì đẹp trên đời, tôi đều biết rằng nó còn đó là nhờ không ai phá hoại."

Câu nói trên của Amelia khiến cho tôi suốt hai tuần nghỉ hè ở Toulouse, nơi có những đồi hoa lavande bát ngát thơm, cứ nghĩ về bông hoa quỳ và đâm nhớ cô vẩn vơ. Nhưng không hiểu tại sao tôi nhớ bông hoa hơn nhớ Amelia. Có lẽ vì tôi nghĩ người còn đó, mà hoa thì quá mong manh. Bây giờ tôi sợ nhiều hơn là khi nó chưa trổ bông. Bây giờ, không phải chỉ một đứa trẻ ngứa chân đá nó, một con mèo vờn con ong vật nó gẫy, mà có thể một người hiền lành yêu hoa hái nó. Tôi nhủ lòng

nên quên hẳn cái ý tưởng lẩm cẩm và lo lắng về một bông hoa đi, để lo những việc quan trọng hơn như khi về nhà có nên đi kiếm nhà khác trước khi người ta bắt đầu dỡ nhà, cũng như phải gởi tiền về cho gia đình. Nhưng khi biết rằng nỗi băn khoăn kia liên hệ tới một niềm hy vọng thì tôi lại tiếp tục nghĩ tới nó; tôi viết thiệp cho Amelia trong đó có câu "Tôi mang niềm hy vọng rằng có những vật nhỏ bé, yếu đuối vẫn sống sót."

Từ phi trường về tới đầu con ngõ vảy rồng, tôi khấp khởi mừng thấy cây hoa quỳ còn đứng thẳng. Tôi nôn nao chạy lại gần thì thấy tuy thân cây còn đứng, nhưng bông hoa đã gục xuống. Một đàn sẻ đang bu quanh gốc cây, thấy tôi tới gần, bay lên, rồi nghe chừng không có gì nguy hiểm, lại đáp xuống để lượm những hạt hoa quỳ gió lay rơi xuống đất. Tôi biết bông hoa gục đầu vì tuổi già, vì chín mùi, nó đã sống trọn một đời, dù ngắn ngủi của nó. Yên lành.

Chú thích:

* Oslo Vest: Khu Tây Oslo, khu nhà giàu
* Sankt Hans: Ngày dài nhất Bắc Âu (23 tháng 6)
* Skaal: Nâng ly!

Đã Phát Hành Khắp Nơi

Đặc San

QUẢNG ĐÀ

năm 2000

- Bìa tranh:
  Hội An Trước Ngưỡng Cửa
  Mùa Xuân 2000 của Đinh Cường
- Chủ trương:
  ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP
- Dày trên 560 trang
- Giá 15 Mỹ kim.

Mọi liên lạc và mua Đặc San xin gởi về:
SAIGON TIMES
P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

• ***Với sự cộng tác:***

Kiêm Đạt, Thy Hảo Trương Duy Hy, Trần Gia Phụng, Hồ Dzếnh, GS. Vũ Ký, Phương Vân, Nguyễn Văn Xuân, Linh Quân Lê Bá Năng, Lý Trường Trân, Cánh Bình Nhưng, Nguyễn Phước Tương, Hồ Thành Đức, Vũ Hối, Ái Cầm, Tâm Huỳnh, Võ Tình, Tường Linh, Luân Hoán, Huy Tưởng, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Đynh Trầm Ca, Lê Đình Phạm Phú, Nguyễn Kim Sắc, Hoàng Thị Bích Ni, Phùng Minh Tiến, Hà Nguyên Dũng, Hà Quốc Huy, Dư Mỹ, Nguyễn Trọng Khôi, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Hưng Quốc, Trần Văn Nam, Lý Thế Hoành, Du Tử Lê, Duy Lam, Trần Trung Đạo, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Lưu Nguyễn, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Lộc, Phạm Cây Trâm, Nguyễn Đông Giang, Nguyễn Tam Phù Sa, Trần Yên Hòa, Nguyễn Hữu Thụy, Kiều Hạnh, Vũ Gia Sắc, Hoàng Ngọc Hiển, Lê Văn Bá, Tường Phương, Lê Thị Tường Loan, Đặng Hiển, Xuân Đà, Hoàng Vũ, Nguyễn Thị Thế, Đào Thanh Khiết, Anh Vũ, Bích Xuân, Quan Huỳnh, Đức Phổ, Điểm Nguyên, Lê Hữu Lân, Huỳnh Nhâm, Nguyễn Phúc Vĩnh Tung, Nguyễn Hương Nhân, Hà Kỳ Lam, Vương Trùng Dương, Mạc Phi Hoàng, Nguyễn Triệu Nam, Ng. Phương Tuấn, Bùi Giáng, Đynh Hoàng Sa, Phan Như Thức, Tạ Ký, Vũ Hữu Định, Nam Xuyên, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Nho Nhượn, Phan Trước Viên, Phạm Phú Hay, Phan Xuân Sinh, Đoàn Ngọc Nam, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Trương Duy Cường, Lê Thị Hàn, Hoa Hoàng Lan, Thái Tú Hạp...

Lexomil

Trần thị NgH.

Phải chi hai lỗ tai cũng cụp vô mở ra được như hai con mắt thì sướng biết mấy. Cả lỗ mũi nữa. Có những bộ phận trong người mình không điều khiển được, bởi vậy mới có động từ chịu đựng. Không biết ảnh hưởng từ nguồn tư tưởng nào, tôi không bao giờ quan niệm chịu đựng là đạo đức. Nghĩ mà coi, trong một năm mà sửa nhà bốn lần là sao. Xoay cái bếp ngả nào mụ Phương cũng rên là trật hướng, kỵ tuổi. Mụ nói chuyện này làm mụ đau yếu rề rề hoài. Đi coi năm bảy thầy rốt cuộc cái bếp cũng được bình lại vị trí đầu tiên, nghĩa là sát vách nhà tôi. Xong cái bếp đến cái sân thượng. Che mái, không che mái, che mái, không che mái, che mái... Cứ vậy mà đóng rầm rầm hoài. Hình như phòng ngủ mụ Phương trên lầu cặp kè với cái gác lửng của tôi, đêm nào mụ cũng kéo giường rồn rột, chắc đổi vị trí cho hạp tuổi hạp giờ. Đồng hồ treo tường không biết mặt mũi ra sao chốc chốc lại kêu cúc cu, rồi giọng nữ cao miền Bắc nửa đêm về sáng léo nhéo *bây dzờ là hai dzờ*. Chim không ra chim người không ra người. Đùng một cái mụ cho phá hết cái cơ ngơi đồ sộ, xây lại từ đầu. Mụ này điên, chắc cú.

Ai có hàng xóm xây nhà mà không thông cảm cái cảnh này. Bụi mù trời. Gạch đá vôi vữa rớt lộp độp ngay trên mái tôn nhà mình bất kể giờ giấc. Máng xối dọc theo mái hiên tiếp giáp nhà dưới với gác lửng bị nghẽn xà-bần, mưa xuống nước trào vô phòng giữa như thác Niagara; đi trong nhà phải mặc áo mưa hay đội cái thau. Mấy thùng sách ngâm nước nở toè loe toét loét, chân dung các bậc vĩ nhân sình lên. Lại thêm bọn thợ xây nhà chửi thề như lặt rau. Kêu ca thì mụ ta cười híp mắt nói *thông cảm, thông cảm; tới chừng cô sửa nhà tôi cũng phải chịu. Hay là cô sửa luôn đi cho vui*

Vui cái nỗi gì? Tiền đâu mà sửa? Mụ làm hải quan, chẳng biết hối lộ hay trộm cướp, sao có tiền sửa nhà hoài. Hai ba hôm lại khuân về một món đồ sộ: máy giặt, máy hút bụi, giàn âm thanh CD, máy rửa chén, xa-lông khảm xà cừ.....Không chắc lắm nhưng có lẽ mụ xấp xỉ sáu mươi, người lùn tịt , dáng đi lắng quắng, không chồng con, chỉ thấy một lũ đệ tử đủ các lứa tuổi chạy xuôi chạy ngược như gà mắc đẻ, hầu hạ phục dịch, chở tới chở lui, lắp chuông điện, thay pin đồng hồ cúc cu, rút hầm cầu....Gần nghỉ hưu nên mụ vơ vét những ngày còn lại chăng?

Sau cùng tôi ghé tiệm tạp hoá của bà Chút ở đầu ngõ mua một chai dầu nhờn của Thành Tựu Hãng Kính Mời. Chai dầu để trong hộp giấy có ghi chữ chi chít một bên tiếng Tàu một bên tiếng Việt.

Thuyết minh: *Các loại cửa là một trong những bộ phận quan trọng của mỗi căn nhà. Do thường xuyên đóng mở nên các chi tiết như là bạc đạn, bản lề, ổ khoá mau bị mài mòn. Lại thêm các tác động của nước mưa làm cho rỉ sét nên cửa đóng và mở rất khó khăn, thậm chí lâu ngày cửa sẽ bị hư phải sửa chữa hoặc thay mới, vừa tốn tiền vừa tốn thời gian! Chúng tôi nghiên cứu kỹ lưỡng đã chế tạo dầu nhờn cửa sắt bằng công nghệ và nguyên liệu tiên tiến, giúp cho quí vị bảo vệ các loại cửa hữu hiệu. Mua một chai dầu nhờn cửa sắt quí vị chắc chắn có lợi.* Người ngoại quốc viết tiếng Việt như vậy là giỏi. Nghe bắt ham.

Chờ cho mụ Phương đi vắng tôi bò ra chế dầu dọc theo rãnh lăn của hai cái cửa sắt phía trước và phía sau. Mụ này tâm lý bệnh hoạn. Không có ở nhà thì thôi, còn thì mụ kéo cửa mỗi ngày mười tám trận, lần nào cũng ập mạnh cho cửa và khung va đánh ầm mụ mới đã. Đang nằm liu riu có thể tung bắn người dậy như có ai nện búa vào hai màng tang. Rồi tếng rít ken két như có con gì đang nghiến răng nhai nát cái đầu mình vậy. Có phải vì cô đơn mà người ta cần tiếng động chăng?

Mụ biết có người làm chuyện đó nhưng không nghĩ là tôi, bởi chiều hôm đó tôi nghe mụ lôi từng người ở sát vách trái của mụ ra chửi. Không đề cập gì tới hai cái cửa sắt, mụ ong óng:

-Đồ con nít quỷ, trồng bao nhiêu kiểng cũng thò tay vô ngắt dọt. Đồ không biết dạy con, nửa đêm còn hát karaoke. Cha nào con nấy, nhậu vô là đái sập hàng rào. Đàn bà thúi ngày nào cũng phơi quần chàng hãng ngay cửa phòng bà. Có ăn ở phải quấy với ai đâu mà muốn người ta biết điều. Chẳng thà chửi cha người ta chớ đừng làm ra cái điều nếp sống văn hoá mới....

Thất bại với dầu nhờn Thành Tựu Hãng Kính Mời, vài bữa sau tôi trét hắc ín ngay rãnh lăn bánh xe hai cái cửa sắt. Sáng mở cửa không được mụ la oải oải:

- Bà con cô bác tới coi quân sát nhân nó bỏ tù tôi nè.

Cả xóm chạy đến, người dầu lửa người xăng xúm nhau nạy, cạo. Tôi đứng ngơ, chửi đổng:

-Đứa nào chơi ác ôn côn đồ!

Mụ đứng bên trong nhảy chồm chồm như khỉ ăn ớt.

Mụ Phương nghỉ đóng cửa mở cửa được vài ngày, chờ thợ tháo cái khung thay vào cửa kính sườn sắt. Lại đập rầm rầm. Ban đêm mụ mượn hai thằng cháu gọi bằng cô nằm ngủ chắn ngang cửa, đứa cửa trước đứa cửa sau. Nghe đồn mụ đang kiếm mua con chó, *cho nó nhai óc nếp sống văn hoá mới*, mụ rao.

Trước khi chuyển công tác về tỉnh, tôi quần nát Sài Gòn Chợ Lớn tìm một căn nhà cho thuê. Nghe nói mụ Phương muốn kiếm cái nhà nhỏ nhỏ, rẻ rẻ để chứa đồ cũ vì nhà mụ bây giờ toàn thiết bị gia dụng hiện đại, nhưng bỏ đồ cũ thì uổng cho ai thì tiếc. Gì chứ cũng toàn thứ đắt tiền. Kiếm chỗ chất đống đó biết đâu có lúc lại cần tới. Tôi hứa để tôi lo vụ này cho. Hay là bà thuê cái nhà tôi đi cho tiện trong khi tôi đi làm xa. Chỉ cần chuyển đồ sang cái rụp, muốn lấy cái chi cũng dễ. Mụ chê:

-Nhà cô thấp hơn mặt đường bốn tấc, mưa xuống nước lên ngập hết đồ đạc; tiện thì tiện thật nhưng mà...

Gần cổng xe lửa số sáu có một căn lý tưởng. Diện tích rộng, phòng ốc ngoằn ngoèo, xe lửa chạy ngang mỗi ngày bốn trận: 3 giờ 25 sáng, 9 giờ rưỡi, 2 giờ 15 chiều, rồi 11 giờ khuya. Nhiều người đến hỏi thuê nhưng rốt cuộc đổi ý vì ớn tiếng bánh sắt nghiến đường rầy vào những giờ lẽ ra phải được yên giấc. Tôi bàn với mụ Phương:

-Từ nhà bà đến đó cũng gần. Thuê để chứa đồ chứ có phải để ở đâu mà sợ ồn. Ít người chịu thuê, chủ nhà đã hạ giá chỉ còn hai phần ba so với giá kêu ban đầu. Mỗi tháng bà lấy tiền lời trong ngân hàng trả tiền thuê dư sức qua cầu.

Mụ Phương ậm ừ rồi hẹn cùng đi coi nhà.

Không phải vô cớ mà tôi bỏ thì giờ đi kiếm chỗ thuê nhà giùm mụ Phương. Thành thật mà nói, trí thông minh giới hạn cùng tính tình ti tiện của tôi chỉ đủ giúp tôi nghĩ ra những trò vặt kiểu dầu nhờn Thành Tựu

Hãng hoặc hắc ín Cửa Hàng Vật Liệu Xây Dựng Mai Hoa. Nhưng việc mụ Phương muốn thuê nhà chứa đồ cũ đã gieo vào đầu tôi một vài phương án trả thù có vẻ công phu hơn. Trước khi về Cà Mau nhận nhiệm sở tôi phải tìm cách thuyết phục mụ ta thuê căn nhà này. Nhưng làm thế nào để khi mọi việc xong xuôi mụ không thể truy tố tôi ra trước pháp luật, cái này phải nghiên cứu kỹ.

Hai tuần sau mụ ký hợp đồng thuê sáu tháng. Mụ nói:

-Kệ, tới dâu tính tới đó, cũng chưa chắc tôi ôm mớ đồ tế nhuyễn này đến chừng nào. Được cái giá thuê nhà rẻ mạt, lại có chỗ cho thằng cháu ở quê lên học thi đại học luôn tiện coi chừng đồ.

Tôi tất tả:

- Chừng nào nó lên?

- Nay mai thôi.

- Sẵn tôi có hai ngày nghỉ lễ, bà muốn tải đồ đi tôi giúp cho một tay.

Mụ nói:

-Thôi để thằng nhỏ lên rồi mình a-lê-hấp một lần cho gọn

Tôi ngao ngán:

-Tuỳ bà. Nghe nói bà cho phết sơn nước ngày mai, tôi thấy mình dọn trống thợ dễ làm việc.

Mụ kêu lên:

-Ơ há! Để tôi hoãn thợ một ngày.

Buổi chiều mụ gõ cửa đưa sang một gói lớn.

-Biếu cô chút quà cho vui gọi là biết ơn mấy cái cô làm cho tôi. Xóm này chơi không được. Đàn ông nhậu, con nít hỗn, đàn bà nhiều chuyện, rốt cuộc tôi chấm có mình cô.

Tôi cười tít mắt:

-Vậy hả? Thiệt hôn?

Bảo dảm mụ Phương bòn rút hành khách qua lại cửa xanh cửa đỏ ở Tân Sơn Nhất. Mặt mũi mụ đâu sơn phết gì, sao có nguyên bộ mỹ phẩm cho cả đầu mình tay chân. Chẳng lẽ mụ ra chợ mua để biếu tôi chỉ vì tôi tìm được cho mụ căn nhà ở cổng xe lửa. Cứ kiểu đó thì mụ có khối thứ, chưa kể những khoản lệ phí các hành khách tự nguyện nộp cho . Hèn gì. Tôi lôi kem ra thoa cùng mình, đánh mắt màu tím có lấp lánh kim tuyến, quệt son môi maù sô-cô-la, xịt keo cho tóc tai dựng đứng, nhe răng cười trong gương, xong đi tắm. Tôi thuộc loại không có ảo tưởng về bản thân.

Chúng tôi a-lê-hấp ngay sáng hôm sau. Đồ nhiều vô kể. Tải đến chiếc xe ba bánh thứ sáu thì chạng vạng. Tôi hỏi cho có hỏi:

-Nghỉ chưa?

Mụ Phương vừa quệt mồ hôi vừa gầm gừ:

-Chơi luôn. Mai thợ tới sơn nhà rồi.

Tôi mỏi nhừ. Cho đồ vô thùng giấy,bao, bị, đánh số; tiếp ông ba bánh chất lên xe rồi đạp xe rề rề theo về cổng xe lửa; tiếp ông ba bánh chất vô nhà. Mụ Phương ngồi ở yên sau xe ba bánh đâu lưng với tài xế ngó ngược dòng xe chạy trờ tới trong đó có tôi. Đối mặt với một người đang di chuyển cùng chiều, có ai qua kinh nghiệm này chưa? Mặt mụ ta thấy ghét thật. Da căng bóng, hai con mắt nhỏ, tóc chải xước ra sau túm lại thành một búi củ hành chừa cái trán trống trên đó một mụt ruồi bằng đầu đũa đậu lửng lơ giữa đôi chân mày đã bị cạo trọc lóc để thay vào hai đường xăm vụng về. Đầu đít một mét tư, mụ ngồi thun lại còn có mấy tấc sau lưng ông xe ba bánh, hai tay bấu hai bên yên. Tưởng tượng từ đàng xa lao xe 100 phân khối tới mục tiêu, tôi có thể cày nát mụ không kịp ngáp. Chắc chắn lúc đó mụ đang nhìn kẻ sát nhân trong cự ly gần.

Dỡ thùng đồ cuối xuống xe, tôi giúp mụ Phương lôi các thứ vào phòng trong. Chủ nhà còn để lại loe hoe vài cái ghế, một cái giường đôi với một bàn viết đã mất tiêu các ngăn kéo. Lúc này là 10 giờ rưỡi tối. Tôi nói:

-Mình xếp gọn gàng mấy thứ này vào trong kia rồi ra ngoài trước ăn cháo lòng. Tôi đói rồi.

Mụ Phương hổn hển:

-Ờ há! Chỗ này mà không gần đường rầy, sửa sang lại ở cũng được quá chớ! Đàng trước bán đủ thứ khỏi sợ đói.

Tôi bước trở ngược ra. Mụ Phương hỏi:

-Cô đi đâu vậy?

-Tôi khóa cửa lại cho chắc. Xóm la, biết dân tình ra sao.

Mụ ta nói:

-Ơ, đúng rồi.

Tôi vớt lấy cái bao con trong giỏ xe đạp rồi trở vào phòng trong. Nhà này cấu trúc hơi lạ. Vô hai lần tường ngăn căn nhà thành phòng khách, phòng ăn,nhà bếp, quẹo trái là một phòng nhỏ. Cách một hành lang tám tấc là một phòng khác song song. Cuối hành lang là phòng tắm vắt ngang như đầu chữ T. Tường gạch bao quanh có sân trống tứ

phía cách đường sắt bốn mét, cách láng giềng hai mét rưỡi. Tôi nói một mình , chấp. Cùng với mụ Phương, tôi ì ạch đẩy các thùng giấy và bưng bê các bao bị vào hai căn phòng bên trái.

-Nhìn mớ của cải này tôi biết hết đời tư của bà rồi.

Mụ Phương xì một tiếng rồi nói:

-Đố biết!

Tôi móc trong cái bao con ra một trái chanh, nhá nhá:

-Sáng tới giờ mình lao động quá cỡ, bà ngậm miếng chanh cho khoẻ.

Không đợi mụ trả lời tôi tấn mụ vào góc tường, tọng nguyên trái chanh vô họng mụ rồi bẻ quặt hai cánh tay mụ ra sau lưng. Mụ vừa giẫy vừa lắc lia lịa cái cổ ngắn ngủn, xương quai hàm bạnh ra. Cho mụ ngồi xuống ghế, cột quặp hai cổ tay ra sau lưng ghế bằng dây dù, dán thêm miếng băng keo bản lớn ba lần vòng quanh miệng mụ xong tôi bê một cái ghế khác dặt đối diện với mụ. Tôi ngồi xuống, hai tay khoanh, hai chân xoạc.

-Ngó bà mắc cười quá! Đằng trước trồi lên một trái chanh, đằng sau phình ra một củ hành.

Mụ Phương toét hai con mắt nhỏ ra nhìn tôi, tròng trắng nhiều hơn tròng đen, nước mắt như bị vắt ra từng giọt lớn bằng hột đậu luộc. Xem nào, trong ánh nhìn này có bao nhiêu thứ hả? Sửng sốt, kinh hoàng, căm hờn, tuyệt vọng. Lâu lâu cho bà biểu cảm một phát tổng kết. Tôi nuốt đánh ực mớ nước bọt trào lên họng hồi nào không biết.

-Bà biết không bà Phương, bây dzờ là mười dzờ năm mươi lăm - tôi nhái giọng con mẹ lai chim cúc cu - chừng năm phút nữa có xe lửa cán đường rầy xình xịch xình xịch oét oét, lúc đó tôi sẽ chọc tiết bà. Có oé lên rách băng keo, văng bật trái chanh ra ngoài , dập củ hành cũng không ai nghe để nhào tới cứu bồ cho bà đâu! Bà nghe đây, cửa trước khóa, cổng ngoài cách đường cái hai chục mét toàn là hàng quán rần rần, đàng sau là xí nghiệp bao bì ban đêm chỉ có một ông già ngủ trực. Ông này chơi dế không hà, giờ này chắc quắc cần câu rồi. Bên trái là nhà ai đó dêm nào cũng coi phim Hàn Quốc mở âm thanh hết cỡ, bên phải là đường rầy. Chấp bà la.

Mụ Phương lại lắc lắc cái cổ, hai cánh mũi đỏ phình ra tóp vô theo nhịp hai, chân dậm lên sàn nhà thình thịch như trống đệm. Tôi nói:

-O kê, ô-kê! Giỡn chơi chút làm gì dữ vậy. Tôi ngu gì hạ thủ bà cho mệt. Cứ để bà vậy chừng dăm ba hôm cho bà nghe phim Hàn Quốc trộn lộn với bao bì đóng gói với xình xịch oét oét thử coi bà có đứt mạch

máu não không. Bây giờ bà hiểu nếp sống văn hoá mới là cái gì rồi chớ hả? Bà đập nhà ra sửa bốn lần một năm, phá bếp ba lần, che mái không che mái che mái không che mái che mái, kéo cửa sắt mỗi ngày mười tám trận, chơi đồng hồ báo giờ có chim kêu vượn hú, kéo giường rồn rột hàng đêm như bị ma ám. Tôi tính từ hồi bà mua căn nhà dọn đến ở tới nay tôi đã mất ngủ tổng cộng ba năm bảy tháng vị chi là một ngàn ba trăm lẻ năm ngày, vậy mà tôi còn sống tới ngày nay để quậy bà chơi. Hay không?

Có tiếng leng keng từ cái trạm nhỏ bên cạnh đường rầy, rồi tiếng oét oét rít từng chập từ xa lắc. Người ta đang hạ cổng số sáu. Mồ hôi mụ Phương túa ra hai bên nách áo đánh thành hai quầng lớn bán kính cách tâm điểm tệ lắm cũng mười lăm phân. Trán và cổ mụ rịn ướt, mồ hôi tụ lại thành giọt nặng trượt xuống ròng ròng. Nốt ruồi giữa hai đường xăm chân mày dưới ánh đèn nê –ông tạt tới tạt lui theo nhịp lắc cổ của mụ trông giống mafia phát tín hiệu thủ tiêu đối phương. Tôi trấn an mụ:

-Từ từ. Cứ từ từ. Mắt bà sắp toét rồi kìa.

Đầu tàu lao tới rồi cứ thế xình xịch xình xịch ken két trên đường sắt nghe như bất tận. Tôi nín thở nghiến răng theo muốn hụt hơi trong khi mụ Phương vùng vẫy như sắp nổ. Tôi thấy mình kiệt sức còn mụ ta thì sắp ngất. Trò chơi này không vui, tôi nghĩ, tuy nhiên phải bình tĩnh. Đừng bao giờ hé lộ cho địch biết ta đuối sức. Tôi hít sâu một hơi, im một lúc chờ đoàn tàu chạy tuốt qua phía bên kia đường, tiếng ầm ầm chìm khuất trong tiếng xe gắn máy rồ ga trườn tới.

-Ha, sợ dữ há! Tôi đâu có chọc tiết bà đâu, thấy chưa? Giỡn chơi mà. Bà nhẫm chịu nổi xe lửa băng mỗi ngày bốn chuyến không, đặc biệt lúc ba giờ sáng? Bà Phương ơi bà tin tôi đi, chỉ có thế thôi, nhưng bà phải chịu khó nghe tôi một lúc nữa mới được. Bà phải chia sẻ cùng tôi nỗi niềm tâm sự.....

Có cảm tưởng mình sắp mếu, tôi ngó lảng lên mấy cái bông gió trên đầu tường. Trong một sát-na có thể tôi nấc lên. Thật bậy ba hết sức nếu tôi để nó trào, xịt. Mụ Phương ngồi yên, mắt cụp xuống, tay chân rũ liệt như lả ra. Tôi đổi giọng đay nghiến.

-Trước đây chắc bà có một tuổi thơ êm ru bà rù hả? Hèn gì bây giờ bà mê tiếng động quá trời. Tôi mất ngủ từ lúc sơ sinh, nói cho bà biết. Nửa đêm đói thấy mồ tổ không ai cho bú, lớn lên một chút giữa khuya phải nằm nghe ông già tôi cụng ly vô chai chửi đụ mẹ đụ đĩ ngựa, lấy chồng thì bị nó dựng đầu dậy đều đều vào giờ cao điểm, hôm nào nó để cho yên thân thì nằm nghe nó ngáy ba bè, đẻ ra đứa con thì nó khóc

ngằn ngặt đái đêm bú đêm đái đêm bú đêm cho tới lúc nó ngủm vị chi là tám trăm hai mươi sáu ngày, dọn về xóm bờ kinh kiếm chỗ ngủ bù gặp phải con mẹ hàng xóm thức dậy toàn hai ba giờ sáng để nấu cháo sườn bán chợ, về khu này chưa ngủ được bao nhiêu thì bà nhào tới. Đời tôi kể như tàn, bà thấy không? Bây giờ đêm nào tôi cũng chơi mười hai khấc Lexomil mà mắt cứ mở trừng trừng ngó trần nhà trong khi cái đầu lùng bùng như có người ngồi trong đó vỗ thùng thiếc đòi ra. Bà biết tại sao người ta đày tôi đi về miền cuối Việt chưa? Mặc đù sắp thoát khỏi nếp sống văn hoá của bà, tôi cũng không lấy gì làm chắc về chỗ ngủ mới. Cơ mắt tôi bị liệt rồi, tôi không nhắm lại được nữa.

Hình như mụ ta không thèm nghe. Đầu mụ gập xuống ngực. Tôi thở dài. Mới có chút xíu mà thua rồi. Coi tôi đây nè. Tôi đứng dậy bước tới cúi thấp ngang tầm ngồi của mụ. Còn thơ, chưa sao. Như chợt nhận ra tôi đang đứng gần, mụ Phương giật thót người ngước cái cổ ngắn nhìn ngược lên. Đó là một cái nhìn mệt mỏi nhưng lỳ lợm, có ánh lên một chút hăm dọa. Tôi trở lại chỗ ngồi, bẻ xương vai lục cục rồi cười khẩy.

-Bà thấy rõ là tôi không đám thọc huyết bà chứ gì? Đúng phóc. Chỗ quen biết nói thật, sau vụ này bà không làm gì được tôi đâu. Tôi biết bà có vai vế nhưng người ta sẽ không có chứng cớ để điều tra. Cả xóm không ai thèm để ý chuyện bưng đồ ra bê đồ vô của bà; bà làm đều đều mà. Họ cũng không thèm ngó tới con mẹ cù lần này. Thằng cha chủ nhà đâu biết tôi có ăn nhậu gì với bà. Một tỉ người hỏi thuê, biết ai là ai. Hơn nữa từ đầu đến giờ tôi chưa làm sứt mẻ bộ phận nào trên người bà, chưa nói câu nào xúc phạm bà, chưa nhón món nào trong cái mớ đồ tế nhuyễn bà chôm của người khác - tôi quơ tay vẽ một vòng qua mớ thùng giấy bao bị ngổn ngang gần kín bốn mặt tường trong phòng. Chỉ có mồ hôi và nước mắt_ tôi phá ra cười khặc khặc hay tay dập vào bắp vế đôm đốp. Chết nhát thật! Mới hù có chút xíu đã tè ra quần. Mai thợ đến sơn nhà, cho lui. Mốt tôi đi rồi, còn bà thì cứ việc ngồi đây. Chìa khóa cửa nhà dàng kia trong túi bà phải không, còn chìa khóa nhà này thì đây nè- tôi giơ chùm chìa khóa lên vẫy vẫy. Tôi đem cả hai xâu về Cà Mau chơi. Nếu bà có đột tử trong thời gian tôi vắng mặt, không phải lỗi tại tôi à nha! Địa chỉ của tôi là làng Tân Duyệt, quận Đầm Dơi, không biết bây giờ có đổi tên gì khác chưa, đất đai còn chưa yên thân nói chi là người. Chấp bà tống án lệnh truy nả khẩn. Bà kiếm ra được chỗ tôi ở thì tôi đã chìm xuống sông Gành Hào rồi.

Trong hai con mắt nhỏ xíu của mụ Phương bây giờ có vằn thêm chi

chít những tia gân máu nhỏ. Mụ không thèm khóc, không thèm toát mồ hôi. Các thứ nước thải đang bốc hơi trên da làm người mụ lạnh chăng, sao mụ run bần bật vậy. Viễn ảnh ba ngày ngồi ngậm trái chanh, tiếng còi tàu bốn trận mỗi ngày, Anh Em Nhà Bác Sĩ Hàn Quốc chan chát, tiếng máy chạy rầm rầm của xí nghiệp bao bì, hay cái gì nữa có thể làm mụ tức cành hông, thù học máu, sợ té đái. Tôi đứng dậy. Ngoài cổng có tiếng lạch cạch. Tôi dỏng tai. Mụ Phương đang run bỗng ngồi thẳng người đảo mắt về phía cửa. Mụ dậm chân gây tiếng động, lôi cái ghế cà giật ken két trên sàn gạch. Tôi lừ mắt nhìn mụ, làm động tác giả như đang cầm con dao chọc chọc vô cổ họng. Mụ ngồi yên được một lát lại tiếp tục ngọ nguậy khi nghe tiếng mở cửa trong lách cách. Có người đang vào nhà. Gì kỳ vậy, tôi sảng.

Người đàn ông da sạm mặt mụn mà tôi có gặp cách đó mấy tuần là chủ căn nhà này. Tôi bước ra tới phòng ăn thì ông ta đã vô tới phòng khách. Chưa chắc ai ngạc nhiên hơn ai. Tôi nói nhanh:

-Tôi dọn nhà tiếp cái bà mướn nhà của ông.

Ong ta hơi lúng túng:

-Tôi đi nhậu về ngang thấy nhà có đèn sáng nghĩ hôm nọ ký hợp đồng với bà Phương giao chìa khóa xong tôi quên tắt đèn, may còn một chùm đây- ông ta giơ lên lắc lắc giống kiểu tôi chọc mụ Phương lúc nãy. Tôi tưởng tuần sau mới chuyển đồ tới, bả nói với tôi vậy.

Tôi cười cười, tim đập theo nhịp ba. Máu dồn ứ ở tâm nhĩ, van bị gnhẹt, rồi ào một cái nó đổ xuống tâm thất. Dồn dồn, ào. Dồn dồn, ào. Phòng trong vọng ra tiếng ghế di chuyển cà giật, bỗng ngã đánh rầm. Ong chủ nhà vừa ngoáy ngón trỏ vô lỗ mũi vừa nhướng mắt hỏi:

-Bả ở trỏng hả?

Sài Gòn
tháng giêng, 2000

Tìm mua , tìm đọc:
cuốn sách mới của nhà xuất bản **Văn Học**

thần, người, và đất việt

(bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây
dày 370 trang. Giá 18 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

Tháng Sáu và những tháng Sáu
NGUYỄN MẠNH TRINH

Tháng Sáu
nơi nào dấu chân qua
góc dường hoa bìm bìm tím
một năm vẳng tiếng chuông
buốt thiếp ngủ
nắng lóa im chẳng còn dấu vết

Tháng Sáu
đi về góc phố
gió vẫy tàng cây
chẳng phải lời giã biệt
mây chìm sắc trắng
lời ru sót tận cùng ngày
Tháng Sáu và những tháng Sáu
cửa lớp đóng rồi
em biệt xa mất hút
ở bên kia bờ biển
mưa chắc vẫn rơi khuôn cửa kính
dầm dìa nỗi niềm
có che chung với nhau
áo khoác ủ
sao chân trời tạnh không
ngọn sóng xô vào vô thức.

Tháng Sáu
hương ngát thơm từ giác quan
em để dành mùa hạ
vết răng đỏ bầm
son em hằn câu chào
vẽ đôi môi trên da kỷ niệm
ở bên kia bờ biển
em đi mang cuối lớp tôi
trang sách giở.

Tháng Sáu
tên em tận cùng đời
vẳng câu kinh thống hối.
Chiếc gối nhỏ trong xe
vòng ôm phủ bụi
tiếng gừ gừ con mèo mun dị kỳ
vuốt sắc êm đềm
cứa vào thinh không
chưa rướm máu sao đau buốt

Tháng Sáu
ngồi gần nhau sát cạnh nhau
cỏ nô giỡn bàn chân
thế mà một năm mất tăm mất tích
em đi rất xa
sợi tóc đành níu lại.
trong ngăn kéo riêng hồn
hạt bụi chẳng còn hình dạng
ở nóc giảng đường cao ngất
một con chim lẻ loi
đôi mắt lơ đãng ngó
chìm vào trời xanh.
Bé con bây giờ lớn chưa

que kem tan vào hàm răng
như câu dỗ dành
không còn bao giờ nghe lại
dù chỉ một lần
Chỗ này góc sân trường
em xênh xang áo mũ
giấc mộng phục sinh
rạng rỡ bướm hoa
tháng Sáu rồi biệt tích.
còn phần riêng buổi trưa
nắng lóa vỡ
đôi mắt biếc đen
em cười bằng vòng tay ôm siết
bài thơ không bao giờ đọc
cất giữa trang tập đọc vỡ lòng
em xa buổi hồn nhiên
tay chao chát về khuôn cửa đóng.

Tháng Sáu
bên kia bờ biển
con chim sơn ca bay suốt tận chiều đời
em bây giờ như
gót chân cát sóng xô
xóa tan giấc mơ nào
nhạt nhòa bờ con đường mịt mù
vô định.

Tháng Sáu
tôi dừng lại một mình
cành cỏ dại
run rẩy từng đợt nắng xô
tự hỏi rất thầm
Đã một năm hay hôm qua vừa gặp?

Triết lý của tóc

Ngô Nguyên Dũng

Đoạn đường từ nhà trọ Vận tới trường đại học có một hiệu hớt tóc mang cái tên ngộ nghĩnh: "Triết lý của tóc". Nó bắt Vận thắc mắc, tóc cũng có triết lý nữa sao? Đem hỏi mấy người bạn cùng lớp, không ai trả lời nghe suôn sẻ. Vận càng thêm tò mò, mỗi bận đi ngang, đều ghé mắt nhìn. Không phải một hiệu hớt tóc sang trọng có bồn gội tráng men trắng bóng, tường gắn gương bốn bề loang loáng, đèn rọi sáng trưng, và nhân viên trong đồng phục lịch lãm. Nội cảnh mang vẻ trẻ trung, vô trật tự và thiếu sạch sẽ. Đọc bảng giá biểu, Vận hiểu, thì ra đây là một hiệu hớt tóc bình dân. Có lẽ vì vậy nên lúc nào cũng thấy đông khách.

Vận sang đây trọ học đã hơn hai năm. Thời gian chưa đủ để chàng thông thạo ngôn ngữ bản xứ và tường tận tập quán địa phương. Bạn học đồng hương khá đông, nhưng vì tâm tính nhu mì, nhút nhát, Vận không thật sự thân thiết với ai. Nhiều lúc chàng có cảm tưởng sờ mó được nỗi cô đơn. Nó ghê gớm, khủng khiếp đến độ khiến Vận thường xuyên thức giấc giữa khuya, hoảng hốt nhìn quanh phòng trọ im lìm bóng tối. Những giấc mộng ngắn, đồng dạng, chật chội như lòng ống cống, mà chàng không biết vì lẽ gì lại lạc chân vào, để rồi cuống cuồng chạy tìm lối ra. Vận đoán, có thể vì phòng trọ tù túng và tối tăm quá. Diện tích chừng mười tám thước vuông, trần nghiêng một bên, khoét một khoảng trống lắp kính, chỉ có thể mở hé. Hôm nào thời tiết đẹp, nắng lọt vào một mảnh hình học, thoạt đầu méo mó rồi từ từ dều đặn, và biến dạng một cách khó hiểu lên cánh tường đối diện. Những sáng cuối tuần, hoặc những hôm lười biếng tới trường, Vận ngủ tới trưa trờ trưa trật, chỉ tỉnh giấc khi nghe hồi chuông giáo đường gần đấy gióng lễ rộn rã. Lại thấy bóng nắng in trên tường vôi, vẫn dị dạng một cách khó hiểu. Vận quyết

tâm tìm cho ra lẽ. Lỗi ở nóc nhà đối diện. Kiễng chân nhìn sang, Vận thấy cái ống khói lò sưởi vô duyên chĩa ngang luồng nắng. Chàng đâm ghét cái ống khói. Đôi khi có con quạ đậu vẩn vơ trên đó. Chàng ghét lây con quạ.

Phòng không có nhà tắm. Mỗi tuần hai lần, Vận tới phòng bạn trong cư xá sinh viên, tắm nhờ. Một bồn nước ở góc phòng, là chỗ Vận đánh răng rửa mặt, vo gạo lặt rau, giặt đồ lót và vớ. Cũng là chỗ cho Vận vạch quần tiểu tiện nửa đêm, vì phòng vệ sinh ở ngoài hành lang. Lạnh và trống. Nơi đó rộng một cách vô lý. Trơ trọi cái bệ sứ, một bóng đèn trần trụi, điện năng thấp, vàng bệch, đôi khi cho Vận cảm tưởng chùi chưa đủ sạch. Sàn lót gỗ lâu cũ, rên xiết theo mỗi bước chân. Thêm điều lạ, không hiểu sao tiếng động trong đó có âm dội, làm Vận lần nào cũng rón rén, sợ người phòng bên nghe được. Để lấn át, Vận tìm cách nghĩ ngợi quàng xiên. Có một cảnh tượng cứ bấu víu tâm trí Vận kể từ ngày sang đây: Những đoàn xe lửa lao vun vút trong đêm. Tiếng bánh sắt nghiến lên đường thiết sầm sập từng chặp băng ngang vòm mắt ảo tưởng Vận. Chàng nhẩm đếm từng toa xe một. Dài như không muốn dứt. Sàn gỗ run bần bật. Ánh lửa kim loại loé chập chờn lên vách. Gió luồn qua ô cửa hẹp, buốt lạnh nỗi chia lìa lớn, hoang mang những trăn trở. Khi đoàn xe tan biến vào bóng đêm nơi góc phòng, Vận cúi mặt xem xét sàn gỗ, tìm những vết đau để lại. Chỉ thấy những sợi lông xoắn, vàng hoe rơi rớt. Vận cười vì ý tưởng so sánh đã cũ, người bản xứ chỉ dùng một từ độc nhất dành cho tóc, râu và lông. Tại sao có sự khác biệt này? Không lẽ dân mình phân chia để định giá, tóc đáng trọng hơn lông? Và để xác định vị trí của mỗi từ? Chợt Vận lờ ngờ hiểu ra triết lý của những sợi tóc.

Vận phân vân có đến vài tháng mới quyết định bước vào "Triết lý của tóc". Chàng còn đứng tần ngần thì một trong đám người ngồi đợi lên tiếng nhắc:

- Phải lấy số chờ.

Vận kêu thầm, trời, hớt tóc mà làm như tới bộ lao động làm đơn xin tiền thất nghiệp không bằng. Chàng rút một vé ghi số, tới ngồi vào ghế trống. Bây giờ Vận mới thật sự nhận thức không gian và người vật chung quanh. Tiếng nhạc. Không phải thứ âm nhạc êm dịu mà là loại nhạc thịnh hành kích động. Sáu ghế trước sáu gương lớn vừa. Tường ghim đầy bưu ảnh. Đèn soi loang lổ sáng tối, trông như một sân khấu thoại kịch. Dưới sàn, tóc vụn vương vãi từng nhúm. Đặc biệt, trên tường chỗ ngồi đợi có gắn một máy gọi số. Lâu lâu máy chuyển động phát ra tiếng "koong", một người đứng dậy, tới ngồi vào chỗ định vị theo mẫu

tự. Vận cảm thấy vui vui. Tiếng kéo xăm xắp, tiếng máy sấy vi vu, giọng người chuyện vãn to nhỏ lẫn với chuỗi cười thú vị tạo nên sinh khí linh hoạt hiếm thấy. Trong giây phút này, Vận quên béng tâm trạng tha hương ray rứt, cái mặc cảm khách trú tới từ tiểu quốc, luôn cả cá tính tù túng canh cánh bên lòng.

Gã thanh niên hớt tóc cho Vận để tóc dài cột túm sau gáy. Hắn thản nhiên "mày, tao" với Vận, tự giới thiệu tên Hans. Soi gương, Vận ngượng ngùng nhận ra, tóc chàng dài quá, lấp xấp ngang vai. Hans lia lược chải ngược tóc Vận, nhìn chàng trong gương, hỏi:

- Tới đây lần đầu phải không? Mày muốn cắt như thế nào?

Vận ậm ừ:

- Ngắn.

- Ngắn tới đâu?

- Sao cho được mắt.

Hans xịt nước ướt mỏng tóc Vận, chải tém. Lòng Vận nao nao khi nhìn nhúm tóc đầu tiên vãi xuống khăn choàng. Cảm xúc chia cắt uỷ mị dâng lên. Tóc ơi, râu ơi, lông ơi. Chẳng qua chỉ là những nhân tố di truyền đó thôi, mà sao chúng có điểm gì cá biệt tạo thành bản ngã, tạo nên một Vận không giống như triệu triệu nhân tố khác. Vận liên tưởng tới những vụ án mạng, chỉ cần một sợi tóc, người ta có thể truy ra thủ phạm. Quê hương chàng đang xảy ra một cuộc sát nhân vĩ đại, sao chẳng ai đoái hoài tới chuyện nhặt tóc tìm kẻ giết người?

- Tóc mày dầy và cứng.

Hans lên tiếng gợi chuyện. Vận nẩy nhẹ người, hỏi:

- Khó cắt à?

- Không, chỉ gây cảm giác là lạ. Tóc người xứ tao mỏng, mềm và dợn sóng tự nhiên.

Vận cười:

- Tóc tao là tóc rễ tre.

Rồi Vận vui miệng cho Hans biết xuất xứ và lý do tại sao chàng có mặt tại đây. Hans hỏi Vận có cảm tưởng gì về xứ sở này? Vận thành thật đáp, bất an. Hans cũng thành thật không kém:

- Chính tao cũng không hoàn toàn thích hợp với bản sắc dân tộc tao. Cha mẹ tao có tài sản, đáng lý tao đâu cần làm cái nghề này. Nhưng tao thích vậy, muốn sống tự lập. Mười tám tuổi, tao ra riêng, học nghề. Bây giờ tao tự do, tuyệt đối sống cho mình, miễn sao không va chạm tới người khác.

Vận có cảm tưởng, Hans đang nói hộ chàng những ước muốn thầm kín. Chỉ khác, Hans thực hiện được chuyện đó, chàng không. Ẩn sâu

trong tiềm thức Vận, vẫn rành rành đó những tường vách của định kiến, của thói lề, của những nhân sinh quan chẳng biết xuất phát từ đâu mà cứ bám dính lấy chàng như vết chàm bẩm sinh, như những nhiễm sắc thể tạo ra màu da, tóc, mắt và bản ngã.

Lần cắt tóc đầu tiên trong "Triết lý của tóc" lưu lại tâm tư Vận nhiều cảm nghĩ êm ả. Hai mươi tuổi, xa quê, hành lý vật chất Vận mang theo không nhiều. Những bộ quần áo thời trang, vài quyển sách chuyên khoa, cái máy nghe nhạc xách tay, chồng đĩa hát lớn nhỏ và chiếc đồng hồ báo thức. Vận có mối thù sâu đậm với chiếc đồng hồ, nhất là vào mùa đông. Trời còn tối mịt mà nó đã nhảy tưng lên, réo inh ỏi. Chàng vói tay mò mẫm đập lên nút tắt. Thường thì vận ngủ tiếp. Sáng nào có giờ giảng quan trọng, chàng mới đành lòng thức dậy. Thứ ánh đèn vàng hắt tù mù; cái cảm giác tênh hếch, lạnh lẽo nhẫn tâm ấy, ôi, Vận biết chàng sẽ không bao giờ quên. Còn hơn thế nữa, chúng sẽ là mớ hành trang tâm lý quỷ ám Vận suốt đời. Cái tâm trạng trẻ con-người lớn. Hội chứng lẩn tránh đám đông. Phản ứng thái quá trước những biểu tượng chia ly: sân ga và những chuyến tàu, bảng hiệu đến đi ngoài phi trường, những chiếc va-ly, màu xanh những phong thư hàng không. Ngay cả tiếng chuông xe điện cũng khiến chàng bồi hồi xúc động. Vận tưởng chàng là con chó của Pawlow. Sáng lập đông đầu tiên nơi đất khách, Vận nằm dỏng tai nghe tiếng xe điện kéo chuông ngoài đại lộ. Lá thư thứ nhất của cha chàng. Dòng nước mắt ngắn dài trên gò má thanh xuân. Hương phố xá đằm đằm, lạ lùng như bàn tay của chính chàng vuốt lên phần thịt da sâu kín. Phòng trọ vàng thếch. Tuyết bám trên mái nhà, trên bệ ống khói lò sưởi. Con quạ đen đậu vẩn vơ. Cũng con quạ của hôm qua, tuần trước và đôi khi theo đàn đập cánh xoành xoạch xéo ngang giấc mơ Vận?

Thỉnh thoảng, sau giờ học, Đoán theo về cùng Vận. Một hôm, Đoán bảo:

- Bữa nay tao làm bánh cuốn chả lụa cho mày ăn.

Vận hớn hở. Cả hai ghé ngang siêu thị mua thực phẩm. Bánh cuốn là thứ mì khô sợi lớn nhập cảng từ Ý. Chả lụa là loại xúc-xích thịt xay mịn của dân bản xứ. Chỉ có chai nước mắm là chính hiệu Việt nam, Đoán đặt mua từ một nơi cách đây vài trăm cây số. Vậy mà ngon. Ngon quá chừng. Ăn xong, cả hai ngồi uống trà, hút thuốc. Vận mở nhạc. Đoán hỏi, vẻ mặt nghiêm trang:

- Mày có đi chơi gái lần nào chưa?

Vận cười ngỏn ngoẻn:

- Chưa.

Đoán không nói thêm lời nào. Mặt Vận nóng bừng. Chàng có cảm tưởng như kẻ phạm tội, đang bị hỏi cung trước toà. Cái tội đã hai mươi mà vẫn chưa "chơi gái lần nào". Cũng may, quan toà Đoán không thẩm vấn thêm gì. Tàn điếu thuốc, Đoán ra về. Buổi viếng thăm mặn mà với món ăn quê hương vá víu, nhưng nhạt nhẽo vì cả hai dường như không có chuyện gì để nói với nhau. Mấy tách trà làm Vận mất ngủ. Chàng nằm ôm bóng đêm, lắng tai nghe tiếng chân về muộn nghiến lên sàn gỗ của người ở trọ phòng bên. Chưa một lần chạm mặt nhau. Không biết phái tính, nhưng tiếng chân gọn, mạnh, dứt khoát, đượm nam tính. Rồi tiếng cửa mở đóng, tiếng nước chuyển vận xàn xạt trong ống sắt giấu chằng chịt giữa tường vôi. Lát sau, lại nghe cửa mở, âm thanh những bước chân nhẹ hơn, có lẽ đã thay dép nỉ, mất hút vào hướng phòng vệ sinh. Vận không thể không tưởng tượng. Căn phòng lạnh và trống, rộng một cách vô lý. Bóng đèn không chụp, điện năng thấp, soi ánh sáng già nua. Đoàn xe lửa nửa đêm trong hoang tưởng Vận vùn vụt băng ngang làm ngọn đèn lao chao. Tiếng nước dội như thực tế phũ phàng cuốn phăng những giấc mơ chàng vào cống rãnh xú uế. Vận không vặn đồng hồ báo thức. Nó cũng không nhắc, thản nhiên nhích từng đoạn thời gian.

Mùi mồ hôi vướng trên chăn gối chưa thay. Những sợi tóc dài thời đại flower power đen nhánh rụng trên gối. Vài sợi lông xoắn rơi trên chăn. Lâu lâu Vận gom nhặt, kẹp giữa ngón trỏ và ngón cái, giơ lên săm soi như người loạn trí, rồi vất vào giỏ rác. Thể xác trai tơ thỉnh thoảng ứa ra những vết mộng ẩm ướt. Bàn tay giấu giữa hai đùi khép, tìm hơi ấm. Đôi mươi, chưa từng chơi gái, cũng chưa biết tự tìm cảm giác. Nhiều khi Vận có ý tưởng khôi hài, hai bàn tay không thuộc cơ thể chàng. Cả những biến động thời sự bên ngoài, Vận cũng không quan tâm. Chẳng hiểu tại sao, chàng không nghĩ tới chuyện sắm một cái vô tuyến truyền hình. Những tin tức, vì vậy, Vận chỉ nghe được từ người khác.

Hans hỏi:

- Mày nghĩ sao về mấy cuộc biểu tình ở Bá-linh của thanh niên xứ tao?

Vận ngơ ngác nhìn bóng Hans trong gương:

- Biểu tình gì?

Hans ngưng tay cắt, vẻ mặt ngạc nhiên:

- Mày không biết thật à?

- Không.

- Họ xuống đường phản đối cuộc viếng thăm của quốc vương Ba-tư. Nhân thể căng biểu ngữ chống Mỹ tham dự vào chiến tranh Việt

nam; giương ảnh Mao trạch Đông, Hồ chí Minh; nắm tay nhau cùng hô khẩu hiệu: ỏỏHô... ô... Hô... ồ...ỏỏ

Vận ngắt:

- Thật không?

Hans buông kéo, cười lớn, năm ngón tay bôi kem thành dòng lên tóc Vận, thoa đều.

- Mày giống như người tới từ hành tinh khác, chẳng biết gì cả.

Hans rà máy sấy quanh tóc Vận, lớn giọng át tiếng máy:

- Một đứa biểu tình bị xe vòi rồng của cảnh sát cán chết thê thảm. Cả thế giới dều lên án Mỹ và đồng minh.

Vận kêu lên:

- Bất công.

Rồi cố gắng giải thích bằng vốn liếng tiếng bản xứ hạn hẹp:

- Tại sao chúng mày không phản đối chuyện Nga-sô và Trung cộng tiếp tay Bắc Việt xâm lấn miền Nam?

Hans tắt máy, niểng đầu lắng tai:

- Vậy sao?

- Thì ra chúng mày cũng giống như tao: chẳng biết gì còn bày trò chống đối. Chúng mày thiếu công bằng, chỉ quan tâm tới thảm trạng của Bắc Việt, còn cái chết của người dân miền Nam, chúng mày chẳng đếm xỉa gì tới. Tại sao? Chiến tranh xảy ra trực tiếp ở miền Nam, không phải ở miền Bắc. Hiểu không?

Nhát lược trong tay Hans khựng lại, vấp váp trên tóc Vận. Chàng có tật xấu, mỗi khi nôn nóng lại nói lắp. Chẳng biết Hans hiểu được bao nhiêu phần trăm lời Vận nói, Vận chỉ cảm thấy điềm chẳng lành, những tai ương khắc nghiệt xảy ra trên quê hương chàng đang hiện hữu sờ sờ, bằng cảm giác truyền sang từ những nhát kéo bén ngót của Hans, cắt lìa từng nhúm tóc chàng. Đành đoạn, không thương tiếc. Vô trách nhiệm. Tự dưng Vận thấy hối hận. Chàng đâm thù, ghét cay ghét đắng bản ngã mình. Cái gì đã tạo ra nó? Những tế bào di truyền của tóc, của râu, của lông, của những dây nhiễm sắc hình xoắn của ai đã lưu lại trong chàng những bản tính lạ lùng đó? Hoang tưởng Vận loé lên đôi cánh đen đủi của con quạ thường xoạc ngang giấc mộng vô sắc. Và cái đốm đen ủ rũ, quạnh quẽ đậu trên ống khói lò sưởi nóc nhà bên kia. Những bóng đen lạnh lùng chém phăng luồng nắng, in bóng trên tường vôi phòng trọ, dị dạng một cách khó hiểu. Bóng ảnh âm thầm vỡ ra những đe doạ vô cớ.

Sau lần hớt tóc đó, tâm trạng Vận trở nên bất an. Ý nghĩ chàng không còn minh mẫn như trước. Vận trốn học thường xuyên. Không làm gì, đi đâu, chỉ lê la quanh quẩn trong phòng. Chàng bó gối ngồi rình cái

bóng nắng méo mó trên vách, chờ nghe tiếng chân người phòng bên đi về, dôi khi không phải của một mà hai. Sau đó, văng vẳng bên kia tường chắn là tiếng dàn bà rên rỉ chằm chặp, lâu lâu lại gào lên như tiếng mèo dâm hoang. Vận hoang mang nằm gấp lưng hình chữ V, hai tay kẹp chặt giữa đùi. Chàng trấn áp cảm xúc bứt rứt bằng cách nghĩ ngợi những điều chẳng ăn nhập vào đâu. Đúng rồi, chính nó là mầm mống của những cuộc nổi loạn ở Bá-linh, Hoa-thịnh-đốn hay Ba-lê. Tóc của chúng nó dài quá. Phải cắt, phải hớt, phải cạo nhẵn những sợi nhiễm thể dấy loạn. Chúng nó, những kẻ may mắn được sinh sống tại một đất nước an bình thịnh vượng, nghe nhạc rock, hút cần sa và nghênh ngang xuống đường kêu gọi "make love, not war". Vận kêu thầm, ôi, những lỗ dít trí thức của cái bao tử bội thực, rồi cười hinh hích một mình, nhất định sẽ nói cho Hans nghe trong lần gặp gỡ tới.

Vận tự giam mình trong phòng tới ngày thứ ba thì buổi chiều, nghe tiếng chuông reo. Chàng bấm nút mở cửa. Đoán vừa bước vào đã quạt tay lia lịa, ồn ào:

- Khỉ ơi là khỉ, tao tưởng mày treo cổ tự vận chết rồi. Sao không đi học? Mở cửa ra mau, rộng hết ra. Hôi quá. Trời đất, làm gì mà không chịu rửa chén dĩa thế này?

Vận ngồi co rúm trên giường, nhìn Đoán, cười méo xệch:

- Buồn đời, nằm nhà, gãi dái.

Đoán tới ngồi ở mép giường. Vận luống cuống đẩy chân che cơn mộng ẩm ướt còn loang dấu trên nệm. Đoán nhìn Vận dò xét:

- Thất tình à?

Vận lắc đầu:

- Được vậy cũng đỡ.

Đoán ân cần:

- Có bệnh hoạn gì không?

- Không.

- Thế sao không đến trường?

Vận xua tay:

- Tự dưng tao thấy chán, không muốn tiếp xúc với ai.

Đoán chau mày:

- Vậy là bệnh rồi, bệnh khùng.

Cả hai bật cười. Tiếng cười khô, không cảm xúc, như vay mượn. Và lạ lùng thay, vang dội như thể có nhiều người cùng góp tiếng phụ hoạ.

Đoán nghiêm mặt:

- Bệnh khùng, chữa như thế nào nhỉ? Ừ, lấy độc trị độc. Ghét đám đông thì phải nhập vào đám đông. Ghét cái lạnh thì phải đi tìm cái lạnh.

Ghét đi học thì phải đi học. Ghét rửa chén thì bắt rửa chén. Ghét tắm thì phải đi tắm. Tới nhà tao tắm rửa rồi tao nấu cơm cho ăn. Mày không ăn mấy ngày rồi?

Vận pha trò:

- Cầu tiêu chưa đến nỗi nhện giăng.

- Đi!

Tới chỗ trọ của Đoán trong cư xá sinh viên, tắm và ẩm thực xong, hai người ngồi ngắm chiều tà bên khung kính rộng. Phòng trọ ở tầng tám. Hôm nay trời trong, thái dương dỏ ối một vầng chìm xuống lưng cao ốc đối diện. Da trời sưng lên. Vết thương ngày gây cảm giác ấm sốt, rưng rức khó tả. Vận nhớ tới lời tâm sự của cô bạn đồng môn, giống cái độc nhất giữa bầy đực rựa nhốn nháo, háo động: Chiều nào Thục cũng thấy buồn. Khổ rồi, vì trong giây lát này, Vận đang cảm thấu tâm trạng u uất định kỳ của đứa con gái.

Đoán đưa cho Vận điếu thuốc, xoè diêm, tay run run. Vận nhướng mắt nhìn bạn, thều thào:

- Lạnh à?

- Không, tật bẩm sinh.

Vận cười khẽ. Tiếng trẻ con đùa giỡn dưới sân chơi vọng lên. Hơi thuốc ngầy ngật, lãng đãng. Sắc trời đậm dần, bầm tím. Vận lửng lơ so sánh hai đời sống, hai mệnh nước, nơi đây và ở quê hương chàng. Tạo hoá bất công. Gã triết gia kia có lý phần nào khi gào lên, thượng đế đã chết. Trần gian này đang bị vài kẻ điên khùng thống trị. Chúng dựng lên những chủ thuyết có -ism ở cuối. Khó tưởng tượng nổi, những hệ thống chất xám rối loạn kia có thể sáng tạo ra những triết lý làm biến dạng diện mạo thế giới. Căn phòng, chỗ ngồi, bàn viết và những trang chữ dập xoá nhem nhuốc của Engels, Marx, Mao, ... được mấy thằng cuồng danh hoán đổi thành nghĩa trang, nấm mồ của bao triệu nhân mạng. Đất nước Vận cũng không thiếu những bộ óc quẫn trí tương tự thế.

Vận giật mình thấy ra chất xám của chàng cũng đang bấn loạn. Nhưng đó chỉ là những dông bão trong vũng nước di sản sau nhiều cơn mưa nhiễm thể. Chàng sật sờ nhớ lại chiều nào những năm trước, chàng cắm cúi lau rửa thân thể ông nội. Không hiểu sao, cảnh tượng ấy đôi lúc lại hiện ra trong tâm tưởng chàng, rất bất chợt. Ông nội Vận, một cụ già phương phi, đã có thời hét ra lửa tại một làng quê Nam kỳ, đang nằm lả người trần truồng trên giường. Ông vừa đái dầm ra quần. Má kêu Vận rửa ráy và thay quần cho ông. Ông nội già khụ, da mồi tóc bạc, chất xám teo tóp nghễnh ngãng. Nhúm lông dưới bụng ông bạc trắng.

Vận vừa lau vừa ngắm nghía bộ phận gây giống eo xèo, nhăn nhíu, xám ngoét của ông nội, chợt thấy ra cái mỏng manh, vô cùng mỏng manh của sự sống. Lưng tay Vận hồng hào, sởn sơ sinh lực cầm khăn ướt lướt trên phần da thịt tàn tạ, đợi chết. Bỗng ông nội nấc lên rấm rứt. Vận luống cuống ngừng tay. Hai trỏm mắt đục lờ của ông lem luốc nước mắt. Vận gọi nhỏ: ỏỏNội, nội...ỏỏ, rồi không biết phải nói gì. Chàng không hiểu lý do tại sao ông khóc. Có lẽ vì vậy mà hình ảnh ấy ghim chặt vào tâm tưởng chàng, lâu lâu lại lên cơn như chứng bệnh dị ứng bất trị.

Mẩu tin ban sáng qua máy phát thanh làm Vận cất tiếng cười khan. Đoán ngó sửng chàng, cộc lốc:

- Cười gì?

- Mày biết không, ở thành phố Nữu ước có bác sĩ phân tâm chữa bệnh cho chó.

Đoán trợn mắt. Vận cười thành tràng, tiếp giọng:

- Chó ở đó hiếm có dịp tiếp xúc với đồng loại, sống chung chạ với người riết rồi cứ tưởng là người, thái độ không còn thuần chó nữa.

Đoán cười lớn:

- Nên được chủ dẫn tới bán sĩ phân tâm để chữa trị chứ gì?

- Đúng y. Bản tin bắt tao nghĩ tới chuyện tụi mình sống xa tổ quốc, không còn cơ hội giao tiếp với người đồng chủng.

Đoán kêu trời:

- Trời đất, mày ví von nghe nhục nhã.

Vận khổ sở giải thích:

- Không phải vậy, chỉ giông giống thôi, theo nghĩa bóng, hiểu chứ?

Đoán lặng thinh vài giây rồi khẽ gật:

- Trong đám tụi mình cũng có vài trường hợp bị khủng hoảng tâm thần.

- Đó, đúng đó.

Rồi cả hai đồng loạt rơi vào khoảng trống của ngờ vực, của những con chó xa đất cũ, mất dấu những gốc cây và lùm bụi thân thuộc, đầy kích thích tố quen hơi. Chúng trở nên lạc lõng, bị tha hoá trong xã hội của một giống thú khác với nhiều lỗ dít tiêu chảy vì dâm thực.

Khuya, Vận đem ý tưởng hậm hực đó trở lại phòng trọ, có cảm giác như người tiền sử tìm về hang động sau một cuộc hành trình truy tầm bản ngã. Căn phòng ngộp ngụa hơi người của những ngày ý thức chàng xấp ngửa trăn trở. Vận lúi cúi rửa dọn, lau bụi, đổ rác; cố gượng nhẹ để không gây tiếng động lớn. Lúc rửa mặt, đánh răng, Vận ngẩng đầu soi gương, bất thần nhận ra đã mấy hôm liền chàng không cạo râu. Những

sợi nhiễm thể cứng, dâm tua tủa trên mép, dưới cằm. Và tóc chàng dài quá. Trông Vận như một kẻ man rợ. Chưa lần nào Vận thố lộ cùng Doán chuyện chàng lâu lâu lại vào cầu tiêu, ngồi khóc tỉ tê như một con dàn bà bị tình phụ. Đoàn xe lửa không tưởng lại xuyên tường băng ngang tầm mắt Vận, xầm xập xầm xập. Hết chuyến này tới chuyến khác. Những toa xe sáng đèn quệt thành vết lân tinh dài ngoẵng, rơi rớt trên sàn gỗ đầy lông tóc ký ức góp nhặt từ muôn kiếp nào. Những chuyến tàu của đời người, không biết khởi hành từ đâu, và trạm cuối là nơi nào?

*

* *

Giờ đây, sau gần 30 năm, nhớ lại ngày tháng thanh xuân, lòng Vận bồi hồi không ít. Sau cơn chấn động tâm lý lần ấy, Vận trở lại ỏởTriết lý của tócỏở, nhờ Hans cạo sạch mớ tóc dựng đầy nhiễu nhương thời đại. Hans ngạc nhiên hỏi, thật không, rồi lẳng lặng làm theo ý Vận. Chàng nói với Hans: ỏởTóc của mày cũng dài quá, cắt đi là vừa!ỏở Vận dửng dưng nhìn Hans nhấp kéo vào mớ tóc rậm. Từng nhúm tế bào hữu cơ vung vãi xuống khăn choàng. Vận thầm thì như tụng kinh:

- Chúng mày muốn thay đổi bộ mặt thế giới ư? Tốt, nhưng dừng hoán chuyển những xác người bằng chủ nghĩa này hay triết lý nọ. Có bao giờ chúng mày trực diện với cái chết? Thế giới đang được một nhóm người điều khiển. Phân nửa là những thằng quẫn trí, ẩn ức dục tình, mặc cảm tự ti. Còn nửa kia xung phong đứng ra quét dọn những rác rưởi chủ nghĩa. Nếu mỗi người biết tự xét, tự thanh tẩy bản ngã, có lẽ... có thể...

Không biết Hans có nghe và hiểu hết những gì Vận nói, chỉ biết sau lần cạo đầu đó, Vận không còn dịp trở lại "Triết lý của tóc" nữa. Chàng bỏ trường, dời sang tỉnh khác, chấn chỉnh lại cuộc sống. Thời cuộc trên quê hương chàng thay đổi lớn. Vận biết, từ đấy tóc chàng đã thật sự rụng lìa thịt da bản sắc. Đám người đã có thời xuống đường nghênh ngang hoan hô đả đảo, giờ cũng nhăn da bạc tóc. Tên thủ lãnh, nghe tin, sau một cơn say ma tuý, ra dầm mình xuống hồ bơi, chết đuối. Nhóm tả khuynh bạo động, đã từng bắt cóc thủ tiêu vài nhân vật tư bản nắm trong tay vận mệnh chính trị và kinh tế toàn cầu, phần bị bắt giam, phần bị nội phản, tự động giải tán.

Một lần, có dịp trở lại thành phố cũ, Vận tạt ngang con đường có tiệm hớt tóc mang bảng hiệu ngộ nghĩnh. Tất cả đều thay đổi. Vận tần ngần đậu xe, ngắm nhìn khung kính dán tấm quảng cáo, sẽ khai trương tại đây thẩm mỹ viện... Chàng nhếch cười lơ đãng. Trụ đèn chếnh choáng

Niềm vui, Nỗi nhớ
TRỊNH GIA MỸ

Trong đất có hoa
Trong hoa có trời
Trong ta có một khoảng đời để yêu

Trong nắng có gió
Trong gió có mây
Trong ta có những tháng ngày với nhau

Trong đêm có mộng
Trong mộng có người
Trong ta có những niềm vui tuyệt vời

Trong những ngậm ngùi
Có nhiều nỗi nhớ
Trong từng hơi thở
Có nỗi niềm riêng
Trong ta có mối ưu phiền lặng thinh

Có trời cho một bình minh
Có ta vui nỗi một mình nhớ, quên.

August 1, 2000

phủ xuống lòng đường lớp ánh sáng vàng tái, thứ màu vàng đã thẩm thấu tận cùng tâm tưởng Vận, của phòng vệ sinh lạnh, rộng một cách vô lý. Và bóng đèn trần, điện năng yếu lao chao soi bóng chàng ngồi rình chuyến xe lửa thời gian vút ngang, loé lên những lằn roi sáng quất như ánh thép khi Hans lia kéo xắp tóc chàng. Vận kêu thầm, tóc ơi.

4.2000

Trên đường thiên lý

Song Thao

Chữ "thiên lý" gợi ra những điều vất vả. Một con đường thăm thẳm tắm dầm ánh mặt trời, cát bụi mù bay, ngoằn ngoèo nằm đơn côi vắng vẻ, đi tưởng chẳng bao giờ tới. Quãng đường của tôi đi, từ Montréal tới New York, ngót nghét cũng ngàn cây số lại vượt qua biên giới dàng hoàng, dễ dãi một chút cũng cứ có thể gọi là đường thiên lý được đi. Mặc dù cái thiên lý này xa lộ thẳng tắp trơn tru, cảnh vật mát mắt, thỉnh thoảng lại xuyên qua những nơi thị tứ đông đảo nhộn nhịp. Đi trên xe Greyhound, có ông tài xế da đen vững như bàn thạch ngồi nuốt cả tay lái, máy lạnh chạy rì rầm, lại có washroom sạch bóng, biết chắc là sau tám tiếng sẽ tới, chữ "thiên lý" nghe chừng đã lạc điệu. Tuy nói vậy nhưng cũng không phải là không vất vả chút đỉnh. Phải dậy sớm!

Buổi sáng còn dùng dằng chưa muốn chia tay với chăn nệm, tiếng đồng hồ báo thức lay dậy làm tôi bực mình. Biết thế cứ thả rông những ngày nghỉ bằng cái ăn cái ngủ luông tuồng tự do coi bộ sướng hơn. Có công có việc gì ở New York đâu mà tự dưng hứng chí mua vé xe. Bạn bè ở bên đó thì cũng có đó, không gặp nhau dễ chừng cả hai chục năm rồi, thì để thêm một vài năm nữa cũng có sao đâu. Họ hàng thì chẳng có ai ở cái xứ bầm dập chộn rộn đó. Bà Nữ Thần Tự Do cầm đuốc không biết mỏi tay thì cũng đã nhẵn mặt rồi. Tôi nhảy vào phòng vé xỉa tiền vào một lúc người lâng lâng như vừa phi xong một điếu xì ke.

Cô gái trong quầy tiếp tân mặt hoa chẳng nhích lên được, thỉnh thoảng lại giơ bàn tay trắng muốt che cái ngáp khó cưỡng lại. Những hàng quán ngái ngủ, cái đóng cái mở, làm lạnh tanh chiếc hành lang

dài dằng dặc dẫn tới chỗ xếp hàng chờ lên xe. Đứng hàng đầu là một gia đình da đen, bảy người, từ lớn tới nhỏ chắc cũng phải tới bốn thế hệ, va ly túi xách lủng củng giăng hàng cả thước. Sau đống va ly và túi xách là những thanh niên, có nam có nữ, ba lô deo vai, chuyện như pháo rang, mặt vui như tết. Tôi xếp hàng sau đám trẻ nhộn nhịp này. Bên cạnh tôi, sát tường, là một chiếc ghế dài cho khách ngồi nghỉ chân. Trên ghế nằm thẳng cẳng một dấng mày râu, râu thì nhiều nhưng tuổi chắc chẳng bao nhiêu, đầu kê lên ba lô, tay vắt ngang mắt, ngủ tự nhiên như ở nhà. Cha nội này chắc chẳng bao giờ tới được New York, tôi nghĩ thầm.

Vậy mà tôi lầm lớn. Gửi được chiếc va ly nhỏ vào hầm đựng hành lý dưới xe, bước lên cửa, đi dọc theo hai hàng ghế đầy nhóc người, cố kiếm một chỗ ngồi, tôi chẳng có chọn lựa nào khác là rón rén ngồi xuống chiếc ghế trống duy nhất bên cạnh người tôi đã tưởng là sẽ chẳng bao giờ lên xe. Đấng mày râu đã lại tiếp tục ngủ chẳng thèm biết bên cạnh có tôi. Xe lắc lư. Chiếc đầu nhắm mắt cũng lắc lư như đầu một con búp bê nhẽo nhẹt. Đường thiên lý có chi vất vả. Cứ nhắm mắt cũng tới. Mà tới cấp kỳ. Xe vừa dừng ở trạm thứ nhất phía bên kia biên giới, một thị trấn nhỏ loe ngoe ít mái nhà, bạn đồng hành của tôi đã dụi mắt, nắm chiếc túi xách tay méo mó nằm dưới chân, đứng dậy đi xuống, quên cả chào tôi một câu cho đúng phép lịch sự.

Bến xe là một căn nhà nhỏ, chắc chỉ nhỉnh hơn cái nhà gác trong các parking chút đỉnh, nằm chơ vơ giữa một bãi đất trống. Hàng cây xơ xác xếp hàng vụng về phía sau căn nhà đem lại một phong cảnh vừa tiêu sơ vừa đe dọa như trong một phim cao bồi có súng đạn bay tung tóe. Cánh cửa cót két mở nhả ra một cô gái áo quần màu xám gọn ghẽ, gọng kính trắng màu đen đóng niềng khuôn mặt trang nghiêm, dáng đi thẳng thớm như trong hàng quân diễn hành, tay kéo một chiếc va ly nhỏ có bánh xe như dắt một chú chó con ngoan ngoãn. Ông tài xế da đen dã mở hộc chứa hành lý dưới sàn xe, nhe hàm răng trắng thay cho lời chào hỏi. Cô gái đưa vé. Ông tài xế lúi húi ghi vào một mảnh giấy bìa treo toòng teeng vào quai va ly. Từ trên cửa xe nhìn xuống, tôi thấy lờ mờ nét chững chạc trên khuôn mặt không trẻ như tôi nhìn từ xa mấy phút trước. Chẳng biết sao tự nhiên tôi thấy lòng mình hao hụt đi một chút thoải mái.

Cô gái đi dài theo lối đi trên xe, hai mắt đảo quanh tìm ghế trống. Chỗ đâu mà kiếm. Trước sau gì cũng chỉ có một chỗ của anh thanh niên

ngủ mứa vừa bỏ lại, bên cạnh tôi. Cô nhoẻn miệng cười với tôi, đặt chiếc bàn tọa tròn lẳn xuống ghế, vuốt lại nếp áo phủ trên đùi. Quay qua tôi, cô nhếch miệng. Tôi đọc trên môi cô được chữ Hi không thành tiếng. Tôi lịch sự cười lại Hello. Rồi tiếp tục chúi mũi vào cuốn sách. Cô cũng kéo từ trong chiếc xách tay một cuốn sách dày cộm, bìa cứng. Tôi có ý liếc trộm nhan sách cô đọc nhưng trời chưa chiều lòng người. Tôi chỉ thấy những ngón tay thiếu thon thả hững hờ nằm trên trang giấy. Đôi mắt gian xảo của tôi hoạt động chừng vài phút rồi chịu thua. Tôi đành đọc sách của tôi và cô gái đọc sách của cô.

Xe ngừng lại bến. Cái bến này coi bộ khá hơn bến trước. Chẳng thế mà ông tài xế đã báo trước trên loa phóng thanh là hành khách có thể xuống xe nghỉ mười phút. Trong xe nhộn nhạo người đứng chờ xuống xe. Cô gái vẫn không rời mắt khỏi trang sách. Tôi ngồi ở phía trong, miệng chẳng khát, bụng chẳng óc ách, lại có lòng tôn trọng kẻ giao tiếp với chữ nghĩa, nên cũng cắm cúi đọc nốt cái truyện của một nhà văn nữ vốn vẫn được tiếng là chẳng e dè trong ngòi bút. Mũi tôi bỗng khụt khịt từ chối một mùi khó ngửi. Cô gái nhấc những ngón tay lên bịt mũi trong một cử chỉ cố làm cho bớt sỗ sàng. Một bà già nhỏ thó nhưng vui tươi đang đứng đựa vào ghế chờ tới lượt đi xuống. Cả tôi lẫn cô gái đều không hẹn mà cùng ngẩng mặt lên nhìn bà già. Bà già vui vẻ nhìn lại cười xã giao. Không hiểu bà vốn là người vui tính hay vì khoái chí trong bụng khi được đi ra ngoài đứng giữa nhiều người như thế này mà tôi thấy bà cười với tất cả mọi người. Mặt bà thì vui nhưng cái mùi toát ra từ người bà không được vui. Đó là mùi nước tiểu són ra tã lót. Thường thì mùi gì được lưu giữ lâu vẫn hay đậm đà hơn. Dòng người trên xe mỏng đi cuốn được bà già tiến lên phía trước. Mùi nồng nặc nhạt dần và biến mất khi bà già đứng dưới đường còn cố ngoái cổ lên các vuông kính trên xe cười thêm một chút nữa. Mũi tôi thở ra thoải mái. Tay cô gái rơi lại xuống trang sách. Cô quay sang bắt gặp bộ mặt có chiếc mũi khụt khịt của tôi. Cô toác miệng cười không ra tiếng. Hàm răng trắng đều lóa ra khỏi đôi môi mỏng bóng nhẫy màu mơ chín. Cô này có nụ cười đẹp. Tôi rung người cố chặn tiếng cười mà nếu không ngăn lại thì dám át tiếng máy xe vẫn đang ì ầm rền vang lắm.

Chúng tôi quen nhau bằng tiếng cười đồng tình đó. Bảo rằng nhờ mùi khai của bà già thì có vẻ nhảm nhí nhưng quả đúng là như vậy.

Cô gái giơ bàn tay cho tôi bắt và xưng tên. Tôi hân hoan nắm lấy cái vật mềm mại mát dịu và cũng xưng tên. Audrey mở lời.

"Chắc anh (dĩ nhiên Audrey dùng chữ you mà trong dầu nghĩ là ông hay anh tôi nào có biết nhưng vẫn cố tình ăn gian chút đỉnh) cũng nghĩ như tôi?"

Tôi dại gì mà không đồng ý.

"Phải! Chắc mình cùng có ý nghĩ giống nhau."

Audrey nheo mắt tinh quái.

"Anh có biết tôi nghĩ gì không?"

Đã trót phải trét, tôi dở giọng bài bây.

"Thì cô nghĩ như tôi."

Audrey cười. Sao hàm răng trắng thế chẳng biết!

"Tôi chắc anh nghĩ rằng bà già này ít có dịp ra ngoài nên có vẻ tận hưởng cái thú của người được hòa mình vào đám đông. Chúng ta cần rộng lượng với người già cả dù phải chịu đựng chút chút phiền toái."

Giọng diệu nghe hiền hòa bao dung. Tôi có được như vậy không? Chẳng được thì cũng phải ráng. Lỡ được gán cho tiếng tốt thì phải trân mình ra mà mang chứ biết làm sao.

"Đó là ý nghĩ của cô hay của tôi?"

Bộ diệu cười của Audrey nghe như pha chút trịch thượng.

"Tôi nghĩ đó là ý nghĩ của anh!"

"Còn cô thì sao?"

"Tôi ấy à? Chắc phải hơn chút đỉnh. Chút nữa bà ấy lên lại tôi sẽ không bịt mũi nữa!"

Cả hai cùng phá ra cười. Tiếng cười của tôi không được giòn giã như của Audrey. Người đàn bà có giọng cười bong bong như tiếng vặn mình của những hạt bắp rang thường là những người sung sướng. Tôi thấy được vẻ thoải mái yêu đời nơi Audrey.

Hành khách cũ lục tục kéo lên xe. Ông tài xế đang bận rộn với đám hành khách mới. Hành lý được ông mạnh mẽ đẩy vào khoang. Đám hành khách cũ đã yên vị. Không thấy bóng dáng bà già vui tính, tôi dảo mắt nhìn quanh. Audrey gấp cuốn sách lại, ngón tay cái bị chôn vào giữa giữ dấu trang đang đọc. Tôi thừa cơ liếc được tên sách. Một cuốn nghiên cứu về các vấn đề xã hội. Audrey chăm chăm nhìn đám hành khách mới đang leo lên xe. Cái nhìn lén của tôi được an toàn. Tôi nói nhỏ vào tai Audrey.

"Cô không phải gân mình biểu diễn trò không bịt mũi nữa. Bà già đã mất tích."

Audrey quay sang tôi nhưng mắt dõi xa hơn qua lớp kính cửa sổ. Cô kéo vai tôi chỉ xuống đường. Bà già đang cười nói hoạt bát giữa đám

năm bảy người chắc là con cháu ra đón. Gió đánh phập phồng vạt áo dầm có những cánh hoa màu đỏ của bà. Tôi vui khi thấy những khuôn mặt thản nhiên thoải mái xúm quanh bà.

Sao mùi hôi vẫn xộc vào mũi tôi sỗ sàng? Tôi quay mặt lại. Mũi Audrey chun chun chống dỡ. Tôi đưa mắt dò hỏi. Audrey hất mặt lên hàng ghế trên. Tôi chỉ thấy được hai cái đầu tóc nâu nhô khỏi lưng ghế. Những sợi tóc rít kịt như đã sợ nước từ lâu ngày. Xe từ từ lăn bánh. Mùi hôi ào xuống như thác đổ. Mùi áo quần lâu ngày không giặt. Mùi đa thịt lưu cữu. Tôi như ngộp thở. Tay Audrey vẫn nằm trên cuốn sách nhưng mũi cô đỏ lên vì nín thở. Nhìn thấy hai ghế trống phía trên dãy bên kia, tôi hất mặt rủ Audrey đổi chỗ. Audrey ngậm chặt miệng không nói gì nhưng tất tả thu dọn xách tay đứng lên. Tôi để cho Audrey ngồi phía trong sát cửa sổ. Mùi hôi còn phảng phất trong mũi. Tôi dựa ngửa trên ghế thở dồn dập. Không khí dần quang đãng trở lại. Tôi thầm cám ơn hai chiếc ghế trống đã cứu tôi khỏi chết ngạt. Audrey cố nhốt tiếng cười trong miệng làm ánh mắt cô lấp lánh ranh mãnh.

"Anh có thấy hai quả thật là hơn một không?"

Tôi liếc nhìn xế xuống phía dưới. Ra là hai cô nhỏ bụi đời.

"Hai trái vừa chín phải thơm hơn một trái già mõm chứ!"

Audrey hích cánh tay vào cạnh người tôi.

"Chỗ dưới đó còn trống đó. Muốn đón gió thơm cũng còn chưa muộn đâu."

"Mình tôi đón chắc không hết. Có muốn chia sớt không?"

Audrey lắc mạnh. Mái tóc ngắn bung ra tròn trịa.

"Dại chi!"

Bà khách đạo mạo ngồi ghế trên tôi đưa hẳn cái đầu ra ngoài lối đi. Cặp mắt quắc lên. Đôi môi bĩu dài ra. Tôi nhìn theo ánh mắt bà. Hai con nhỏ bụi đời đang quấn quít ôm hôn nhau. Như một cặp tình nhân mê đắm chẳng biết tới người chung quanh. Con nhỏ ngồi phía trong, cao hơn, giơ tay ôm đầu con bạn. Nạm lông màu râu ngô rậm rạp nơi nách. Audrey ghé mắt qua khe hở giữa hai lưng ghế. Cô đỏ mặt, nhún vai, nhìn tôi. Tôi nhún vai theo. Như muốn nói một điều khó nói.

"Đó cũng là một vấn đề mới của xã hội.õõ Audrey nói, giọng cố mang vẻ bình thản.

"Một sa đọa mới chăng?"

"Tôi không phải là một nhà đạo đức. Tôi chỉ là một người nghiên cứu. Tôi ghi nhận, điều nghiên, trình bày sự việc một cách khách quan. Việc người nào người nấy lo."

"Nhưng ít nhất, như là một phần tử của xã hội, cô cũng có mối ưu tư chứ?"

"Ưu tư chứ sao không! Không ưu tư tại sao nghiên cứu? Nhưng đi xa hơn nữa thì là việc của những nhà chính trị, nhất là những nhà chính trị cầm quyền. Tôi lại ít khi hợp với loại người này. Ít nhất trong những việc họ đã làm!"

Tôi nghĩ trong đầu. Chà, gặp thứ thiệt rồi đây! Nói chuyện chơi chơi thì thấy cũng vui vui dễ thương. Ai ngờ vào chuyện thì hiện rõ ra khuôn mặt đăm chiêu của một người nặng đầu. Người tôi nhột nhạt cấn cái. Chẳng là tôi cũng đã có thời nặng dầu đi điều nghiên một vấn đề xã hội ngàn đời. Mà lại làm trong khi là một công chức trong guồng máy cầm quyền mới tréo cẳng ngỗng. Điều tra về nạn mãi dâm tại Saigon mà làm một mẫu sổ kê khai gần hai chục cột gửi theo công văn tới các quận cảnh sát yêu cầu diền vào. Tất cả các quận cảnh sát đều thi hành đúng, gửi về từng cuốn sổ dày cộm. Cộng trừ nhân chia một hồi thì cũng ra được vài kết luận. Nhưng nhốt một vấn đề xã hội trong phòng làm việc coi bộ chẳng ra làm sao cả. Cũng cần phải coi mặt mũi tươi sống của vấn đề chứ. Công diện cho các quận cảnh sát yêu cầu cho thăm hỏi điều tra. Đại diện cơ quan nọ qua cơ quan kia làm việc cũng phải có chiếc cà vạt tối thiểu cho phải phép. Đi thăm phòng giam gái mãi dâm, mới cùng ông sĩ quan cảnh sát đi ngoài hành lang đã nghe cả trăm cái miệng trong hàng rào sắt chõ ra cười nói. Anh đi tìm em đấy hả? Chồng ơi, chồng thắt cà vạt vào lãnh em ra phải không? Anh ơi, lãnh em ra em sẽ ngày đêm hầu anh ngất ngư luôn! Em đây nè, anh hai, muốn đi em không? Nhà nghiên cứu chưa vợ mặt đỏ như vừa đổ cả chai rượu vào miệng. Ông sĩ quan cảnh sát xám mặt gân cổ nạt nộ. Cả hai dều muốn mau mau thoát ra khỏi con đường thập tự này. Khi gọi từng cô lên phòng hỏi riêng thì lại thấy toàn những khuôn mặt hiền khô khóc than kể lể mong chóng được thả để trở về quê hoàn lương làm ăn đàng hoàng. Mủi lòng trước những giọt nước mắt thừa thãi đầm đìa trên những đôi má vàng võ, tôi nhìn vào hồ sơ cá nhân lại thấy chẳng có cô nào bị bắt dưới chục lần cả!

Tiếng loa phóng thanh ậm ừ ro ro một hồi rồi ông tài xế lên tiếng. Dã tới Albany, thủ đô của tiểu bang New York. Hành khách xuống xe nghỉ nửa giờ rồi sẽ lên lại tại cửa số 3. Hành lý gửi để nguyên trên xe, hành lý xách tay có thể mang theo nếu muốn. Xe bò chậm chạp qua những con phố nép mình dưới những tòa nhà cao tầng đồ sộ. Đường xá tấp nập ra dáng một thủ dô. Nhà ga khá lớn chiếm nguyên một khu đất riêng biệt.

Audrey khoác chiếc ví nhỏ lên vai, quay sang thấy tôi na luôn chiếc xách tay cồng kềnh.

"Anh xuống dây sao?"

"Không!"

Nhìn tôi khệnh khạng với chiếc túi trĩu tay, Audrey tiếp tục... nghiên cứu.

"Vậy làm chi mà lễ mễ vậy?"

"Cho nó chắc ăn!"

"Vậy mà tôi tưởng anh dọn nhà tới đây chứ!"

Đáng lẽ tôi phải giận mới phải nhưng sao miệng tôi lại cười ngượng nghịu lép vế. Nhà nghiên cứu chưa thôi thắc mắc.

"Anh đi tới đâu?

"Nếu cô dừng lại ở New York thì tôi cũng dừng ở đó."

"Nếu không?"

"Thì tôi cũng xuống New York như thường!"

Audrey làm bộ thất vọng thở ra. Tưởng là chí tình theo nhau tới chân trời góc biển, ai ngờ rớt bịch ngang xương.

"Hên cho anh đấy!"

"Sao hên?"

"Tôi cũng tới New York. Mà anh tới New York làm chi?"

Tôi tới New York làm chi nhỉ? Thằng xếp nhỏ bảo tôi. Ông già tao đau nặng, tao phải về quê vài ngày, mày có muốn nghỉ xả hơi không? Nghỉ thì có thằng đi cày nào chẳng muốn. Ba ngày cộng thêm hai ngày cuối tuần. Đi đâu bây giờ? Bệnh lãng mạn nổi lên. Sao không trở lại nơi son trẻ của thời sinh viên? Này Karina, Lucy, Maria. Này Anne, Jana, Sharon. Tíu tít những cuộc tình ngắn mà đậm. Đếm bước trên những vỉa hè cũ, ngồi xuống nơi những hàng quán xưa (toàn những quán pizza và cà phê rẻ tiền), gậm nhấm lại những ngày vui, sao không? Trò nhai lại cũng là một trò thú vị, tôi hứng chí nghĩ mình sẽ trẻ lại tuổi sinh viên. Các em bây giờ đã tản mát nơi đâu? Các em cứ yên tâm đi để lại cho tôi hình bóng thanh xuân của các em là được rồi. Tôi sẽ một mình sống lại những ngày cũ. Lỡ có gặp lại em nào nơi thành phố cũ thì cũng chẳng phải là điều điểm phúc. Giá chót cũng là những mái tóc bạc, những hàm răng giả, những gọng kính lão... Toàn những thứ cường toan dội lên những lãng mạn óng ả.

Cặp kính trắng của Audrey (đâu có phải là kính lão!) không phá cái duyên của một khuôn mặt mặn mà. Nó như thêm chút trí thức vào nét sắc sảo nhưng tươi tắn nơi cặp mắt đang nhìn tôi như giễu cợt, nơi chiếc miệng đang nghịch ngợm chiếc ống hút cắm vào ly coke đậm

nâu.

"Thế ra anh cũng dâm tình với New York nhỉ? Tôi vẫn luôn luôn cảm thấy như mình trở về mỗi lần có dịp quay lại trường xưa. Lần này chắc phải ở cả tuần. Tôi mới nhận cái project với ông thày cũ của tôi."

"Cô trở về để làm việc, tôi trở về để rong chơi. Coi bộ không công bằng nhỉ?"

"Tôi có tị nạnh chi với anh đâu! New York có ngày và đêm. Tôi có cái đầu nhưng cũng có đôi chân. Biết ai sao mà nói hè!"

Tiếng loa phóng thanh gọi hành khách đi New York ra cửa số 3. Vài người lục tục đứng dậy rời khỏi nhà hàng. Tiếng ghế xê dịch nhắc tôi đứng theo.

"Tôi ra mua thêm chai nước. Cô có cần gì không?"

Audrey dợm đứng lên.

"Để tôi ra lấy chai nước cam."

"Xong ngay! Cô cứ ra cửa trước đi."

Audrey đứng trong hàng người chờ lên xe, vẫy tôi lại khi nhác thấy bóng tôi với hai chai nước trong tay, tỉnh bơ nắm chặt tay tôi đứng chung. Đầu cô ghé sát vào tai tôi, mắt nháy nháy thầm thì.

"Đóng kịch bồ bịch một chút cho mấy người xếp hàng phía sau khỏi lầu bầu cái chỗ ngang xương của anh."

Tôi đưa chai nước cam cho Audrey.

"Bao nhiêu vậy?"

"Bồ bịch ai hỏi thế!"

"Xin lỗi!"

"Bồ bịch ai xin lỗi!"

"Cám ơn vậy!"

"Bồ bịch ai cám ơn!"

Miệng Audrey ép sát thêm vào tai tôi, mấp máy thân mật, ai trông vào cũng tưởng đang tình tứ lắm.

"Còn lâu ạ!"

Ông tài xế thu thẻ lên xe của hành khách cũ xong mới soát vé cho hành khách mới lên xe. Hai con nhỏ bụi đời dựa đầu vào nhau ngủ. Xe lỗ chỗ những chỗ trống. Đám hành khách mới láo liên tìm chỗ ngồi. Vẻ vội vã tương phản với người hành khách vừa ông ẹo bước lên xe. Chiếc áo đầm đỏ óng ánh kim tuyến cũn cỡn bỏ trống khoảng đùi dài trắng xanh, bó sát thân người chỗ nào ra chỗ đó, kéo được cái nhìn của hầu hết hành khách trên xe. Dáng đi nhẩn nha đánh qua đánh lại, nụ cười đổ qua trái qua phải liên tục lên từng hàng ghế, nhẹ nhõm ngang qua

chỗ tôi ngồi. Đôi mông quá khổ lắc lư muốn chồm lên mặt tôi.

"Anh có hề hấn gì không?" Audrey tinh quái thầm thì bên tai tôi.

"Tưởng chết ngạt rồi chứ!"

Mùi nước hoa nồng nặc xục xạo ào vào mũi tôi.

"Lần này có chết ngạt chắc vẫn vui nhỉ?"

Mặt tôi tỉnh bơ.

"Đâu có phải ngạt vì mùi đâu!"

Audrey bưng miệng nhốt tiếng cười. Tôi thì thầm.

"Cũng phải để cho cô ấy chào hàng chứ!"

Audrey sững người nhìn tôi.

"Anh cũng biết à?"

"Cô là dân bà còn biết huống chi đàn ông như tôi."

"Tôi biết như một vấn đề xã hội dằng dai và nhức nhối nhất."

Tôi giỡn.

"Còn tôi biết như một người đàn ông... bình thường."

Nếu chúng tôi thân mật hơn một chút, chắc tôi đã bị nhéo. Chẳng ở đùi thì cũng ở tay. Audrey không nhéo tôi. Cô cười vu vơ.

"Đụng tới vấn đề này là tôi vừa say mê vừa tức tối. Say mê vì, đối với một người nghiên cứu, đây là một vấn đề xưa cũ, như người ta thường nói: xưa như trái đất, nhưng lại biến dổi không ngừng. Biến đổi theo thời gian, theo không gian, lại còn chuyển biến mạnh hơn nữa theo từng biến cố lịch sử và xã hội. Nó như một nùi chỉ rối, chẳng biết đâu mà lần. Vì vậy nên tức tối. Bỏ ra bao nhiêu công sức cũng chỉ như hòn đá rơi lọt thỏm vào một vực sâu vô tận. Anh biết đánh bài chứ? Trông mặt anh thấy cũng có vẻ là dân máu mê lắm. Chắc anh biết là một khi đã ngồi vào bàn bài thì càng đánh càng mê, càng thua thì lại càng húc mạnh hơn nữa. Với những người nghiên cứu như tôi, vấn đề này cũng vậy. Tôi là một con bài đã nhiều phen cháy túi mà trông thấy quân bài vẫn cứ hào hứng nhào vô. Xin lỗi anh, đụng vào cái nút bấm của tôi nên tôi ba hoa hơi nhiều về nghề của tôi, chắc anh khó có thể hiểu và thông cảm với tôi."

Chẳng lẽ tôi lại khai ra cái thời gọi là nghiên cứu về vấn đề mãi dâm của tôi. Việc tôi đã làm chắc chỉ như một trò trẻ dưới mắt Audrey. Tuy quá hiểu và thông cảm với Audrey, tôi chẳng dại chi mà lạy ông tôi ở bụi này. Tôi cố làm ra vẻ mặt của một người ngoại cuộc.

"Tôi không hoàn toàn hiểu được cái say mê và tức tối của cô, nhưng trong đời tôi cũng có nhiều cái say mê và tức tối nên tôi nghĩ rằng tôi thông cảm được."

"Anh say mê những gì?"

Tôi thấy được cái duyên của Audrey toát ra trên vẻ mặt ranh mãnh dang vừa soi mói vừa ráng lập nghiêm nhìn tôi. Tôi vốn mặn với những khuôn mặt có duyên. Đó là những khuôn mặt biết bám víu lâu dài vào ký ức của một người đàn ông. Tôi giả lả.

"Tất cả những gì mà một người đàn ông say mê!"

"Nhất là cái đon đả chào hàng của người đàn bà có thứ muốn bán?"

"Đó là ý nghĩ của cô"

"Nhưng có đúng không?"

"Đại khái thì là đúng với hầu hết đàn ông."

"Còn anh thì sao?"

Tôi chẳng ngờ Audrey lại dõng dạc dồn tôi vào sát chân tường. Một người đàn bà tế nhị thường ít có lối lấn sân mạnh bạo như vậy. Nhưng Audrey là một nhà nghiên cứu xã hội say mê và tận tụy, chuyện đang nói lại liên quan đến nỗi ấm ức dai dẳng của cô. Cô muốn đi cho tới nơi tới chốn. Còn tôi, tôi cố kéo lê chiếc lưng cùng đường đã kề sát vách tường.

"Tôi là một người đàn ông."

Audrey phì cười.

"Có ai nghĩ anh là đàn bà đâu!"

Tôi muốn xóa ván bài đã tới hồi quá bất lợi cho tôi.

"Đàn ông, đàn bà! Tôi muốn bỏ xuống biển cặp đối lập rắc rối này quá!"

"Nhưng tôi là đàn bà, tôi lại chẳng may có cái đầu ưa rắc rối.õõ Audrey liếc xéo tôi ỏõ Vậy nên mới vô ý làm anh cứ bò loanh quanh hoài. Kể cũng tội nghiệp anh, sao hôm nay trời xui đất khiến chi mà lại xếp đặt cho anh ngồi cạnh tôi. Tôi hỏi thật anh nhé, có bao giờ anh muốn biết tâm trạng của những cô gái cùng loại với cô gái xuýt gây thương tích cho anh vừa rồi không?"

Tôi là một người lười biếng ít khi muốn đổi vị trí. Đứng bên này mà lại dặt mình vào phía bên kia làm chi cho rắc rối. Muốn ăn thì ăn, muốn ngủ thì ngủ, thắc mắc làm chi tại sao ăn, tại sao ngủ. Cứ lấn cấn trong đầu mấy mớ bòng bong như vậy còn giờ đâu mà sống. Chuyện của mấy cô gái ăn sương, nghe vậy biết vậy, cài xong chiếc khuy quần, rút chiếc bóp ra là xong nợ trần. Hơi sức đâu mà nghĩ ngợi loanh quanh. Tôi nhã nhặn với Audrey.

"Tôi rất tiếc không có được tấm lòng như cô."

"Không phải chuyện tấm lòng mà là chuyện nghề nghiệp. Tôi đã

có lúc cố đi tới cùng vấn đề. Anh có biết là tôi đã từng đứng đón khách, chào hàng như một gái giang hồ chính tông không?"

Tôi ngây mặt nhìn Audrey, cố tìm nét đùa cợt trong giọng nói, trong ánh mắt, trong điệu bộ. Tôi chỉ thấy một Audrey không chút bối rối.

"Tôi cố đặt mình vào tâm trạng của một gái ăn sương lúc đứng đường, lúc hồi hộp chờ cái gật đầu của một khách làng chơi, lúc vội vã chui vào chiếc xe lạ, lúc thoát y trước đôi mắt thèm muốn, lúc kích thích khách hàng, lúc nằm trong tay một con vật đực. Nhưng tôi đã nhầm. Không bao giờ tôi có được cái tâm trạng đích thực của một gái nhà nghề. Nó có thể là nỗi chán chường, sự vui mừng nghĩ tới những đồng tiền sắp bỏ vào túi, hoặc cả chục thứ tâm trạng rắc rối phức tạp khác mà tôi nghĩ chẳng bao giờ mình có được. Làm chơi bao giờ cũng khác với làm thực. Tôi đã cố nhào đầu vào một cánh cửa khép kín. Để rồi cái đầu vẫn cứ nhức nhối với một vấn đề mà tôi nghĩ là mình chưa đi tới nơi tới chốn."

Giọng Audrey trầm đều. Cô dứt câu mà tôi vẫn như còn nghe cô nói. Giọng ông tài xế ọ ẹ trên loa phóng thanh. Xe đang trên đường vào thành phố New York. Giòng xe cộ tấp nập ùn tắc trên lối vào đường hầm. Chiếc xe buýt dềnh dàng khéo léo lách mình chui vào trong hầm. Ánh đèn vàng vọt dễ gây cảm giác tù túng. Mặt Audrey bên cạnh mang sắc héo hon. Mùi khói xe bốc lên ngột ngạt. Xe trôi đi trong đường hầm. Tôi trôi đi trong yên ắng bẩn chật. Đường hầm kéo dài nhì nhằng mãi không dứt. Khi xe chui ra khỏi đường hầm, New York trâng tráo phơi bày bộ mặt nhớp nhúa cũ kỹ. Bên lề đường ghẻ lở khập khễnh, những đống rác nằm ngất ngưởng dựa vào những bức tường loang lổ bẩn thỉu. Những tòa nhà chọc trời san sát bên nhau mà tôi nhìn thấy, lúc xe chạy trên chiếc cầu uốn mình rướn cao như lưng một con khủng long, nằm ở rất xa nơi nhày nhụa này. Xe chui vào nhà ga chật chội ẩm ướt. Không gian như co lại khi xe ậm ừ len vào đậu giữa hàng xe chật ních nằm im trong bến.

Lấy xong hành lý, Audrey chìa má cho tôi hôn chia tay.

"Tối nay anh rảnh không?"

"Cũng chưa định làm gì."

"Lang thang xuống Harlem không?"

"Harlem hả? Được quá đi chớ!"

"Vậy tối nay nghe! Thử xem chân cẳng anh ra sao!"

Thế là rồi cái lãng mạn muốn gậm nhấm lại những ngày sinh viên cũ. Đành cáo lỗi với hình bóng các em Karine, Lucy, Maria, Anne, Jane, Sharon ... Cái số tôi nó vốn lận đận như vậy!

Đường Âm Hồn

Hồ Đình Nghiêm

Bóng tối chạy dài từ hồ Mưng, nương theo bờ tường, đeo đuổi qua nhiều ngã ba có dáng cây hình thù kỳ dị đứng rung lá. Nó sẽ khựng lại ở cổng thành, ánh điện vàng bắt trên cánh cửa hình vòm cung dọi xuống đã chận đứng nó lại, làm thành một đường biên mù mờ, xám mốc.

Ánh đèn đẩy lui bóng tối và đồng thời, tự nó soi chiếu rõ lên gạch đá bao dấu tích đổ vỡ hôm xưa đạn pháo thay phiên cày xới suốt những ngày Tết. Họ bảo có ba tử thi bị khóa cứng vào một khẩu đại liên, và họ vỡ lẽ vì sao cái chốt ấy thật khó khăn, đổ nhiều xương máu khi muốn "dứt điểm".

Trong chiến tranh, sẽ khôi hài nếu có ai nuôi giữ tinh thần bảo tồn di tích văn hóa của tiền nhân. Từ hai phía, người ta chẳng ngần ngại để phá đi, không bằng cách này thì bằng cách khác. Và họ đã phá, bằng mọi cách. Trên vết thương sẽ không bao giờ lành lặn ấy, nhiều người cửa nát nhà tan đã tụ bầy, họ dựng nhà, trồng rau quả. Lập thành liên gia, sống như lính thú đời xưa canh gát hoàng thành. Họ sống cao hơn người thường, nếu lấy mặt đất để làm chuẩn mức. Buổi chiều ngửa cổ nhìn lên, bắt gặp những cánh diều chao trong gió, những đùa bé mình trần chạy thấp thoáng trên bờ tường lở lói. Họ ra công, tùy tiện làm những bậc cấp bằng đất để bước xuống sinh hoạt với nhân gian.

Hòa ở trên ấy, đã lâu. Hắn bước xuống, luôn thay đổi lộ trình, không quen sử dụng một lối đi cũ. Tựa kẻ nghèo khó chẳng muốn người ta nhìn thấy mình bước ra từ chốn nấu thân xiêu đổ. Hắn vác chiếc xe đạp trên vai và lao vào bóng tối ngay khi chân dẫm lên mặt đường. Thời gian này hắn siêng đi, chó cũng không biết đường nào mà sủa. Hắn ốm, gầy rạc, xanh xao mấy độ rày. Vài ba mụ bán rau trong chợ

Xếp đã từng quở như thế. Đó là những mụ dàn bà ở cùng một tổ một phường với hắn.

"Học chi dữ thần rứa không biết? Học đến da bọc xương!"

"Mô có. Tại hắn bị dính vô chữ tình đó thôi. Tình hành!"

"Nói đã hay! Thời buổi ni ai mập mạnh cái nớ mới đáng bàn cãi."

Hòa không hề hay biết những lời bình phẩm kia. Nhân dân thì bao giờ cũng sáng mắt sáng lòng, khó tìm cách che đậy những gì gọi là riêng tư. Có điều, trong ba câu nói ấy chỉ đúng có hai. Chuyện đàu hoàn toàn sai, bởi Hòa chủ trương: "Sách vở ích gì cho buổi ấy". Đèn dầu có thức sáng lẻ loi trong đêm, cũng chỉ soi rõ mặt giấy tái sinh cho hắn viết thư tình đó thôi. Khi mường tượng ra một người nữ xinh đẹp trong đầu, Hòa như bị ma nhập, hắn có thể viết một hơi lá thư tình dài tới bảy tám trang giấy. Hồn xiêu phách lạc. Lời lẽ thấm vào tâm cang nếu đọc phải. Ai oán, sướt mướt. Cầm lòng không đậu.

Đêm nay, Hòa hẹn người con gái tên Hoa để chở đi uống cà-phê. Bởi trong lá thư trước Hòa có cho hay là chúng ta sẽ khó còn cơ hội gặp mặt nhau. Chính quyền cách mạng sẽ bứng nhổ những căn hộ mọc bừa bãi trên tường thành, viện cớ chúng làm mất vẻ mỹ quan của thành phố. Kinh tế mới sẽ là nơi dến để an cư lạc nghiệp, tái lập một cuộc sống khác. Với Hòa, chữ kinh tế là một cái gì rất đỗi trừu tượng. Và mới, dường như bao giờ nó cũng mang dủ đày sự khó khăn, lạ nước lạ cái trong đó, đầy dọa dẫm. Chính quyền mới là một ví dụ cụ thể. Mới cũng có thể hiểu là trắng biến dổi thành đen.

Hoa đợi trước cổng đúng giờ. Hoa mặc bộ đồ lụa màu mỡ gà. Thấp thỏm, nhờ nhợ, nhập nhòa vào đám hoa mẫu đơn. Cả người lẫn hoa đều phát quang và mang gửi vào đêm chút hương mùi rạo rực. Lúc nào Hòa tìm cách tán dương người tình, Hoa cũng đều rùn vai:

"Đừng nói thế. Hoa không dám dâu. Ngay cả anh, Hoa cũng còn thua kém".

"Thua kém?"

"Ừ, thua một dấu huyền".

"Nếu hai đứa mình học chung một lớp, đĩ nhiên anh sẽ thua Hoa. Trong sổ điểm danh Hòa phải đội chữ Hoa lên trên. Đội suốt năm".

Hai đứa cùng cười. Giọng cười nhỏ, cố nén.

Mùa hè sẽ nóng vô hạn nếu Hòa đạp xe trong lẻ loi. Chở Hoa phiá sau, thời tiết như hết can dự vào, hoặc giả Hoa đã mang đến sự diệu kỳ, hoá giải hết những gì là nguyên nhân mang tới niềm bực dọc. Hồ nước đen thẩm hôm nay cũng chẳng còn bốc mùi tanh của rong bùn. Gió tháng bảy khô khốc không còn mang hơi nóng nhựa đường phả vào

thân. Dễ chịu quá!

Nhân dáng Hoa khá đẫy đà, nhưng điều đó không có nghĩa là Hòa sẽ nhọc mệt khi đèo chở Hoa đi. Xe chạy suốt những con đường lưu giữ bóng tối. Ở một thời điểm nào đó, con người dường như không mấy ưa ánh sáng. Lộ liễu quá, minh bạch quá. Chường mặt ra thấy chẳng yên tâm. Lại nữa bóng tối luôn là đồng minh cho những đôi nhân tình, muôn đời không đổi. Hoa không ghét bóng tối, nhưng Hoa muốn Hòa đạp xe ra những con đường có trồng cột điện. Ánh sáng của nó sẽ cắt mặt nhựa đen ra từng đoạn đều đặn và sự ngắt quãng ấy làm Hoa an tâm hơn. Thành phố này có quá nhiều người chết oan. Và chúng ta sẽ thấy u uất nặng nề nếu đi mãi trong lòng bóng tối.

Cuối cùng quán cà-phê đã hiện ra. Một ngọn đèn vàng treo đong đưa trước lối vào. Bụi chè tàu cắt tỉa thẳng thớm dẫn tới vuông sân bày cách khoảng những bộ bàn ghế không đồng dạng. Góc sân chôn một cái am, ba đầu hương cháy lụn tàn chẳng soi rõ bóng người được thờ phượng. Và cành lá cây vú sữa luôn cào quét trên mái am, đệm sai nhịp vào giòng nhạc hòa tấu đang dấy lên từ cái loa giấu sau quầy. Thời gian đó, chính quyền không cho dân nghe nhạc vàng, nhạc đồi trụy của bọn đế quốc tư bản. Hoa hơi chao người khi vấp vào tiếng dương cầm vừa loang chảy tới, và khó khăn lắm Hoa mới hát thầm được vài câu vừa chợt nhớ. Hoa rùng mình, âm nhạc cũng có khi làm da thịt phải rợn lên, nổi hột tái tê. Cho hay khi bị vây chặt, bị phong kín, bất ngờ được đón nhận, dẫu là một điều tầm thường, người ta thường sửng sốt và phóng lớn niềm sung sướng ấy biến nó thành một cái gì thật vĩ đại. Vầng trăng sẽ to ghê gớm nếu suốt đời anh bị chôn sống dưới mặt đất một hôm được cho trồi đầu lên. Choáng ngộp, sợ hãi. Và khi kịp phát hiện, ánh trăng nọ sẽ mất đi sự thơ mộng nó luôn mang.

"Chủ quán này là ai mà to gan? Những bản nhạc kia sẽ khiến người nghe thêm phẫn uất".

Hoa nói nhỏ khi ngồi xuống ghế. Hòa cũng ngồi. Ghế chông chênh bởi nền đất có hơi mấp mô. Nó không khác những chiếc ghế tàn tật xiêu vẹo dứng bốn chân trên một mặt phẳng chẳng lượn sóng. Trí óc Hòa luôn cắc cớ tạo ra những so sánh, những liên tưởng. Hắn gãi đầu:

"Là một người có công với cách mạng. Và không chừng ông ta quen biết với Ba của Hoa. Ông ta cũng có lộng kiếng một tờ giấy ban khen treo trang trọng hệt như ở phòng khách đàng nhà Hoa."

Hoa nhìn Hòa. Khuôn mặt anh như hứng đủ ánh sáng từ ngọn đèn dầu đặt giữa bàn tỏa ra. Đỏ vì nhọc mệt hay đỏ giả tạo bởi luồng sáng? Dẫu sao lời anh nói có vẻ như không mang một hậu ý nào đi theo.

"Có nghĩa là nếu Hoa muốn bán nước, Hoa cũng được quyền mở nhạc như vậy?"

"Tại sao không? Ai dám có ý kiến? Vấn đề là sợ ông già của Hoa không dễ gì đánh mất lập trường."

"Hoa hỏi thành thật. Anh nghĩ sao về Ba của Hoa?"

"Ba Hoa? Trung với đảng, hiếu với dân... Không, anh chẳng nghĩ gì cả. Nếu có nghĩ suy, mọi thứ đều hướng dồn tới một mình Hoa. Và anh vui lòng với sự mất ăn mất ngủ đó."

"Thật không?"

"Thật."

Hoa có đôi mắt đẹp, to tròn, hồn nhiên. Và đôi mắt ấy dường như lúc nào cũng long lanh, cũng sáng ướt. Một đôi mắt chực khóc. Tâm hồn Hoa chắc cũng tựa thế, yếu đuối và mơ mộng. Nếu không đúng, chắc gì những trang thư đằm thắm của Hòa chuyên cần rãi xuống tấm lòng ấy đều được ươm mầm, kết trái và sau rốt hắn gặt hái biết bao điều dịu dàng về một lòng tin yêu, ngọt sắc.

Họ uống cà-phê đá. Hoa không sợ mất ngủ, táo bón, nổi mụn. Hoa nghe lời Hòa, bởi Hòa bảo cà-phê hôm nay đã mất trinh rồi, đã sống chung hòa bình với các thứ hột khác. Đậu ván, gạo nướng cháy, vỏ cau... linh tinh pha trộn xay nhuyễn.

"Thay vì mở quán cà-phê, Hoa mượn sức mạnh cái bằng ban khen kia để lôi kéo anh ở lại thành phố, có được không?"

Hoa hỏi, sau một hồi chống cằm ngồi yên. Ly cà-phê đá vơi phân nửa và sự bồn chồn ở người Hòa dâng cao lên.

"Đừng, anh không muốn nhờ cậy thế lực một ai. Hoa biết đó, anh là kẻ sợ phải ngồi viết ba đời lý lịch mình ra. Làm sao anh nhớ hết, làm sao người ta có đủ sự trung thực khi phải thành thật khai báo? Nặn óc thì bao giờ cũng có kèm theo ít nhiều dối trá. Hãy để anh theo số phận mà đi xa, và khi nhớ về thành phố, Hoa là hình ảnh làm anh trân quý nhất."

"Viết thư cho Hoa anh có phải nặn óc đặt lời dối gạt không? Thư dài thế kia, như một cái truyện ngắn nhiều hư cấu."

Hòa nắm bàn tay Hoa ấp ủ, cúi mặt vuốt ve. Tay Hoa mát lạnh, mịn màng và mặt bàn ẩm rít những hạt đường chảy nước trên thớ gỗ nhám. Một lát, Hoa thu tay về. Hoa đổi sắc, như thể thân nhiệt từ người Hòa đã lan truyền qua cánh tay Hoa nổi khó chịu ngầm.

"Hãy uống cho hết ly cà-phê rồi chúng ta về". Hòa nói. "Uống để thế một lời tiễn đưa."

Hòa nâng ly, vành thủy tinh án tầm nhìn làm biến dạng khuôn mặt

Hoa.

"Hoa uống không nổi. Cà-phê quán này có vẻ khác thường."

"Anh nói rồi, chất nước đen kia không phải là cà-phê."

Hoa nhăn mặt. Ở vầng trán cau lại lấm tấm ứa ra những giọt mồ hôi.

"Hoa muốn đi về."

Hoa nói khó khăn. Hòa đứng dậy, tiến tới quầy trả tiền nước. Lộ trình không đổi, mười tám bước chân, như khi Hòa vào bưng cà-phê ra hắn đã cúi mặt nhẩm đếm. Mười tám bước, không gần không xa, đủ để bóng đêm can dự vào giữa khoảng cách. Cô gái tóc dài ngồi sau quầy sẽ quáng gà đôi mắt nếu muốn trông nhìn ngọn ngành về phiá hai đứa.

Hòa đạp xe đi, vút nhanh như gã hành nghề xe ôm bắt được mối lớn. Giờ này Hoa đã hết giữ ý tứ, cô vòng tay ra níu chặt lấy bụng hắn.

"Hoa sao rồi?" Hắn hỏi.

"Không biết nữa. Miệng đắng, người nhẹ, cơ hồ như bị trúng gió."

"Có một điều Hoa nên biết..."

"Điều gì?"

"Anh đã tốn nhiều công sức, đã chiêm nghiệm thật lâu cho lần chia tay này."

"Làm gì phải hệ trọng tới mức đó? Buổi gặp mặt diễn ra hôm nay xem chừng tẻ nhạt và quá sức vô duyên!"

"Từ khi biết Hoa, anh đã thề nguyền, sẽ chiếm đoạt lấy Hoa bằng mọi cách. Vô duyên? Anh không nghĩ vậy."

"Anh chở Hoa đi đâu đây? Sao lối đi đen đúa kín bưng chẳng một luồng sáng? Hoa lạnh..."

"Con đường không phải tự nó hiện hữu, mà do bàn chân người tạo nên. Hoa biết câu đó không? Con đường, do đó đã mang sẵn một định mệnh, vậy thì ái ngại làm gì tới chuyện sáng tối hở Hoa?"

"Yêu thương có nghĩa là chiù chuộng nhau, phải vậy không?" Hoa gióng hỏi, giọng yếu đuối.

"Không chắc. Đôi khi nó phải dày đọa nhau".

"Hoa sẽ dùng đủ mọi cách để giữ anh ở lại gần Hoa, anh tin không?"

"Anh tin. Cũng như anh muốn Hoa tin là những gì anh làm, nó sẽ mang lại cái kết quả hệt thế. Không ai có thể bứt rời chúng ta ra được, kể cả Ba của Hoa."

Lối đi nhỏ, càng lúc càng thu hẹp. Đất vạch một đường cắt lờ mờ chia đều bóng đêm ra hai phiá. Một phiá của đồi nương trồng bắp trồng sắn và phiá khác, dường như đang dở dang kế hoạch phát cỏ khai quang

vỡ đất. Rác rưởi dồn thành từng đống, đắp ụ cao thấp tựa những nấm mồ hoang. Tận cùng lối đi là bãi cỏ rậm, là rừng thông, là hàng rào dây kẽm gai rỉ sét. Những con đom đóm bay chập chờn, đâm vào màn đêm từng nụ ánh sáng chóng tàn, tựa những cái pháo bông được bắn lên từ một hành tinh khác, rất đỗi xa xăm.

Xe vừa thắng đứng, Hoa đã vội ngồi bệt xuống cỏ gục mặt khạc nhổ. Hoa giống một cô gái ngây thơ, hốt hoảng về sự chuyển biến trong cơ thể mình để rồi co người nôn mửa vì bị cấn thai. Hòa thả chiếc xe dạp buông rơi chẳng tiếc thương. Hắn lấy thuốc, hút từng hơi sâu, thở khói với cái đầu quay đảo trông ngược ngó xuôi. Dế kêu vang rân từng chặp, chen kẻ vào đó là cái thinh lặng mênh mông đến rợn cảm. Rợn cảm tới độ Hoa phải phát khóc.

"Chuyện gì thế? Hoa làm anh liên tưởng đến những giọt nước mắt đầy ăn năn của thiếu nữ vừa thất thân để trở thành đàn bà. Hoa tiếc thương về điều chi?"

"Hoa đau bụng... Hoa không tiếc thương, Hoa chỉ hối hận."

Hòa quỳ gối. Hắn đưa tay chùi đi hàng nước mắt loang trên mặt Hoa. Hắn vén lại tóc rối, thơm mùi bồ kết và ôm giữ lấy khuôn mặt người tình. Nước giải ứa ra một bên mép Hoa, chảy vưởng viú xuống cằm như tơ nhện. Mặt Hoa vẫn dịu dàng, dù trong đớn đau.

"Hãy nói với anh một lời yêu thương".

"Hãy chở Hoa về nhà, sau đó anh mới thấy hết những thương yêu Hoa dành cho anh."

"Chẳng hạn?"

"Chẳng hạn như Hoa sẽ dâng hiến, Hoa sẽ mang thai và đó là lý do vững chãi nhất để không ai có quyền mang anh tới vùng kinh tế mới."

"Đã muộn rồi. Và giờ này chẳng ai cấm anh làm tròn cái công việc đó."

Hoa vẫy vùng kháng cự trong yếu đuối. Hai cơ thể vật ngã xuống. Hắn nằm đè lên trên, cùng với hơi thở gấp:

"Hái hoa, dập liễu vùi hoa. Hừ, tại sao người ta lại ưa dùng những thứ chữ lạ lùng đó?"

Tứ chi rã rời, nhưng Hoa không ngớt quơ cào, chòi đạp, tựa một phản xạ. Một kẻ sắp chết đuối dưới sông cũng chỉ làm ngần ấy động tác.

Bóng tối lùi xa khi chiếc quần lụa của Hoa bị kéo rời khỏi đôi chân. Da Hoa trắng lạ lùng, thọc đâm vào hai con mắt ngầu đỏ của Hòa, xốn xang. Nuột nà làm nổ đom đóm. Làm ngây dại, mù lòa. Hắn

run tay lần mở những hạt nút áo. Mở dễ dàng, xuôi chèo mát mái; bởi khó hiểu thay Hoa đã thôi chống đối. Hai tay Hoa dong cao lùa sâu vào đám cỏ dại, yên ả nằm như đồng tình chờ đợi chuyện lạ đến.

Hắn chôn mặt xuống trũng ngực Hoa, hài lòng liếm cái dưỡng khe mặn rít mồ hôi phập phồng lên xuống. Hắn nhắm mắt, giờ phút ấy đối với hắn là cái gì rất mực thiêng liêng, mọi thứ khác trên đời sống này thảy đều phù du, chẳng đáng quan tâm. Hoa vòng đôi chân gác lên lưng hắn, khép chặt, siết cứng. Một đoạn dây kẽm gai nhặt được trong cỏ đưa lên cao từ năm ngón tay bấu chặt tươm đầy máu. Tay này tìm tay kia, Hoa nhớ tới hình ảnh cái trái cấm mắc nghẹn trong cần cổ gầy của Hòa di động mỗi khi hắn động não thốt nên lời văn hoa. Hoa nằm chờ đợi, chờ đầu tóc húi cua ngẩng lên.

Bầu trời có gắn một vì sao sáng, nó tựa viên kim cương dưới mắt nhìn mờ lệ của Hoa. Hãy soi rọi, hãy chứng giám rồi hẳn vụt tắt. Ruột gan Hoa quặn sôi, mọi thứ dường như đã nát tan.

Báo chí không loan tin. Hãy thử vào chợ Xép, lân la dọc lối đi tanh tưởi lầy lội. Hãy thử dừng chân bên hàng bán rau. Những mụ đàn bà vén cao ống quần ngồi trông thiên ngó địa với khuôn mặt chất chồng nếp nhăn, lãnh cảm với ruồi bu kiến đậu, với nắng nóng, với những ông đầy tớ của nhân dân.

"Chao ôi! Nói năng chi lôi thôi. Lỗi phải làm chi cho rắc rối. Thằng nớ thiệt gớm đời, có điều chết trên bụng đàn bà là chuyện không nên".

"Hắn cho con kia uống cái quỷ chi mà miệng sùi bọt mép, mắt trợn môi trề dòm phát khiếp!"

"Thời buổi chi lạ! Chưa khi mô tui chộ ra hai cái chết kỳ cục kiểu nớ!"

"Mấy bà không biết đó thôi, có chuyện ni mới thiệt sự quái đản."

"Chuyện chi?"

"Cách hiện trường không xa có một đường mương. Tết Mậu thân mấy ôn ở trên rừng tràn về, nửa đêm trói giải một xâu người bắt quỳ trên mương và họ kê súng sau ót lần lượt xử từng tên "ác ôn" một. Ba thằng Hòa chết co quắp trong mương, bùn chôn nửa người. Ba hắn là giáo viên, con gà cũng không biết đường mà cắt cổ. Rứa mới ác nghiệt!"

"Mô Phật! Lẽ mô ba con Hoa là người ở toán hành quyết có máu lạnh năm xưa?"

"Ai mà biết. Mấy ôn nớ hai ba bí danh, anh Tư anh Năm. Cả tên cha sinh mẹ đẻ họ còn không nhớ!"

"Ôn mệ ơi, thằng Hòa ngó rứa mà thiệt đoản hậu! Chơi làm chi

con nhỏ tội nghiệp, hắn có ngon cơm thì nhắm ông già mà trả thù thì có phải oanh oanh liệt liệt hơn không?"

"Ui dào. Mấy thằng thuế vụ đến nơi a tề. Dọn dẹp quang gánh mà chạy cho yên cái thân!"

Hai ba người đàn ông đeo xắc-cốt mặt lầm lì ngó quanh quất. Chợ búa có vẻ vắng thưa. Làm nghề này nếu được hoá trang lẫn lộn trong dân thì chắc trúng mánh, túi khẩm nặng. Mang hia đội mão đi đường bệ thì chẳng khác gì lạy bà tui ở bụi này. Và chân bước tới đâu, chốn ấy đang đông đúc tụ bầy bỗng chốc hoá ra đồng không mông quạnh. Mà cũng không chắc, có thay đổi xiêm y đồng phục thì con buôn nó dòm vào bản mặt e sẽ phát hiện ra ngay. Làm mặt nạ mà đeo thì họa may chúng lầm to. Chúng không cuốn gói, chúng bình chân như vại, và cự ly giữa hai đàng khi ấy chẳng hề đổi thay. Tha hồ nhé. Mệt nghỉ.

Cuối chợ, có căn nhà cài then kín cổng. Hương khói từng cọng xanh ẻo lả bay thoát ra khe. Một đứa trong đám thuế vụ cau mày nhón chân dòm vô sân. Chẳng có gì, chỉ có tiếng người khuất lấp vẳng tới, đọc chậm như con trẻ tụng bài học thuộc lòng:

Dệ tử vốn tạo các vọng nghiệp
đều do vô thỉ, tham, sân, si
Từ thân, miệng, ý phát sinh ra
dệ tử thảy đều xin sám hối
Nam mô A di đà Phật
Nam mô Quán thế âm Bồ tát
Nguyện ngày an lành, đêm an lành
đêm ngày sáu thời đều an lành
Tất cả các thời đều an lành...

Rẽ trái, đi chừng trăm thước, bọn đàn ông gặp phải một cây đa già tuổi. Cành lá phồn thịnh của nó xoè ra, như lọng che, âm u làm mát một vũng, đến lạnh. Không treo bảng chỉ đường, nhưng am miếu cảnh vật quanh đó như biết nhắn gửi một điều gì thầm lặng.

Một đứa nói, giọng Huế trôi lặng lờ giữa trưa hè thiêm thiếp:

"Ngã tư Âm hồn"

"Hừ, âm hồn. Mẹ kiếp, vậy thì đứng đây làm chó gì, chỉ có giấy vàng bạc của bọn hàng mã thôi... Mà tại sao lại đặt tên Âm hồn?"

Chẳng ai trả lời câu nói giọng Nghệ an kia. Nắng đổ ập, câm nín sắc lửa. Thành phố chừng như co quắp, còng lưng gánh những dấu hỏi ngàn đời không lời giải đáp.

Hồ Đình Nghiêm

ĐỖ QUYÊN

Buồn muộn cùng thế kỷ

Trích trường ca

(Gửi Đời)

"Cây thời gian lá đổ
Những mùa thu tiên tri"
Đ.Q.

(...)
Em về rừng lần này có anh
Trong mùa hè rộng lớn hơn cả ngôn từ anh
đang tung vãi
Mùa hè trước không anh
Mùa hè hẹp như lòng con suối cạn

Ai cũng có trong đôi lứa của họ một sự đơn lẻ
tối thiết mà anh gọi là văn hóa lứa đôi
Hai cái toilet *công cộng trong rừng xanh kia*
có gì ở giữa?
Mấy ai đặt câu hỏi sau khi khoai khoái đi ra khỏi nó

Chỗ rách ở đầu gối cái quần jean
Mặt hồ nổi những chiếc thuyền nhỏ
Có hai người nằm nhìn trời qua rặng cây
khẽ cất tiếng
Câu đồng dao vòng quanh thành một vành đai

Trong những người đang bơi kia ai là ai

Gió trưa cao mấy tầng
Xe vẫn đưa người tới nữa
Thuyền và phao đã bắt đầu buồn

Trốn Không gian này sang một Không gian khác
Không có gì oanh liệt
Có hai nhà neo trại tuần trước
Những đứa trẻ đang mè nheo với rừng
Không sao chạy khỏi Thời gian của chính mình

Tỉnh giấc chàng trai hát đêm trước nhìn ra
đống lửa tàn
Cây đàn và chàng trai là hai bầu trời màu khác
như anh và em những ngày mới yêu
Dám lá khô đang chuyển dần thành đất
Trong rừng em hiểu anh không bằng rừng
không bằng em
mà bằng những người đàn bà khác
ở thành phố chúng ta không có rừng đã đành
không có mình
cả đàn ông lẫn đàn bà không có

Anh cứ việc nghĩ về những người đàn bà khác
không có trong rừng
Các đống lửa kia không bao giờ mất
Một ngày nắng
Có người tiều phu đặt lên đó những cụm cây

Những viên sỏi lăn tăn bên lề đường
Chứng kiến nhiều cuộc đen đỏ của con người
với thiên nhiên
Sóng sỏi đưa đẩy thuyền người
Trên con sông trái đất

Rừng non hơn cả một thế kỷ
Chúng ta đã hết nơi chọn chỗ cuối cùng ở
một nơi hoang
Sau hồi trống trong mơ em tỉnh
Không còn gì trong lều ngoài em với một

khúc xương

Cặp mắt đuôi nhỏ kia đảo anh một vòng quay
buổi sáng sớm
Đêm qua ngủ anh không tay trong tay em
Trái tim anh úp nghiêng xuống đất
Qua khe hở của lều tim em nhìn đến tận đáy
trời đen

Ráng đỏ chiều xen lẫn tán cây
Ai thấy hết một ngày
Người đó thắng cuộc
Trong cuộc thi tiếp sức
Về Tương lai
Rừng không sao hiểu được những chiều
nếu người còn xa lánh
Em mượn màu hồng mây mượn của hoàng hôn
làm thuốc ngủ đêm nay
Anh còn say cái quyến rũ trần gian
mang chúng vào ngày mai khi trở về thành phố
Những ngón tay đó sẽ còn giương vuốt nữa
trong đời đàn ông anh mang
Sẽ có ngày những ngón tay đó thăng thiên
để đàn ông trong các anh đi hết vào lòng đất

Một ngày rừng không giống một ngày thành phố
ở chỗ Thời gian và Không gian, đàn ông và đàn bà
mang những chức năng không ngờ được
Em không soi mình trên mặt đồng hồ khi
anh bỗng biến mất
trong cây
trong đám đàn ông cởi trần
trong mặt hồ
và trong đôi mắt đó
Những chú hải âu mang biển vào tận nóc lều
Cánh trắng soải hết chiều
ở rừng không một tiếng khóc nào
Trẻ con cũng không có thì giờ để làm việc không
đúng chỗ đó

Phụ nữ lo chăm sóc da và cười những chuỗi cười
vô cớ nhất cho bõ tiền và công sức cả một năm
chuẩn bị
Trong rừng
Hãy khóc đi những người đàn ông
Rừng là môi trường vô tội vạ cho những tình cảm
ít chính thống nhất

Anh mang những trang thơ từ đô thị vào rừng
Để lại những người đàn bà không phải là em ở lại
Đây là một cuộc di cư chỗ nằm
cho anh hay cho thơ?

Em nghe anh mở mình theo mỗi dòng chữ
Thi ca là cô sen trong các ngày rừng của chúng ta
Nếu được hóa thân nó có thể chọn các lon bia
Em thương thi ca hơn là giận
Đó là đại công ty của linh hồn anh mà em chỉ
có một cổ phần quá bán
Mặc anh và các lon bia
Thi ca có vận trình
Mang từ thành phố đến các khung sườn
Thi ca tìm ở rừng các hình ảnh tình tiết
Trong cây đàn bỏ quên có đống lửa nhớ giùm
Trong ánh mắt đuôi dài lách lá tìm anh
Trong tiếng sỏi gọi đất trời
Trong con tàu không neo bến nhỏ
Như em tìm ở anh các khung sườn
Như anh tìm ở em các chi tiết
Chàng trai bỏ cây đàn
bàn tay bắt đầu rớm máu
Nhạc có thể chết tạm chốn này
Chỉ có thơ đời sống tiếp

Khi cơ bắp nhũn
và khi đầu rỗng
Anh có cầm bút hay gõ lên keyboard
cũng không chạm tới được tâm hồn
Như không chạm đến điểm yêu của em khi cả

hai chúng mình quay mặt về hai phía
Những bài thơ nhũn và rỗng của anh em giữ rất
nhiều ngày mai bàn giao cho lửa
Lửa rừng vào thơ về thành phố
Kéo dài và làm rộng thơ anh
Cây guitar và chàng trai ở lại
Rừng nuôi âm thanh hoang

Đây là dịp sánh so hai thứ vô cùng: thơ và rừng
Rừng cỏ cây, suối đồi
Thơ chữ câu, âm nhịp
Mỗi bài thơ là một cánh rừng hay mỗi khu rừng
có thi ca trên nó?
Thi sĩ không trả lời
Tiều phu không thể nói
Có thể trả lời là những đôi tình nhân úp ngực vào
nhau nồng giấc bên đống lửa trên thảm cỏ góc
rừng sau khi trao cho nhau những câu dòng thơ
của thi nhân và những trao cho lửa những khúc
cây tiều phu vừa đốn hạ
Và họ cũng không nói bằng lời
Anh và em
Ta hãy cùng nhìn vào mắt họ
nhìn vào làn da họ
nhìn vào tấm thân trần truồng của họ đậy cho nhau
nhìn vào những đứa trẻ con của họ sinh ra qua mỗi
cánh rừng, trong mỗi câu thơ
Để biết những vô cùng

Có những hoang tàn sống đọng rất lâu
Đống lửa cũ kia bao lớp người nhóm lại
Họ có thể yêu nhau
có thể rượt nhau bắn bỏ
có thể là những người vô tình ăn sáng chung bàn
Sau khi về thành phố
Không ai biết rằng họ từng chung một đống lửa tàn
Đó là điều kỳ bí nhất của rừng khi ôm con người
vào lòng
Rừng ban cho người những điều người nghĩ rằng

vô bổ

Có những vần thơ như vậy
là nguồn chung của vạn kiếp người
Một người vừa đập lên gáy một người
có thể có chung một câu thơ nồng hậu
Trong thang máy hai người vô lối chợt nhìn nhau
cả hai có thể có chung một bài thơ thần tượng
Và những người yêu nhau
càng có thể cho đến chết gối đầu trên những câu
thơ chung mà không biết

Cơn mưa là dịp chia tay
người với rừng
người với người
anh với đôi mắt dài
và em với cuộc sống của rừng úp mở
Em muốn sống cùng anh trong cuộc đời
thành phố lật ngửa
ở đó đàn ông, đàn bà không phân biệt
Thời gian miết lên từng sinh thể mỗi làn dao
Em muốn thơ anh trở về
bằng hơi thở của rừng
lớn lên cơ thể thành phố.

Mississauga, 19-6-2000
Đỗ Quyên

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin tìm mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Vời vợi non cao

Hoàng Chính

(riêng cho bố)

Cái răng sâu, làm độc. Một bên má anh sưng phù. Soi mặt vào tấm gương ố trong nhà ăn tập thể, anh thấy mình giống đứa bé làm biếng ăn, ngậm bung búng một miệng cơm, căng đầy bên má. Cái mặt sưng thấy buồn cười. Nhưng anh chẳng thể nào cười được nữa rồi. Chỉ còn mỗi một cái răng hàm để nhai, nếu phải nhổ đi, chắc là móm mém đến thảm thương. Buổi tối, anh vào chuồng xí, moi cái bóp da cũ ra, lẩm nhẩm đếm tới đồng bạc cuối cùng của tháng lương đầu. Rồi khật khưỡng kéo lê cái thân thể rã rời về khu tập thể. Vùi đầu vào mặt gối hầm hập nóng, loay hoay dỗ giấc.

Sáng sớm, anh co ro vạch sương mù, thất thểu ra bến xe, đeo xe đò về thành phố. Những giọt sương cao nguyên bện vào mái tóc, ngứa ngáy khó chịu. Ngọn núi cao chênh vênh biến mất hẳn sau màn sương sữa đục.

Về tới nhà, trời đã chập choạng. Cũng hay, anh nghĩ; về buổi tối thế này không ai trông thấy. Cái mặt méo xệch một bên, coi không giống ai.

2

Thấy con về, bố mừng. Anh đọc được niềm vui đó trong ánh mắt mệt mỏi của bố.

"Ăn gì bố nấu?" Bố hỏi, giọng khô và ấm.

"Khỏi bố ạ."

Nụ cười méo xệch một bên của anh hẳn làm bố ái ngại. Hai bố con ngồi nhìn nhau, lơ láo. Bố vẫn gầy như ngày xưa. Hai má hóp sâu. Mắt nhìn mệt mỏi.

Tiếng vung nồi chạm nhau leng keng sau bếp. Anh vểnh tai, lắng nghe, "Hình như ai ở sau bếp hả bố?"

"Con mèo hoang đấy."

"Sao không đuổi nó đi?"

"Có nó, lũ chuột không dám phá, nhất là về đêm..." Bố vừa nói lấy móng tay cạo vệt keo khô, đọng trên mặt bàn gỗ. "Công việc có được không?"

"Cũng tạm, bố ạ." Giọng anh chợt chùng xuống. "Lên đó mới hiểu thế nào là rừng thiêng nước độc."

Anh nói, năm đầu ngón tay không ngừng gãi soàn soạt vào cái cổ tay lấm tấm vết đỏ.

"Muỗi đốt đấy à?"

Anh lặng lẽ gật đầu.

"Nhớ cẩn thận đấy." Bố trầm ngâm một lát, rồi nhỏ nhẹ, "Ăn cháo không?"

"Khỏi bố à!"

Cả một ngày vật vã trên xe đò làm anh đuối người. Bàn tay xoa vào nhau nham nhám bụi đường. Nhưng chả còn sức nào mà tắm rửa, kỳ cọ. Anh nằm vật ra giường, nhắm mắt lại, thở dốc. Trong đầu còn nhễu nhão hình ảnh những khuôn mặt lạ lẫm của khách thập phương trên chuyến xe lết về thành phố. Trên xe, dưới bến và bây giờ trong đầu anh, lao xao tiếng rao hàng với tiếng cãi vã, chửi rủa cộc cằn. Và cho tới bây giờ, còn ngửi nồng nặc một thứ mùi chua vữa của lam lũ, bần hàn.

Hết chuyện nói, bố lủi thủi ra sau bếp.

Anh nghe tiếng nồi niêu chạm nhau loảng xoảng, rồi tiếng chẻ củi thô cộc. Mất công bố quá. Anh thầm nghĩ.

Một lúc, bố lách cách đặt cái tô sần sùi lên bàn. Anh bò dậy, khêu ngọn đèn dầu cho tỏ, chậm rãi rắc muối vào tô cháo. Muối trắng. Cháo trắng. Thời buổi khó khăn, có gạo ăn đã là may. Cái răng đau, chỉ thở không thôi cũng đã làm anh vật vã, nhưng anh cố ngồi yên, nhìn bố tẩn mẩn gỡ cái dằm đâm vào đầu ngón tay. Ánh đèn hằn sâu những nếp nhăn trên khuôn mặt xương xẩu của bố. Một con mối từ ngoài bay vào, chao quanh ngọn đèn dầu. Anh lơ đãng đưa tay đuổi.

Tô cháo nằm trơ vơ trên mặt bàn. Sợi khói ẻo lả vắt lên không gian như giải lụa trên áo một nàng tiên. Không ăn, sợ bố buồn. Đành chờ lúc bố ra ngoài sân đuổi con gà trống nhà ai tối trời, không nhớ lối về chuồng, lục cục trên bậc thềm, anh chạy vội ra sau bếp, đổ bớt xuống rãnh nước. Lọng cọng làm rớt luôn cái muỗm xuống cống, anh đờ người

ra tiếc rẻ. Thời buổi gạo châu củi quế; lại còn mất đồ. Tiếc; nhưng cái răng đau không để anh yên với cơn tiếc xót.

Trong bóng tối, anh nằm vùi mặt vào gối, bàn tay áp lên một bên má vêu vao. Mùi mồ hôi quen thuộc của bao nhiêu năm tháng như tỏa ra từ trí nhớ. Tai lắng nghe tiếng chó sủa nhâu nhâu ngoài ngõ, tiếng muỗi vo ve chân màn. Ngọn đèn dầu le lói hắt lên vách cái bóng còm cõi của bố làm lòng anh nao nao.

"Cái thằng đen đủi, về nhà đúng ngay cái hôm cúp điện..."

Bóng bố lẫn vào cái hun hút của đêm. Tiếng dép kéo lê trên nền đất nghe gần gần, xa xa; hư hư, thực thực...

"Chừng nào muốn lấy vợ thì cho bố biết nhá." Bố ngừng lại để ho, "Vừa ý đứa nào chưa?"

"Chưa, bố à." Anh ậm ừ. "Mẹ với mấy em vẫn khỏe hở bố?"

"Ừ, mấy con bé bây giờ gặt lúa nhanh ra phết. Nhưng rồi chả biết có giữ được mà ăn không nữa!"

Anh lặng thinh. Những giọt nước mắt ứa ra vì nỗi xót xa hay vì cơn đau ở một nửa bên đầu, anh cũng không rõ.

Lúc anh ngủ thiếp đi, dường như bố vẫn còn nói chuyện rỉ rả một mình.

3

Buổi sáng, bố lầm thầm cầu nguyện dưới chân tượng Đức Mẹ. Rồi bố bắc ghế nhấc pho tượng lên. Anh ngơ ngác nhìn pho tượng thạch cao rỗng ruột.

"Dạo này trộm cắp như rươi, tiền bố phải gửi Đức Mẹ giữ hộ."

Bố moi cuộn giấy bạc nhét trong lòng tượng trắng ra đưa cho anh.

"Cầm lấy mà đi chữa răng."

"Kìa... bố..." Anh lí nhí không nên lời.

Lẽ ra con phải nuôi bố mới đúng. Nhưng con nghèo. Lại đang khốn khổ vì chiếc răng đau. Phải nhận chứ biết sao, dù biết bố cũng cần tiền. Cái răng đau làm mất ăn mất ngủ cả tuần lễ rồi. Thiếu ngủ, hai con mắt thâm quầng. Soi mặt mình trong gương, thấy sợ. Anh thầm dỗ mình như thế.

4

Chiếc xe đạp cũ tuột dây xích hoài. Lên được tới Sài Gòn thì mồ hôi đã dán chặt vải áo thô vào tấm lưng gầy guộc. Hai bàn tay lem luốc như tay thợ máy. Thêm cái bụng cồn cào và nước bọt ứa ra đầy trong miệng.

Tạt vào phòng răng trên con đường Trương Minh Giảng, nhìn những khuôn mặt méo mó chồng chất lên nhau trong phòng đợi, anh thấy cơn đau chừng như dịu xuống.

Ông nha sĩ mập ù chạy ra tiếp khách, chạy vào khám răng. Cần kiệm vậy làm sao không giầu cho được.

"Cậu có hẹn không?"

Anh ôm miệng, "Dạ không."

"Vậy chờ đó đi."

Ông nha sĩ cau có, ục ịch những bước đi. Mắt kính cận gọng vàng đẩy người đối diện ra xa, phía bên ngoài vòng phấn trắng giai cấp. Cái khoảng cách viển bằng vũng không gian nồng mùi băng phiến tỏa ra từ chiếc áo choàng trắng nõn.

"Được rồi. Cậu vào đây đi. Đau sao? Há miệng lớn ra!"

Anh run rẩy, há miệng. Nước mắt trào ra hai khóe.

"Ồ, tởm quá! tởm quá! Người lớn mà răng để đến thế này ư. Phải thuốc trụ sinh mới được. Tuần sau lại đây tôi trám nó lại. Tởm quá!"

Ông nha sĩ cần kiệm, mướn ông già lụm cụm làm phụ tá. Ông già mặc áo sơ mi cụt tay nhăn nhúm, trơ ra cái khuỷu tay đen đúa chằng chịt những sẹo. Ông già đi tới đi lui, lê đôi dép da lẹt quẹt.

"Thật tởm!" Ông nha sĩ cằn nhằn rồi nhổ nước miếng vào cái bồn nhỏ tráng men. Ông già vội vặn nước vào ly, đổ cho bọng nước miếng đặc keo trôi đi. Rồi quay lại, đưa kìm, đưa kéo.

Loay hoay, ông già làm rơi cái vật thuôn dài như cây bút có miếng kính tròn ở đầu dùng để soi cổ họng xuống đất. Ông cuống quýt nhặt lên, chùi vội vào vạt áo sơ mi màu xám tro, rồi đưa cho ông nha sĩ.

Anh không bực mình nhưng ông nha sĩ thì giận như con chó đói bị giằng mất cục xương. Mặt ông đỏ ngầu, răng ông nghiến lại, "Làm ăn thế này thì sống làm gì cho chật đất!"

5

Buổi sáng nơi chốn cũ nhưng lòng anh dửng dưng. Tiếng rao hàng quen thuộc. Người đàn bà xồn xồn có thân hình tròn lẳn bán xôi vò. Người thiếu phụ trẻ trung có đôi mắt ướt rượt rao xôi đậu. Tiếng máy xe xích lô nổ làm rung rinh mảng vôi trắng nhờ sắp bong khỏi vách tường già nua. Sau một đêm hành anh chập chờn thức, ngủ; cái đau nửa bên mặt lắng xuống, như thuỷ triều. Anh lan man nhớ những người bạn trên vùng rừng núi xa xăm. Ngày cuối tuần, cả lũ kéo nhau lên núi chọc ghẹo bầy khỉ. Đỉnh núi xanh thăm thẳm lúc nào cũng bọc đầy mây và sương mù. Những đứa bạn không biết chọn giờ để đầu thai. Giờ này

chúng nó hẳn đang phá rừng, xẻ gỗ đờ người.

Vừa mới đi nhà thờ về, bố đã lại loay hoay dưới bếp. Hai bố con đem cơm nguội ra ăn với cà. Ngon. Nhưng cái răng sâu làm khổ anh. Anh ngồi ôm mặt, lơ đãng nghe bố kể chuyện xóm giềng.

Nghe bố ngáp vang cả nhà, anh chợt nhớ cả tuần bố không mua cà phê.

"Bộ bố cai cà phê rồi sao?"

Bố cười, "Bố đâu có ghiền mà phải cai."

Anh nhớ hồi anh còn ở nhà, sáng nào bố cũng mua một ly xây chừng ở cái quán đầu ngõ, về sớt ra hai chiếc ly thuỷ tinh sần sượng; hai cha con mỗi người một nửa. Bố uống cà phê cả mấy chục năm trời, vậy mà bỏ cái một. Bố hay thật!

6

Tới ngày hẹn tái khám thì cái miệng cũng bớt sưng. Cọc tiền giấy bố đưa đã ròm hẳn đi.

"Cậu còn bao nhiêu tiền?"

Anh nhẩm đếm số tiền bố cho, rồi đưa hết cho ông nha sĩ. Không chắc có đủ cho chiếc răng hàm quý hơn châu báu ấy.

"Chỉ có bấy nhiêu thôi ư!" Ông nha sĩ chép miệng, "Tởm quá!"

Anh ngẩn ngơ. Nghèo mà cũng đáng tởm sao. Hay tại những ngón tay nhà giầu mũm mĩm phải sờ vào những tờ giấy bạc mềm nhũn và lạnh như miếng cá ươn.

"Có bấy nhiêu thì làm sao mà trám được cái răng cho ra hồn mà ăn chứ! Thôi được rồi! Bấy nhiêu cũng được. Tôi giúp cậu làm phước." Ông nha sĩ nhét tiền vào túi áo blouse trắng muốt.

Anh thấy lòng xốn xang. Số tiền ấy, bố để dành chắc phải lâu lắm.

Lần này ông phụ tá già lẩm cẩm làm nước đổ sánh ra cả vai áo anh. Ly nước có chất bạc hà ngậm vào thơm miệng. Ông già làm mất đi hết nửa ly nước ân sủng thơm tho của anh.

Ông nha sĩ vung lời thóa mạ. "Làm ăn thế này thì sống làm gì cho chật đất! Nước thuốc mắc mỏ..."

Ông già lặng thinh. Nhưng hai bàn tay run đều nhịp, như tay anh, lúc gác lên tay lái chiếc máy cưa trên rừng.

Anh cũng buồn. Ông nha sĩ không la vì sợ anh ướt áo. Ông la vì tiếc ly nước bạc hà. Anh hồi hộp liếc cái ống chích có mũi kim dài ngoẵng.

"Thuốc tê!" Ông nha sĩ cộc cằn.

Ông già cuống cuồng bới cả năm ngón tay vào cái hộp giấy. Lọ thuốc nhỏ xíu nằm lọt giữa những ngón tay thô. Lọ thuốc tê bằng thuỷ

tinh trong vắt. Lọ thuốc tê có cái eo thắt lại. Lọ thuốc tê trơn tuồn tuột, lọt qua những ngón tay run rẩy. Tiếng thuỷ tinh vỡ cắt ngang tiếng thở phì phò của ông già phụ tá.

"Thôi chết rồi. Chết tôi rồi! Chai thuốc tê của người ta... Làm ăn thế này thì sống làm gì cho chật đất... Làm sao bây giờ. Thuốc men mắc mỏ..."

Anh chống tay ngóc đầu dậy, "Thôi, lỡ rồi... Bác sĩ..."

"Bây giờ lấy đâu ra thuốc tê cho người ta..."

Anh nhìn vào cái mặt tái mét của ông già. Rồi anh nhìn vào hai con mắt đỏ ngầu của ông nha sĩ, "Thôi... khỏi thuốc tê cũng được..."

Ông nha sĩ nhìn anh đăm đăm. Sau cặp mắt kính, đôi con mắt kia nhỏ hẳn lại, như mắt một loài sinh vật nào đó anh chưa bao giờ bắt gặp.

"Cậu chắc không?"

"Dạ chắc..."

Anh nghe tiếng thở phào. Nhưng anh không biết là của ông nha sĩ hay của ông già phụ tá. Ông nha sĩ hấp tấp đặt cái ống chích xuống [illegible] sợ anh đổi ý.

Cái dùi xoáy vào chân răng làm anh bật người dậy vì đau. Xương sọ tưởng chừng muốn nứt đôi và nước mắt trào ra hai khóe.

"Ráng đi. Ráng đi." Ông nha sĩ trấn an. "Đừng nghĩ đến cái máy khoan này. Dù có xài lọ thuốc tê ấy thì cũng chả thấm thía gì. Có phải đồ ngoại đâu! Ráng chịu chút đi. Nghĩ tới cái gì đó dịu dàng, êm ái cho quên đau."

Anh cố tìm một cái gì đó để dán đầu óc vào. Và anh nghĩ đến bố. Anh nghĩ đến những ly cà phê hai bố con chia đôi mỗi sáng. Thêm một tuần bố không uống cà phê.

Bố hay thật!

7

Lần hẹn chót. Ông nha sĩ hứa sẽ lấy hết những thứ trám tạm ra khỏi lòng cái răng sâu. Anh mừng thầm trong bụng. Hẹn tới hẹn lui hoài thế này, tiền nào chịu cho nổi. Ông già phụ tá lảng vảng ngoài cửa lúc anh ngồi trong phòng chờ đợi, bây giờ không thấy tăm hơi.

"Ông nội này đi đâu nữa rồi. Làm ăn thế này thì sống làm gì cho chật đất!" Ông nha sĩ vừa vẩy vẩy cái mũi dùi máy khoan vừa lẩm bẩm một mình.

Một lát, ông già về tới. Những bước chân rụt rè ép sát vào vách tường.

"Bệnh nhân chờ mà ông đi đâu vậy?"

Ông già len lén bước vào, cố co người thật nhỏ, cho lẫn vào những bàn ghế, hộc tủ, máy khoan, đèn rọi. Rồi cun cút lủi ra cửa sau.

Ông nha sĩ sừng sộ, "Ông đi đâu về vậy?"

Ông già chùn chân, "Ba ra ngoài kia kiếm miếng cà phê. Tự nhiên thèm cà phê quá!"

Anh giật bắn người, nhớ tới bố mình. Anh nghĩ mình nghe lầm.

Ông nha sĩ giật giọng, "Đã bảo hoài là cai cà phê đi mà không chịu nghe!"

Hình như anh nghe ông già nói gì đó. Nhất định phải có, cho dù câu nói ấy thoảng qua như gió. Hình như ông bảo ghiền cà phê mấy chục năm rồi, bỏ làm sao được mà bỏ. Anh nghe rõ ràng như thế. Dù câu nói quá mỏng manh, như làn hơi thều thào qua cặp môi khô của một người hấp hối.

Căn phòng khám có tường vôi trắng đục và ông nha sĩ quay quay. Anh nhắm nghiền hai mắt để khỏi buồn nôn. Cũng gần ba tuần bố không uống cà phê. Bố bảo tao bỏ cà phê lâu rồi.

"Còn đau à?" Ông nha sĩ ngạc nhiên.

Anh vội mở mắt. Cái trần nhà chữ nhật nhập nhòe hình ảnh con nhện giăng tơ. Khuôn mặt kỳ dị của ông nha sĩ tròn tròn, meo méo. Anh chống tay ngồi dậy, luống cuống lắc đầu làm những giọt nước mắt rụng xuống khoảng ngực áo sơ mi, cũ và nồng mùi thuốc tẩy.

Ông nha sĩ cằn nhằn, "Đã bảo ráng chịu đau. Cố nghĩ đến cái gì êm ái, dịu dàng..."

Anh hấp tấp gật đầu. Anh cố nghĩ đến mẹ và những đứa em đang cày những thân thể xác xơ vào mảnh ruộng, miếng rẫy để tìm lấy hạt cơm; đến những đứa bạn vắt mồ hôi khai hoang trên vùng cao; đến những ly cà phê nhạt thếch của bố; đến đỉnh núi thăm thẳm đội sương mù trắng sữa cao nguyên.

Bỗng dưng, anh thấy bố gầy gò, ốm yếu, nhưng bố cũng cao vời vợi, như núi...

Hoàng Chính
(Father Day. 18.06.2000)

Thơ Hoàng Xuân Sơn

Đừng có sợ

Đừng có sợ những cơn mưa hoành tráng
những đóm hồng tia lửa rực ngày mai
dù có viết giữa đêm người hôn ám
thì trăm năm phủi hết nợ dông dài

Hãy đứng lặng chìm thân vào cái Đẹp
chút phong trần lãng mạn có hề chi
trời sẽ tịnh những linh hồn gai góc
bão giông ơi còn lại tiếng thầm thì

Cùng rộng mở tới vòng ôm thiên cổ
hết cho người, trời đất nữa huyền linh
ăn một chút với quả sầu nhân thế
rồi âu ca mừng gót nhẹ dặng trình

Đừng có sợ những lâu đài lộng lẫy
trước hay sau đời cũng một nấm mồ
từng lá cỏ tiếc chi ngày khăn gói
vết chân người dẫm tội một cành khô

Thì hẳn cứ mượt mà nhung với gấm
cứ thăng trầm hăm hở vạn đèo truông
đừng có sợ mộng trường qua biển vắng
vì nay mai cát bụi vẫn vô thường.

Ngậm ngùi

Ngậm ngùi chàng
khách lữ
đánh hơi một cánh rừng
đã không còn thú dữ
giữa một bầy chim ưng.

Đọc trường thiên sông Côn

Đọc câu chuyện cũ thấm lòng đất
ô hay trời vẫn ở Bắc phương!
nhân, vật mơ hồ trăm ngả tới
có cùng ta đi hết đoạn đường?

Nhà In

Nguyễn Hữu Nhật

(Gửi một người sợ nắng thương mưa.)

Năm Chương mười bảy tuổi, một hôm ông bố gọi anh lại, bảo: «Học chữ không xong thì học nghề. Chú Yên sẽ dạy mày tập nghề sắp chữ. Nhà in đang cần thợ biết rành các dấu hỏi, ngã. Nghĩ cho thật chín đi!» Ngay hôm sau Chương tìm đến nhà in của chú Yên, trong một ngõ hẻm, ở đường Học Lạc, Gia Định. Nhà kiểu xưa, cỏ mọc trên mái ngói âm dương, với những bờ tường bao quanh sân gạch, có cắm miểng chai. Phía ngoài cổng gỗ, mỗi bên kê một chậu kiểng trồng mai tứ quý. Cây tươi, cây héo. Chú Yên gầy gò, kính đồi mồi với sợi dây buộc gọng cho khỏi rơi, thõng sau gáy. Lọn tóc bạc che khuất phần trán gợn những sóng nhăn. Chương không hiểu sao từ toàn thân khắc khổ của chú lại toát ra vẻ dịu dàng. Vợ chú, đầy đặn, ai cũng gọi là cô Ba, da trứng gà bóc, trắng hồng, gây cho người vừa ở ngoài nắng, như Chương, cái cảm giác mát mẻ nếu được chạm tay vào. Chương dựng xe đạp cạnh cây bông sứ trổ đầy hoa. Cô Ba dẫn anh vào chỗ sửa bản in và là nơi ngủ đêm, căn buồng nhỏ phảng phất mùi hoa nhài. Cô đặt tách trà xuống bàn rồi đi ra. «Học việc cũng lãnh lương tuần như thợ», chú Yên bảo, «Lương thợ mới có tiền dư sau khi trừ tiền cơm. Cứ gọi tôi là anh và xưng em. Ễ đây không có chủ thợ. Chỉ có những người cùng làm việc với nhau. Thôi, kêu bằng chú xưng em, cũng được. Sớm mai sửa bài. Chớ làm mích lòng cô Ba. Chiều học đạp máy. Sao cười?»

Chú Yên có lối nói nhát gừng. Giọng Bắc pha Nam, ở chỗ âm y dài và i ngắn phát ra như nhau, như «chiều học đạp mái.» Còn cô Ba, hễ tiếng «anh ấy ở trong ấy» đều thành ra «ảnh ở trỏng», nhanh và gọn.

Từ chiều hôm đó, người dạy Chương sửa bài và sau này sắp chữ,

chạy máy in lại không phải là chú Yên. Buổi học đầu, cô giáo ngồi trên võng, một đầu mắc vào thân cây bông sứ, đầu kia buộc vào cột hàng hiên. Học trò ngồi ghế đẩu thấp. Cô Ba tự giới thiệu: «Tui là Sương, Lê Thị Ngọc Sương. Con thứ ba, người Bắc kêu bằng thứ hai, tui sửa chánh tả trật goài, khách hàng kêu như bộng. Chú Yên thời lu bù công chuyện, đâu bao đồng được hết. Sao bỏ học ngang xương vậy. Ba biểu à, hiền thiệt, thiệt là hiền.» Cô Ba cười, áo cánh trắng bật nút khuy cổ lúc cô cúi xuống chỉ cho Chương cách sửa mô-rát (morasse), nhịp võng hơi đu đưa, nấy nhẹ vồng ngực người đàn bà một con, ba mươi hai tuổi, quê ở xứ bưởi Biên Hòa. Cô chỉ bảo cặn kẽ cho Chương từng dấu hiệu một. Đảo chữ trước ra chữ sau. Nhích hai chữ lại gần nhau. Tách ra. Chữ nào bỏ. Chữ nào viết hoa. Mỗi việc một dấu hiệu. Người thợ sắp chữ cứ theo đó mà sửa bản vỗ. Mũi tên hai đầu nhọn là cho hai thân chữ lại gần. Cái gạch dài mà mỗi đầu có hình đuôi cá là tách ra. Vòng tròn có đuôi, ngoéo một cái nom như con nòng nọc, là bỏ chữ thừa... Bài học không khó. Nhưng Chương sửa mấy trang in thử, tới hai ba lần, mà cô Ba vẫn tìm thấy lỗi sai. Cô bảo: «Đọc bằng đầu óc, trật liền, phải đọc bằng mắt, lấy cây thước và nhớ coi từng hàng một. Đó, chữ này sai, gì mà «thư gửi người sắp cưới», trời đất, «sắp cưới». Rồi. Nữa, lại sai, còn sai nhiều... Hồi xưa ông Gutenberg in cuốn Kinh Thánh nói ai tìm được một lỗi sai trong cuốn sách sẽ được thưởng ngàn đồng tiền vàng. Nhiều nhà thần học cũng chịu thua. Sau có người thợ in, ít học, lại kiếm ra được một lỗi sai ở ngay bìa sách. Chữ Biblie, sai, Biblia mới đúng. Rồi. Hết mấy xấp này là tới giờ ăn cơm chiều!»

Buổi tối, thợ thuyền về hết, nhà in chỉ còn hai mẹ con cô Ba và Chương. Chú Yên, lâu dần anh mới biết, tối nào cũng vắng nhà tới khuya mới về. Lúc đi chú thường chở một thùng nhỏ giấy đã in ở phía sau chiếc Vélo Solex. Mỗi lần chú gác chân lên bàn đạp xe, tóc sau gáy hoa râm, tóc bạc trước trán rủ xuống theo chiều cánh lưng cong. Lúc ngồi được lên yên xe, người mới thẳng, lại gò lưng kéo rồi đẩy nhanh chiếc cần tiếp hợp cho vòng quay của máy bám vào bánh trước. Xe chạy. Chương đóng cổng. Ngôi nhà cổ chìm trong cái yên tĩnh của buổi tối thoảng mùi nhang trầm, sau một ngày rầm rập tiếng động máy in, tiếng cười ròn rã của cô Ba, giọng chửng rớn của hai người thợ chạy máy pê-đan (pédale) ré lên không chừng. Nhà hai tầng, cô Ba và cháu Hòa Bình ở lầu trên, tầng dưới đặt ba máy in. Máy điện và một máy đạp chân chuyên in mẫu đơn, danh thiếp, biên lai và những nhãn hiệu quảng cáo. Máy đạp chân còn lại, giành in sách cho các nhà văn, nhà thơ nghèo. Buồng sắp chữ ở mặt sau, cửa thông ra một mảnh vườn

hoang. Cỏ dại lẫn những thứ hoa không tên mọc lan dọc bờ rạch. Chiều xuống, nước ròng dâng lên, mấy bè lục bình hoa tím trôi trên những bóng mây chiều in đáy nước. Buồng riêng của Chương, nhỏ, ngăn cách với buồng đóng, cất xén sách bằng một tấm ván ép. Về khuya, tiếng sóng nhẹ vỗ bờ thấp bên ngoài rạch nước, lẫn giọng ru con trên lầu cao thoảng trong gió, mùi bùn tanh quyện với mùi hoa bông sứ gây cho Chương nỗi nhớ nhà. Dạo ấy, nhà in đang bị ăn trộm rình. Chú Yên nhắc Chương: «Chịu khó hai tuần em về thăm bố mẹ một lần. Từ trưa chủ nhật. Tới trưa thứ hai trở lại. Chừng nào có em. Tôi mới dám bỏ nhà đi tới khuya. Em ở đây nghỉ mà cũng là canh chừng giùm tôi. Cô Ba và cháu Hòa Bình bể gì cũng đàn bà, con trẻ.»

Hòa Bình, chín tuổi, tối lên giường phải nghe mẹ ru mới chịu ngủ. Cháu mới học lớp nhì trường tiểu học Gia Định, song có khiếu nói chuyện, dâu ra đó. Hồi chiều tan trường về, mới gặp Chương lần đầu mà Hòa Bình không lạ, đã làm quen bằng giọng Bắc, hết sức tự nhiên: «Chú là chú Chương hả? Cháu là Hòa Bình. Chú ở đây luôn đi, cháu sợ trộm lắm, chỉ thấy chó sủa mà không thấy người. Đêm tối hù à. Ghê!». Thật không ngờ, sau này chính cháu Hòa Bình lại dạy Chương sắp chữ, những ngón tay thon nhỏ, thoăn thoắt «gắp» từng con chữ ra khỏi hộc, nom dễ thương. Đêm đầu, lạ nhà, Chương mất ngủ. Mãi gần sáng mới chợp mắt được một chút. Tiếng gà gáy rộ bên kia bờ rạch. Tiếng máy in xình xịch, nghe xa vắng, anh giật mình ngỡ mình ngủ quá giấc, vội tung chăn trở dậy. Qua buồng đặt máy. Thấy cả ba chiếc vẫn im lìm.

Chương đứng lặng người suy nghĩ. Từ lâu anh vẫn muốn kiếm việc làm, bớt gánh nặng cho bố mẹ, giúp đàn em giấy mực và giành dụm ít tiền để in tập thơ. Bạn bè cùng lớp gọi anh là con mọt sách. Học chương trình Pháp từ nhỏ, tới năm mười bốn gặp cảnh nhà sa sút, anh phải chuyển qua trường Việt. Tiếng mẹ đẻ yếu nên cần đọc thêm nhiều sách văn học. Lâu dần, Chương nhận ra tiếng Việt, như món ăn, hợp với người Việt. Anh say mê truyện Kiều của nguyễn Du hơn Divina Commedia của Dante lúc nào không biết. Chương thi trượt cũng chỉ vì mê cụ Nguyễn Du hơn cụ Dante Alighieri. Mê Thúy Vân hơn Beatrice. Trong Chương có hai con người; một, lúc bố gọi bằng mày và người khác gọi bằng em, vẫn coi như chuyện bình thường. Một, nếu bố hay người khác nói chuyện về thơ, Chương xem thường. Im lặng. May mà bố con chưa bao giờ có dịp nói với nhau thứ ngôn ngữ vừa ma quỷ, vừa thần tiên mà người ta gọi là thơ. Một Chương ngờ nghệch trong đời sống thực hàng ngày. Một Chương nhanh nhẹn nơi văn chương, thế giới ảo. Thần Khúc của Dante, trăm bài ca từ địa ngục, qua nơi ăn năn, tới

thiên đàng. Từ cô hồn tới thiên thần. Chưa thấy bóng hồn nào đẹp như ma Đạm Tiên. Ngay cả người mắc chứng sợ ma nặng nhất cũng không sợ ma Đạm Tiên. Người làm thơ tới cỡ, như Nguyễn Du, chính là thần. Dante có Beatrice. Nguyễn Du có cô Cầm. Mặc dù anh thấy cô Ba có nét đẹp Thúy Vân, đầy đặn và nở nang, không chỉ gương mặt và chân mày. Chương mường tượng, không rõ nét, hình như mình cũng có một người nữ nào đó. Ngọc Sương, là cô Ba nhà in ư? Vô lý! Cô Ba?

Vài tháng sau ngày học việc, Chương dạy lại những người trong nhà in, nhờ anh nghiền ngẫm đọc các sách viết về ngành ấn loát, cả lịch sử lẫn kỹ thuật. Anh chọn kiểu chữ và pha màu mực. Khách hàng, nhất là giới văn nghệ hài lòng về sự góp ý và làm đúng ý từng người một, của Chương. Nhà in mua thêm máy mới. Anh được làm chia, không lãnh lương khoán như mấy người thợ khác, vậy mà chú Yên vẫn chưa hề hé răng khen lấy nửa lời. Một hôm, chú kêu anh lên lầu, với vẻ trầm tĩnh, chú nói: «Cô Ba đã đưa tôi xem tập thơ. Dọc kỹ. Có thể nói. Thơ em như một thanh gươm sắc bén. Nhưng nó sẽ dùng vào việc chi? Hồi trước nhà văn Nguyên Hồng mười bảy tuổi. Viết Bỉ Vỏ... Em giờ này đâu có thua. Đó là nói về cách viết. Chớ những điều Nguyên Hồng viết. Tôi chưa thấy ai qua mặt được. Nếu em muốn. Tôi sẽ in. Chỉ tính tiền giấy mực. Nhưng nước ta đang như nhà có đám táng lớn. Giữa lúc bao nhiêu người chết. Em có thể in thơ tình được sao? Bố mẹ khổ. Các em vừa đi học vừa phải bán báo. Tôi với bố em là bạn cũ. Từ hồi còn học trường Mai Sơn. Chợ Mơ, Hà Nội... «Bắc thang sát nách tường hoa. Xem người trong mộng có ra nhìn trời. Gặp nhau chẳng hé một lời. Đêm về không ngủ nằm cười trong chăn.» Không dở. Nó còn làm tôi tức cười. Phải nói là tôi thích. Nhưng ta nên cùng nhau góp sức. Làm cho đất nước này sáng sủa. Cho chính em và tôi. Khỏi sống khổ!»

Nhiều ngày sau đó, chẳng nhớ bao lâu, chú Yên đưa cho anh mấy tập thơ in tại Hà Nội, giấy xấu, bìa ty-pô (typographie) nhòe nhoẹt màu. Thêm vài tập thơ chép tay, trong đó có tập Đêm Sao Sáng. Chương hỏi: «Làm sao chú có?» Thoáng cái, Chú Yên hơi lúng túng, một tay đẩy gọng kính lên cao, một tay chú lật tập thơ nằm trên bàn. Chú cho biết đã nhờ mua ở một nhà sách bên Thụy Sĩ. Chú bảo: «Em coi! Hà Nội tự do. Nguyễn Bính vẫn làm thơ tình. Ai cấm đâu? «Sao trời còn có đêm không sáng. Anh chẳng đêm nào quên nhớ em.» Nhưng «anh» không phải là thứ «anh» quay lưng lại. Với nỗi nhục do giặc da trắng gây nên. «Anh đi bộ đội, sao trên mũ. Sao sáng ngàn năm, sáng mắt em.» Cô Ba thích thơ Nguyễn Bính lắm. Năm mười ba tuổi. Nguyễn Bính đã làm thơ. Chế Lan Viên mười sáu tuổi. Đã biết mượn dân Chiêm.

Để nói về cái điêu tàn nước Việt. Thơ Chế bây giờ có nhiều bài là thép. Như câu: «Ta đánh chúng hân hoan như sinh nở.!» Muốn nuôi nhau. Người mình phải giết giặc. Giết bằng gươm và giết cả bằng thơ!»

Nguyễn Bính thì Chương vẫn yêu, từ tập Tâm Hồn Tôi được Tự Lực Văn Đoàn khen năm 1937. Mười bẩy tuổi, thơ ông, đã bay rất bổng. Không biết «người con gái vườn Thanh» của ông là ai? Vườn Thanh là vườn Xanh hay cô hàng bánh cuốn Thanh Trì, ngoại ô Hà Nội, theo ngả đi về Thanh Xuân? Hay vườn Thanh, thời Nguyễn Bính trên đường vào Nam ghé qua, trấn Thanh Hoa xưa, mà nay gọi là Thanh Hóa? Người con gái nào đó, trong thơ Chương trước kia mơ hồ, nay rõ nét người thiếu phụ quê ở Chợ Cầu với món xôi phồng nổi tiếng. Cùng yêu hoa bưởi, thơ và mưa; cùng thương những ai khổ vì thơ mà người đàn bà ba mươi hai tuổi và chàng trai trẻ mười bẩy tuổi, lệch vai thời gian mười lăm năm, nhưng tâm hồn ngang bằng nhờ gần gũi mỗi ngày. Giữa những con chữ là thơ. Chương đọc nhiều sách viết về tình yêu, mỗi người nói một cách, chung quy vẫn là «không mù quáng, không tình yêu.» Chương chỉ biết tháng nào cô Ba cũng về thăm vườn bưởi vài ngày. Những ngày ấy anh thấy nhà in như trống tải tận cùng.

Nhà in, mùi mực hăng hắc, mùi dầu hôi rửa máy, những vòng quay, sự đè nén của bản khắc gỗ hay thiếc, Cliché Dầu, hiện hình lên nền giấy trắng những hình ảnh, tranh vẽ. Nhà in, ấn vào lòng Chương những rung cảm hai vật thể, «bát» chữ chì Nam Dương với bìa giấy sần nhám hay trơn láng, ra những tên sách. Mỗi đầu sách chứa một đầu người. Vui buồn, đau khổ hoặc hạnh phúc, giận dữ hay khoan dung. Nhà in, nhờ nó mà Chương đã mua cho bốn em, mỗi đứa một chiếc xe đạp đi học. Cho dù lần nào đi qua một cổng trường đại học, anh vẫn ao ước một ngày không xa, mình sẽ bước vào đó. «Nếu không, khi giàu có, mình sẽ thuê giáo sư ngoại quốc tới đây mở trường đại học ấn loát.» Chú Yên thắp sáng dần niềm hy vọng trong lòng Chương: «Mai mốt nước mình mỗi tỉnh sẽ có một trường đại học như thế. Nhà in cũng sẽ bề thế và mới mẻ. Khi dân mình làm chủ nước mình. Muốn chi mà không được. Tôi già rồi. Biết đâu đó. Nếu còn khỏe mạnh. Sẽ giúp em làm chủ hẳn một nhà in lớn. Chớ như bây giờ. Nhà in cỡ đầu này là guồng giấy lớn. Chạy. Ra đầu kia là tờ nhật báo. Sáu màu offset đã ít. Lại rơi vào tay bọn bóc lột nhân công. Đục xương. Hút máu.»

Chương tin. Tin như chú Yên. Tin là như thế. Nơi nhà in không bảng hiệu này, chú đã trả lương thợ cao hơn nhiều cơ sở ấn loát tối tân. Chú giúp các nhà thơ văn nghèo in sách. Quý ở chỗ chú không ép người thợ nào trốn lính, phải nhận những bát cơm mồ hôi pha lẫn máu. Báo

của sinh viên, học sinh in rẻ. Bù vào đó, chú lấy tiền từ các nhà buôn in quảng cáo, lấy cái dư thừa lấp vào cái thiếu hụt, chú nhấn mạnh: «Cách mạng là gì? Tái phối trí những thặng dư giá trị. Cho thuần lý.»

Những danh từ Hán việt ấy Chương không hiểu thấu, nhưng cảm nhận được nhờ anh đã đọc cuốn Tư Bản. Người bỏ vốn, ngồi không hoặc chỉ tay năm ngón cho bao người khác làm, cuối cùng giàu càng giàu thêm. Người nghèo, làm ói máu, càng nghèo đi. «Mức chênh lệch ấy hổng do Trời, Phật nào gây nên hết.» Cô Ba nhà in đã nói như thế.

Cô Ba, với một vườn bưởi lớn ở Biên Hòa mà tiền bán trái và hoa, mỗi mùa đủ sống thong dong, vẫn không mua nhiều đồ chơi cho cháu Hòa Bình. Ngoài con búp bê nhựa, rẻ tiền, mua ở chợ Bà Chiểu, với mấy con giống cũng bằng nhựa, cháu chỉ có sợi dây dài dùng để nhẩy. Nhẩy dây và nhẩy lò cò mỗi ngày khiến Hòa Bình dong dỏng cao và chân tay rắn rỏi. Chương dạy thêm cho cháu trò chơi origami, gấp giấy ra thuyền bè, chim chóc, máy bay lồng đèn... Hòa Bình thích nhất các con châu chấu kết bằng lá dừa. Thổi kêu toe toe. Chương còn nghĩ ra cách lấy tấm gỗ, dán giấy màu xanh đa trời lên, rồi đính những con chim origami màu trắng, đậu trên cành cây lục biếc, vẽ thêm xa vời mảnh trăng tròn vành vạnh, màu vàng xoài chín. Cháu Hòa Bình vỗ tay reo. Cô Ba nhìn Chương, vẫn đôi mắt đen ướt hàng ngày, nhưng lần ấy vẻ ướt át ấy không thấy ánh lên niềm vui. Cô tách một con chim câu, trong đôi chim đang đậu trên cành, đính nó vào khoảng không giữa đồi núi biếc và vầng trăng sáng. Rồi quay lại nhìn anh. Thở dài.

Chương, như cháu Hòa bình, không hiểu gì hết. Không ai hiểu được tiếng thở dài mặc dù cháu Hòa Hình cứ gặng hỏi: «Sao má không vỗ tay?». Chiếc vòng cẩm thạch lay động nhè nhẹ, tựa hồ nó đang rung, cố vượt ra khỏi cổ tay ngần trắng. Lúc này, Chương có ý nghĩ là lạ, người khác đeo vòng, cho đẹp cổ tay, còn cô Ba đeo thời chỉ làm đẹp cho chiếc vòng. Ngón tay đeo nhẫn của cô lại không đeo nhẫn. Nó cong lên. Chạm nhẹ lên tay Chương. Anh vẫn ngồi im như phỗng đá.

Chương lao vào công việc nhà in. Anh nói với các tác giả in sách nên để tên những người sắp chữ, sửa bài, chạy máy ở trang cuối cùng. Một hai người lắc đầu. Dăm người im lặng. Chỉ độc một nhà văn trẻ, thiếu úy Nguyễn Đình Thư, vui vẻ nhận lời và nói ngay: «Hay! Một cuốn phim, mà trong phần giới thiệu, người ta còn nêu tên cả những người hóa trang, lựa quần áo, chọn kiểu tóc. Cuốn phim là cuốn sách bằng hình và cuốn sách là cuốn phim bằng chữ. Có như vậy, việc in sách, được thêm ý nghĩa. Tôi chịu!» Từ đó hai người chơi khá thân với nhau.

Chú Yên khen: «Khi được ghi tên. Sếp-typô (chef d.l typographie), trưởng nhóm sắp chữ, đích thân coi lại bản vỗ, tức bản in thử, trước khi giao cho thầy-cò (correcteur). Kỹ hơn lúc trước nhiều!» Lắm nhà văn, có số đầu sách chất cao ngang đầu người, vẫn không thấy được công lao của những người thợ. Bao khó khăn, từ việc làm «bản vỗ», xấp giấy được phun nước âm ẩm, «bát» chữ úp xuống, ấn mạnh vào ra bản in thử. Chờ khô. Giấy cong lên. Mùi giấy và mùi mực in làm cho thiếu uý Nguyễn Đình Thư chớp chớp mắt vì bản vỗ cuối cùng, chỉ mới lần thứ hai, đã sạch lỗi. Một nhà thơ người Quảng Nam nói như hát: «Nó sửa cả tiếng Tây của tôi. Ngon! Thằng thầy-cò nào vậy, cô Ba, «Suối đi rớt hột lộn về, về đi anh nhớ, đi về nhớ em»? Cả nhà in kêu ông điên. Chương nghĩ ông chỉ loạn chữ. Không loạn tâm. Tâm bình nên trí thường. Biết chọn mẫu bìa, lựa loại giấy, cân nhắc từng dấu phẩy. Suốt thời gian in sách, ông lấy cái võng của cô Ba làm nhà, mang theo gạo muối và ngày hai bữa nấu cơm ngay dưới tàn cây bông sứ. Nhà thơ là một thế giới riêng. Khinh đời. Nhưng không coi thường ai. Qua nụ cười trẻ thơ của ông, chẳng có gì là thật, chẳng có gì là giả. Chưa phải là triết gia. Song ông am hiểu ngọn ngành triết học. Rồi ngừng ở đó. Chú Yên lại muốn: «Triết học, không chỉ tìm hiểu, mà còn cải tạo thế giới.» Nhà thơ chưa nêu lên được học thuyết riêng. Chú Yên cũng chưa nói được câu nào, về tư tưởng, do tự nghĩ ra, dù mỗi cây tầm gửi đều nghĩ là mình mọc đúng hướng. Chương thích sự đối nghịch nên mến cả hai người. Mười năm sau khi đọc lại Sein und Zeit, mà nhà thơ dịch tạm là Hơi thở Và Thời Gian, của nhà triết học người Đức Martin Heidegger, Chương giật mình chợt hiểu vì sao người làm «thơ điên» kia cứ xoáy mãi vào học thuyết Tồn Sinh, bắt nguồn từ Sooren Aabye Kierkegaard, triết gia Đan Mạch, qua Hiện Tượng Luận của Edmund Husserl, người đồng hương và là thầy học của Martin Heidegger. Giữa thời mà thiên hạ cuồng say «triết học cải tạo», tài thật, nhà thơ đã báo động «khuynh hướng tự hủy» của cả một dân tộc lầm đường. Lạc hướng «tồn sinh». Chương nẩy ra ý nghĩ: Muốn tồn sinh phải biết cộng sinh. Giờ đây, mỗi lần nghe cô Ba ru cháu Hòa Bình «tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn», anh thấy chan chứa niềm hy vọng một mai, hòa bình, ai cũng có quyền viết và in sách. Viết không cần lách. Kiểm duyệt sách báo là kiểm duyệt đầu óc. Tận cùng của thói man rợ.

Man rợ ở chỗ nó xúc phạm từ tờ giấy tới hộp mực. Giấy, chặng cuối con đường dài mấy nghìn năm con người viết trên đất sét, da thuộc, tre trúc, lá Bối... được làm ra bởi rơm rạ, bã mía, gỗ thông... Từ muội đèn trộn mỡ, bụi than tới mực in. Cô Ba thường bảo: «Vô nhà nào không

thấy có tủ sách, tui thương lắm, biết sao được.» Tủ sách là thư viện nhỏ và thư viện là tủ sách lớn. Lần đầu tiên in ra một ca-ê (cahier) tám trang chữ do mình tự sắp lấy, Chương bồi hồi như người được sờ tay vào một ấn triện của vua chúa thời xa xưa, nó là bước thứ nhất của ngành in mộc bản, thạch bản phương Đông, đi trước Tây phương. Chú Yên không bận lòng về những người Đức triết gia, nhưng rất chú ý tới một người Đức khác. Chú nói: «Mấy thế kỷ sau. Phương Tây mới có Johann Gensfleisch Gutenberg. Sinh năm 1397 và mất năm 1468. Ông Gutenberg , một người thợ in, sinh tại vùng Mainz nước Đức. Năm sáu mươi ba tuổi. Mới nghĩ ra cách in sách. Qua việc khắc chữ trên bản gỗ. Rồi dần dần tới chữ chì. Nhờ thế, sách rẻ, sách đi khắp khắp bốn phương. Trí tuệ cùng khắp nhân gian. Nhà in mọc lên khắp nơi. Cuối cùng. Sách không còn là món hàng xa hoa. Thứ mà trước đó người nghèo suốt đời không dám nghĩ tới. Sách vở chép tay. Giá đắt như vàng. Ngày xưa ông Gutenberg ấn hành cuốn kinh Thánh Biblia Latina Vulgata. Mất ba, bốn năm. Từ năm 1452 tới năm 1455. Hiện còn lưu giữ được bốn mươi tư ấn bản. Em thấy đó. Nhà in mở mang là dầu óc mở mang. Đất nước ta, mai mốt, thế hệ các em còn phải dựng tượng đài Johann Gensfleisch Gutenberg. Đặt giải thưởng hàng năm mang tên ông. Cho cuốn sách nào in đẹp nhất. Nhà in bây giờ. Như em thấy. Giá giấy mỗi ngày mỗi cao. Lương thợ đứng một chỗ. Đứng một chỗ là giật lùi. Là chết đói. Súng ống của bọn quân phiệt. Lo canh gác cho các túi tiền. Của tư bản. Guồng máy chiến tranh xâm lược. Nuốt dần. Cho đến hết những người thợ trẻ tuổi như em. Không lâu tới lượt em...»

Chính câu nói sau cùng «không lâu tới lượt em», ngày lại ngày, như nước nhỏ từng giọt một, nhỏ mãi, đá cũng phải mòn, khiến Chương thay đổi nhiều và nhanh, cách nhìn của anh về cuộc sống. Về việc làm thơ. Chương viết nhiều bài tình khúc, ngắn, bóng gió, dùng văn nói, tiếng Nôm cho cô Ba dễ hiểu. Những bài thơ tình tưởng tượng một ngày nào đó, anh nằm chết ở ngoài mặt trận, nhà in đêm chỉ còn nghe gió thở dài ngoài bờ rạch. Cây bông sứ khuya thơm rộ. Người đàn bà ngồi võng dưới trăng. Nhớ lại những ngày gần nhau tới độ ngửi thấy cả mùi những tép chanh còn dính vào tóc, gội đầu. Nhớ lại mùi bia 33 sủi bọt trắng, mồ hôi, mực in và mùi trai trẻ bung sức ra nhát búa, bổ củi. Tay chạm tay. Bài thơ ở giữa hai người nam nữ. Chương tự kềm lòng mình. Anh nghĩ: «Vợ chú Yên... Người ta là vợ của chú Yên...». Cho đến một hôm, đạn pháo kích từ bên ngoài thành phố, văng miểng làm sạt một luống ngắn ngói âm dương và sau đêm mưa, tủ sách trong buồng cô Ba sũng nước. Sáng ra, Cháu Hòa Bình ngồi giữa sân gạch, phơi từng cuốn một,

lật tới một cuốn ảnh rồi chỉ vào hình một người đàn ông, không phải chú Yên, cháu khoe với Chương: «Chú Chương thấy Hòa Bình giống ba không? Ba cháu ở ngoài Bắc rồi. Chừng nào hòa bình mới về.» Chương hỏi: «Thật không?» Cháu chỉ gật đầu mạnh. Lúc đó, cô Ba đang khuân sách ướt, từ trên lầu xuống hàng hiên, thấy Hòa Bình và Chương cùng chỉ trỏ vào tập ảnh. Cô hất hai lọn tóc xòa vai ra phía sau, tay vẫn ôm chồng sách, đứng cười trong khi Hòa Bình thoáng thấy cô, vội vã với tay lấy một cuốn khác. Chương chạy lại đỡ chồng sách nặng; lúc quay ra sân, anh thấy người bừng nóng, cảm giác ngượng ngập của kẻ bị bắt gặp làm chuyện giấu lén. Nhưng Chương cảm nhận được ánh mắt cô, đang đính vào sau gáy anh, toát ra hơi ấm nồng nàn, từ hai bàn tay nọ ấp vào hai bàn tay kia, bịn rịn khi truyền chồng sách. Anh tự hỏi: «Chú Yên là ai?» Họ «già nhân ngãi, non vợ chồng» hay người đàn ông trung niên cưu mang một người con gái mới lớn, lỡ nhẹ dạ. Nhưng Hòa Bình bảo: «Ba cháu ở ngoài Bắc thật mà.»

Chiến tranh đã bước sang năm thứ tư, 1964, mười năm chia đôi đất nước. Người vợ không chờ được chồng lâu hơn nữa và chú Yên, và nhà in chỉ là chốn tình cảm người nương nhau mà sống. Bởi nhà cô Ba ở Biên Hòa có vườn cây, ao cá và một quán xôi phồng lúc nào cửa mở cũng đông khách. Cô không sống bằng đồng lương nhà in, mỗi cuối tuần, cô đãi những người thợ ăn uống. Khi con đau, vợ ốm, chồng bị bắt lính, họ đều được cô Ba chu cấp gạo, đường sữa và thuốc men. Cô săn sóc các em của Chương, từng đứa một, và biết đứa nào giỏi toán, đứa nào kém Pháp văn, trong lúc anh chỉ nhìn thấy bề ngoài của chúng. Chương có thể chết được vì cái kiểu hất tóc của cô, ngực khỏe khoắn nẩy lên, cùng lúc mọi sinh lực, sau lớp áo mỏng, như ươn về phía trước. Vẻ đẹp của đôi hàm răng, không chỉ nhờ đều đặn, mà ở chỗ men răng lúc cô cười, như màu sữa đông trong những miếng thạch hạt lựu. Hai chiếc răng cửa, hàm trên, tõe hình cánh bướm, vẫn mỗi đêm ẩn hiện trong thơ Chương. Ngọc Sương, cô Ba, ai là ai hay là nhau trong một người mà bề ngoài ngỡ nông nổi, trong thâm tâm lại trầm lặng thủ thế. Cánh cửa, từ nhà dưới lên lầu trên, đêm nào cũng đóng chặt. Buổi tối trong phòng Chương bao giờ cũng có ba người, mỗi khi có việc cần làm tới khuya, cũng chỉ tới lúc cháu Hòa Bình ngáp ngủ. Khuya, chú Yên về, vật mình trên chiếc ghế bố đặt cạnh máy in. Ba bộ quần áo, hai đôi dép, một người, như chú, làm việc quên mình, đủ cho Chương thầm phục. Chú kê đầu lên sách. Lặng lẽ, đêm mỗi người một chỗ gối đầu, để sáng hôm sau lại cùng lao đầu hòa vào nhịp sống hối hả tiếng máy chạy, tiếng bát đũa khua rộn cơm sáng thợ thuyền, nhà in buổi đầu

ngày cất tiếng cười của cô Ba, sau mỗi cắt đặt công việc, tiếng thợ sắp chữ, con trai tán tỉnh con gái, bên phòng khâu, đóng sách. Mùi cá khô nướng, dưa leo và cả mùi hăng hắc của ớt xanh lẫn trong tiếng xuýt xoa kêu cay của Chương cùng tiếng cô Ba: «Ai biểu? Đáng đời!» Chú Yên cười: «Muốn ăn ớt không thấy cay. Cứ lấy vợ!»

Buổi chiều, nhà in vui hơn, nhiều nhà văn, nhà thơ từ trại lính, trường học, sở làm, tòa báo ghé xem bản vỗ cuối cùng và có người chưa in hoặc chẳng in chi cả cũng coi nơi đây như điểm hẹn bạn bè. Họ dễ thương ở chỗ người nào cũng tưởng là mình có tài, hơn ai hết, và các tác phẩm của họ, chứa mãi trong đầu, bao giờ cũng trội hơn bất kỳ cuốn nào đã được in ra. Cô Ba thường nấu một ấm trà lớn, đặt trên chiếc ghế đẩu ngoài hàng hiên, đôi khi cô mời họ uống sữa đậu nành. Chương thấy họ, phần đông có đủ thói hư, tật xấu, điều hay lẫn cái tốt, nhưng anh chưa thấy ai ác cả. Người trốn lính vẫn chơi thân với người đi lính. Thơ lửa giọng binh đao vẫn trao đổi với thơ tình lời đường mật. Văn ba giòng không một dấu phẩy vẫn chào đón văn văn nhát gừng, dăm ba chữ cũng chấm câu. Hegel duy tâm vẫn bắt tay với Marx duy vật. Boris Pasternak, Bác Sĩ Zhivago 1957, vẫn xem tranh Guernica 1937 của Pablo Picasso. Công án Thiền cùng Biện chứng pháp. Trong xô bồ thâu nhận tham lam, có đắn đo gạn lọc dè xẻn, khu vườn văn nghệ thực sự trăm hoa. Trên cánh đồng cỏ non tháng Giêng, mùa xuân văn học, bày ngựa chứng hí vang, không kẻ tài hoa nào chịu deo hai miếng da chắn ngang tầm mắt nhìn trời. Chương thấy thương giới cầm bút nước mình. Có người mai mốt mất đi, chắc chắn sẽ được đặt tên dường, nhưng lúc sống sao khổ quá. Tiền bạc, tác phẩm của họ, chỉ lọt vào túi các chủ báo, nhà xuất bản, nhà phát hành, nhà sách và nhà in. Họ chỉ lấy việc được viết, nhất là viết được, làm vui. Ai in ra, với tiền công chẳng xứng công, nhà văn cũng thật lòng cảm tạ. Họ sẵn sàng viết không công cho một tờ báo văn nghệ của chú Yên. Tờ báo mà chú đã bàn với Chương: «Vừa để che mắt chính quyền Sài Gòn . Vừa để mở mắt cho nhiều kẻ đang nhắm mắt, làm ngơ trước cảnh khổ nước nhà. Chú lo phần văn. Còn em lo phần thơ. Nhớ dịch nhiều thơ cách mạng Nga. Sẽ có thêm anh chị em. Anh Năm Phen lo việc trình bày. Em Hồng Đăng quen nhà phát hành. Chị Út Thơm làm ở Chiêu Hồi. Sẽ lo lót xin giấy phép. Giai phẩm cũng được. Nội dung cách mạng triệt để. Hình thức văn nghệ thuần túy. Mỗi số một chủ đề. Số ra mắt chọn Nguyễn Trãi. Xoáy mạnh vào hịch Bình Ngô Đại Cáo. Được. «Nguyễn Trãi và thân phận kẻ sĩ.» Không, lộ mất. «Nguyễn Trãi, vì sao sáng mãi». Những bài khác? Mặc họ muốn viết chi thì viết. Trên bức tường loạn sắc. Ta chỉ cần treo một tấm tranh.

Màu hồng. Kẻ sĩ, tướng quân và nhà thơ Nguyễn Trãi đánh giặc. Tốt nhất. Em sẽ đứng tên chủ bút.»

Biết chuyện ra tờ báo, song không được biết đường hướng của nó, nên cô Ba đôi lúc than van: «Thơ Chương độ rày nghe sao lạ hoắc à!»

Lạ, như một lần kia Chương đánh bạo, hỏi cô Ba: «Người trong tập ảnh bữa trước mang phơi, có từng làm thơ không?» Cô im lặng giây lát, lắc đầu, rồi buông tiếng thở dài: «Coi như chết rồi.» Chương, vẫn liều, hỏi nữa: «Còn chú Yên?» Thật lạ, cô trả lời một thôi một hồi, chẳng ra dầu, chẳng ra đuôi, nhưng anh hiểu được. Chú Yên, từng cùng Nguyễn Bính đánh Tây, thời Nam bộ Kháng chiến. Ngày Nguyễn Bính xuống tàu ra Bắc, chú Yên ở lại, nằm vùng, viết báo. Sau bị bắt ở Biên Hòa, chú vùng chạy, bị bắn theo nhưng nhờ đêm tối trốn thoát được, máu ra nhiều, nằm ngất trong vườn bưởi nhà cô Ba. Từ đó họ nhận làm đồng chí của nhau, dù cô chưa một ngày tuổi đảng; và cái phần thương tật nơi hạ thể chú đã dẫn tới việc không ăn nằm với ai được. Đóng vai vợ chồng, thay tên, đổi họ, chỉ cốt che giấu tông tích. «Ba của chú Yên ở Chợ Lớn, đâu ưa cộng sản, nên đã từ con.» Cô còn dặn: «Chương mà kể lại cho ai nghe... Coi như Chương giết chết tui với nhỏ Hòa Bình!»

Lòng tin cậy tột cùng là dấu ấn, hằn vết như bản in, của tình thân. Nhưng khi muốn kể về chuyện vợ chồng, cô Ba đâu nói thẳng, vòng vo hồi lâu để dẫn tới cũng chỉ một câu: «Tui vẫn sống độc thân.». Thoảng hoặc, Chương nghe thợ thuyền xì xào việc cháu Hòa Bình mười tuổi mà cô Ba chưa sinh nở thêm. Chuyện ấy thông thường. Cánh thợ nữ, màu nhiệm với giác quan thứ sáu, nhạy cảm việc chú Yên: «Không phải cách của một người chồng!» Trong số đó cũng có bà nói: «Chồng kiểu xưa. Coi vợ không ra giống chi. Đâu như thời buổi này ở ngoài đường cũng đeo dính như sam.» Cánh thợ nam phần đông cho rằng: «Ngoài năm chục, ốm nhom, ốm nhách. Con sâu rượu ấy coi như tiêu rồi...». Nhưng không một anh chàng nào lộ vẻ xem thường cô Ba. Vẻ chững chạc, đôi khi thấy cả ở trẻ con, cũng khiến mọi người chung quanh, chẳng ai bảo ai, cùng yêu mến. Có điều, chú Yên đã đánh lừa được họ, ngoài các trận đấu rượu ở nhà in, chú chỉ là người nghiện trà nặng. Đầu óc tỉnh táo tới độ lạnh lùng. Nét lạnh lùng chìm khuất trong giọng nói ấm áp: «Đừng làm thơ về con sam. Thằng... thằng Sam. Là Mỹ. Nói tới chết cũng chưa hết tội của chúng.» Chú Yên còn cho Chương xem lại bài thơ của chính anh: «Chịu mãi cảnh đè đầu, vít cổ. *Đau chỉ đâu tan cửa nát nhà. Mà hơn thế, ta còn làm nhục. Cả bao đời hiển hách ông cha.*» đăng trên một tờ báo in ở mật khu. Chú không biết cô Ba đã thuộc

nằm lòng bài thơ «Sam», đại ý không ai biết loài sam đã sống ra sao, mà khi chết, kể từ lúc vướng lưới, chúng dính chặt lấy nhau. Con sam đực, nhỏ, úp vào con con sam cái, lớn. Cùng chịu chết chớ không buông nhau. Chương hối hận bài thơ của anh, không hay, lại làm cô Ba khóc. Song anh vui, thơ ngả nào cũng được đón nhận, một niềm vui ấm lòng. Chương cảm thấy mình là cái gạch nối giữa Sài Gòn và Hà Nội, đó là tấm lòng của anh như Huế qua mùa khô, mưa trên sông, buồn, lan trên sóng nhẹ điệu Nam Ai, giọng nhạc Chiêm Thành kêu mất nước. Mưa, một tối nọ, Chương chạy mưa cho mớ củi tạp phơi ngoài sân. Cô Ba từ trên lầu chạy xuống. Trời tối. Ngôi nhà cổ như giật lên dưới những lằn chớp. Sấm động. Mưa rào đổ xuống thật nhanh. Hai người chạy vội. Thở. Tóc cô ướt mùi hoa bưởi. Chương ghét mùi hoa nhài trên tóc. Hoa nhài để ngửi xa. Hoa bưởi ngửi gần, vẫn thanh, không giục lòng người dấy vội chuyện hương lửa. Cô Ba, chiều ý Chương, tự lúc nào. Sao anh vẫn ngửi thấy mùi hoa nhài. Nồng nàn. Bếp tưởng tàn than, gió thốc qua khe cửa, lại lóe lên các dốm sáng. Cô Ba run nhẹ. Chương ấn nắm bùi nhùi vào lò than. Lửa ngời sáng. Bóng hai ngươi in trên vách không một khoảng rời. Liền khít như sam. Chiếc võng trong bếp, chùng xuống, rung lên, nước ròng thuyền tam bản dập đềnh. Người này uống hơi thở của người kia, thoảng mùi nước bột sắn dây ướp hoa bưởi, mưa đổ ngoài trời trong lúc thân thể toát mồ hôi. Đồi núi nằm khoanh từng miếng trắng, cỏ rạp ngọn nghiêng, ruộng nẻ. Mưa nguồn, nước lũ và vỡ bờ. Tiếng xé lụa. Bếp lửa vui, than nổ bắn những tia hoa, lách tách, cùng tiếng Ngọc Sương gọi: «Chương ơi Chương!» Điệp khúc, dần lơi, tới lịm tắt,... ơi!

Từ chân tơ, nơi ngã ba thân thể, tới kẽ tóc lệch đường ngôi như ngấm tiếng «ơi, ơi, ơi», chuỗi thanh âm mất hút mọi giữ gìn, đập vào vách đá của khuôn khổ đời sống, dội ra không ngớt nhiều năm sau đó.

Cho tới năm hai mươi tám tuổi, Chương từ Phú Quốc trở về nhà in tìm cô Ba và cháu Hòa Bình. Chú Yên nằm tại đảo. Yên. Mãi mãi. Nhà in đang thu dọn giấy tờ, của cải, để giao nộp cho Ủy ban Quân quản. Cháu Hòa Bình, đẹp như mẹ nhưng không hiền, vung tay mà nói: «Các nhà in đều phải đóng cửa. Kể từ nay không có nhà in tư, cái gì cũng của nhà nước, chú ạ, cháu không hiểu nổi thế cách mạng để làm gì? Những người như ba má cháu chết cho ai? Các bạn văn nghệ của chú bị bắt hết rồi, ông thi sĩ điên sáng sớm Ba Tây tháng Năm mặc quần áo lính ngụy, cổ áo bên này đeo lon trung tá, cổ áo bên kia lon trung uý, cũng bị đánh xém chết. Ngôi nhà này ông bà ngoại cháu mua, họ bảo đã in nhiều sách cho bọn bồi bút Sài Gòn, kể như có tội. Chú về hồi nào...» Chương

ầm ừ: «Tối qua!» Rồi cháu Hòa Bình khóc. Khóc xong lại kể: «Sau khi chú Yên và chú bị bắt vì tờ báo văn nghệ, nhà in vẫn đông nhưng không vui, khi má cháu buồn thời con ai vui được nữa. Má cháu bị bắt, vài tháng sau, vì mấy tập thơ của chú. Người ta phăng ra manh mối đường dây nội thành nối với chiến khu. Cho tới nay nhà vẫn không nhận được tin gì, má cháu còn hay đã mất, dì Út Thơm phải làm chủ nhà in một thời gian dài và dì không biết những chuyện riêng của chú Yên, má cháu và chú. Chú Yên không sống. Má cháu thời biệt tăm. Ai chứng nhận là chú làm báo văn nghệ vì cách mạng? Dì Hồng Đăng nói có lý: «Họ hài lòng màu trắng, bằng lòng màu đen và phật lòng màu xám.» Chú xám ngoét! À, ba cháu hồi ở Bắc đã có vợ. Năm Bảy Hai ổng chết vì bom Mỹ ném xuống Hải Phòng. À, chú về thăm nhà chú chưa? Lúc trước, chưa bị bắt, cách nay ba năm, má dẫn cháu tới nhà chú thăm ông bà và cháu được gọi là cháu ngoại. Sau đó, tháng nào cháu cũng ghé một lần, cháu chịu cơm Bắc Kỳ lắm, chú biết không? Ngày Một Tây tháng Năm, cháu tới đó, gõ cửa không có ai ra mở... Cháu sợ. Đi được hết rồi sao chú? Chú về Biên Hòa ở luôn đi.» Chương cảm ơn cháu Hòa Bình và bảo: «Không! Chú phải đi tìm má!»

Hòa Bình, niềm mơ ước không chỉ riêng Ngọc Sương, lấy ước mơ đặt tên con, mà còn là của chú Yên, mong ngày hòa bình, vẫn cứ tấm lòng muôn thở nông dân, chỉ muốn được mùa chữ nghĩa, sợ nước nghèo vì dân ngu. Nhà in, đối với chú, như ruộng nương, bờ bãi, nơi mỗi câu nói tốt được nhân ra triệu lời, dạy nhau tử tế hay không, là cách người đối với người. Chú Yên vẫn bảo: «Mọi nhân danh đều ngụy danh!»

Hòa Bình, tên một người con, đang khóc thương mẹ, tiếc nơi đã sinh ra và lớn lên của mình, với bao kỷ niệm vui buồn, trong ngôi nhà cổ. Chú Yên, với ông bà ngoại của cháu Hòa Bình, còn là ân nhân. Chú giúp cho họ tránh được cái tiếng «nhà có con gái chửa hoang» hoặc «nhà có con rể đi tập kết» để cho ông bà được sống yên qua ngày. Nhưng ông bà không biết, tới đời thứ ba là cháu Hòa Bình, rồi ra cũng chẳng một ngày được yên để sống. Sự phẫn nộ của cháu, như mẹ, chỉ thay đổi đối tượng. Chương tự hỏi: «Phải chăng, đất nước này như một sòng bài, nơi mỗi người dân bị lột cháy túi, sau những canh bạc bịp?»

Nhà in đó, Hòa Bình kia, những người thợ đi đâu? Mặt trái của bát chữ, in ra, thành mặt phải của trang sách. Mặt thật của cách mạng, in ra, thành mặt nạ của trang sử. Máu người đang đổ vì nạn cướp ngày.

Trước khi giúp Hòa Bình thu vén đồ đạc riêng để dọn về nhà ông bà ngoại ở Biên Hòa, Chương đi thăm trong, ngoài nhà in mà anh nghĩ là lần cuối. Những thân chữ chì vương vãi trên nền gạch Tàu, lấp lánh

dưới các tia nắng xuyên lá màn cửa sổ rách, các máy in đứng im như anh, người chịu tội không vì chơi thân với văn nghệ sĩ «nguy» mà nặng hơn, đã miệt mài nêu thuyết Cộng Sinh, ý thức và vật chất tương quan, song hành tồn tại, «gieo rắc nọc độc suốt ba năm làm chủ bút tờ Thời Văn, phản động hơn cả thuyết Hiện Sinh.» Mỗi bậc cầu thang dẫn lên buồng ngủ Ngọc Sương, một bước chân êm canh khuya người đi lên, người đi xuống khoe nhau câu thơ mới nghĩ ra và từ câu thơ nghĩ ra nhiều ý. Cửa sổ buồng ngủ vòm cong, nhớ mãi, chùm hoa dừa như ngọc kết khối tinh khôi, ánh trăng soi nước da người trắng, sắc vàng của nó nhạt đi. Bao nhiêu là mơ ước. Từ lớn lao đến nhỏ nhoi. Mơ ngày đất nước hòa bình. Ước sẽ có một hôm chăn gối ban ngày... Cháu Hòa Bình ngồi yên, nhìn Chương mở từng hộp mực cũ. Anh hít hà như người thơm vào da thịt trẻ thơ mới tắm. Bỗng Chương hỏi: «Hòa Bình làm đơn khiếu nại chưa? Nhà in của chúng ta mà. Của má, đúng hơn. Không ai được quyền cướp đi phần công lao của người khác. Chẳng lẽ chú Yên bị lừa?». Hòa Bình, đanh giọng, gọn lỏn: «Không ai cướp hết. Mình phải làm đơn xin hiến. Dâng. Nếu không, chú cháu mình bán cả nhà in cũng chẳng đủ thuế truy thâu. Được chấp thuận là phước rồi!»

Chương lật tấm kính rạn, đậy mặt bàn nơi buồng anh, gỡ mảnh giấy màu vàng đất ghi câu thơ của Nguyễn Bính thời ông sống ở Rạch Giá, nơi ngôi nhà hoang: «ễ dây mưa ngày lại ngày. Nhà không cửa ngỏ, mưa đầy tuần trăng.» Anh xuống nhà bếp, cái võng đay bị đứt một đầu, ai đã cuộn gọn lỏn thành bó, trời không mưa. Chương đứng khóc..

Na Uy / Oslo
Tháng 8 năm 2000

Tìm mua, tìm đọc
tác phẩm mới nhất của Hoàng Chính
Lời Tỏ Tình Đã Cũ
tập truyện ngắn
Văn Mới xuất bản
Dày 216 trang, giá 10 MK
Văn Nghệ tổng phát hành

Mạch dẫn cho tim
HÀ NGUYÊN DU

hạt đến lúc
hóa thành cây nuôi trái, mùa đơm hoa thoáng nhẹ chút hương ngàn
đóa ngỡ rụng may tìm ra hạt phấn, lo trăm năm tinh thể lối hòa tan...

chất tích lũy
chẳng thành nham nên thạch, sao rong đen xiết ngặt bám thân hàn!?
ở một cõi băng mống nền hoại trụ! thời thiên di đâu vẹn bộ lông vàng!

hồn chim cá
yêu em thơm nức mộng...tâm lưu ly thắp sáng ngọn đèn tình...
cơm áo đó lọ là cho vạn lý! giờ áo cơm vói được đến bình minh??

liệu quên hết
bản lai cùng diện mục? nào thõng tay giao mệnh cả cho trời?
còn tát nước còn mơ trăng cổ độ... thần thi ca điều mạch sống đang vơi..!

kiếp tích tắc
tơ tầm soi nguyệt khuyết, em vai nghiêng có ngại cánh tay bồng?
với ngưỡng vọng mặt trời đâu trốn biệt? em chụm đầu đi trọn
suốt mưa giông!?

nghe núi thét
sông gầm đêm xem hịch, nhi nhi nam nào diện lộ thư hùng?

ôi huyết thống chảy vào đâu sử tích? ai ngồi đây ly cụng
khóc bung xung!?

mãi đâu đó
nghẹn hờn đau thể phách, rã hương lư thấu động cữu huyền hồn!
chân voi lún trên nấm mồ xiêu quách, răng xà sâu thêm nghịch
lũ vong ơn

em có xót
vết hằn bao thế hệ? đi chứng còn quần quại đến muôn thu
nỗi kinh hãi theo xú thời quái quỷ, niềm lo toan quyện khắp
tợ mây mù!

đêm trắng mắt
hỏi lòng câu giả sử, biển động nào thuyền dập chẳng tiêu hao?
ai nỡ lại phỉnh phờ bôi quá khứ? mê cặn danh lợi bả thẹn mày râu!

hết nắng gắt
mưa sẽ về thay tiết... vòng thiên nhiên đâu đứng lại bao giờ...
mắt hãnh tiến đến khi nào thấy, biết? miệng kiêu binh sao
nói được chữ ngờ?

đất ly gián
vỡ bung nghìn sông suối, nước chia xa tan tác triệu ao tù
cây giả biệt tiếc thương từng nhánh lá, rừng tiển đưa nuốt hận
mấy trăng lu??

em rấm rức
dời chim hư cánh mộng, đường ta đi đá cứng ơi chân mềm
như phận ốc sợ lìa xa tháp vỏ, như máu hồng lo mạch dẫn cho tim...

Tên thị nữ xứ Đàng Trong

Nguyễn thị Thảo An

Buổi chiều. Khi nắng cắt đôi cỏ thành hai mầu sáng tối, ông giám xách làn mây, trong đựng bộ ấm trà theo người đàn bà lên đồi. Mặt trời đã ngả về tây. Mây kết từng tảng vàng hực, sáng chóe một góc trời. Đồi không cao, phía trước thoải dần tận mé sông. Lòng sông rộng và thoáng. Mặt nước xanh, lặng như gương, lơ lửng vài cụm mây nằm in dưới đáy.

Tới đỉnh đồi, hai người ngồi xuống ngắm sông. Bóng chiều êm. Nắng rải nhẹ lên những bụi râm. Dưới sông, một con thuyền cắm sào đứng đợi. Hồi lâu, trời tối dần. Bò...ò... ò... ng. Bò... ò...ò... ng. Bò...ò...ò... òng... Tiếng chuông phát từ trên cao, mạnh và trầm, âm thanh rơi nửa chừng đã loãng trong không. Gió thổi. Khóm tre xào xạc. Rặng phi lau lả mình vật vã. Người đàn bà lim dim, dóng tai nghe. Được một lúc, gió bất ngờ chuyển hướng, tạt lên đồi, tuồn vào những khe đá.

"Mời Bà về, khéo lại gặp giông." Ông giám khúm núm nói.

Người đàn bà đứng lên, ngơ ngác, "Không mô, tháng ni làm chi lại có giông?". Xong, nhíu mày tự tin. "Nhiều năm rồi, chiều mô ra đây đón gió. Nghe riết, tôi phân biệt được từng âm điệu, gió mỗi mùa, mỗi nơi đều khác. Như gió núi ào ào, khi mô cũng vội. Trái lại gió biển khoan nhặt, rì rào như một lời ru." Người đàn bà cười trấn an, "Gió mùa ni không nổi giông mô, đừng sợ."

Ông giám ngạc nhiên, "Cùng là gió cả, răng tiếng lại khác nhau?"

"Răng không? Ví như chuông cùng một quả, một dùi, sáng khoan hòa, êm ái; thế mà chiều nghe như tiếng trầm hư, tịch mịch."

Ông giám thở dài, "Tôi đi nhiều nơi, chưa nghe chuông chùa mô buồn hơn chuông Thiên Mụ."

Người đàn bà ngước mắt nhìn tháp Phước Duyên bên kia sông,

ngùi giọng. "Chùa trải bao hưng phế, sau cũng được trùng tu. Chưa thời mô lạ như thời ni, thành quách còn dây, nhưng lòng người lại xiêu tán cả."

Hai người lững thững trở về. Khi vòng qua rẫy ngô dưới chân đồi, chợt nghe tiếng trẻ cười. Người đàn bà cau mặt, "Đời nghèo khổ, không biết họ còn có điều chi vui rứa?"

Gần tới cổng, ông giám nhắc. "Tối mai trong cung có lễ Thành Thọ mừng Đức Từ Dũ, có vũ điệu thái liên hay lắm."

Người đàn bà lắc đầu, chán ngán, "Thôi, đừng kể chuyện cung đình." Xong, hỏi bâng quơ, "Giả sử cuộc đời có thể quay trở lại, ông muốn bắt đầu từ mô?"

Nghe hỏi, ông giám hoang mang. Xưa nay, ông chỉ nghĩ tới kiếp sau. Nghe nói, những người hoạn, thân thể không toàn vẹn, chết không được đầu thai.

Kế bên, người đàn bà di chậm lại, mặt đăm chiêu, "Nếu được bắt đầu lại, ta sẽ không khi mô nhận món quà của thái hậu."

Sau khi lên ngôi, trong buổi đại triều đầu tiên, vua Tự Đức tấn phong cho mẹ một lúc hai tôn tước cao quý nhất: Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu và là Hoàng Thái Hậu đương thời. Hôm đó, cả kinh thành xôn xao. Trời chưa sáng, các quan từ nhất phẩm tới cửu phẩm đã tề tựu trước sân chầu. Ai nấy đều muốn chứng tỏ lòng trung thành với tân triều. Một mặt cốt tìm hiểu xem cán cân quyền lực mới trệch hướng nào, mặt khác dọ dẫm tìm cơ hội.

Trời còn tối, nhưng bên trong điện Thái Hòa sáng choang. Ngai vàng đặt ngay trung tâm nội điện, trên có treo bửu tán hình cửu long bằng nỉ thêu ngũ sắc. Chung quanh là lớp diềm chạm rồng thếp vàng chói lọi. Từ trong ra, sân Đại triều dành cho các thân vương. Đệ nhất và Đệ nhị Bái đình là khu vực các quan. Tả văn, hữu võ, từ trong ra ngoài thứ tự theo phẩm trật.

Tới hừng sáng, vua đăng triều. Các bức sáo ở những khung cửa sổ được kéo lên. Đức vua trẻ, đầu chít khăn, nhỏ thó trong bộ vương phục dát vàng, rộng quá khổ. Sau hồi trống khai triều, mọi người khấu đầu chúc tụng, và nghe huấn dụ. Xong, vua truyền Trương Đăng Quế, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Vũ Trọng Bình, Phan Thanh Giản lần lượt ra trình tấu. Hai bên có hai quan nội các và ngự sử cùng quỳ để ghi chép. Mọi việc giải quyết nhanh, vì thật ra các bậc cố mệnh đại thần đã sắp xếp sẵn, giúp vua khỏi lúng túng lúc ban đầu. Việc quan trọng vẫn là sự tấn phong cho mẹ để ổn định ngôi vị và nội cung.

Cả triều phủ phục khi Đức Từ Dũ uy nghiêm trong nghi phục thái hậu bước vào. Nhà vua đứng dậy, xuống thềm đỡ mẹ an vị. Sau khi tuyên chỉ sắc phong, vua tuyên bố bãi triều để đưa mẹ qua Đại Cung môn, và thết yến ở cung Diên Thọ.

Tiệc mừng kéo dài nhiều ngày. Lễ vật các nơi dâng tặng chất đầy một góc cung. Thái hậu truyền ban lộc cho tất cả các hoàng thân, phi tần,... Riêng Huệ phi chăm sóc công chúa Diên Thục, con út vua Thiệu Trị đang ốm, không dự yến, Đức Bà đến tận nơi thăm viếng.

Mấy ngày sau, thái hậu ban thêm cho Diên Thục một người hầu. Đó là con bé lên mười, gốc miền Nam, dáng dấp trạc bằng công chúa. Thấy Diên Thục cứ ngắm con bé, Huệ phi nghi ngờ, có thể nó là tai mắt do thái hậu sai tới. Nhưng trông mặt mày nó ngơ ngác, lại hay lơ đễnh, không giống kẻ gian. Nghe mẹ dặn cô để ý, con bé rất ngoan, siêng năng và rất kiên nhẫn. Sáng, vào điện Khâm Văn mài mực, đọc bài. Chiều, vào hầu cô chơi trong vườn Cơ Hạ. Dần dà, nó như cái bóng quanh quẩn bên mình, lúc nào cũng hoạt bát, hồn nhiên. Chỉ trước mặt mẹ cô, nó thay đổi hẳn.

Lâu ngày, sống trong sự hồ nghi, con bé rất nhạy cảm. Thoáng nhìn, đã đoán được lòng người. Gặp Huệ phi, nó thường tránh mặt. Hoặc, chỉ lắng nghe những lời dạy bảo. Mẹ cô càng ghẻ lạnh, bóng gió, nó càng chu đáo với cô hơn. Những kinh văn thi phú khó hiểu, nó đều học trước để nhắc cô trong lúc đọc bài. Tối về, lại giúp cô viết chữ tới khuya. Lúc buồn, nó kể chuyện, những chuyện cổ kim, nghe hoài không hết. Khi cô chán, nó bày nhiều trò chơi lạ mắt. Năm tháng trôi qua, nó không những là tên thị nữ đáng tin cậy, mà còn là người bạn tâm đắc nhất.

Năm Tự Đức thứ năm, vua mở khoa thi. Sau lễ Truyền Lô tại điện Thái Hòa, một vị thượng quan phẩm phục đại triều dẫn đầu, theo sau là đoàn quân nhạc và thị vệ mang cờ quạt, rước bảng vàng đề danh các tân khoa tiến sĩ làm lễ niêm yết trọng thể tại Phu Văn Lâu trong ba ngày. Đến ngày thứ tư, đội nghi lễ rước bảng về lưu trữ ở Quốc Tử Giám.

Sau khi vào triều bái mạng, các vị tân khoa được dự yến tại triều và theo vua thưởng hoa trong vườn Thư Quang. Mấy ngày sau, một người trẻ nhất được vua gia ân ban sắc gả công chúa Diên Thục. Đó là vị Đồng Tiến sĩ Đệ Nhị Giáp, quê ở Hưng Yên, tên Trần Tiến Lâu. Nhận chỉ xong, tân khoa được vời vào cung ra mắt Hoàng Thái Hậu.

Hai tháng sau, lễ cưới cử hành trọng thể tại Tôn Nhân phủ. Vì miễn

Bắc đang có thiên tai nên vua sai bộ Lễ cử một vị hoàng thân làm chủ hôn đằng gái, một vị đại thần đại diện cho đằng trai. Và, cấp cho phò mã một căn nhà ở Nguyệt Biều, hai ngàn quan tiền để mua sắm. Sáu lễ cử trong ba ngày. Ngày đầu lễ Nạp Thái và Vấn Danh, đàng trai vào cung dâng sính lễ. Ngày thứ hai, lễ Nạp Trưng và Nạp Cát. Vua sai đại thần nhận lễ vật tiến cúng các lăng tẩm đền miếu tế cáo công chúa hạ giá. Bên phò mã cũng tế lễ tổ tiên việc cưới công chúa. Trước hôm Thân Nghinh, các mệnh phụ cùng một vị nữ quan đưa Diên Thục hành lễ các tiên miếu và vào cung lạy Hoàng phi, Hoàng Thái Hậu. Qua ngày sau, vua sai quan khâm mạng tới phủ phò mã ban cho giường thất bảo, màn bát tiên và văn phòng tứ hựu.

Sang ngày thứ ba, cử lễ Diện Nhạn và lễ Thân Nghinh. Viên đại thần mang một toán lính hầu bưng tráp lễ gồm một hộp chỉ ngũ sắc, một trăm đồng tiền của nhiều đời vua, một cặp ngỗng trắng cột chân bằng chỉ đỏ, hai vò rượu, hai mâm cau trầu. Phò mã Phạm Tiến Lâu cưỡi ngựa che lọng, theo sau là một đội lính cầm cờ quạt nghi trượng và phường nhạc tới cửa Hữu Đoan. Thị thần dẫn vào cung, phò mã đến trước ngai vua cử năm lạy và dâng lễ rước công chúa.

Công chúa Diên Thục đội mũ ngũ phụng, đeo trái cầu vàng, đính hạt châu, theo nữ quan dẫn đến hầu vua. Vua ban rượu quý và truyền huấn từ cho em gái. Xong, công chúa vào bái từ Hoàng phi, Hoàng Thái Hậu,... rồi lên kiệu ra cửa Tả Đoan.

Đúng giờ tốt, trong cung có tiếng ngỗng kêu, phường bát âm trỗi nhạc, công chúa bước ra. Phò mã vén màn mời công chúa lên kiệu, rồi theo sau. Ra khỏi hoàng thành, phò mã mới lên ngựa. Theo kiệu, có sáu nữ quan, và các thị nữ mặc áo mã tiên. Hai người cầm lồng đèn, hai người cầm nhành thiên tuế, hai người ôm lồng ngỗng, bốn người ôm tráp trầu và hộp hương. Ngoài ra, còn có các vị hoàng thân, hai phò mã phụ rể, và bốn vị quan văn võ dẫn đầu.

Đám rước vào phủ phò mã. Công chúa Diên Thục ngồi bên tây, phò mã bên đông. Xong, trong phủ mở tiệc khoản đãi mọi người. Sau tiệc, các vị chủ hôn xướng lễ Tơ Hồng. Bàn thờ quay về hướng nam. Hai người hành lễ rồi hợp cẩn. Họ dùng chung mâm cỗ lễ và uống rượu bằng cái "chén" làm bằng hai nửa của một trái bầu khô cắt ra.

Chín ngày sau, hai người vào chầu vua. Vua ban một bộ triều phục tam phẩm, hai áo gấm, hai bộ yên cương, một toán lính hầu, một vạn quan tiền làm của hồi môn. Và, phong phò mã chức Đô Úy, ngồi nhà ăn lương.

Cuối cùng, những ngày bận rộn cũng trôi qua. Chức Đô Úy là loại phẩm hàm, không có quyền hành, không cần làm việc. Thời gian quá rảnh rỗi làm phò mã đâm khó chịu. Bao nhiêu hoài bão, mơ ước sẽ thực hiện sau khi đỗ đạt bỗng tiêu tan. Giờ, ông giống kẻ bị về hưu non. Ngày mai, lại một ngày trống trải. Thời gian như dài ra. Ông hình dung thái độ những người hầu, nhất là Cúc, cô bé hầu quạt. Khi đọc sách, những cuốn sách đã lật tới quăn góc, ông vẫn có cảm giác nhột nhạt đằng sau. Cô bé đang âm thầm quan sát, nhìn mà giả như không. Ánh mắt nó riễu cợt bắt gặp sự lúng túng của mình. Nghe nói, nó là đồng hương, là người của thái hậu. Hỏi, nó khăng khăng bảo, nhà quê nghèo, vào cung phục dịch, chẳng ở phe nào. Ông nghi ngờ, xưa nay nguyên nhân những cuộc chính biến thường xuất phát từ nội cung. Những tên thị tỳ, thái giám trở thành những người đưa tin mau lẹ nhất. Nhưng nó một mực chối.

"Bẩm, con chỉ là một người hầu đơn giản."

"Đơn giản?,... " ông nhấn mạnh, giọng ngờ vực.

Tra gạn mãi, nó ngao ngán, phân trần .

"Bẩm, con như người đứng trong tối nên biết rõ trong tối có gì. Chỉ những người ngoài sáng, thấy bóng tối thì cứ tưởng có ma."

Nghe vậy, ông làm thinh. Ngẫm nghĩ, có thể mình ngờ oan. Nó theo hầu công chúa từ nhỏ, biết ý chủ và rất chu đáo. Cứ xem cách nó mài mực, quạt hầu thì biết. Mực mài vừa đủ, không đậm, không nhạt, bút dâng đúng lúc. Cách quạt hầu là cả một kỹ thuật nhà nghề. Cây quạt to, cánh giống chiếc lá vả, cán gỗ dài sơn son. Nó cầm quạt tay mặt, tay trái khoanh trước ngực, vừa thủ lễ vừa nâng cán phụ tay mặt. Nó quạt sau lưng, thong thả khoan thai, tạo thành cơn gió làm run sợi tóc, thổi phồng tay áo, mà không hề làm mảnh giấy bay.

Tháng tám, vua chủ lễ tế Thần Lúa ở đền Xã Tắc, phía tây nam hoàng thành. Các quan văn võ và cánh hoàng thân theo hộ giá rất đông. Hai bên dân chúng bày hương án dọc đường dài đến hồ sen trước đền. Xã Tắc là một cái đền vuông, bằng gạch, cao hai tầng, bốn mặt có thang cấp đi lên. Chung quanh có lan can, và trồng nhiều mù u, thông, xoài. Đất xây đền là do khắp nơi trong nước góp lại, tượng trưng sự thống nhất đất nước. Lễ tế trang nghiêm, vua cầu nông vụ trúng mùa, dân tình no đủ. Xong, xa giá quay về thành. Khi vào Đại Nội, thái hậu thết cơm hến đãi mọi người. Đó là món ăn dân dã, tỏ ý chia xẽ với dân

nghèo. Buổi chiều, ở Duyệt Thị Đường còn trình diễn những vũ điệu gặt hái của thôn quê.

Để Diên Thục ở lại cung đình xem hát, quan Đô Úy ra về. Tới nhà, những quân hầu thấy vắng chủ, bỏ đi đâu mất. Bóng chiều đổ chậm, trong nhà chập choạng tối. Cảm thấy đói, ông xuống bếp. Thấy mâm cơm ai bày còn hơi khói, ông lấy ăn. Mới và vài đũa, quay ra thấy con Cúc đứng ngay cửa, trố mắt nhìn. Ông thẹn, lúng túng làm rớt chén. Cơm đổ. Nó lao xuống sàn dọn ngay. Rồi bảo, đấy là cơm hến thường. Ông muốn ăn, xin chờ nó nấu theo cách cung đình. Ông xua tay, hôm nay thái hậu cũng có đãi, nhưng cơm hến vương giả để ngó, không phải để ăn. Hến ngâm nhiều lần trong nước mưa, nước gạo, rồi luộc với đủ thứ sâm quế, hết còn mùi hến. Lại thêm mấy chục thứ rau, bày theo kiểu rồng phượng nên không ai dám dụng đũa, sợ gắp đứt đầu rồng sẽ mắc tội khi quân. Nghe vậy, Cúc đơm cho ông một tô cơm. Bàn tay nó thoăn thoắt múc, trộn, thêm, bớt gia vị. Ông đưa ngang mặt ngửi. Mùi thơm dậy từ các loại rau làm ngây ngất, mùi cay nồng mũi bốc lên từ vệt tương ớt loang trên mặt nước đỏ lừ. Chưa ăn, đã thấy thèm. Ông bưng tô, tuột xuống đất, ngồi chồm hỗm, vừa ăn vừa hít hà. Nom nó kinh ngạc, ông cười, ăn cơm hến phải ngồi đất mới thấy ngon.

Xong bữa, nó thu cơm thừa toan đổ. Ông ngăn, dừng hoang phí. Và bảo, quê ông nghèo, nhiều người đói, kiếm rau cỏ còn khó, huống chi cơm. Nó ngần ngừ, nhưng trữ đồ thừa sẽ bị rầy. Ông nhìn ra ngoài, mặt buồn hiu, than:

"Làm con nhà quyền quý, thật có phước."

"Phước đó người ban, không phải trời," nó thở dài.

"Ông trời bất công."

"Trời chỉ công bằng khi cho ai cũng khổ."

Ông gật gù, "Mọi người đều khổ,... vì vậy, lại thấy mình đỡ khổ."

Hai người cười. Bỗng, nó đổi đề tài, "Bao giờ quan vinh quy?"

Ông lắc đầu, con đê Văn Giang quê ông năm nào cũng vỡ, người làng đói, lang bạt kiếm ăn. Giờ vinh quy, bắt họ đón tiếp, đâu nỡ lòng. Ngưng một chút, ông chặc lưỡi, võng lọng mà không giúp được gì, thêm bẽ.

Thấy mặt Cúc dàu dàu, ông an ủi, ở nhà quyền thế, tuy phải phục dịch nhưng không phải lo cái ăn, cái mặc. Sau này... Tự dưng, ông thắc mắc, sau này những người như nó ra sao. Hỏi, nó chợt nhớ, trong cung không thấy ai già. Đa số vào hồi trẻ, tới khi phục dịch chậm chạp bị đuổi về quê, sống với con cháu hoặc vào chùa tu. Cũng có thể, bị ban tặng cho những người có công hay thăng chức. Ông tò mò, suốt đời vậy

làm sao lấy chồng. Nó bảo, tùy số phận. Với kẻ hầu, nhan sắc là tai họa. Bị hiếp, bị đuổi chỉ là thời gian. Ông ngạc nhiên, chẳng lẽ họ để giòng dõi mình lưu lạc bên ngoài. Nó cười buồn, người giàu sang, ăn đào, lê hoài cũng chán. Thấy sim rừng cũng muốn cắn thử, nhưng đâu định ăn hết quả.

Cứ dăm ngày công chúa vào cung một lần. Lúc vấn an thái hậu, khi thăm hoàng phi. Ở nhà buồn, ông cũng đi vãn cảnh chùa. Chùa Thiên Mụ cổ kính, chùa Từ Đàm thâm nghiêm, cũng có nơi đông vui như chùa Pháp Vân. Các vị hoàng thân cũng đến đây đàm luận với các vị trụ trì bên Long Quang sang. Họ mở Sơn Đông thi tửu hội, kết nạp toàn những người uống rượu. Mãi khi gặp anh em phò mã Đoàn Trưng, rể Tùng Thiện Vương, ông càng ngạc nhiên, họ có tướng võ biền, mặt lộ đầy tham vọng, lại lập nhóm làm thơ.

Về sau chán, ông nằm nhà. Viếng chùa, không tự nhiên như thuở học trò. Mỗi bước đều có người đưa đón. Ngay cả cúng dường cũng vì thể diện.

Nghe kể, công chúa khuyên, người thức thời phù thịnh không phù suy. Cô thường vào cung hầu thái hậu cũng để giúp chồng có thực quyền. Ông ngạc nhiên, luật triều Nguyễn trước nay vẫn xem phò mã là người ngoài, nên hạn chế tham dự việc triều chính. Công chúa cười nhạt, luật vua dành cho dân, các phò mã Nguyễn Lâm, Hoàng Kế Viêm được vua ưa thích vẫn giao binh quyền, tin cậy hơn người thân.

Nghe lời vợ, ông thường kiếm cớ vào cung vấn an vua. Sau những buổi ngự triều ở điện Văn Minh, vua qua điện Cần Chánh để xem xét các tấu chương do Nội Các trình lên. Theo lệ, không ai được phép vào trong lúc vua phê sớ. Vua chưa đến, nhưng ở ngoài hiên nhiều vị hoàng thân, phò mã đã đứng chờ. Bên trong, gần cửa kính có mấy chiếc chiếu, trên có trải thêm một chiếc cạp bằng hàng vàng, mấy tên thị nữ đang bày nghiên mực, và xếp gối dựa. Xong, chực đợi vua tới. Khi vua đi ngang, mọi người xếp hàng khúm núm xưng tên và rạp mình bái. Ông chợt hiểu, thì ra vấn an chỉ là hình thức chường mặt, nhắc tên cho vua nhớ phòng khi ban chức việc.

Ít lâu sau, An Phong Công Hồng Bảo, người anh cả của vua vận động thế lực nước ngoài âm mưu cướp ngôi. Bị lộ, vua ra lệnh xử tử và xuống Dụ cấm đạo khắc nghiệt. Bắt được giáo sĩ thì ném sông hay xử giảo, bêu đầu răn dân chúng; giáo dân không cải đạo bị tịch biên tài sản, khắc chữ lên trán và phát vãng lưu đày. Ai phát hiện, tố cáo người

có đạo đều được trọng thưởng. Cả nước rúng động. Mọi người thủ mình, nghi ngờ nhau. Nhiều con chiên phải mang gia đình sống lưu lạc trên những chiếc thuyền, hay trốn qua Cao Miên lánh nạn.

Thấy ông tối ngày đọc sách, công chúa trách, giờ là lúc nên năng đi chùa thì lại ở nhà. Ông lắc đầu, chùa lúc này đông nghẹt, hiếm nỗi phật tử thì ít, bọn xôi thịt lại nhiều. Họ chắp tay để giữ chặt mũ áo, đâu đã có lòng thành. Công chúa giận dỗi chê, ông gàn. Rồi than, ngoài Bắc hết giặc Tam Đường đến giặc Châu Chấu, hơn nửa thế kỷ ăn cơm triều Nguyễn mà vẫn có người hoài Lê, thật lạ. Ông thở dài, triều đình chỉ biết nhìn vào, không biết trông ra. Không có lệnh trên, dân làng nào dắp khúc đê làng ấy. Đê vá víu vậy nên năm nào cũng vỡ, bão lụt, mất trắng mùa màng. Từ lâu, ở làng ông, nước mắt không dành cho người chết, vì chết được thì đã sướng hơn người sống. Ông nói, dân đói không thấy gì cao hơn đê. Nhà Lê hay triều Nguyễn, với họ chỉ là những manh ván cấp thời. Nghe tới đó, công chúa nghiêm mặt bỏ ra ngoài.

Điều ngạc nhiên, luật cấm đạo càng gắt gao, tàn nhẫn bao nhiêu, người ta theo đạo càng nhiều. Khởi đầu trong Nam, sau lan ra Bắc. Lạ hơn nữa, chính giới quan trường, những kẻ thi hành luật, cũng theo đạo. Những vụ án chấn động cả nước như vụ xử tử Giám Mục Diaz Sanjuro, Khâm mạng Tòa Thánh Miền Bắc, dòng Đa Minh và viên tam phẩm Hồ Đình Hỷ. Luật cấm đạo như con dao cắt cỏ, chỉ hớt trên ngọn mà không sao nhổ sạch mầm rễ lan tràn. Hàng trăm bức thư và mấy chục bộ hài cốt của các giáo sĩ tuẫn đạo dưa về xứ làm rúng động nước Pháp. Phẫn nộ, Pháp nhiều lần gửi thư và phái Đặc Ủy sang phản đối, yêu cầu được tự do truyền đạo và buôn bán. Nhưng triều đình một mực khước từ.

Hai năm sau, những vụ cấm đạo, giết giáo dân, đốt nhà thờ vẫn lan tràn khắp nơi. Pháp bắt đầu tấn công thị uy vào Đà Nẵng. Quân Nguyễn phản công yếu ớt. Chỉ trong hai giờ, nhiều đồn lũy bị hạ, Pháp chiếm núi Sơn Trà.

Tin thất thủ loan nhanh. Vua gửi viện binh, nhưng quân có đi mà chẳng có về. Vua sốt ruột sai Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển, thống lãnh đại quân vô Đà Nẵng ngăn giặc. Buổi xuất quân khí thế ngút trời. Hàng hàng lớp lớp nghiêm chỉnh đứng đợi cả đêm chờ giờ lên đường. Tờ mờ sáng, triều thần tề tựu chật sân chầu. Bên trong, các quan có trọng trách vào cung làm lễ "ôm gối" trước khi lãnh binh quyền ra trận. Quan hành lễ xướng danh, từng người quỳ xuống, tay cầm hốt và đai, đi bằng đầu gối, tiến lên bệ rồng. Vua duỗi chân, quan chìa hai tay

ôm lấy, ngẩng lên rồi khấu lạy một cái. Vua gật đầu, ban chỉ khen và cho tiền thưởng. Quan giơ hai tay lên trán, nhận thưởng, rồi rạp mình cảm ơn. Xong, thối lui bằng đầu gối về chỗ, cúi lạy lần chót. Tuần tự vậy, đến trưa lễ mới dứt. Các đại quan cầm ấn lệnh bước ra. Quân nhạc trỗi rền cả góc trời. Đoàn kỵ mã tiên phong chổm vó, tiếng ngựa đua nhau hí, rồi phóng nước kiệu tiến về Nam. Tới chiều, toán bộ binh cuối cùng mới ra được khỏi khu vực kinh thành.

Cuối hè, khí hậu khắc nghiệt, mưa nắng thất thường. Trong gió có mang hơi lửa. Trời oi nồng. Có những giọt mưa chưa chạm đất đã bốc hơi òa trong nắng. Từ triều về nhà, quan Đô Úy thêm bực dọc, ông nóng nảy ra vào. Ngồi sau án thư, lấy giấy hí hoáy viết, nhìn lại không ra chữ Nôm hay Hán. Ông thừ người suy nghĩ. Liếc ngang, thấy Cúc cứ khoan thai quạt, đâm nổi cáu. Ông vớ tập thi văn, quạt xành xạch như quạt lò. Cúc ngưng tay, cười chúm chím. Nó bảo, đừng quạt vậy, trông không có phong thái nhà Nho. Ông ngó nó một hơi, rồi thẩn thờ, kẻ sĩ nào cũng mơ đỗ đạt, nhưng vào tới triều mới biết làm quan đâu cần là Nho sĩ. Xong, ông kể lễ "ôm gối" hồi sáng. Cúc cười ngặt ngoẽo, đó chỉ là lời thề trung thành, thống lĩnh đại quân đi xa vậy, vua giao lầm người cả triều mang họa. Ông lắc đầu, người phản trắc dù bắt "ôm gối" bao lần cũng đâu biến ra kẻ trung thành. Khi vua ruỗi chân, ông cảm thấy Ngài đang nhạo báng khí tiết của nhà Nho.

Cuối năm 1858, Pháp mở nhiều cuộc tấn công dọc ven sông trong tỉnh Quảng Nam. Chỉ trong vài ngày, các đồn An Hải, Tôn Hải, Mỹ Thị lần lượt thất thủ. Nguyễn Tri Phương đem đại quân gấp rút đắp đồn Liên Trì, lấy thế thủ làm thế công, chận đường giặc kéo quân ra Huế. Nhưng kẻ thù đáng sợ nhất của Pháp chính là thời tiết khắc nghiệt của miền Trung. Dịch tả, sốt rét, gây nhiều tổn thất cho quân viễn chinh. Đầu năm 1859, Pháp để lại một lực lượng nhỏ giữ Trà Sơn, rồi kéo tàu vào Nam đánh Gia Định. Nhân cơ hội, Nguyễn Tri Phương phản công tại Trà Sơn. Dù quân đông, nhưng vũ khí thô sơ. Súng bắn bằng loại đạn đúc bằng kẽm, không có chất nổ, nòng súng trơn không có khương tuyến, sức công phá yếu. Một số sử dụng loại điểu thương, không khác gì hỏa mai từ đời Đinh, Trần. Chưa giáp trận, lính đã bỏ trốn quá nửa.

Nghe tin thất trận, vua nổi giận, ra lệnh xiết chặt quân kỷ. Luật quy định tội đào ngũ: lần đầu, phạt lấy cây xuyên vành tai; lần hai, đánh một trăm roi; lần ba, chém. Răn đe vậy, vẫn không kềm được chân những kẻ bỏ trốn.

Một hôm về nhà, thấy toán lính hầu trong dinh toàn kẻ lạ. Hỏi ra

mới biết đây là người mới. Họ thú nhận, phải chật vật lắm mới lo được một chân lính hầu, vừa được mặc đẹp lại không ra trận.

Tới chiều, công chúa từ cung về báo, Pháp vừa chiếm Sài Gòn đã đặt ngay biên chế quân quản. Nói xong, mặt lộ vẻ mừng. Ông ngạc nhiên, nhưng họ sẽ không dừng chân ở đó. Công chúa trấn an, vua đã sai Nguyễn Tri Phương đem mười hai ngàn quân vào Nam đắp lũy Kỳ Hòa chống giặc, nay mai sẽ lên đường. Ông lo lắng, quan Kinh Lược chỉ có tài thủ thành, sao đuổi giặc được. Công chúa dắc ý, cầm chân họ trong Nam, kể như thắng. Chỉ cần Huế còn, nhà Nguyễn còn, lo chi. Nhưng chỉ chốc lát, cô than oán, lính tráng thời ni ươn hèn lắm, không hết lòng đánh giặc. Ông trách, lỗi tại triều đình, thời chiến lại ngược đãi quân đội. Cứ xem cách tuyển võ sinh thì biết, cùng đỗ Cử Nhân, bên văn được biên ngạch chánh lục phẩm, bên võ chỉ được phó lục phẩm và không có lệ đãi yến. Việc thăng trật cũng khác, cứ văn hai năm, võ phải ba năm mới nâng một cấp. Ngoài ra, đang là văn quan mà chuyển qua võ, bị phạt năm mươi quan tiền và giáng một trật, còn từ võ sang văn thì lại được thưởng ngần ấy tiền. Bởi vậy dân gian có ca dao nhạo rằng:

"Quan văn thất phẩm thì sang.
Quan võ thất phẩm phải mang gươm hầu..."
Hay,
"Quan văn mất một đồng tiền,
Làm cho quan võ mất quyền Quận công."

Quan còn bị bạc đãi vậy, huống chi lính. Trông họ quần áo xác xơ, chân dất, đầu trần, lương không đủ ăn, sức đâu đánh giặc.

Năm sau, lũy Kỳ Hòa bị vỡ, quân chết như rạ. Thắng thế, Pháp chuẩn bị chiếm ba tỉnh miền Đông. Vua chủ trương "vừa thủ vừa đàm", đồng thời ra Dụ kêu gọi thân sĩ miền Nam đứng lên chống Pháp. Một mặt ủng hộ nhóm văn thân chủ trương "Bình Tây sát Tả". Trong triều chia hai phe chủ chiến, chủ hòa. Điều ngược đời, phe chủ hòa là những người nắm giữ binh quyền, hưởng nhiều bổng lộc, chỉ muốn an thân. Phe chủ chiến chỉ là cấp nhỏ lại nức lòng đánh giặc.

Mấy tháng sau, ông cùng một nhóm thân hữu dâng sớ xin vua canh tân quân đội. Chủ yếu là mua vũ khí, quân phục, và điều chỉnh quân lương. Vua xem xong phán, hiện ngân khố triều đình hạn hẹp, sau này hãy tính.

Về tới nhà, công chúa trách, giờ là lúc ở nhà thì lại năng vào triều. Việc nước rối ren, nhỡ vua thấy mặt đặt tên, sai đi đánh giặc thì khốn. Ông nghe chưng hửng, bỏ vào trong.

Buổi tối dưới đèn, công chúa bàn, làm quan phải biết ý vua, chớ tấu những điều trái tai Ngài. Mối lo hiện thời là giặc Tạ Văn Phụng. Hắn là tên côn đồ, nương thế các giáo sĩ, đang đánh chiếm Miền Bắc để lập vương quốc Ki-tô. Thanh thế rất mạnh, triều đình diệt mãi không xong. Nếu Pháp ủng hộ, hắn lật đổ vua dễ dàng.

Hiểm họa mất ngôi khiến triều đình như kẻ bại trận, vội vã ký hòa ước cắt ba tỉnh Miền Đông, kèm theo nhiều điều phi lý như phải trả chiến phí cho Pháp chiếm Việt Nam,... Một tháng sau, vua ra lệnh ngưng chống Pháp. Một làn sóng công phẫn nổi lên khắp nơi.

Chia tay đám bạn từ quan, vào Nam mộ quân khởi nghĩa xong, quan Đô Úy ra về. Vừa vào nhà, ông lắc đầu than, lệnh vua bất nhất, trước kêu toàn dân nổi dậy, sau bảo ngưng. Công chúa phân trần, đó là kế sách vuốt ve Pháp để diệt tên Phụng trước, sau này tha hồ đánh giặc. Ông mai mỉa, vua chỉ biết "Giữ ngôi trước, việc nước lo sau." Công chúa chau mày, mình đang hưởng bổng lộc, sao không hiểu ý vua. Ông bất mãn, vua cũng hưởng bổng lộc của dân, sao không hiểu ý dân. Nghe vậy, công chúa tái mặt.

Khi trừ Tạ Văn Phụng xong, vua vẫn nơm nớp lo. Bất kỳ một hoàng thân nào được Pháp ủng hộ, cũng có thể làm vua mất ngôi. Để lấy lòng giáo sĩ vua quay ra nghiêm trị nhóm văn thân đang truy giết giáo dân, đồng thời bắt đầu xử dụng các linh mục trong chức vụ triều đình. Nắm được yếu điểm, Pháp áp lực phải nộp các nghĩa quân. Cuối cùng, vua ra lệnh cho Tổng Đốc An Giang là Phạm Quang Thân bắt giao Thủ Khoa Huân cho Pháp, và truy nã Thiên Hộ Dương.

Nhưng chẳng bao lâu, Pháp như tằm nhậm lá dâu, bắt đầu chuẩn bị chiếm nốt ba tỉnh Miền Tây. Biết vậy, nhiều sĩ phu dâng sớ điều trần như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ,... Chủ yếu xin gấp rút đổi mới việc phát triển đất nước theo phương thức Âu Châu. Nhưng cả triều sợ vua dùng người tân học, nên dấy thành bè phái cực lực phản đối việc đổi mới.

Giữa lúc tình thế rối ren, ngân quỹ hạn hẹp cho công cuộc kiến thiết đất nước, vua quyết định xây lăng, chuẩn bị nơi vui chơi và yên nghỉ vĩnh viễn lúc mới bước vào tuổi bốn mươi. Nhìn vào công trình kiến trúc ngôi nhà mồ vĩ đại rộng 225 mẫu, ai nấy giật mình. Vạn Niên Cơ to lớn và tốn kém nhất so với các lăng tẩm của các tiên đế. Để trang trải, vua thu vét ngân khố và bán phẩm hàm, quan tước. Với ba ngàn nhân lực tuyển từ các trai đinh khỏe mạnh ở các nơi đưa về làm sưu

dịch, cộng thêm một số biền binh tại kinh thành, phục dịch ngày đêm vất vả.

Về sau, thấy quan không vào triều, cũng không nhóm bạn họp bàn, ra vào cứ thở dài. Cúc khuyên, hay quan ra chợ xem, lúc này dân phu khắp nơi đổ về, kể nhiều chuyện lạ, có truyền câu hát.

"Vạn Niên là Vạn Niên nào,
Thành xây xương lính, hào đào máu dân!"

Ông nghe cười nhạt, có chuyện nào lạ hơn chuyện vua, sao đặt việc xây lăng lên trên quốc sách. Cúc nói, vua thất bại lúc sống, nên dâm lo lúc chết, lăng càng to, danh tiếng mới lưu truyền. Ông chợt tò mò, ngoài chợ họ bảo chuyện gì. Cúc kể, nghe đồn sư cụ bên chùa Pháp Vân nằm mơ thấy ông Thiện và ông Ác. Ông Thiện bảo, "Cả đời Ta làm lành, đời vẫn là bể khổ. Nay, thử làm ác một lần, may ra thiên hạ mới đỡ hơn?" Nói xong, chém ông Ác chết. Tỉnh dậy, sư cụ ra sau chùa thấy tượng ông Ác bỗng dưng biến mất.

Ngày hôm sau, ông bảo Cúc chuẩn bị vàng lễ và dẫn mấy lính hầu viếng chùa. Khi đi vòng sân sau, quả nhiên chỉ thấy tượng ông Thiện đứng đó, mặt nhẫn nhịn như có điều oan ức.

Ít lâu sau, vào đêm mười sáu tháng chín, nhóm Sơn Đông Thi Tửu Hội lợi dụng sự bất mãn của dân phu, phất cờ nổi loạn, tôn Ưng Đạo lên ngôi. Rạng sáng, Đoàn Trưng cầm gươm dẫn ba ngàn lính thợ và dân phu vác chày vôi tràn về kinh thành định giết vua. Hữu quân Tôn Thất Cúc làm nội ứng, mở cổng và kho gươm giáo cho loạn quân, rồi cùng nhau đánh Cấm binh. Mấy giờ sau, binh ô hợp lại ít, Cấm binh kéo ra đông như kiến, tóm hết loạn quân. Vua bắt xử tử tất cả. Tôn Thất Cúc uống thuốc độc, xác vẫn bị tùng xẻo. Riêng gia đình Ưng Đạo bị loạn quân mượn danh, vua ra lệnh xử giảo cả nhà để tuyệt trừ hậu hoạn.

Mấy tháng sau, thiên hạ vẫn còn ta thán cái chết oan khiên của Ưng Đạo. Thỉnh thoảng trên những cánh đồng, một bọn trẻ chăn trâu không biết ở đâu kéo tới ca:

"Chiều chiều bắt két nhổ lông,
Két kêu bớ Tự sao mầy bất nhân."

Nghe Cúc kể, công chúa nổi xung mắng. Rồi cao giọng phán, "Đoàn Trưng nguyên là thứ dân, sau được xếp vào hàng tôn thất cũng nhờ đứng bằng gót hài quận chúa. Hạng hữu dõng vô mưu lại dám soán nghịch, tội đáng chết." Đúng lúc ấy, quan Đô Úy bước vào, mặt tái xanh như chàm.

Sau loạn Chày Vôi, sợ mang tiếng hoang phí công sức dân chúng, vua đổi tên lăng là Khiêm Cung. Để trần tình, vua tự viết một bài ký dài năm ngàn chữ để lưu lại hậu thế.

Một hôm, công chúa mới vào cung đã mừng rỡ quay về báo. Nhờ sự vận động của cô, thái hậu chấp thuận sai ông vào núi Ngũ Hành tìm đá quý để vua dùng khắc bia. Ông kinh ngạc, rồi vâng lệnh vào cung.

Đến Ngự Thư phòng, vua bảo, cần kiếm một tấm đá thanh thật quý và đủ lớn, để khắc năm ngàn chữ. Xong, vua đưa cho xem bản thảo Khiêm Cung Ký để ước lượng. Ông đọc kỹ từng chữ, càng đọc mồ hôi càng vả như tắm.

Về tới nhà, cả người còn bần thần. Tâm trí vẫn vướng vất những đoạn trong bài Ký, nhất ở mấy chữ, "... Vì vốn chuộng thực thà đạm bạc, ở nhà vàng mà trong lòng như mặc vải trắng, không một chút gì là hoa lệ,... nên đối với Đức Khiêm đâu dám không thực lòng.", "...Chỉ có Hòa Khiêm, Lương Khiêm, Di Khiêm là làm bằng gỗ mới, còn các nơi khác đều dỡ nhà cũ, chỉ đem chỗ này đắp chỗ kia,... Khi hoàn thành, thân rước thái hậu ra chơi, bày yến tiệc, dâng múa hát, lại cho các quan đình thần trong ngoài cùng dự, là thể chìu theo lòng mọi người, ta há muốn nhiều lễ nghi để làm chi.", "... Việc gì cũng theo điều khoan hậu, không dám làm càn, cho nên cầm quyền sinh sát trong tay, nhưng chưa từng không do kết án mà tự tiện giết một người,..."

Thấy ông ngơ ngẩn cả ngày, Cúc lo chuẩn bị hành lý cứ thắc mắc hỏi. Ông không giải thích, ngậm ngùi than, "Ta như cành trúc, được tháp vào nhánh đào, thân đâu còn thẳng nữa. Mỗi khi gió về, nghe lòng xao xác lắm." Hồi lâu, ông lại thở dài, "Con người có thể chịu được hoàn cảnh khắc nghiệt, nhưng không ai chịu nổi lời nói khắc nghiệt." Xong, ông bảo Cúc, nhân chuyến này sẽ xuôi Nam tìm Thiên Hộ Dương, ông muốn ghé thăm đất Gò Công, nếu có gửi gì để ông nhắn giúp. Cúc rơm rớm nước mắt, xa quê đã lâu lòng chẳng nhớ gì ngoài hai câu ca đao Miền Nam mẹ ru hồi nhỏ.

"Chàng đi cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam."

Mấy hôm sau, tối không trăng, sao thưa, gió rất nhẹ. Ông dắt ngựa ra khỏi nhà, theo hướng Nam phi như bay. Vừa qua khỏi Dạ Lê đã thấy Cúc chờ ở đó. Ông bảo, sợ quân hầu đuổi theo, để đánh lạc hướng nên dùng đường biển. Hai người lại theo hướng Đông ra cửa Thuận An. Đi một đỗi, ông ngắm trời, sao nhạt quá, không định rõ phương hướng. Cúc không để ý, tay cứ lần túi hành lý, trong chỉ có mấy quan tiền kẽm. Cúc lo lắng bảo, ở trong cung lâu, giờ ra ngoài không biết làm gì để sống.

Ông nhìn Cúc hồi lâu, rồi đùa. "Ta mang được quả sim, cắn hoài mà không hết, còn lo chi đói."

Buổi chiều, công chúa lên đồi. Ông giám mệt nhọc theo sau. Đồi thấp, nhưng cũng làm ông thở dốc. Khi ông lên tới đỉnh, cô đã xuống men sông. Dáng cô ngồi tựa gốc thông, trông như con đò cắm sào đứng đợi. Gió vi vút tướt mấy ngọn tre, cành lá lặt lìa. Dưới sông, bóng nắng lả lơi. Sông chảy, in hình mây trời lững lờ trôi. Ven bờ, vài chiếc lá khô thả mình trên sông, lênh đênh vô định.

Mỗi chiều, men theo bờ. Bên kia sông là Phu Văn Lâu. Đôi khi, có đám người thổi kèn gióng trống, khua quá khứ cô sống dậy. Những lúc đó cô ngoảnh đầu lại, nhưng dĩ vãng như giăng dầy trước mặt.

Ông giám lặng nhìn cô. Lần đầu ông gặp là ngày cô chạy vào cung cầu cứu thái hậu. Nhưng lúc đó cả Nội cung cũng nhốn nháo vì tin Miền Tây mới mất, không ai thèm nghe tin cô mất chồng. Thấy cô khóc, ông đưa khăn, rồi không hiểu vì sao lại theo cô về nhà. Thời gian sau, đôi lính hầu cũng mệt mỏi vì tìm kiếm, đôi lúc họ nhận tiền vào Nam, nhưng thật ra chỉ loanh quanh ở kinh thành. Khi biết ra, ông định khuyên nhưng lại thôi. Thà hy vọng, còn hơn thấy cô tuyệt vọng. Vả, trong chuyện tình ông như người mù, làm sao gỡ rối. Nghe nói, tình yêu như giông bão. Không ai biết hình dáng cơn giông, nhưng gió thổi giật nhà sập cầu, ai cũng thấy. Ông chỉ là kẻ trong nhà nhìn cô vật mình trong mưa bão. Nước mắt cô cứ như nước sông, tràn từ khe lạch, chảy mãi không ngừng. Về sau, khi nỗi đau thành tê đại, cô im lặng như pho tượng không có cả tiếng thở dài. Từ đó, chiều nào ra ngắm sông. Ai hỏi, cô bảo đang chờ nước ngược dòng.

Một sáng, mặt trời lên quá đỉnh đầu, ông giám vẫn chưa thức. Một lúc sau, kẻ hầu vào báo, ông không còn dậy nữa. Cô giật mình vào xem, ông đi như ngủ, mặt thản nhiên, không vướng bận điều gì. Lục trong tư trang, thấy có nhiều giấy tờ. Trong có thư dặn, xin chôn cất chùa Từ Hiếu, nơi các bạn bè ông yên nghỉ. Tới đoạn cuối, cô bàng hoàng. Thư viết, từ lâu ông xem cô như con, thương mến chăm nom như người giữ đền hộ ngọc. Không nỡ thấy cô đau khổ thêm, nên sau được biết khi vào Nam ít lâu, vợ chồng Trần Tiến Lâu đều qua đời vì bệnh dịch, đành làm thinh.

Bên chùa Từ Hiếu trở về, mới đó mà căn nhà lạnh lẽo như bị hoang phế lâu ngày. Buồn chân, cô lững thững lên đồi. Mấy lần ngoái lại, đằng sau không có ai. Trời đứng gió, cả rừng cây lặng im. Buổi sáng,

Đa tình chi
ĐẶNG HIỀN

Em viết rằng nhớ anh
Con dốc hàng dương gió hè sóng biển
Góc phố tội tình những tàng cây cháy nắng
Nỗi đợi chờ tuyệt vọng

Bờ sông tuổi thơ chợt thành mơ ước
Đến một nơi khác
Tâm hồn có là biển rộn
Đa tình chi màu trăng phố cũ
Con sóng xa bờ vùi vào quên lãng
Yêu thương ngút khơi tình rời điểm tụ
Em rời anh

Chiếc cầu qua sông năm nào đã gẫy
Từng cơn gió tê lạnh
Làm sao hiểu được trái tim
Em viết rằng nhớ anh

Bức tường hồn anh bỏ trống
Chẳng treo được một chút nhớ nhung
Đa tình chi.

trông sông như nhỏ lại. Chỉ mấy ngày, trời đất dường thay đổi hẳn. Từng cảm giác trở về như người ta lật trang sách cũ. Buổi mới mất chồng, thời gian dài đăng đẳng. Biết bao là khổ đau, oán hận, tự ái, nhớ nhung, thương tiếc,... và đợi chờ. Dần dà, cô ngạc nhiên nhận ra, cái cảm giác hy vọng hay tuyệt vọng không làm cô khổ nữa. Thì ra trong bấy lâu, cô như người đeo bùa, chỉ có mình tin vào sự linh thiêng. Cô chỉ tiếc, chưa nói với ông giám nhiều điều. Có những buổi chiều trên đồi nghe gió thổi, cô đã hiểu. Mỗi cuộc tình đều có số phận riêng. Như cơn gió bay qua mà không mất. Có thể nó đang nương náu một nơi nào trong chốn vũ trụ khôn cùng.

Câu chuyện chén dĩa

Phan Triều Hải

Mưa chừng được một tiếng đồng hồ thì nước không còn một lối thoát nào khác và bắt đầu dâng lên chậm rãi. Đó quả là chuyện lạ đối với người thành phố, nơi khái niệm mưa bão được hiểu để chỉ thời tiết ở một nơi nào đó xa xa, và thường đòi hỏi họ một tí tưởng tượng mới hình dung ra được sự bi đát mà nó mang lại. Thế nên khi cơn mưa bắt đầu một cách dữ dội, mọi người trên đường đi làm về vẫn tìm những mái hiên đứng nép vào, diềm nhiên nhìn nước từ đường lớn tuôn vào hẻm nhỏ, hy vọng sau mươi phút làm mình làm mẩy cơn mưa sẽ dứt như mọi lần. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Sau khi làm đầy những con hẻm thấp, nước mon men ra những con đường cao, phố xá dập dìu sóng. Gió vít đầu những cành cây lớn xuống, nhúng cho ướt sũng, lay qua lắc lại, hung hãn chưa từng thấy, và mọi người đã bắt đầu nhận ra sự khác thường. Tất cả giờ mới nhớ đến những thông báo bão với giọng điệu nghiêm trang loan đi từ sớm mai, mỗi ba mươi phút xuất hiện một lần, và họ đã nghĩ như là một chuyện dùa vui nào đó, trong khi mưa giờ đã làm chủ tình hình, tràn nước vào nhà theo kiểu người ta nghiêng gàu mà hớt. Những chiếc xe chạy vội qua đánh sóng làm trôi nửa chìm nửa nổi những chiếc dép nhựa cũ mèm, làm phập phồng những bao ni lông đủ màu, và đẩy rác rưởi cùng cỏ lá lềnh bềnh quấn quanh những cột đèn đường.

Từng người một lặng lẽ rời mái hiên khi trời bắt đầu sập tối mà không bao giờ tự hỏi vì sao mình vẫn đứng suốt hai tiếng đồng hồ liền ở đây khi người đã ướt sũng. Tôi nhớ ra rằng mình cũng có một ngôi nhà bé tìn tịt nằm sâu trong hẻm thấp, thế là không quản ngại gì mà tuôn chạy về. Nhưng mọi thứ đã muộn. Cửa vào nhà tùm hụp trông như một

mái đò, nước đánh bèm bẹp quanh những bức tường như sóng vỗ vào mạn. Trong nhà bếp, Mi đang loay hoay mò tìm những gì còn sót lại của chén dĩa bị đổ ập xuống khi những miếng chêm bằng giấy ở chân tủ rã ra như bột lúc nước tràn vào. Cuối tuần rồi, sau khi bỏ hết một buổi chiều dọn dẹp nhà cửa gọn gàng và nghỉ tay để nói những chuyện vớ vẩn như mọi lần, Mi đã đề nghị "Ta nên thay một miếng chêm ở chân tủ này bằng gạch hay nắp chai chẳng hạn". Tôi bảo: "Tại sao phải làm thế. Miếng chêm bằng giấy báo hãy còn chắc chắn lắm". Lúc ấy Mi không nói gì thêm, bởi thường những câu nói đó không có nghĩa gì, chỉ đơn giản là những lời thoại. Nhưng bây giờ nó đúng là một dự báo mà không được ai hiểu. Mi cũng không nhớ đến chuyện đó, nàng ngẩng lên.

"Không còn gì hết. Tất cả đều vỡ".

Tôi cũng nghĩ như thế, nhưng vẫn hỏi lại:

"Vỡ hết à?"

"Chiếc tô nhựa thì không vỡ được, nhưng em không tìm thấy nó". Mi nói.

"Mình sẽ mua lại những thứ này". Tôi nói, "Còn chiếc tô, có lẽ nó đã trôi đi rồi!"

Chén dĩa là thứ gia bảo duy nhất gia đình tôi có được để truyền từ đời này sang đời khác. Tôi nhớ vào những tối mùa hè ngày xưa, bà tôi thường bày chúng trên mặt phản dày bóng loáng mồ hôi người, lau cặn kẽ từng chiếc một, và kể những câu chuyện hết sức thi vị cho mỗi thứ đồ vật ấy. Bà đặc biệt yêu quí một bộ ấm tách trà chạm trổ tinh vi ông đem từ Nhật về mà mỗi khi rót nước thì từ đáy tách hiện lên khuôn mặt những nàng geisha e ấp chiếc quạt. Những câu chuyện kể về bộ ấm tách này lúc nào cũng có một vài điểm thêm bớt nhưng luôn có một kết thúc hào hứng, "Hồi đó đi được Nhật là rất khó". Tôi đã từng sợ những khuôn mặt geisha hiện lên trong bộ ấm tách ma quái này đến mức không ngủ được. Cha mẹ sau đó được kế thừa bộ chén dĩa kiểu ấy. Nhưng giữa những đồ sành sứ sang trọng lúc chuyển sang cho thế hệ của tôi, chen vào một chiếc tô nhựa lớn. Tôi không biết vì sao nó lại có mặt ở đây, bởi dù kiểu cọ với vài hoa văn, nó vẫn lộ vẻ rẻ tiền. Có lẽ cha mẹ tôi dùng tạm nó để thay một thứ nào đó đã bị vỡ. Nhưng dẫu sao lúc ấy chiếc tô nhựa không là một vấn đề to tát gì lắm, vì tôi còn đang bận tâm đến bao nhiêu chuyện khác, như việc phải mua một bộ bàn ăn chẳng hạn.

Đó là bộ bàn ghế mây nay ai cũng ngồi đây, một bộ bàn ghế cũ.

Khi mua bộ bàn ghế này có biết bao nhiêu ý kiến, Mi từ chối vì hết sợ rận rồi rệp sản sinh ra từ những góc kẹt, lại e rằng một ngày nào đó một sợi dây mây đứt ra kéo theo toàn bộ những xộc xệch khác. Nhưng chúng tôi không có nhiều lựa chọn vì đó là bộ bàn ghế rẻ nhất mà chúng tôi có thể mua được, và rốt cuộc là nó nằm đó, hiền hòa giữa những thứ cũ kỹ khác. Không những thế, Mi còn hào phóng làm đẹp cái mặt bàn loang lổ vết chém của dao, vết cháy của tàn thuốc lá, bằng cách thuê thợ đo đo, cắt cắt một tấm kính màu nâu, dày một phân với những cạnh được gọt giũa cẩn thận. Chúng tôi quyết định mọi ngày sẽ ăn cơm ở đó, quyết định sẽ lau bàn bằng khăn giấy với nước rửa kính có hóa chất đủ mạnh để diệt chín mươi chín phần trăm vi khuẩn và bảo đảm mặt bàn luôn luôn trơn láng. Mi chỉ quan tâm đến một điều duy nhất, mà nàng cho là hết sức kỳ lạ:

"Anh nhìn kìa, chiếc tô đang trượt".

Quả thật chiếc tô đang trượt. Giữa những chén dĩa kiểu cọ, chiếc tô nhựa ấy đang xoay cái đế tròn có những vết nứt rạn chân chim trên mặt bàn kính nâu nhạt. Hơi nóng tỏa ra đọng thành nước trên mặt kính giúp nó cử động rất nhẹ mà nếu không thật để ý thì không nhận ra được, nó xoay kín đáo như một người ý tứ vặn lưng một tí cho đỡ mỏi lúc đang ở giữa chốn đông. Nhưng sau đó, khi hơi nước đã đủ nhiều để loang thành một vệt, thì nó bắt đầu trượt thẳng và nhanh hơn, cho đến khi chạm phải một thứ khác trên đường đi và dừng lại. Mỗi lần chúng tôi chạm vào, nó lại dịch chuyển, và lúc ấy Mi lại nói "Kìa chiếc tô lại trượt!". Chúng tôi thường ngăn chặn lộ trình của nó bằng cách chạm đũa nhẹ, mà lâu dần trở thành như bản năng. Tôi cảm thấy rất bất tiện với kiểu ăn uống như thế này, nhất là thức ăn bày trong chiếc tô nhựa không cho cảm giác ngon miệng như chiếc tô sành.

"Đó chẳng qua là do tâm lý". Mi nói. Có thể nàng đúng.

"Nhưng lúc nào nó cũng chạy loanh quanh". Tôi nói, và cố gắng lau cho chiếc bàn thật khô. Nhưng sau khi được đặt xuống một lát, chiếc tô nghi ngút khói lại rịn ra hơi nước ở đáy và trượt nhè nhẹ.

"Anh nghĩ mình nên mua một chiếc tô khác, bằng sành"

"Nó đâu đã hỏng". Mi nói, "Tại sao phải thay thứ mình vẫn đang còn dùng được".

Cứ thế, tôi và Mi mỗi bữa ăn cùng xoay trở với chiếc tô. Tôi không nhớ hết những chi tiết chung quanh sự bất tiện ấy, đơn giản là chúng tôi đang tập thích nghi với nó, ngoại trừ sự ngạc nhiên bền bỉ của Mi. Lúc

nào trong bữa ăn Mi cũng nhận xét "Anh xem kìa, chiếc tô đang trượt", lâu dần nhận xét đó nghe như một lời mời, như thể "Mời anh ăn cơm". Cơm nước xong, chúng tôi thường ngồi nán lại trong căn phòng nhỏ để thưởng thức cái thế giới của riêng mình. Đó là căn phòng duy nhất trong nhà có hai cửa sổ. Một cửa sổ nhìn ra đường lúc nào cũng bị khóa chặt, với dây thép mỏng xiềng lung tung quanh những chấn song để phòng những người lạ có tính thích táy máy, còn cửa sổ kia thì ngược lại luôn luôn mở, và từ đó có thể nhìn thấy cái chậu cây còi cọc để trên thành rào từ bao lâu nay. Cái chậu cây ấy không bao giờ ra hoa, vô tư xanh mướt quanh năm suốt tháng, làm một nhiệm vụ duy nhất là thông báo thời tiết. Vào mỗi sáng Chủ nhật, mắt nhắm mắt mở bước ra khỏi phòng, tôi thường nhìn những chiếc lá thưa thớt trên ngọn của nó ước lượng ngoài sân gió đang mạnh nhẹ thế nào, có nên xách vợt ra sân đánh cầu lông hay không. Và chỉ có thế mà thôi, bởi ngắm nhiều cái chậu cây cằn cỗi ấy thì luôn luôn có cảm giác buồn tẻ.

Đã năm năm trôi qua kể từ lần đầu tiên Mi phát hiện ra chiếc tô trượt trên bàn ăn. Mỗi ngày nàng vẫn phát biểu nhận xét của mình, "Anh à, chiếc tô đang trượt", nhưng giờ thì trên khuôn mặt nàng không còn lộ vẻ ngạc nhiên gì nữa. Còn tôi, đù dã nghe câu ấy ngàn lần, nhưng không bao giờ cắt ngang, không bao giờ nói "Em à, anh biết rồi em đừng nói nữa". Một đôi lần hiếm hoi tôi có đề nghị "Hay ta mua một chiếc tô khác đi. Dùng cái này bất tiện quá, lúc nào cũng trượt trên bàn". Nhưng bao giờ Mi cũng có lý lẽ của mình, "Bao giờ nó hỏng, mình sẽ đổi". Và thế là xong, như mọi lần chúng tôi sẽ nhìn ra ngoài mảnh sân nhỏ xem có gì lạ không.

"Những ngày tới sẽ có bão nhiều". Mi dự báo

"Nhưng nó sẽ không đến tới thành phố này được." Tôi khẳng định.

Mưa bão có thể hoành hành ở tận đâu nhưng không thể đến đây được. Đây là một nơi bình yên, bình yên đến nỗi một chiếc tô hàng ngày vẫn có thể trượt thoải mái trên bàn.

"Dù sao anh cũng nên đem cái cây vào trong nhà, nó không ra hoa bởi ở bên ngoài có quá nhiều nắng và gió"

Tôi đưa cái cây vào trong, nhưng nó vẫn không ra hoa.

"Hay ta thử thay cho nó một cái chậu khác đi, loại lớn hơn nữa". Mi nói.

Tôi thay một cái chậu mới, màu xanh, có miệng rộng. Vô ích. Cái cây không những không ra hoa mà lá đường như cũng ủ rủ hơn khiến chúng tôi phải trả nó lại chốn cũ gấp. Nói chung, tôi và Mi cùng làm

những chuyện hàng ngày theo kiểu cách như thế. Không say mê không cần mẫn, không than phiền vì mất thời gian, cũng không hân hoan vì sử dụng được thời gian rảnh rỗi của mình, chúng tôi làm chỉ đơn giản như làm một cái gì đó trong cuộc dời mà không cần phải nhớ, như đọc xong một tờ báo nhạt, như gặp một người không có gì đặc sắc giữa đám đông, như người ta vẫn huyên thuyên về những điều mình không bao giờ để tâm đến. Chúng tôi làm những điều đó mà không cần nghĩ nhiều, và chúng tôi quen dần với việc chiếc tô hàng ngày vẫn trượt trên bàn.

"Có lẽ chiếc tô ấy đã trôi ra ngoài đường". Mi nói.

Tôi nghĩ có lẽ còn tệ hơn thế nữa, lúc này chắc nó đang trôi bập bềnh cùng bao nhiêu thứ đang trôi bập bềnh khác, và thực sự trở thành rác rưởi. Nhưng đó là thứ chúng tôi đã dùng suốt năm năm nay. Nó đã có mặt ngay từ ngày đầu tiên cái gia đình nhỏ của tôi ra đời. Nó đã gây phiền toái cho chúng tôi trong bữa ăn mỗi ngày, thứ rẻ tiền ấy, vậy mà nó vẫn cứ tồn tại mãi trong nhà. Hàng ngày chúng tôi phải lau mặt bàn thật khô, để mong cho nó không trượt đi giữa bữa ăn, rồi sau đó phải rửa thật kỹ bởi loại tô nhựa này luôn nhơn nhớt với dầu béo. Chúng tôi đã làm tất cả những điều đó mà không nghĩ gì nhiều, không nghĩ rằng sẽ có một ngày nó sẽ theo dòng nước trôi ra đường, nhấp nhô cùng với bao nhiêu thứ vụn vặt khác, với những miếng gỗ vụn, với bao ny-lông đủ màu đã dùng nhiều lần, với những dép nhựa cũ... Chúng tôi không bao giờ nghĩ nó sẽ hóa thành rác rưởi một cách dễ dàng như thế.

"Mình sẽ mua lại tất cả những thứ này". Tôi nói.

Mi đang ngồi trên chiếc ghế mây sẫm màu vì ẩm ướt, những sợi mây buộc đã bong ra và rơi mất từ lâu để lại những đầu đinh gỉ đính vào thân mây dập nát. Hai ống quần dài của Mi ướt lẹp nhẹp, nàng ngồi dáng vẻ dầy lo toan như kiểu mẹ tôi đã từng ngồi, như kiểu bà tôi đã từng ngồi. Nàng chỉ nói

"Em cũng nghĩ như thế. Tất cả đều đã quá cũ."

Chúng tôi mất mươi ngày để làm sạch lại căn nhà khi nước đã rút đi. Mi hàng ngày đem phơi ngoài rào những bộ sưu tập tem cũ kỹ của ông ngoại, những con tem ông từng nâng niu và nghĩ rằng chúng sẽ đáng giá bạc triệu, mà không tưởng tượng ra có một ngày loại tem ông dày công sưu tập được bày ê hề ở mọi góc trung tâm thành phố để chào mời đám trẻ con người nước ngoài. Suốt một tuần liền Mi chú tâm vào việc gỡ từng con tem lem luốt dính chặt vào nhau ấy, quên luôn việc có một bộ bàn ghế mây cũ kỹ ẩm ướt đang bắt đầu bị lũ côn trùng hung

hăng manh nha đục khoét. Nàng cũng không màng đến việc tôi phải tự đi mua sắm lại những thứ đã đổ vỡ. Suốt nhiều ngày liền, tôi không thể tìm thấy nơi đâu còn bán một bộ tách trà ma quái như của gia bảo, loại có khuôn mặt của những nàng geisha hiện lên dưới đáy, nhưng ngược lại, tôi đã dễ dàng mua được một chiếc tô lớn như chiếc tô nhựa cũ, lần này bằng sành, với một vài nét vẽ đơn sơ quanh miệng. Trong khi đó, Mi sau khi hoàn tất việc cứu sống bộ tem sưu tập, đã quyết định cho cái cây xanh mướt ngày trước vào sọt rác và trồng vào chiếc chậu cũ một cây khác. Kỳ lạ thay, chỉ chừng một tuần sau nó bắt đầu ra hoa. Những cánh hoa mỏng dính phơn phớt hồng, rất nhạt, nhưng bất cứ ai nhìn cũng có thể nhận ra đó chính là hoa. Không những thế, người ta còn có cảm giác rằng chỉ chiếc chậu cũ đó mới có thể sinh ra được một màu hoa đặc biệt như vậy.

Buổi trưa chúng tôi vừa ăn cơm vừa ngắm những thay đổi nho nhỏ ấy. Trên bàn, giữa đám chén dĩa mới là chiếc tô bằng sành to lớn bệ vệ. Mi nhìn chăm chú và bảo, "Chiếc tô này không trượt". Suốt bữa ăn chiếc tô vẫn cứ nằm im, không một lần nhúc nhích. Mi nói, "Em có cảm giác chén dĩa bằng sành làm ngon miệng hơn". Tôi nói với nàng là tôi cũng có cảm giác đó, không những thế còn cảm thấy thoải mái nữa. Mi buông đũa, nhìn ra ngoài sân. "Lẽ ra mình nên dùng loại tô này từ lâu". Nắng tràn vào in hình một mép tôn dài gợn sóng. Trời cũng trong xanh trở lại, ấm áp. Vạch nước lũ in trên tường những ngày trước đang nhạt dần.

"Có lẽ lâu lắm mới có một cơn mưa như vậy". Mi nói.

"Hàng chục năm mới có một lần."

"Lần sau chúng mình già mất rồi, anh nhỉ?"

"Ừ". Tôi nói.

Xa xa ngoài hẻm có tiếng dép lê của một người nào đó, nghe êm ái. Chúng tôi thích những buổi trưa lúc nào cũng yên ắng như vậy.

"Anh có thấy chậu cây ấy không. Nó ra hoa rồi."

"Anh biết."

"Đôi khi mình mất quá nhiều thời giờ để chăm sóc một thứ không ra gì cả." Mi nói.

"Ừ", đã năm năm rồi chúng ta sống với những thứ ấy."

"Anh biết không", Mi nói, "Em không hiểu vì sao mình có thể chấp nhận chúng lâu như vậy. Bởi năm năm quả là một khoảng thời gian rất dài."

Phan Triều Hải

Trí Nhớ Suy Tàn

Nguyễn Bình Phương

(truyện vừa, tiếp theo kỳ trước)

Nhà có một vị khách ở quê ra khám bệnh.

Họ hàng xa tít tắp đến mức chỉ có cảm tưởng là một người hàng xóm. Ba mươi bẩy tuổi, mắt vàng da vàng, tóc cứng nâu, môi dầy thâm, quần áo mới, sáng màu nhưng đôi dép lại cũ. Mang một chiếc túi du lịch màu đỏ lép kẹp. Ăn nói hồ hởi chân thành, hay lỡ lời và lấp liếm bằng cái cười át đi của người ruột thịt. Luôn luôn trong tâm trạng dây là thủ đô nhưng mình ở chi trên, vì thế mới được dăm ba câu thăm hỏi đã co tót hai chân lên ghế, giọng khàn khàn, cười toá ra cả nước bọt. Nói chuyện mà mắt cứ vuốt ve đồ dạc xung quanh từ cái chao đèn, bộ dàn nghe nhạc, đến cây quạt có điều khiển từ xa. Nghe tiếng phích nước đun điện báo sôi, giật mình thốt lên: ô hay nhỉ, ô hay nhỉ. Sau đó than ngay rằng: dưới quê vất vả lắm thím ạ. "Ô hay nhỉ" lục xục trong buồng vệ sinh hàng tiếng đồng hồ rồi bước ra với vẻ mặt băn khoăn căng thẳng cực độ.

- Con này lớn rồi, sao thím không gả chồng cho nó đi.

"Ô hay nhỉ" chỉ tay về phía em thắc mắc.

- Em đang ế đây, anh xem ở quê có ai làm mối cho em thì tốt quá.

Em đùa, "Ô hay nhỉ" chồm lên, sốt sắng:

- Thật nhá, thật nhá. ở cạnh nhà anh có một thằng mới đi bộ đội về, nó làm chủ lò gạch...

Cả nhà ôm bụng cười. Hình ảnh chủ lò gạch gắn với chiếc mũ lá và quần sắn móng lợn.

Vào viện khám phiếu kết quả ghi ung thư vòm họng kèm theo viêm gam siêu vi trùng. "Ô hay nhỉ" choáng váng chốc chốc lại giơ tờ kết quả lên soi như cố tìm ra phương thuốc thần diệu để cắt bệnh. Suốt

buổi chiều và tối hôm sau "Ô hay nhỉ" không nói câu nào ngay cả khi được mọi người trong gia đình mua cho rất nhiều quà. Ngày thứ ba "Ô hay nhỉ" ra về với chiếc túi căng phồng và lời chào nghẹn ngào:

- Khi nào rỗi, vợ chồng cháu lại lên thăm thím.

Hai tháng sau "Ô hay nhỉ" chết, tin báo lên vào buổi chiều lúc trời sắp mưa và hoa rụng kín hè phố. Không ai về đưa đám.

Thiếu vắng vẫn lẩn quất trong cuộc họp lớp ồn ã hào phóng. Sông Hồng cướp đi một người bạn trai vui tính. Chết vì cứu chị gái. Hơn hai năm trước, dịp giáp tết một người bạn nữa mất vì tai nạn xe máy. Con bạn ngồi cùng bàn đang ở tù vì dính vào thuốc phiện, không đến mức tử hình nhưng thật khó nói có thể vượt qua quãng thời gian hai mươi năm. Ngần ấy thời gian đủ để đầu thai cho một kiếp khác dễ chịu hơn.

Ngồi nghe mọi người nói chuyện, mắt nhìn ra chùa Trấn Quốc ngắm hàng cau xanh mướt in trên nền trời trắng đục. Một con đường lát gạch già đã mòn vẹt, vài ba ngọn tháp màu lửa nhô cao, xa hơn là những cây hoa ban nhỏ loà xoà gầy guộc. Bao nhiêu ký ức tuổi thơ còn lưu dấu ở đấy với ô mai mơ, ngô rang và chiếc ghế xi măng sứt mẻ.

Buổi tối lung linh sôi động, đèn máy ảnh nhoáng lên, những bước chân di chuyển hồ hởi làm con thuyền hơi dập dềnh. Ước gì Hồ Tây là biển, ước gì con thuyền này mang tất cả những người bạn đi, lênh đênh vô bờ bến, thoát khỏi mọi ràng buộc nặng nề... Tự cười thầm vì ý nghĩ viển vông của mình. Cho đến giờ phút này chưa một ai mạo hiểm, ngay cả Tùng, kẻ thành đạt nhất trong lớp, kẻ bỏ tiền bao toàn bộ cuộc gặp gỡ này.

Vân đi lại lăng xăng, gặp ai cũng ghi địa chỉ và chìa "các" của mình ra. Mặt Vân vẫn bì bì chất nhà quê cho dù giờ đây khoác thêm chiếc máy ảnh và mặc áo ghi-lê phóng viên.

Bàn tay đặt lên vai em, nhẹ nhàng nhưng bạo dạn. Phong cười, vẫn hàm răng trắng đều đặn, đôi môi hồng hồng xinh xinh như môi con gái. Đã một thời Phong say mê em, giờ trong mắt còn nguyên dấu ấn thuở xưa. Những câu hỏi rụt rè chừng mực và lời đáp nhanh gọn nhưng không qua loa, đủ để biết về nhau với sự tôn trọng hoặc cảm thông. Một chi tiết làm em hứng thú đó là việc Phong đang ở rể.

- Bố vợ tớ không có tóc.

Phong nói đùa, ghi số điện thoại của em rồi bỏ sang bàn khác, nét mặt buồn buồn.

Không níu kéo được những gì muốn níu kéo, như bao nhiêu lần đi về cùng Vũ em mong đèn đỏ sáng mãi để thêm thời gian bên nhau

nhưng chúng cứ tắt đi vô tâm, lạnh lùng đúng phận sự.

Tất cả đều khác, cử chỉ phức tạp hơn, ăn uống uể oải hơn, không nồng nhiệt như thời sinh viên nữa. Gần ba mươi người, chỉ còn bốn chưa xây dựng gia đình. Một số về sớm, rút lui công khai, tự nhiên nhưng sau cái nụ cười vờ buông tuồng kia là vẻ mặc cảm ngượng ngập. Ai cũng cảm thấy có lỗi vì không còn son rỗi. Tám rưỡi thì còn lại vài người: Vân, Nga, Huyền, Phong và em. Câu chuyện tập trung vào chủ đề Huyền bị sẩy thai cách đây sáu tháng sau đó xoay sang việc Nga một thân một mình lo thủ tục nhập khẩu cho cả gia đình nhà chồng về Hà Nội. Đến chín giờ Phong rút. Người đàn ông cuối cùng ra về, những đứa còn lại ngơ ngác hẫng hụt. Một người có thể vực dậy không khí, chính là em, nhưng em thì đang nghĩ về nơi khác.

Giải tán lặng lẽ, để lại sau lưng sự bừa bộn lăn lóc.

Nổ máy xe, rời khỏi Hồ Tây, rời khỏi sự sống lại vội vã yếu ớt của quá khứ.

Không về nhà mà đến với Vũ.

Cửa mở he hé, ánh điện vàng tràn ra thành một dải hẹp. Dự định nhào đến ôm chặt nhau không xảy ra, bước vào nhà hơi rụt rè, làm như chưa hề cầm tay, chưa hề ôm hôn, làm như mỗi người là một kẻ còn quá trong trắng.

- Em ghé qua đưa cho anh đĩa nhạc.

Lý do thật tế nhị, thật tình cảm. Đặt đĩa lên bàn rồi lập tức ra về. Đêm nay có lẽ phải uống thuốc ngủ. Lẽ ra không nên đến, lẽ ra lúc này đang ở nhà nghe chính cái đĩa nhạc vừa bỏ lại.

Trong nhạc có suối, nó sẽ chẩy trôi đi tất cả những gì đã diễn ra từ chiều đến giờ. Nhưng dòng suối sẽ ở lại với Vũ đêm nay, nó mang đến sự bâng khuâng không cần thiết cho Vũ, không cần thiết cho bầu trời kết bằng các ý nghĩ thông minh kín đáo.

Một mình một xe trên đường, đi tốc độ chậm, hình dung ra những cánh hoa điệp rụng lác đác. Hình dung vì trong ánh đèn đường thật khó nhìn thấy hoa rụng. Tiếng ù ù vọng đến làm không khí tê dại như có sóng điện chạy qua. "Đua xe". Ai đó thét lên, em dạt xe vào lề đường. Một luồng sáng chói gắt lao tới, vụt qua và hàng trăm những ngọn đèn chiếu thẳng căng bám sát nhau. Luồng sáng xoẹt qua như vệt sao băng, gầm rống khét lẹt.

Em là người con gái yêu hoa hồng vàng, yêu từ lúc mới nhìn thấy trong phim, mấy năm sau mới được cầm, run rẩy nghèn nghẹn như gặp lại cái gì đó thân thiết tưởng đã mất đi vĩnh viễn. Em bảo nếu ai tặng ta

năm trăm bông hoa hồng vàng, ta sẽ lấy người đó làm chồng. Tuấn đáp ta sẽ bán cái bí mật này với giá tiền đủ mua đúng năm trăm bông hồng vàng.

Bí mật còn là bí mật vĩnh viễn. Thật khó hình dung nổi một ai đó đủ can đảm đứng giữa năm trăm bông hồng vàng xa lạ. Năm trăm khuôn mặt đẹp, kiêu sa và độc.

Vũ chủ động đến đón tại cơ quan, rất nhiều người nhòm ngó.

- Đi đâu?

Vẫn câu hỏi rụt rè lúng túng.

- Như mọi khi vậy.

Qua cầu, những hàng cột phân luồng sơn trắng đỏ như cột truyền hình đổ. Lại nước, cây xanh và tiếng máy bay làm xao động không gian. Thuê chiếc cần câu trúc, mồi là bột mì. Cá cắn nhiều nhưng giật lên thì nhẹ hẫng, chỉ có chiếc lưỡi câu xám xì cong cớn. Chúc đầu cần vẽ lên mặt nước. Em hỏi vẽ gì, Vũ bảo vẽ em. Như thế sẽ không thấy khuôn mặt mình trên nước. Rồi mọi thứ có thể cũng thế, tan biến, chìm sâu xuống, may mắn thì còn một chút gì gờn gợn, thư thả.

- Anh chẳng câu được gì đâu.

Em khiêu khích. Vũ nhìn sang bên kia bờ chỗ có hàng bạch dàn dong dỏng cao:

- Sắp được một con.

Em bĩu môi. Em không phải là cá, em là con trâu vàng có nhiều nốt ruồi đỏ ở tay và trên người. Vài ba nốt ruồi Vũ chưa biết, có thể mãi mãi không biết. Thân xác là một bí mật dịu dàng.

Trong im lặng lơ mơ cạnh nước, giữa tre nứa và lá cọ, với thứ ánh sáng chập chờn, khuôn mặt Vũ trở nên ưa nhìn. Sau đó và trước đó Vũ là người dị tướng, mặt nhỏ, mắt một mí hơi khô, môi dầy, trán cao nhưng không sáng láng. Đôi lúc em nôn nao vì sự lựa chọn của mình.

Vũ ngả người hôn lên cổ, tay, má và sống mũi em. Môi thì không. Vũ không thích son. Em ít dùng nước hoa, chỉ có mùi thơm nhẹ của da thịt, của tình yêu và những mơ ước về hoa hồng vàng.

Một chiếc trực thăng khởi động, tiếng nổ giòn đều, không dứt. Mặt nước rung rinh lan toả, ẩn chìm đi cái khuôn mặt được vẽ bởi cần câu trúc. Khuôn mặt chìm sâu trong thế giới nước, đó là thế giới của lòng tự trọng và mây xa.

Máy bay cất cánh, âm thanh đổi thay, đỡ vang vọng mà tê tê. Qua những thân bạch dàn, chiếc máy bay nhô lên với vòng tròn xám quay tít trên đầu như một cơn lốc nhỏ.

Bèo trôi mang theo những vệt nước trắng mờ.

Không có hình bóng nào đứng im.

Không cả sự bền vững của ý nghĩ.

Chỉ có em bao năm vẫn thế.

Chiều xuống nhanh và bí mật. Rời mắt khỏi nhau, nhìn ra đã thấy xung quanh mờ mờ trong màu nâu nhạt. Tiếng cuốc kêu rít róng. Một con chim lờ đờ trên trời, đường lượn uể oải chán nản. Đèn vàng bật lên từ lúc nào. Bóng tối làm con người gần gũi hơn. Cả hai quay mặt vào nhau, cùng ôm vai nhau, cùng long lanh nhìn. Nếu đó là một căn phòng kín đáo thì có thể sẽ làm tình với nhau. ở đây người phục vụ đến bất cứ lúc nào.

Qua cầu Chương Dương như đi giữa trời, khó nhìn thấy bãi phù sa với những túp lều tạm bợ, những con thuyền màu nâu gỉ và vài ba chiếc áo vắt ngang cây sào cắm ở đầu thuyền. Không khí ngột ngạt hẳn.

Nhà thuê một ô-sin người Thanh Hoá qua địa chỉ thân quen.

Mười lăm tuổi, cao như một ngồng cải, lộn xộn và lem nhem như thế.

- Cháu tên là Quẩy.

Nó tự giới thiệu bằng cái giọng lờ lợ. Ngày đầu Quẩy xăm xái làm việc ngay, nó sục từ bếp lên tầng thượng, quét tước lau chùi cả những thanh bê tông trên mái tum. Đến bữa Quẩy ăn rụt rè, ít dám ngẩng mặt nhìn ai, nhà phải thay nhau gắp thức ăn cho nó. Ngày thứ hai Quẩy dậy sớm đánh ấm chén, đun nước, làm rón rén khẽ khàng như một cô Tấm. Đến buổi trưa thì Quẩy vừa làm vừa lẩm nhẩm hát, chân tay bắt đầu vung vẩy chiếm diện tích rộng. Tối nó vào phòng tắm vầy vò trong đó khoảng nửa tiếng, khi bước ra, người sực mùi dầu gội đầu.

Quẩy thu xếp chỗ ngủ của mình gọn gàng chắc chắn hơn cả những thành viên trong gia đình.

Sau này mỗi khi có dịp, Quẩy lại sán đến gần em hỏi han về chất liệu vải, giá cả, các dồ mỹ phẩm và dưỡng phố. Cảm giác nó từ Thanh Hoá ra không phải làm thuê mà để tìm hiểu, chuẩn bị cho cuộc sống đầy đủ nào đó.

Nga gọi điện báo Huyền đang nằm viện vì xô xát với gia đình nhà chồng. Cái tin đó làm em ngạc nhiên. Chợ búa tràn vào gia đình. Dắt xe ra khỏi nhà đi thăm Huyền. Quẩy e dè đề nghị:

- Cho cháu theo với. Cháu chưa bao giờ vào bệnh viện ở Hà Nội cả.

Huyền nửa nằm nửa ngồi trên giường bệnh, má trái có vết tím rộng bằng bàn tay, một tờ báo để bên cạnh che lên mép giường. Chiếc tủ con chất đầy cam và sữa hộp. Quẩy khịt mũi lén lút quan sát Huyền với sự ngưỡng mộ vô bờ. Hình như nó bị vẻ đẹp của Huyền làm choáng váng. Chồng Huyền khổ sở đi lại, bê cái nọ xách cái kia, mặt nhàu nhĩ ngượng nghịu.

Hai bàn tay đặt lên cái bụng lùm lùm, Huyền thuật lại trận xô xát với giọng hào hứng:

- Nó tạt sang trái, tao đạp trúng sườn, bà ấy xót con chạy từ tầng hai xuống túm tóc tao...

Mồ hôi lấm tấm trên trán Huyền.

- Tao giật mạnh, cả hai cùng ngã lăn ra. Bà ấy tru lên ăn vạ. Nó từ đằng sau bẻ tay tao. Lão này...

Bàn tay phải co lại, ngón trỏ vươn ra chỉ vào anh chồng hiền lành đang cắm cúi lắp lại chân ghế hỏng. Một ngón trỏ đẹp trắng như nụ hoa huệ.

-... vào can, nhưng can ngu, cứ giữ chặt lấy vợ. Nó thừa cơ đập cái đồng hồ vào má tao. Đấy, chỗ này...

Đầu em ù đi, mọi thứ trở nên lộn xộn trong mùi cồn chua chua của bệnh viện với trái, phải, trên xuống, đằng sau, bà ấy, nó, lão này và tao.

Rối loạn như đang xảy ra và diễn tả theo sơ đồ thật khó. Quẩy nghe, mặt căng thẳng băn khoăn, chốc chốc lại bấu lấy tay em.

Huyền kết luận:

- Tao nằm ở đây khoảng một tuần cho nhà nó nhục. Sau đó tao sẽ kiện lên phường. Ngày xưa, lúc tao sẩy thai thằng đầu, hai mẹ con xúm vào thay nhau chì chiết tao, giờ thì biết tay.

Quẩy trợn mắt hỏi xen ngang:

- Cô kiện mẹ chồng ấy ạ?

Huyền hất hàm kiêu kỳ:

- Con nào đây?

- Nhà tao mới đón nó về làm.

- Ô-sin à?

Huyền nhìn sang Quẩy hỏi, giọng hách dịch. Quẩy gật đầu mắt dán vào những móng chân sơn đỏ của Huyền.

Lần đầu tiên bước chân đến trường, ai đó đã hỏi và em đã gật đầu nhưng không cam chịu như Quẩy. Em đã nhìn thẳng vào mắt người hỏi với sự thách thức ngấm ngầm.

Ra khỏi viện Quẩy gạ đèo nó đi một vòng quanh phố cho biết. Lượn qua đường Bà Triệu, cây diệp xanh lấp lánh với những cánh hoa

vàng lác dác rụng. Bên kia đường mới trồng thêm một cây nữa, như hình ảnh phản chiếu, như sự nhân lên, về phía xa cho đến khi tầm nhìn rơi vào mỏi mệt. Quẩy bấu chặt hai tay vào sườn em, vươn cổ lên phía trước hỏi:

- Cái áo cô đang mặc gọi là màu gì?

- Màu ghi xám. Thế làm sao?

- Chả sao cả, cháu thấy cô mặc cái áo này rất đẹp, nhìn là ra ngay người Hà Nội.

Dèo Quẩy vòng lại hồ Gươm lần nữa, chỉ cho nó cầu Thê Húc rồi xuôi xuống Hàng Gai. Dừng xe cho Quẩy đi bộ xem các cửa hàng, xem cả những tốp Tây ba lô đang lê la khắp hai bên vỉa hè còn mình thì mệt mỏi tỳ cằm lên gương xe nhìn nắng đi dần xuống chân, mơ màng run rẩy như bước đi của gió. Dưới các gốc cây, cỏ xanh rụt rè ngơ ngác đội vài ba chiếc lá rụng vàng lốm đốm. Người xe nối nhau băng trên đường, âm thanh không rõ ràng, chỉ ù ù một vệt dài hối hả ngộp thở.

Tiếng chuông nhà thờ ngân lên, khoan thai trong sạch, trên đầu mọi người, trên nóc nhà, ngọn cây lẫn trong bầu không khí tràn ngập nắng rồi thư thả xa dần. Một đoàn người thanh khiết nối nhau đi thấp thoáng giữa những đám mây ngả vàng bởi nắng chiều. Đi và không nghĩ không nói.

Cửa hàng mở sát vỉa hè, sau một thân cây xù xì màu tím thẫm. Những chú Tễu bụng trắng chít khăn xanh đứng chen chúc trên nóc tủ với khuôn mặt dài, gò má cao, mũi to, môi dỏ. Vài ba ống điếu gốm bịt bạc xếp gọn sát góc trong cùng, sau lớp kính trắng mỏng luôn luôn rung rinh vì tiếng động của xe dội vào. Quạt khung xương chạm hình tiên cưỡi mây, con nghê há mồm bụng chứa đầy bóng tối cổ kính. Dĩa sơn mài vàng và lược sừng đen. Bước vào cửa hàng bán đồ lưu niệm, phải dẫm lên những xác hoa dâu da xoan lấm tấm, phải lách qua vài ba chiếc xe máy đựng ngả nghiêng, đôi khi phải tránh cả những nắp bể ngầm mở hé.

Nếu chịu khó nhìn sẽ thấy trước cửa nhà có những đứa trẻ béo núc ních, áo may ô ba lỗ, quần cộc, ngồi nhìn ra đường nét mặt ngơ ngơ diệu vợi, đứa nào cũng mang kính cận lấp lánh.

Quẩy gần như biệt tăm ở cửa hàng nào đó.

Từ chiều bước sang đêm không rạch ròi bởi những ngọn đèn thắp sáng quá sớm. Đèn chạy dọc các tuyến phố, khi dều đặn, lúc rời rạc, ánh sáng vàng buông xuống bóng tối như nắng buông xuống những cánh đồng. Trong vòm cây bất ngờ một vệt nắng và làn bụi li ti vẩn lên miên man, quanh quẩn như đầu óc của người đang mụ mẫm.

Với buổi chiều tối thế này chỉ thêm ánh trăng mát rượi nữa, tất cả sẽ bay lên...

- Toàn những đồ giống ở quê cháu nhưng đẹp hơn.

Quẩy trở lại bật ra tiếng xuýt xoa làm em giật mình.

Hoài nghỉ ốm.

Một mình một phòng với những máy móc, giấy tờ, lòng dạ trống trải. Mọi khi có Hoài, dù ảo nảo mấy vẫn là có người, giờ vắng tanh vắng ngắt. Bên dưới mọi người đi lại nhộn nhịp tưng bừng, trên này giá mình có rụng xuống cũng chẳng ai tiếc thương. Tự nhiên thở dài. Gọi điện cho "Chủ hiệu cầm đồ" nhưng không ai nhấc máy. Số lẻ.

Đến nhà Hoài.

Chật chội, thiếu ánh sáng, đồ đạc đơn giản, cũ. Hoài nằm trên giường, kê sát góc trong cùng, nhỏ bé như một con búp bê vải làm vụng.

- Chị mệt, đầu lúc nào cũng choáng váng.

- Có phải đi viện không?

Hoài lắc đầu:

- Không.

Quạt máy chạy nặng nề, gió thô, quẩn. Một bức ảnh cả gia đình đang cười treo trên tường gần bàn uống nước. Hoài nhổm dậy nhưng em ấn xuống.

- Bố mẹ chị đi làm từ sớm.

Giọng Hoài mỏi mệt. Mọi thứ đều lưu cữu, gió, không khí, ánh sáng và âm thanh rè rè. Cửa sổ đóng kín, rèm kéo tràn sang hai mép và không hứa hẹn một cảnh đẹp bên ngoài. Con mèo màu tro gại chân vào ống quần em, mắt nó vàng nhạt có khía xanh, giống mắt nhựa. Con mèo không đẹp như Hoài tả, nó tối sầm, dễ nổi cáu. Sự mô tả của Hoài không chính xác về tất cả mọi thứ. Không đầy đủ tiện nghi, không mới, không sáng sủa thoáng đãng. Nếu có tiếng côn trùng căn nhà sẽ trở thành một lùm cây chìm đắm.

- Em gọt cam cho chị nhá.

- Đừng, rót nước uống đi.

Ngay cả ấm chén cũng cũ. Lược để lẫn với chai lọ, tóc còn vương trên lược, những sợi dài, nhỏ, mềm oặt hết sức sống. ở lâu có thể sẽ làm Hoài xấu hổ.

Về cơ quan, mong chờ Vũ gọi tới, nhưng điện thoại lạnh lùng như hòn đá xẻ. Lại gõ, đều đều, vô cảm.

Trong giấc ngủ có những giấc mơ, giống như trong biển có những con ốc nhỏ rụt rè kín đáo.

Và kín đáo như quán cà phê nằm giữa những ngôi nhà chật hẹp đun đẩy. Em đã ngồi ở đấy chờ Vũ, cầm tờ báo có in ảnh cầu thủ bóng đá mình thích, một tiền vệ tóc vàng áo đỏ.

Ở quán cà phê ghế mây thấp, chủ quán ít đứng tại quầy, chỉ lảng vảng phòng trong, có khách thì bước ra với dáng chậm chạp hơi buồn buồn. Người đàn bà ấy một thời là diễn viên kịch, không sáng chói nhưng đủ để gây ấn tượng. Những đôi trai gái rì rầm chụm đầu nhìn xuống cốc của mình. Không khí cô đọng, sền sệt ngả màu nâu trầm bên cạnh đường phố ào ạt người xe các loại, có mở ra cao rộng chút nào là ở mấy bức tranh sơn dầu khổ nhỏ, vuông, với cây bàng và mái ngói xô lệch. Nhạc có như không, đều đều lanh canh, gây cảm giác níu giữ được tất cả dù cho mọi sự đôi khi đã quá trễ tràng, dù cho người trao nhẫn đang ở thế giới khác. Chiếc nhẫn gắn kim cương như bông hoa trắng hai cánh đậu lên tay em. Không ai trong gia đình muốn chiếc nhẫn này bị tháo ra. Mà cảm tưởng nếu tháo nhẫn, bông hoa sẽ tàn héo, cánh sẽ khép lại và trở thành con mắt mỏi mệt.

Một người khách vào, nhẹ nhàng thì thầm gọi một cốc trà. Uống và nhìn ra ngoài cửa, chỗ vừa bước qua như cố tìm lại hình bóng của chính mình trong những sợi mành kết bởi vô số các vòng tròn bằng mây ngoắc vào nhau, đung đưa mê man, xa xôi tận đẩu đâu. Hai bóng người dìu nhau đi ra.

Vũ tới, dáng gầy gò hơi đổ nghiêng sang trái, kéo ghế ngồi cạnh và xin lỗi vì gặp bạn ngang đường. Đôi mắt một mí nhìn em rụt rè. Cuộc trò chuyện bâng quơ rời rạc, khó dừng.

- Anh sẽ gọi điện cho em. Anh rất nhớ em.

Giọng Vũ ngượng ngập.

Ra sân bay chuyến mười rưỡi, một mình Vũ với chiếc túi du lịch màu đỏ và nỗi sợ hãi vu vơ.

- Không được phóng xe máy nhanh, sớm muộn vài phút chẳng để làm gì.

Em đã dặn Vũ như vậy, nhưng đây là máy bay.

Chia tay Vũ em đi vòng quanh hồ Gươm. Nước đẹp, cây đẹp nhưng thật khó thấy bầu trời. Những người nước ngoài quần cộc áo cộc, ba lô đeo trên lưng, bản đồ cầm tay đi lại rầm rập. Một ván cờ thế vắng ngắt, rình rập. Vài ba đứa trẻ quần đùi áo may ô chúi đầu vào lọ đựng cá chọi. Bóng râm loang lổ.

- Rùa nổi!

Tiếng reo bật lên. Mọi người đổ dồn lại sát mép hồ. Mặt nước xanh rêu lan toả, nhô lên một mỏm nhọn như khúc củi mục rồi chìm xuống. Tiếng người xôn xao. Lại nhô lên chỗ khác, cả tấm lưng to gồ cao được chia làm nhiều ô to nhỏ với những đường khía tinh xảo. Tấm lưng loáng ướt, phủ rêu đen. Đôi mắt long lanh ngời ngợi linh khí lan toả ra từ khuôn mặt già cỗi điềm tĩnh.

Bí ẩn, lạ lùng như một đĩa bay.

- Năm nay cụ yếu hơn năm ngoái.

Một ai đó nói nhỏ, xa xót. Lập tức "cụ" lặn xuống với thế giới lòng hồ tăm tối của mình.

Người dàn ông điên phố Bà Triệu vẫn quanh quẩn dưới gốc điệp vàng. Những cánh hoa rụng xuống. Chết một cách yên ổn.

"Chủ hiệu cầm đồ" gọi điện.

- Đến chơi với tao.

- Sao mày không lại đây?

- Không ai trông cửa hàng cả.

Mặc chiếc áo phông trắng không in bất cứ gì, phóng xe đến với "Chủ hiệu cầm đồ", qua cửa kính thoáng thấy mình như đám mây trắng.

Thông tin mới: vừa vồ được một "thằng trí thức", ba mươi hai tuổi, cận sáu đi-ốp, dân Nghệ An, ăn nói nhỏ nhẹ chừng mực, luôn sợ bị phá sản dù chẳng có của nả gì ngoài một căn hộ nhỏ tận tầng năm khu Thành Công. "Chủ hiệu cầm đồ" cười giòn dã, mặt rạng rỡ, áo cổ tròn, tay đeo lắc vàng ngồi vắt vẻo trên ghế.

- Sao không vồ lấy một cậu ở đây mà vớ thằng xa xôi thế?

"Chủ hiệu cầm đồ" bĩu môi:

- Con trai Hà Nội thoái hoá lâu rồi. Dân Nghệ nó có chí hơn.

Sau câu trả lời đó, em hình dung Hà Thành như miếng bánh ga-tô bị đàn kiến đổ xô đến.

Ở ngăn trên cùng giá đựng đồ có bức tượng phật nhỏ bằng đồng gỉ xanh, nét mặt vô lo vô nghĩ cho dù không sung mãn. Em buột miệng hỏi:

- Đã có ai mang ảnh cưới đi cầm chưa?

- Điên à?

"Chủ hiệu cầm đồ" trợn mắt rồi cả hai cùng phá lên cười. Đến giờ phút này không thể cười trìu mến với nó được, đã bằng nhau lắm rồi. "Thằng trí thức" đến, áo kẻ cộc tay, quần xanh đen, dép quai hậu, bút kim gài túi ngực.

- Bạn học với em.

Sau lời giới thiệu của "Chủ hiệu cầm đồ" hai người gật đầu chào nhau. "Thằng trí thức" lúng túng ngồi xuống ghế, thu chân tay lại, đầu ngọ nguậy. "Chủ hiệu cầm đồ" đẩy chén nước về phía người yêu rồi quay sang em tiếp tục câu chuyện bỏ dở. "Thằng trí thức" làm em nhớ Vũ. Không một cú điện thoại nào gọi từ Sài Gòn ra. Thật là tệ bạc. Người đi tắc lưỡi cho qua, kẻ ở day dứt khổ sở.

- Trôi. Vào đây.

"Chủ hiệu cầm đồ" gọi với ra đường. Người đàn bà gánh hàng vào. Những đĩa bánh trôi nằm ngoan ngoãn trên cái mẹt được vải màn quây lại như những nỗi niềm thơ ngây đang yên nghỉ.

- Cho ba đĩa.

Giọng "Chủ hiệu cầm đồ" không biểu cảm gì cả. "Thằng trí thức" đón đĩa bánh trôi ăn tự nhiên, làm như đến chỉ để ăn.

Em nghĩ đến ngày mai, sau đó lại nghĩ mình đang ăn sự thơ ngây của ai đó.

Trời nắng dột nhiên có tiếng sấm. Luôn luôn bị sự đe doạ rập rình từ bên ngoài, cả trong ngày chủ nhật. "Thằng trí thức" ăn xong và bắt đầu tỏ ra sốt ruột, những ngón tay cứ chạy đi chạy lại trên thành ghế.

- Tao về đã.

Em đứng dậy thật nhanh. "Chủ hiệu cầm đồ" trì kéo:

- Chủ nhật, công việc gì đâu mà vội thế.

- Có việc.

Hành động cầm túi dứt khoát của em làm "Thằng trí thức" mừng rỡ.

- Tao phải đi mua cho đứa cháu bộ quần áo.

Lý do bịa nhưng có lý.

Không về nhà ngay, rẽ vào cửa hàng kinh doanh quần áo trẻ con. Màu sắc rực rỡ phô phang nhưng xinh xắn, nhìn cái nào cũng muốn hôn. Chỉ ở quần áo thôi, đã thấy thơm thơm mát mát. Ước gì mình mới bắt đầu được sinh ra...

Một con đường chiều vắng như bị bỏ quên. Với một cây bằng lăng nhỏ chưa kịp ra hoa. Không biển quảng cáo, không tủ kính, không cả quán nước chè. Hà Thành có những khoảng dừng lạ lùng.

Giờ một người đang ở trong nắng, cách xa gần hai nghìn cây số, ký ức tràn ngập mây, bao nhiêu ý nghĩ, với nỗi sợ hãi thấp thỏm vì độ cao.

- Có bốn năm người gọi điện cho cô.

Quẩy nói, nhìn em dò xét.

- Bốn năm người hay bốn năm lần?

Em hỏi lại, đinh ninh chỉ một người gọi.

- Cháu chả biết. Toàn đàn ông.

Dù sao thì cũng đã lỡ.

Nằm trên giường, ngửa mặt lên trần, nhìn thẳng vào chiếc đèn chùm như nhìn vào tâm hồn nào đó bằng thuỷ tinh. Bất giác tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay, đặt nó xuống chân gương. Mỉm cười một mình.

Những dải đất lạ nào sẽ đến trong giấc ngủ đêm nay?

Họ Trịnh có một quá khứ lẫy lừng trong chiến tranh với biệt danh "Hai mươi bảy vết thương". Dáng đậm chắc, mắt to, xếch, miệng cười tươi như miệng con gái được chiếu sáng bởi hàm răng trắng đều tăm tắp. Một tính cách cực kỳ đàn ông, ít chấp vặt, quyết đoán, thậm ghét thói cơ hội. Đã lăn lộn ở thành cổ Quảng Trị, tiến vào giải phóng Sài Gòn bằng xe máy nhặt ven đường, mang theo một quả lựu đạn mỏ vịt, một khẩu K54, một chiếc xắc-cốt đựng tài liệu. Vài ba lần thoát khỏi ổ phục kích nhờ linh tính.

Những ngày trở trời "Hai mươi bẩy vết thương" đau đầu, tai ù không có khả năng nghe dù âm thanh cất lên ngay bên cạnh. Yêu công việc nhưng cũng mê cờ tướng, gặp đối thủ có thể ngồi đánh triền miên từ sáng đến tối mà không cần ăn.

Một người đi ra từ chiến tranh đủ làm cuộc sống dầy dặn lên nhiều lần.

Buổi trưa, lúc đi ăn cơm em hay bị "Hai mươi bẩy vết thương" gọi vào chứng kiến những ván cờ tàn.

- Cháu biết gì đâu mà xem.

Chối khéo thế mà vẫn bị kéo lại.

- Cứ vào đây. Mày là con gái thì lão ấy mới nhục.

Thế trận ngổn ngang, bên đỏ gẫy một cọng sĩ, tượng không giao chân nhau, một con dạt lên sườn trái, một con bị xe kẹt. Mã trắng nhăm nhe nước chiếu. Tướng đỏ phấp phỏng trước nòng pháo trống, chỉ cần đệm bất cứ con nào vào là có nguy cơ kết thúc. Một con tốt chuẩn bị vượt sông, sẩy chân nó sẽ chết chìm. Cái chết trên bàn cờ không cụ thể, chỉ là một ký hiệu bị loại bỏ.

Thoạt đầu định len lén bỏ đi, nhưng nhớ Vũ bảo rằng cờ tướng là diều kỳ diệu nhất mà loài người nghĩ ra nên mới nán lại xem. Hình như cũng kỳ diệu nhất thật.

Bàn cờ giống bản đồ thành phố, chỉ khác các con đường vô hình hơn, biến hoá hơn cho nên dễ lạc nước hơn.

Mã trắng nhảy chiến. Bên đỏ đăm chiêu xoa cằm.

- Nhanh lên đi chứ ông.

"Hai mươi bẩy vết thương" đắc chí giục đối thủ. Tướng đỏ thận trọng di sang bên trái. Xe trắng dọc xuống kèm theo tiếng hô "chiếu". Chỉ chờ có thế ngón cái và ngón trỏ kéo vụt con tượng đỏ hồi về chuồng. Xe trắng bị ăn tươi nuốt sống. Bên đỏ cười sung sướng, nước bọt bắn xuống bàn cờ.

- Nó lừa mình, ôi giời.

"Hai mươi bẩy vết thương" than lên não nề như chết vợ.

Lại im lặng. Hai cái đầu hoa râm cúi xuống thế trận lộn xộn điên đảo.

Em nhón gót bỏ đi, để lại sau lưng những toan tính những mưu mô vô hại.

Chưa thực sự kết thúc một điều gì.

Giữa ngày không có mây vàng nhưng mây trắng thì nhiều, lớp lớp chồng chéo xô đẩy như đi xem ca nhạc không mất vé.

Một ban nhạc đang chơi ở chân trời. Chắc chắn là không vô tư.

(xem tiếp kỳ sau)

Em Bắc-Kỳ-sanh -trong-Nam
Hành anh khốn khổ thành hoang mang tìm
Em cười tủm tỉm và quên
Ngày đôi khi nặng đá mang qua đời

Sau Thức, buồn chi *và*
Tôi chim ngủ đậu cành xanh
do Nhân Văn xuất bản trong năm 1996
Nguyễn Nam An lần này gửi đến người đọc
những bài thơ mới nhất của anh

Thơ Nguyễn Nam An

văn *xuất bản*
Phát hành nay mai

Đi
HOÀI ZIANG DUY

Đã đi ai bảo là không tới
Tới rồi chẳng hiểu phúc hay duyên
Dời qua xuôi nước con đò ngược
Núi ở đồi kia dâu nỗi riêng

Đôi khi đi nghĩa là đứng lại
Một mình soi lấy, bóng quên đi
Thời gian nào có chân năm ngón
Vẫn tiếng hệ đời phút biệt ly

Thử tới đi bằng hai cẳng ngược
Khỏi nghe tai tiếng ở trên đầu
Bỡi lẻ phận trên đè xuống dưới
Ngậm ngùi chung, vui cuộc bể dâu

Đi như thể đạo đời dẫn dắt
Mắt mù tăm cõi sáng sau lưng
Tà tà đi tà tà cũng tới
Bước thấp cao so chí khôn cùng

Lúc ngẫu hứng đi làm thi sĩ
Ngạo đất trời chưa cõi thơ riêng
Che mặt nhau thổi phò trợ tiếng
Áo cơm gieo, mọc cỏ láng giềng

Đi như thể sư ôm bình bát
Của nhân gian thu vén tấm lòng
Đi thơ thẩn cân bằng sự thế
Tựa bên người một chữ như không

Đi đi tản ca là đi tản mạn
Hành trang mang chỉ một chữ đi
Ngó thấy không gian ngồi phía trước
Sao trời chung mệnh chiếu Thiên Di

Đi bỏ nước ca câu mất nước
Lễ nghĩa xưa quân tử gánh gồng
Trứng trăm con nở tràn bọt nước
Mới hay sĩ khí thổi ngoài sông

Đi như thể lưng bà chùn bước
Cúi mặt nhìn đò dọc bủa ngang
Ao hồ sen bùn chen thở nặng
Ép đôi bờ nhạt ánh trăng tan

Đi như thể không còn dấu vết
Như từ em vạt nắng chân son
Mưa là mưa thầm thì lãng mạn
Tình ơi giọt thế chẳng vuông tròn

Đi như thể trẻ thơ tập bước
Đâu nặng lòng cơ nghiệp nước non
Vòng đi một cõi nhân sinh ấy
Cội nguồn mẹ bảo: tập đi con

Ý kiến

GÓP Ý VỀ BÀI "THƯA THỐT VÀ DỰA CỘT"

Đọc bài **"Thưa thốt và Dựa cột"** của Hoàng Nguyên Nhuận trên Văn Học số 171 tháng 7.2000, tôi chợt nảy ra những điều "thưa thốt" như sau:

1/ Gọi *Bà* Đoàn thị Điểm hay *Bà* Bùi thị Xuân là ngụ ý chỉ những nhân vật lịch sử phái nữ có gia đình, nhằm phân biệt với *Cô*; chứ chưa chắc gọi như thế "không khéo lại hơi thừa". Không ai gọi *Bà* Thúy Kiều, vì có lẽ nghĩ rằng Thúy KIều (hay Cô Kiều) không hề có gia đình bền bỉ, ổn định. Nhưng lại gọi, với lòng tôn kính, Hai *Bà* Trưng, *Bà* Triệu mặc dù Trưng Nhị và Triệu thị Trinh đều tuẫn tiết lúc còn rất trẻ, khi chưa thành gia thất.

2/ Chữ *Hàn* dùng gọi Hàn Thuyên không phải là chức tước, mà là họ. Hàn Thuyên vốn họ Nguyễn. Năm 1282, ông làm bài văn ném xuống sông Nhị hà khiến cá sấu tự đi nên được vua Trần Nhân Tông cho đổi sang họ Hàn vì việc này giống như việc của ông Hàn Dũ bên Tàu. Hoặc giả ông Hoàng Nguyên Nhuận muốn nói đến một ông Hàn Thuyên nào khác trong văn học sử Việt Nam?

3/ Tác giả một mặt cho rằng một số người vấp phải điều thừa thãi, diều vớ vẩn khi giới thiệu các tác gia qua cung cách ghi nhận tên thật các nhân vật làm văn học nghệ thuật; mặt khác, ông lại ghi nhận "tên thật, tên cúng cơm chỉ là một ghi chú nhỏ trong tiểu sử của nhà thơ, nhà văn được nói tới". Có vẻ như ông tự mâu thuẫn trong một đoạn văn ngắn. Nhu cầu được thông tin là một nhu cầu thích đáng, tự nhiên. Chúng ta rất muốn biết nhà văn Võ Phiến tên thật là gì, hơn nữa, chúng ta còn thích thú được cho hay bút hiệu của ông có liên hệ tới khuê danh phu nhân. Nếu không biết bút hiệu Thế Lữ là do tên tục Nguyễn Thứ

Lễ viết đảo lại, và nếu không biết bút hiệu của Khái Hưng là do các chữ cái trong tên thực Trần Khánh Giư sắp xếp lại.v.v... thì có phải nền văn học Việt Nam có nghèo đi một số chi tiết hấp dẫn không? Trong nước, ông Bùi văn Nguyên đã mất bao nhiêu công phu mới phát hiện được rằng nh danh bà Huyện Thanh Quan là Nguyễn thị Hinh, ông Hoàng Nguyên Nhuận không thấy đó là điều đáng quí sao? Và nếu ông Hoàng làm sao cho chúng ta biết được T.T.Kh. tên thực là gì với những chứng cớ đầy đủ thuyết phục thì chắc chắn chúng ta sẽ hoan nghênh ông vô cùng.

4/ Hồ Chí Minh gọi Trần Hưng Đạo bằng *Bác* thì không những chỉ khiến chúng ta "hơi khựng người" mà chắc còn khiến lắm người bất bình hẳn hoi. Cũng như Chế Lan Viên gọi Nguyễn Du bằng *Anh* thì dầu sao đi nữa, nghe cũng không ổn.

5/ Không phải "nhà Nguyễn bày ra chuyện cữ tên húy của vua hay của tổ tiên nhà vua". Chuyện kiêng tên húy hoàng tộc là một tập tục lâu đời của người Việt. Chẳng hạn đời vua Trần Anh Tông, năm Kỷ hợi (1299), triều đình xuống chiếu cấm hai chữ húy *Liễu* và *Nguyệt* vì là tên riêng của Trần Liễu và vợ, khi làm văn không được dùng; còn những chữ húy *Ngụy, Thấp, Nam, Càn, Tô, Tuấn, Anh, Tảng* thì khi làm văn phải viết bớt nét đi. Đời Lê Trịnh, có nhân vật trước tên là Phan công Huệ, vì trùng tên với Đặng thị Huệ, vợ ủa Chúa Trịnh Sâm, nên đổi tên là Phan Huy Ích.

6/ Tại sao ở miền Nam có Huỳnh Phú Sổ, Huỳnh Tịnh Của v.v.. mà ở miền Bắc Hoàng Cao Khải không chịu cải họ Hoàng thành Huỳnh? Tại vì nhà Nguyễn lập quốc ở miền Nam, các khai quốc công thần đều là người Nam, dân chúng miền Nam nhớ ơn nhà Nguyễn hơn. Cho nên *Vũ, Tùng, Hoa* v.v...trở thành *Võ, Tòng, Huê*. Sàigòn chúng ta có con đường Ngô Thời Nhiệm, trong khi miền Bắc in *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*. *Thì* và *Nhậm* đều là tên vua Tự Đức.

Trần Văn Tích
Bonn, 15.7.2000

ĐÔI ĐIỀU PHẢI NÓI RA

Kính gửi Tạp chí Văn Học

Tôi là người không được may có thiên phú để sáng tạo những áng thơ văn để cho người đời chiêm ngưỡng. Cũng không được may học rộng hiểu nhiều để nghiên cứu viết những bài bình luận, phê bình, mà trong đó có mang tính năng "cầm đuốc soi đường" cho người khác đi

trên con đường văn chương, chữ nghĩa vốn gập ghềnh, khuất khúc.

Tôi chỉ là người thích đọc, thích tìm tòi những điều mới lạ, mà tôi không biết tìm đâu ra, hoặc không biết tin vào ai, ngoài những người cầm bút chân chính, với một sứ mệnh mà tôi tin là phân minh khám phá.

Vâng, chắc Văn Học cũng đồng ý với tôi, chỉ có nhà sáng tác lương thiện mới dựng lại nổi tâm hồn những con người nhỏ bé, khao khát sống, khao khát tình người. Chúng ta tri ân họ và biết rất rõ rằng, nếu không có những nhà văn, thơ, nhà phê bình, lý luận trên đời nầy với tài năng và sự hy sinh của họ cống hiến, thì chúng ta chỉ là "con ếch nằm dưới giếng"... Tác phẩm của họ không phải là sự sao chép đơn giản các hiện tượng tồn tại trong thực tế mà được xây dựng trong quá trình tưởng tượng, sản phẩm của họ có giá trị khách quan, chọn lọc cái cơ bản, phổ biến tương ứng với dự kiến sáng tạo, loại bỏ được cái không cơ bản. Tri giác sáng tạo của họ đối với cuộc sống là tràn ngập cảm xúc. Đời họ dã tận tuy hy sinh cho mưu đồ sáng tạo, những ý nghĩ sáng tỏ, với những liên tưởng phong phú cùng với kỹ năng, kỹ xảo, kỹ thuật ở một trình độ cao.

Bên cạnh đó, dù muốn dù không, tôi cũng phải đọc đến những tác phẩm mà sau đó, đem đến cho tôi một nỗi tuyệt vọng, chán chường. Tôi không hiểu được họ viết ra để làm gì?! Nếu làm thơ, viết văn, viết bình luận như một phương cách giải trí (nhiều người tự nhận như thế) thì trên đời nầy, chán chi cách giải trí đỡ vất vả hơn, đỡ phiền toái hơn.

Tôi còn nhớ đâu đó, học giả Nguyễn Hiến Lê có nhận xét về tác phẩm *Kiếp Người* của Somerset Maugham những lời ngắn gọn, hàm súc ý nghĩa, về một điều gì phải có trong một tác phẩm giấy trắng mực đen để cho độc giả có được cảm xúc tối thiểu: "... Tác giả không lý thuyết, không dạy đời, gợi cho tôi lòng tha thứ kẻ khác, ráng mà yêu đời, hy vọng ở tương lai, tìm hạnh phúc trong một tình thương chân thành và một đời sống giản dị. Triết lý đó rất là Á Đông. Lần đầu đọc xong tác phẩm nầy, gấp sách lại rồi mà hai ba ngày sau vẫn còn thấy một dư âm ở trong lòng, nửa vui, nửa buồn, triền miên, bồi hồi...".

Chưa có một dân tộc nào sản sinh nhiều "thi sĩ" như dân tộc Việt Nam ra sinh sống ở nước ngoài. Có hay không, một số trong đó không có tìm tòi sáng tạo, mang tính chất của một sơ đồ, không phải hiện tượng cá biệt sinh động? "Nhà thơ phải biết nắm lấy cái đặc biệt, và bởi vì cái đặc biệt đó chứa đựng trong mình một cái gì đó lành mạnh, nên phải thể hiện trong đó cả cái chung" (Johann wolfgang Goethe - 1749-1832).

Trong phạm vi bài nầy, tôi xin mạo muội đề cập đến một vài nhận xét riêng, tóm gọn của tôi, về vấn đề phê bình văn học.

Ai cũng biết, công việc tìm tòi, nghiên cứu, bình luận, phê bình là một công việc rất cần phải có. Nhưng đó là một sứ mệnh, đòi hỏi người "cầm cân nẩy mực" phải có một trình độ cao, một tấm lòng sáng sủa, mang tính khái quát văn học, không tủn mủn, vụn vặt. Khả năng tổng hợp hoàn chỉnh, khoa học, nhạy cảm, suy lý.

Công việc nầy khó lắm, không phải ai cũng làm được. Và khi làm, trước hết, trên hết, phải hết sức cẩn trọng.

Trong *Văn Học* số 169 (tháng 5.2000), bài viết của ông Đoàn Nhã Văn: "Hồ Minh Dũng ngòi bút của tình thương" đã làm cho tôi buồn bã. Ông ĐNV xuất hiện không lâu trên văn đàn, trong những bài viết về Thảo Trường, Miêng, Nam Dao,... ông đã làm một công việc cần thiết, đáng quý.

Nhưng về bài viết về nhà văn HMD, một phần, tôi không đồng ý. Phải nói ra là, nhà văn HMD, cũng như một số nhà văn, thơ khác trước năm1975, sau một thời gian dài bị tù tội (như Thảo Trường, Trần Doãn Nho, Hoàng Lộc, Lâm Chương...), nay họ có cơ hội thực hiện được hoài bão của mình thật đáng trân trọng, tôi qúy mến họ. Trong lúc đó, có không ít nhà văn, thơ, cũng hoàn cảnh tương tự, khi ra nước ngoài, vì bị nhiều tác động ngoài ý muốn, họ đành thúc thủ.

Riêng nhà văn HMD và nhà văn Lâm Chương, tôi thích đọc, có lẽ những gì hai ông ấy viết ra gần gũi với tâm hồn tôi, một điều gì đó, đã làm cho hình ảnh thân yêu của tôi ngày nào trên quê hương xứ sở được ổn định. Vì thế, tác phẩm nào của hai ông, tôi cũng tìm đọc và đọc xong không có điều gì làm tôi mất tin tưởng. Nay đọc bài viết của ông Đoàn Nhã Văn về HMD, tôi thấy có một diều gì như xốn xang, nên phải viết đôi dòng nầy, làm một công việc, giống như là, để "bênh vực" cho một người viết văn mà mình ngưỡng mộ.

Tôi cũng mong nhà văn Nguyễn Mộng Giác, vì công tâm, như ông đã làm xưa nay trên cương vị một chủ bút đúng đắn, giúp tôi, có dịp trình bày cảm nghĩ của mình trên tạp chí Văn Học, là nơi trước đây, đã đăng bài tôi nói đến.

Trước hết, ông ĐNV viết: "Sự thay đổi của Hương Nguyễn sau khi rời bỏ đất thần kinh vào Sài Gòn làm chủ bút một tờ báo cho thấy bộ mặt khác của con người, hay nói rõ hơn là thời cuộc góp phần tạo cho con người thay đổi một cách nhanh chóng về lối sống và lối suy nghĩ." Tôi đã đọc kỹ lại truyện dài *Cồn Mây*, nhưng không phải như ông ĐNV

hiểu. Hương Nguyền không phải là một chủ báo mà ông khẳng định là thời cuộc tạo cho con người thay đổi. Thật sự, Hương Nguyền chỉ là một cô gái điếm, được khéo ngụy trang dưới nhiều hình thức, trong ấy có nói dối với bạn bè ở Huế (Tịnh Quyên, vv...). Tôi cho là ông ĐNV đọc không mấy kỹ lưỡng một tác phẩm mà mình đề cập đến.

Một điểm khác, ông ĐNV phê bình tác giả có nhiều chỗ hoặc lẫn lộn địa danh hoặc không sử dụng đúng tên gọi của vật thể". "Nhiều chỗ" mà ông ĐNV cho tác giả (dùng sai hay không rành địa dư) là phi công nói trên không phận Khánh Hòa "dưới chỗ chúng ta có nhiều tháp Chàm". Là một phi công thời chiến đang chở cả người sống lẫn người chết, sao không thông cảm cho một câu nói bâng quơ? Một hay nhiều câu nói của một nhân vật tiểu thuyết giữa lúc lòng bối rối, đâu phải của một nhà địa lý, một bài luận án? Phê bình tác giả "Sử dụng không đúng tên vật thể" theo ông ĐNV là, *đồng hồ đeo tay* mà tác giả gọi là *đồng tay*. Nếu không phải đánh máy sót hai chữ *hồ đeo* ở giữa, thì tôi tin tác giả cũng không viết văn làm gì, khi một vật thể quá sức thông thường cũng không biết tên nó (bằng tiếng mẹ đẻ).

Hơn thế, ông ĐNV đã ngầm ý cho rằng nhà văn HMD đã không phân biệt được hai danh từ *bộ hạ* và *hạ bộ*. Nếu không vì lỗi người đánh máy hay bất cẩn của người dò lại trước khi in ấn, thì tác giả dùng chữ là sai rồi, sao lại "e rằng không chỉnh lắm"?

Ông ĐNV giải nghĩa cho ông HMD và cả độc giả, trong ấy có tôi:

Bộ hạ: (danh từ) người theo hầu một viên chức cao cấp; (nghĩa rộng) kẻ thuộc hạ tin cẩn và trung thành. Còn Hạ bộ: (danh từ) bộ phận ở dưới tức là cơ quan sinh dục.

Với sự giải nghĩa nầy, tôi thiết nghĩ là thiếu chính xác.

Bộ hạ là người theo hầu một viên chức cao cấp. Đâu cần "viên chức" (người làm việc trong một cơ quan của nhà nước hay trong một sở tư) mới có bộ hạ, còn những thành phần khác như các thủ lãnh đảng phái, tướng cướp, các bố già... không có bộ hạ sao?

Hạ bộ là bộ phận ở dưới, tức cơ quan sinh dục. Dưới nào? Của ai, đàn ông hay đàn bà?

Đúng ra, theo tôi, phải giải nghĩa là:

Bộ hạ: "Người bị thống suất, ở dưới quyền một người khác" *(1), hoặc:* "Người ở dưới quyền một người khác"*(2).*

Hạ bộ: Bộ phận sinh dục của đàn ông *(2), hoặc:* "Phần ngoài của cơ quan sinh dục ở đàn ông" *(3).*

Trong bài nầy, ông ĐNV cũng dài dòng đưa ra hàng loạt ý kiến cho tác giả, nên viết hay không nên viết thế nầy, thế nọ... viết như thế là

thừa lặp đi lặp lại, phải viết như kia mới là chính xác để cho câu văn sáng hơn, có thần hơn. Người phê bình đã quên rằng, lúc sáng tạo, nhà văn (đúng nghĩa), thường đặt mình trong tư thế tự do tuyệt đối, được quyền viết theo sự thôi thúc của trái tim, lý trí, ký ức, hoài niệm, hồi tưởng... Có những điều tác giả gửi gắm, mà ngoài họ ra, không ai, có thể hiểu nổi. Độc giả cần phải có một sự độ lượng, thông cảm tối thiểu.

Điều cần nói thêm lần nữa là, công việc khó nhọc của ông ĐNV làm, đã nghĩ đến văn học dân tộc, nếu có những sơ suất nhất định, cũng đáng trân trọng. Cũng vì trân trọng và qúy mến những người bỏ nhiều công sức cống hiến cho tiền đồ đất nước, nên tôi viết mấy dòng nầy, không tham vọng gì khác, là một đóng góp nhỏ.

Tôi không tin ông ĐNV buồn vì những lời tôi viết ra. Cũng như tôi không tin nhà văn HMD buồn và "nhụt chí tiến thủ" vì những điều ông viết ra.

Và để kết thúc, tôi xin trích đoạn cuối trong bài viết "Hy Vọng Ở Các Nhà Phê Bình" của nhà văn Lỗ Tấn (Trung Quốc, 1881-1936), viết ngày 9.12.1922 (4):

"...

Cho nên nếu nhà phê bình không căn cứ vào việc mà bàn, lại nói nên làm thế nầy, nên làm thế kia, thì đã vượt ra ngoài quyền hạn của mình rồi, bởi vì nói như thế là bàn bạc, dạy dỗ chứ không phải là phê bình nữa. Bây giờ lại đem việc người nấu bếp ra so sánh thì người ăn chỉ cần nói mùi vị món ăn như thế nào là đủ, nếu ra ngoài phạm vi đó, trách sao người nấu bếp không làm nghề may hay xây nhà, thì vô luận là một anh bếp ngu ngốc thế nào, cũng không tránh khỏi nói rằng cái ông khách đó quả thực đờm kéo lên làm tịt mất tâm khiếu rồi.".

Phan Cảnh Long
San Jose, 7.2000

Chú thích:

(1) Theo *Hán Việt Tự Điển*, Đào Duy Anh, Trường Thi Xuất Bản 1957.

(2) *Hán Việt Tự Điển*, Nguyễn Văn Khôn, Đại Nam tái bản 1987.

(3) *Tự Điển Việt Nam*, Viện Ngôn Ngữ Học, Hà Nội 1992.

(4) *Lỗ Tấn Tạp Luận*, Trương Chính tuyển dịch, NXB Giáo Dục Hà Nội, trang 215.

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Ngã Hạnh , **Những con đường không về lại,** tập thơ, Nhóm thân hữu Kdao xuất bản, tranh bìa của họa sĩ Trịnh Cung, trình bày trang nhã trên giấy vàng nhạt, dày 90 trang, bản tặng không thấy đề giá bán.

Trong tập, bài thơ dài "Những con đường không về lại" là nơi thi nhân gửi gắm tâm sự nhiều nhất, chia làm nhiều khúc mở đầu bằng một đoạn thơ lục bát, sau đó là thơ tự do. Những bạn đọc từng trải đời sống có thể yêu thích phần thơ lục bát của thi tập hơn những phần khác. Những bài bốn câu lục bát của Ngã Hạnh cô đọng ý nghĩa nhưng ngôn ngữ thơ không bị gò bó mất tự nhiên. Chẳng hạn bài Lục bát hai:

Lụa em gió lộng trời sâu
Một trang yếm nhỏ hở đầu vai son
Về trần mưa rủ cành non
Rớt bao nhiêu lệ thương còn dối quanh.

📖 Viên Phong, **Tiếng vọng ngày qua,** do Tác giả xuất bản; Lời Nhập của Họa sĩ Tạ Tỵ, lời Bạt của Hà Huyền Chi. Viên Phong là một trong bốn nhà văn chủ trương tạp chí Thế Kỷ ở Hà nội từ 1950-53 (cùng với Bùi Xuân Uyên, Triều Đẩu, Đỗ Đức Vượng), nhưng do bận công vụ nên cuối đời mới sưu tập những bài thơ làm suốt đời mình ra tập thơ này; chính tác giả cũng "chỉ coi nó như một kỷ vật cho con cháu trong gia đình, và cũng để tặng cho một số thân hữu, cùng là trân trọng gửi tới một số vị đã đọc thơ của tác giả, theo nhu cầu tự nhiên muốn cảm xúc và thú

vui của mình được người khác chia sẻ"

Theo nhận xét của Tạ Tỵ, "thơ Viên Phong hiền thôi, tuy không thiếu nhạc điệu và hình ảnh. Nó diễn tả thực thà tâm tư của anh, đôi khi quá thực thà, nhưng chính vì vậy, nó thích hợp với những tâm hồn đơn giản, không cầu kỳ, cũng là tâm hồn của đa số người ta".

Thi tập dày 136 trang, giá 8 MK.

Hỏi mua tại cách hiệu sách, hoặc liên lạc:

Bà Trung Nguyễn

7523 Little River Turnpike # 103

Annadale, VA 22003

Phone: (703) 658-544

🕮 Ý Nga, **Lục bát đấu tranh**, tập thơ, Anh Em xuất bản lần thứ nhất tại Oslo Na Uy, tác giả sắp chữ và sửa bản in, Phan Thế Vinh trình bày, Nguyễn Hữu Nhật vẽ bìa và minh họa, Anh Em giới thiệu, dày 120 trang, giá 12 MK.

Góp lửa, tập thơ, Anh Em tái bản, dày 150 trang, giá 12 MK

Trái đắng quê nhà, thơ và truyện ngắn, Anh Em xuất bản, dày 240 trang, giá 15 MK.

Cả ba tác phẩm của Ý Nga cùng do nhà xuất bản Anh Em xuất bản và phát hành một lượt nhân ngày 30 tháng Tư 2000, và cùng một mục tiêu đấu tranh chính trị với chế độ cộng sản Việt Nam. Tác giả ý thức rõ ràng nhiệm vụ chiến sĩ của mình, nên định giá trị văn chương trong trường hợp này hoàn toàn không thích hợp.

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Ý Nga

C/o Đỗ Xuân Sơn

10361 Hamptons Boulevard N.W.

Calgary, Alberta Canada T3A-5S2

KHẢO CỨU, TRUYỆN

🕮 *Hoàng Chính,* **Lời tỏ tình đã cũ**, tập truyện ngắn, Văn Mới xuất bản, bìa và phụ bản của Nguyễn Thi, sách dày 216 trang, giá 10 MK, Văn Nghệ phát hành.

Có thể nói Hoàng Chính là nhà văn cộng tác vào hạng lâu năm nhất của Văn Học, và những truyện ngắn đầu tay của anh do Văn Học giới thiệu xác nhận thêm một khả năng sáng tạo khác của anh, khả năng viết truyện linh động dí dỏm, ngoài cái tài làm thơ anh đã chứng tỏ trước đó

với bạn đọc Làng Văn.

Cho đến nay, Hoàng Chính đã xuất bản được bốn tác phẩm: Nửa đêm nghe mẹ thở dài (thơ, Làng Văn 1991), Mùa thu cuối cùng (tập truyện ngắn, Làng Văn 1994), Mấy sông cũng lội (truyện dài, Làng Văn 1999), và Lời tỏ tình đã cũ do Văn Mới, Hoa Kỳ vừa ấn hành.

Tập truyện gồm 12 truyện ngắn đặc sắc của Hoàng Chính, một số truyện đã đăng trên Văn Học.

Địa chỉ liên lạc: Văn Mới
1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413
hoặc nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ

📖 Mười bốn tác giả, **Tuyển tập truyện ngắn**, Văn Tuyển xuất bản, tranh bìa Nguyễn Mai Phương, sách dày 270 trang, bản tặng không thấy đề giá bán.

Mười bốn tác giả góp mặt trong Tuyển tập gồm có: Nguyễn thị Thảo An, Hoàng Chính, Nguyễn Trung Dũng, Quan Dương, Hoài Ziang Duy, Nguyễn Trung Hối, Trầm Hương, Nguyễn Vĩnh Long, Cổ Ngư, Nhật Nguyễn, Tâm Thanh, Thu Thuyền, An Phú Vang, Kinh Dương Vương.

Mười bốn nhà văn nêu trên hiện là những người đang có sức viết dồi dào hiện nay, truyện ngắn của họ được đăng tải trên hầu hết các tạp chí văn chương hải ngoại.

Địa chỉ liên lạc; Văn Tuyển
23125 Lakeridge Ave,
Hayward CA 94541
Phone: (510) 757-7642
Email: vantuyen@saigonline.com

📖 Bùi Ngọc Tấn, **Chuyện kể năm 2000**, tiểu thuyết (trọn bộ), Thời Mới (Toronto, Canada) xuất bản, in theo bản được phổ biến trên Internet đã được sửa chữa các lỗi chính tả cẩn thận , cộng thêm phần chú thích từ vựng của nhà xuất bản, giúp ích rất nhiều cho người đọc hải ngoại vốn không quen với một số tiếng lóng trong nhà tù cộng sản cũng như một số cách nói của người Miền Bắc.

Tác phẩm được nhà xuất bản Thanh Niên (trong nước) xuất bản lần đầu, phát hành vào tháng 2.2000 nhưng ngay sau đó bị tịch thu và thâu hồi những cuốn đã lỡ phát hành trước đó. Nhưng với tiến bộ của ngành truyền thông hiện đại, việc tịch thu "Chuyện kể năm 2000" chỉ làm cho

tác phẩm được phổ biến nhanh chóng và rộng rãi thêm lên, cả trong nước lẫn hải ngoại. Nhà Thời Mới (Canada) xuất bản lần đầu 1000 cuốn, và chỉ hai tháng sau, đã tái bản với số lượng 1000 cuốn nữa, chưa kể lần xuất bản thứ nhất của một nhà xuất bản tại Nam California.

Tác phẩm được đón đọc một cách nồng nhiệt khắp nơi, trước hết nhờ giá trị hiện thực của nó: bằng kinh nghiệm bản thân, Bùi Ngọc Tấn ghi lại trung thực thân phận người tù trong hệ thống tù đày cộng sản (điều này nhiều người tù cải tạo đã viết), và hơn thế nữa, thân phận của họ khi ra khỏi nhà tù, một thân phận còn bi đát hơn là lúc còn trong tù.

Nhưng Bùi Ngọc Tấn không viết "Chuyện kể năm 2000" như một hồi ký. Ông viết như viết tiểu thuyết, cố giấu mình trong ngôi thứ ba. Chính nhờ vậy mà tác giả quan tâm đến rất nhiều thân phận khác, ngoài hoàn cảnh oan ức của chính mình. Sức thuyết phục đo đó cao hơn một tập hồi ký lao tù thông thường.

Sách dày gần 600 trang chữ nhỏ, giá 20 MK.

Địa chỉ liên lạc để mua sách:

Nhà xuất bản Thời Mới

P.O. Box 266, Station C

Toronto, Ont

M6J 3P4 Canada

Phone: (416) 461-5538

Email: xbthoimoi_can@yahoo.com

📖 Lương Thư Trung, **Bến bờ còn lại**, tạp văn, Thư Trung xuất bản và phát hành, sách dày 350 trang, giá 14 MK.

Những bài viết được tập hợp của 29 bài Tâm bút, Tùy bút tác giả viết từ trước tới nay, viết về những kỷ niệm, cảm xúc đây đó trong đời tác giả. (Văn Học xin đính chính lại lời giới thiệu sai lầm trên số trước, bảo đây là tập hợp những "Lá thư viết từ Kinh Xáng" trên Liên Mạng VHNT. Xin trân trọng cảm ơn nhà thơ Phan Xuân Sinh đã email cho Văn Học biết điều sai lầm, và xin lỗi Anh Lương Thư Trung về sự lầm lẫn trầm trọng này)

Phạm Chi Lan giới thiệu về "Bến bờ còn lại" như sau:

"Những bài viết trong tập sách này, bài nào cũng cho thấy một thứ tình cảm thật đôn hậu, rất đỗi dào, hiền hòa và chân thật của người miền quê Miền Nam. Với bản chất hiền lành phóng khoáng, qua lối viết đơn giản và thoải mái của anh Trung, cho ta cảm giác nhẹ nhàng sau một ngày làm việc mệt nhọc, tinh thần an nhiên, thả hồn về một vùng "cổ tích ở phương nam"...

Địa chỉ liên lạc: Ms Lương Huỳnh Phương Thảo
9 Mather St # 1, Dorchester, MA 02124
Phone: 617-436-4377

📖 Mộng Thu, **Tình yêu,** do tác giả tự xuất bản, tập truyện ngắn, gồm mười truyện ngắn viết về tình yêu của các thiếu nữ mới lớn thuở là nữ sinh Trưng vương Gia long ngày trước. Sách dày 168 trang, gía 10 Gia kim, hoặc 7 Mỹ kim.

Tác giả là một cựu nữ sinh Trưng vương, từng cộng tác với các báo Quốc Gia, Phụ Nữ, Đặc san Trưng vương (Hoa Thịnh Đốn, Montreal), nên hầu hết truyện ngắn Mộng Thu đều nhí nhảnh, lãng mạn và đơn giản của tuổi học trò. Những mẩu kỷ niệm đẹp thường thấy trong các tập kỷ yếu hội cựu học sinh trường này trường nọ.

Địa chỉ liên lạc: Mộng Thu
4602 Harris
Chomedey, Laval, Québec, H7T 2N9 Canada

📖 Nhà xuất bản Sông Thu, **Quảng Đà**, đặc san biên khảo văn học nghệ thuật do Anh Chị Thái Tú Hạp-Ái Cầm chủ trương, tập hợp được đông dảo những người cầm bút gốc Quảng Nam Đà nẵng hoặc viết về Quảng Nam Đà nẵng. Nhờ cơ sở xuất bản Sông Thu và uy tín, sự quảng giao của Anh Chị Thái Tú Hạp-Ái Cầm, số Đặc san Quảng Đà nào cũng dày cộm, bài vở phong phú, in đẹp, giá rẻ. Trong các tập đặc san của đồng hương các tỉnh, Quảng Đà vượt trội hơn hết.

Số Quảng Đà kỳ này dày 550 trang, tranh bìa Đinh Cường, đăng bài của gần 100 tác giả.

Địa chỉ liên lạc: PO Box 428 Rosemead CA 91770 USA
Phone: (626) 288-2696 / 288-2832

📖 Tủ sách Việt Thường (Houston, TX), **Đạo sống Việt**, Ngày Nay xuất bản, sách biên khảo về tư tưởng do Nhóm Việt Thường biên soạn (gồm Đào văn Dương, Hoài Văn Tử, Huệ Tâm, Thường Nhược Thủy, Vĩnh Như), dày 516 trang, giá 20 MK.

Đây là cuốn đầu của một bộ sách mà Nhóm Việt Thường có tham vọng tìm ra cốt tủy của truyền thống tư tưởng Việt, từ thời Hùng vương và những chuyển hóa sau đó dưới ảnh hưởng của các văn hóa ngoại lai. Như hai câu thơ dẫn ở đầu sách:

Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn

Nước có nguồn mới biển cả sông sâu

Mục tiêu của Nhóm là đi tìm gốc nguồn của tư tưởng dân tộc. Như những gì LM Kim Định đã làm, nhóm Việt Thường cũng tìm cách lý giải các huyền thoại để tìm ra các nguyên lý tư tưởng Việt, qua các chuyện Tiên Rồng, Phù Đổng Thiên vương, Tiên Dung- Chử Đồng Tử, Thần Kim Qui...

Địa chỉ liên lạc: Cao Hoài Đức
PO Box 720080, Houston, TX 77272
Phone: (281) 498-6967

📖 Nguyễn Thụy Long, **Thuở mơ làm văn sĩ**, hồi ký, Tuổi Xanh (USA) xuất bản, Etcetera trình bày bìa, sách dày 260 trang, giá 14 MK.

Nhà xuất bản đánh giá đây là "tác phẩm hay nhất của nhà văn Nguyễn Thụy Long, viết xong tháng Năm 2000, giữa những cơn thổ huyết".

Lời giới thiệu ấy không có gì quá đáng, vì gần như tác giả trút hết tâm huyết, sự chân thành và những vinh nhục đớn đau của một đời đầy truân chuyên ra trang giấy. "Thuở mơ làm văn sĩ" là một phần của một hồi ký dài, mà phần sau (từ sau 30.4.75) đã được xuất bản dưới nhan đề :Hồi ký viết trên gác bút"

"Thuở mơ làm văn sĩ" kể lại thời thơ ấu và thanh niên đầy gian nan khổ nhục của tác giả, từ cảnh sống nghèo cực đến độ phải đói khát triền miên cho đến cảnh sa cơ vào vòng tù tội một cách oan uổng, rồi cảnh sống lăn lộn trong xã hội đen của Sài Gòn trong nhiều năm. Điều lý thú hơn nữa là trong thời kỳ "hàn vi" ấy, những người bạn cũng mơ làm văn sĩ như Nguyễn Thụy Long, sau này hầu hết đều thành danh, trở thành những người làm văn nghệ nòng cốt của Miền Nam trước 1975 như Tú Kếu, Dương Nghiễm Mụ, Lê Đình Điểu, Đỗ Quý Toàn, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn, Dương Hùng Cường, Thế Phong...

Hồi ký của Nguyễn Thụy Long ngoài giá trị văn chương còn có giá trị của một tài liệu văn học quí giá, giải thích được phần nào một số khuynh hướng, phong trào trong sinh hoạt văn học Miền Nam từ 1955-1975. Điều đáng quý hơn nữa là khi đề cập tới những bạn văn thân thiết của mình, Nguyễn Thụy Long rất khách quan, nhận định khá chính xác tính tình, sở trường sở đoản của mỗi người. Lý thú nhất là đoạn tác giả kể lại mối giao tình với vợ chồng Trần Dạ Từ-Nhã Ca, và những ngày lêu bêu đói khát ở Sài Gòn với Nguyễn Đức Sơn.

Địa chỉ liên lạc: Nhà phát hành Tự Lực
14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843
Phone: (714) 531-5290. Email BUYBOOK@TULUC.COM

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Trịnh Gia Mỹ (Stanton CA), Đặng Cao Hoàng (Springfield VA), Nguyễn Hoàng Lân (Seattle WA), Phạm Gia Long (Middlesex England), Lê Đình Kỳ (Anaheim CA), Nguyễn Tường Phong (NOLA), Trần Đức Hoàn (Westminster CA), Hương Đặng (mua báo cho ông Dương Công Hiến France), Trương Thanh (Elk Grove CA), Lê Bửu Tấn (Fountain Valley CA), Lâm Anh Tú (Issaquah WA), Thuy Nga Munson (Sunnyvale CA), Tu Luc Bookstore (Westminster CA), Van Khoa Bookstore (Westminster CA), Jim Jean Che Co. (Paramount CA), Bao Nguyen (Cherry Hill NJ), Ngô Bá Tăng (SLC UT), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Phương Mai Võ (Milpitas CA), Huong Dang (La Mesa CA), Diem D. Nguyen (Seattle WA), Lại Xuyên (Seattle WA), Minh CHau T Dao (Fontana, CA), Thanh Nguyen (Eagan MN), Peter Tran (Bedford TX), Ngô Kim Hoàn (Silver Spring MD), Nga Hoàng (Tustin CA), Hoa Nguyen (Newton KS), Tri Pham (Plano TX), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Hoàng Chiêu Nhân (Brossard QUE, Canada)

Bài nhận được trong tháng:

"Đường Âm hồn" gửi từ Montreal Canada, "Đổi lốt" gửi từ Quebec Canada, "Vậy mà" gửi từ Milpitas CA, "Tập san Tư Tưởng" gửi từ New South Wales Australia, "Đôi điều phải nói ra" gửi từ San Jose CA,

"Đừng có sợ", "Ngậm ngùi", "Đọc trường thiên sông Côn" gửi từ Roxboro Canada, "Tung cánh diều bay", "Tắc Cậu chiều mưa", "Mưa trên sông", "Hạt mưa nỗi nhớ", "Mưa tuổi thơ", "Hương cau", "Thương em một thời xa", "Lòng thương mấy cho vừa", "Thư cho người bạn cũ", "Mưa tháng Sáu", "Mộng về" gửi từ Australia

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện.

Trong tháng Tám 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ. Từ tháng Tám, website Văn Học có thêm một địa chỉ mới trên omely.org như thông báo trong Thư Tòa soạn kỳ trước. Nhưng website trên địa chỉ cũ saigonline.com, cùng hộp thư e-mail của Văn Học vẫn như cũ.

Báo bị trả lại:

Nguyễn Hoàng Linh (Hungary), Ly Le Tran MD (Upper Montclair NJ, đổi địa chỉ quên thông báo)

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

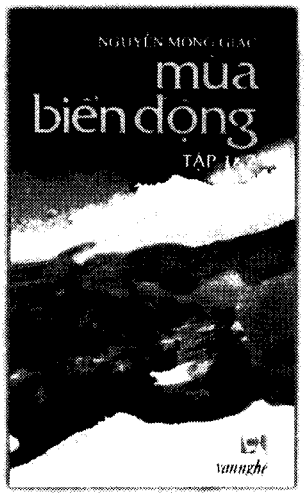

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

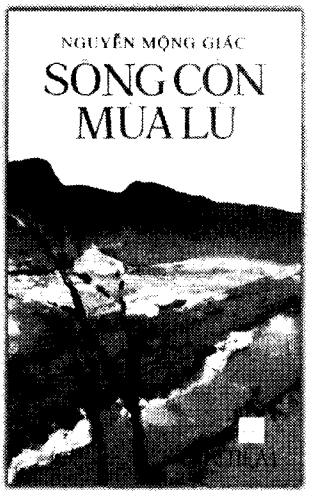

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:
Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

NHỮNG SÁCH DO VĂN HỌC XUẤT BẢN

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Đó đây
Tùy bút của Trúc Chi
Dày 230 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Lò cừ
Truyện ngắn của Lâm Chương
Dày 200 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 10MK

Thần, Người và Đất Việt
Biên khảo sử học (bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
Dày 370 trang. Giá 18MK (Mỹ), ngoài Mỹ 20MK

Khung cửa nắng
truyện dài của Ngô Nguyên Dũng
Dày 150 trang, giá 10 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 934-8574

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., # 123 Westminster CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)
Phone: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

SÁCH MỚI VỀ MÙA XUÂN NĂM 2000:

* *Hậu trường Chính trị Miền Nam* cuốn 2, 1954-75 (770 tr.) của Đặng văn Nhâm $25.00
* *Tôn vinh cuộc chiến đấu thần thánh của Q.L.V.N.C.H.* (225 tr.) của Phạm Kim Vinh $18.00
* *Cách sử dụng Windows 98* (464 tr.) sách thực dụng điện toán, V.N. Guide Ed. $16.00
* *Sống hạnh phúc chết bình an* (198 tr.) bestseller năm 2000 của Đức Đạt Lai Lạt Ma $15.00
* *Văn phạm Anh ngữ Thực hành* (598 tr.) của Trần văn Điền mới soạn lại năm 1999, $20.00
* *Tự học Computer* (2 videos) để học điện toán bằng video cho dễ hiểu dễ nhớ $14.00
* *Tự học Internet 1* (2 videos) bestseller video dạy sử dụng liên mạng dễ dàng $14.00
* *Mùi hương quế* (322 tr.) tập truyện đầu tay xuất sắc của Dương Như Nguyện $14.00
* *Hồ Xuân Hương Tác phẩm* (272 tr.) biên khảo công phu & giá trị của Nguyễn Ngọc Bích $20.00
* *Khoảng tối nhìn lên* (267 tr.) hồi ký chiến trường nóng bỏng của Đào Đức Bảo $15.00
* *Đạo lý cho thiên niên kỷ mới* (281 tr.) của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Linh Thụy phiên dịch $13.00

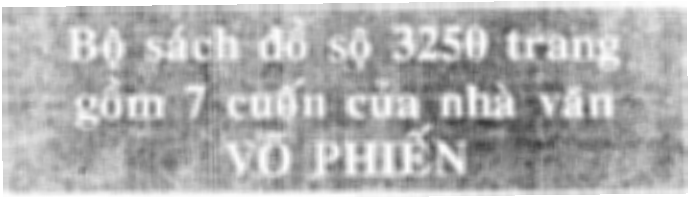

1. VĂN HỌC MIỀN NAM, Tổng Quan 18MK
(tái bản lần 3, bổ sung, cập nhật nhiều tài liệu mới)
2. VĂN HỌC MIỀN NAM, Truyện I 18MK
16 tác giả, phê bình và trích văn
3. VĂN HỌC MIỀN NAM, Truyện II 18MK
18 tác giả, phê bình và trích văn
4. VĂN HỌC MIỀN NAM, Truyện III 18MK
16 tác giả, phê bình và trích văn
5. VĂN HỌC MIỀN NAM, Ký 18MK
22 tác giả, phê bình và trích văn
6. VĂN HỌC MIỀN NAM, Kịch và Tùy Bút 18MK
14 tác giả, phê bình và trích văn
7. VĂN HỌC MIỀN NAM, Thơ 18MK
32 tác giả, phê bình và trích thơ

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 934-8574
Fax (714) 934-8514
E-Mail: **vannghe@pacbell.net**

SÁCH MỚI BÁN TẠI NHÀ SÁCH VĂN NGHỆ

NHAN SẮC 10MK
truyện, (tái bản) Dương Nghiễm Mậu

GIAI THOẠI THIỀN SƯ 10MK
Lâm Thanh Huyền, Phạm Huệ dịch

BÔNG HỒNG VÀNG 15MK
Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 13MK
Cuộc chiến Miên-Việt, Hoa-Việt 1997
biên khảo Hoàng Dung

NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN 16MK
Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, Lý Hồng Xuân luận bình

TRẦM TƯ 7MK
danh ngôn Võ Hồng

KHUNG RÊU 15MK
truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
Nguyễn Thị Thụy Vũ
(tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)

THE LOVER'S GIFT - Tặng vật của tình nhân 8MK
Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ của Bùi Bảo Trúc

CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
tiểu luận Nguyễn Minh Cần

RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
18 chuyện văn nghệ, Võ Đình

MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
Huỳnh Hữu Ủy

Nhà xuất bản Văn Nghệ
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Phone (714) 934-8574

Thơ
ngã hạnh
những con đường
không về lại
nhớ
Khao
xuất bản
ra mắt vào lúc 7:30 pm
ngày 30 tháng 9. năm 2000
hội quán Thủy Dương
Westminster. Ca

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuy
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẽo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
TIến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga
Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả
Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú
Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627

Xin giới thiệu:

TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỤ 67 TÁC GIẢ

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện

VĂN MỚI xuất bản tháng 4 năm 2000

Bìa Nguyễn Trọng Khôi

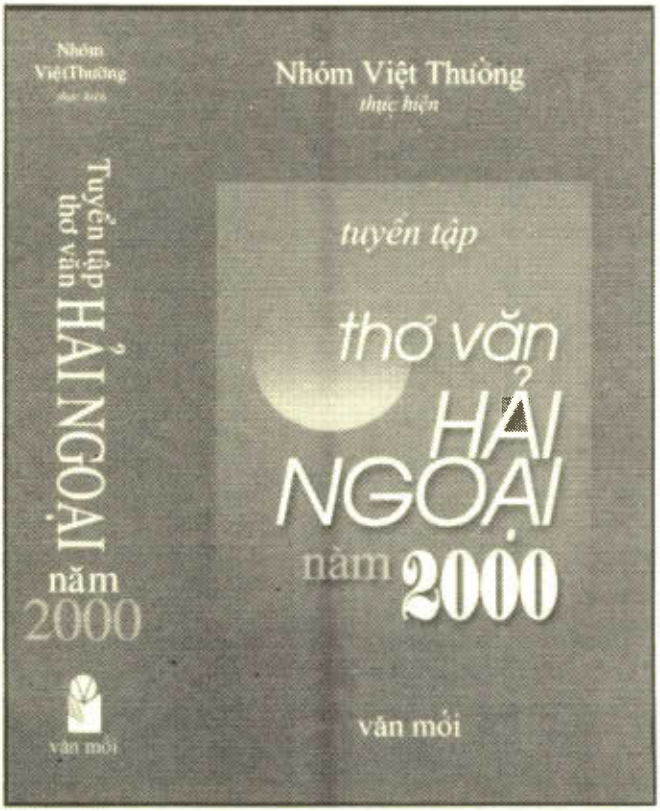

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO
9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel (714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

SÁCH MỚI NĂM 2000

• TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
Hội luận về tôn giáo – Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: triết gia ***Jean-Francois Revel*** (cha) và nhà bác học-tăng sĩ ***Matthieu Ricard*** (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. ***Linh Thụy*** chuyển ngữ.

• CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
tiểu luận ***Nguyễn Minh Cần***

• GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***

• MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
truyện ***Dương Như Nguyện***

• RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
18 chuyện văn nghệ, ***Võ Đình***

• MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
Huỳnh Hữu Ủy

• BÔNG HỒNG VÀNG 15MK
Konstantin Paustovsky, Vũ Thư Hiên dịch

• GIAI THOẠI THIỀN SƯ 10MK
Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch

• NHAN SẮC 10MK
truyện ***Dương Nghiễm Mậu***

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

• CHUYỆN KỂ NĂM 2000 (toàn tập) 20MK
Ấn bản Thời Mới Canada

Độc giả trong nước Mỹ muốn nhận được CKN 2000 mau trong 3, 4 ngày xin gởi thêm $3.20 + $20 = $23.20.
Sách sẽ gởi theo Priority Mail

Giá:$4.00